

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ LINH

SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ
PHI CHÍNH THỨC TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ LINH

SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ
PHI CHÍNH THỨC TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số: 9310301.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Huyền
- GS.TS. Hoàng Bá Thịnh

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận án này là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Linh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ CÁI VIẾT TẮT 6

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ/MÔ HÌNH..... 7

MỞ ĐẦU 10

1. Tính cấp thiết của đề tài 10

2. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu..... 12

3. Mục đích nghiên cứu..... 13

4. Nhiệm vụ nghiên cứu..... 13

5. Câu hỏi nghiên cứu..... 13

6. Giả thuyết nghiên cứu 14

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu..... 15

8. Kết cấu của luận án..... 16

**Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI
LUẬN ÁN..... 17**

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến sinh kế của người lao động.....17

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về sinh kế, sinh kế bền vững.....17

1.1.2. Nghiên cứu về chỉ số sinh kế19

1.1.3. Nghiên cứu về chiến lược sinh kế.....21

1.2. Các nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức
trong bối cảnh đại dịch Covid-19.....24

1.2.1. Hướng nghiên cứu về lao động - việc làm của người lao động ở khu vực kinh
tế phi chính thức trong bối cảnh dịch Covid-19.....24

1.2.2. Hướng nghiên cứu về thu nhập của lao động khu vực kinh tế phi chính thức
trong bối cảnh dịch Covid-19.....34

1.2.3. Hướng nghiên cứu về tác động của đại dịch Covid-19 tới một số nhóm lao động
dễ bị tổn thương39

1.2.4. An ninh lương thực của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức dưới
tác động của đại dịch Covid-19.....41

1.3. Đánh giá chung về những thành tựu nghiên cứu mà luận án kế thừa và những

khoảng trống mà luận án cần đi sâu nghiên cứu	45
1.4 Tiểu kết chương 1	46
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	47
2.1. Dẫn nhập	47
2.2. Cơ sở lý luận	48
2.2.1. Các khái niệm công cụ	48
2.2.2. Một số lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu	54
2.2.3. Khung phân tích luận án	59
2.2.4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.....	61
2.3. Địa bàn nghiên cứu	64
2.4. Phương pháp nghiên cứu của luận án	65
2.4.1. Phương pháp phân tích tài liệu.....	65
2.4.2. Phương pháp phỏng vấn sâu	66
2.4.3. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi.....	67
2.5. Tiểu kết chương 2	70
Chương 3: THỰC TRẠNG TÀI SẢN SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19	71
3.1. Dẫn nhập	71
3.2. Vốn tự nhiên của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19.....	72
3.2.1. Thực trạng và sự thay đổi vốn tự nhiên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội trong đại dịch Covid-19.....	72
3.2.2. Nguyên nhân của sự thay đổi vốn tự nhiên của lao động khu vực kinh tế phi chính thức	74
3.3. Vốn vật chất của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	75
3.3.1. Nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19 ...	76
3.3.2. Phương tiện đi lại của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	80

3.3.3. Xưởng sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	85
3.3.4. Máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	88
3.4. Vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19.....	91
3.4.1. Vốn tài chính phục vụ cho đầu tư để tạo sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19	91
3.4.2. Khả năng tiếp cận vốn tài chính phục vụ cho việc đầu tư để tạo sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19.....	96
3.5. Vốn con người của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	103
3.5.1. Sức khỏe thể chất của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19.....	103
3.5.2. Sức khỏe tinh thần của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19.....	110
3.5.3. Kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	117
3.6. Vốn xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19.....	123
3.6.1. Thực trạng mối quan hệ gia đình những thay đổi của mối quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	123
3.6.2. Thực trạng mối quan hệ xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	127
3.7. Tiểu kết chương 3	132
Chương 4: CHIẾN LƯỢC SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH Covid-19.....	135
4.1. Dẫn nhập	135
4.2. Thực trạng việc vận dụng linh hoạt các loại vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19	136

4.2.1. Vận dụng vốn tự nhiên để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.....	137
4.2.2. Vận dụng vốn vật chất để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức	140
4.2.3. Vận dụng vốn tài chính để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.....	150
4.2.4. Vận dụng vốn con người để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.....	152
4.2.5. Vận dụng vốn xã hội để tạo dựng sinh kế và chấp nhận gián đoạn sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức	153
4.3. Thực trạng việc phát huy các loại vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức để chuyển đổi việc làm nhằm thích ứng với đại dịch Covid-19	160
4.4. Tiểu kết chương 4	163
Chương 5: KẾT QUẢ SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19.....	166
5.1. Dẫn nhập	167
5.2. Kết quả sinh kế trên phương diện thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	168
5.2.1. Thực trạng và sự thay đổi về thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	168
5.2.2. Nguyên nhân của sự biến đổi về thu nhập của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	172
5.3. Kết quả sinh kế trên phương diện tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	175
5.3.1. Thực trạng và sự biến đổi về tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	175
5.3.2. Nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi về tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	177
5.4. Kết quả sinh kế trên phương diện ổn định việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	181

5.4.1. Thực trạng và sự thay đổi về việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	181
5.4.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về việc làm của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	185
5.5. Kết quả sinh kế qua mức độ hài lòng đối với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	187
5.5.1. Thực trạng và sự thay đổi về mức độ hài lòng với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	187
5.5.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về mức độ hài lòng về việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19	190
5.6. Tiểu kết chương 5	193
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	196
1. Kết luận	196
2. Khuyến nghị	198
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	200
TÀI LIỆU THAM KHẢO	201
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ CÁI VIẾT TẮT

DFID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (Department for International Development)
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (Food and Agriculture Organization)
GSO	Cơ quan Thống kê Quốc gia (General Statistics Office of Vietnam)
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization)
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (United Nations Development Programme)

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ/MÔ HÌNH

Bảng 3.1. Số xe máy mà gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu trước và sau đại dịch Covid-19 (đvt: chiếc).....	81
Biểu 3.1. Biến động về vốn tài chính phục vụ cho đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%).....	93
Biểu 3.2. Khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sau đại dịch Covid-19 so với trước khi đại dịch bùng phát (%)	98
Biểu 3.3. Đánh giá của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về sức khỏe thể chất trước, trong và sau dịch Covid-19 (%)	104
Biểu 3.4. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về sức khỏe thể chất so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%).....	106
Biểu 3.5. Đánh giá của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về sức khỏe tinh thần trước, trong và sau dịch Covid-19 (%)	111
Biểu 3.6. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về sức khỏe tinh thần so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%).....	113
Biểu 3.7. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%).....	119
Biểu 3.8. Mối quan hệ gia đình của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong và sau đại dịch Covid-19 (%)	124
Biểu 3.9. Mối quan hệ vợ chồng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong và sau đại dịch Covid-19 (%)	125
Biểu 3.10. Tỷ lệ lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tham gia các tổ chức xã hội trước, trong và sau đại dịch Covid-19 (%).....	128
Bảng 3.2 Kết quả mô hình hồi quy Binary Logistic về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng duy trì điều kiện sống của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sau đại dịch Covid-19.....	131
Biểu 4.1. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng nhà ở để tạo dựng sinh kế trước, trong và sau đại dịch Covid-19 (%)	142

Biểu 4.2. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng xe máy làm phương tiện tạo dựng sinh kế (%).....	145
Biểu 4.3. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng vốn tài chính để tạo dựng sinh kế (%).....	151
Biểu 4.4. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động để tạo dựng sinh kế.....	152
Biểu 4.5. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng quan hệ gia đình để tạo dựng sinh kế (%)	154
Biểu 4.6. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng quan hệ xã hội để tạo dựng sinh kế (%)	154
Biểu 4.7. Số giờ làm việc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%)	156
Biểu 4.8. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có dựa vào vốn xã hội để chấp nhận gián đoạn sinh kế trong đại dịch Covid-19 (%).....	157
Biểu 4.9. Các loại tài sản (vốn) sinh kế được người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng để chuyển đổi việc làm trong đại dịch Covid-19 (%)	161
Biểu 5.1. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có nguồn thu từ các chiến lược sinh kế trước, trong giai đoạn Covid-19 và giai đoạn bình thường mới (%)..	169
Biểu 5.2. Biến đổi về thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%)	170
Biểu 5.3. Tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thu nhập giảm sút so với trước đại dịch Covid-19 (%).....	171
Biểu 5.4. Nguyên nhân của sự biến đổi thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%).....	173
Biểu 5.5. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tài sản tích lũy trước, trong và sau đại dịch Covid-19 (%)	176
Biểu 5.6. Biến động về tiền tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức thời điểm sau đại dịch so với trước đại dịch Covid-19 (%)	178
Biểu 5.7. Việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong và sau giai đoạn Covid-19 (%).....	181

Biểu 5.8. Tình trạng việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sau đại dịch Covid-19 so với trước khi xuất hiện đại dịch (%).....	183
Biểu 5.9. Nguyên nhân khiến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức thay đổi việc làm so với trước đại dịch Covid-19 (%).....	185
Biểu 5.10. Mức độ hài lòng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước Covid-19 (%).....	188
Biểu 5.11. Mức độ hài lòng đối với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%).....	189
Biểu 5.12. Nguyên nhân khiến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không hài lòng với việc làm của họ sau đại dịch Covid-19 (%).....	191

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đánh giá đại dịch Covid-19 là “cuộc khủng hoảng toàn cầu tồi tệ nhất kể từ sau Thế chiến thứ II”. Đại dịch diễn ra trong nhiều tháng với quy mô rộng lớn trên phạm vi toàn cầu, lan rộng đến 215 quốc gia và vùng lãnh thổ, WHO ước tính đã có 15 triệu người trên thế giới đã chết vì Covid-19 [David Adam, 2022]. Ở Việt Nam, Covid-19 tạo ra 4 làn sóng lớn sâu rộng trên toàn quốc với gần 1,7 triệu người nhiễm SARS-CoV-2 và hơn 31 nghìn người tử vong [Hong Minh, Viet Anh và các cộng sự, 2023]. Tính đến tháng 12 năm 2020, cả nước có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập,... Trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập, 39,9% phải giảm giờ làm/nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên và 14,0% buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh [Tổng cục Thống kê, 2021d, tr.1]. Trong những đối tượng lao động bị mất việc làm, giảm thu nhập,... như trên, chiếm tỷ trọng rất lớn là những người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là những người làm các công việc mà theo luật định hoặc trên thực tế không được pháp luật lao động bảo vệ, không phải đóng thuế thu nhập hoặc không được hưởng các chế độ bảo trợ xã hội và chế độ việc làm khác. Họ thường có việc làm bấp bênh, thiếu ổn định, thu nhập thấp, thời gian làm việc dài; không có hợp đồng lao động hoặc có nhưng không được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, không được chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác. Đói nghèo, hạn chế về năng lực, kiến thức và điều kiện kinh tế là những đặc trưng có thể dễ dàng quan sát được từ những người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Với những đặc điểm rất dễ bị tổn thương nêu trên, người lao động khu vực phi chính thức là những đối tượng chịu nhiều thiệt thòi trong đại dịch Covid-19. Ước tính có 1,25 tỷ lao động, chiếm 38% lực lượng lao động toàn cầu đang làm việc trong các lĩnh vực phải đối diện với sự sụt giảm trầm trọng về sản lượng, nguy cơ cao bị sa thải, bao gồm các ngành: thương mại bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống và sản xuất [Lê

Thị Thanh Bình, 2021]. Việc đóng cửa, hạn chế và giảm hoạt động kinh tế đã có những tác động nghiêm trọng đến các lĩnh vực chủ yếu sử dụng lao động phi chính thức, chẳng hạn như bán hàng rong, giúp việc gia đình và xây dựng. Người lao động khu vực phi chính thức phải đối mặt với tình trạng mất thu nhập, thất nghiệp và giảm khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu, đẩy họ lún sâu hơn vào cảnh nghèo đói, suy kiệt sức khỏe thể chất và tinh thần,...

Với vị trí là trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước, Hà Nội là nơi tập trung một lượng lớn lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Theo thống kê, tỷ lệ mất việc làm của người lao động phi chính thức khu vực đồng bằng sông Hồng, trong đó bao gồm thành phố Hà Nội đã tăng từ 0,89 điểm % năm 2019 lên 1,60 điểm % năm 2020 và 1,98 điểm % năm 2021, tức là trong hai năm thời kỳ đại dịch Covid-19 [Tổng cục Thống kê, 2022a]. Không chỉ vấn đề lao động, việc làm, thu nhập, tích lũy,... của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức bị giảm sút mà các vốn phục vụ hoạt động sinh kế của họ cũng bị uy hiếp trong đại dịch.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trên phạm vi toàn cầu, khu vực kinh tế phi chính thức đã trở thành một trong những khu vực chịu tác động nghiêm trọng và trực tiếp nhất. Họ phải đối mặt với nhiều cú sốc sinh kế trong suốt thời gian diễn ra đại dịch. Thực tiễn đó đặt ra hàng loạt câu hỏi nghiên cứu mang tính lý luận và thực tiễn: các loại vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người, vốn xã hội) đã biến đổi như thế nào dưới tác động của đại dịch Covid-19? Hoạt động sinh kế của họ đã bị gián đoạn, thu hẹp hay tái cấu trúc ra sao? Trước những cú sốc chưa từng có, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã vận dụng những nguồn lực nào và áp dụng những chiến lược, biện pháp ứng phó nào để duy trì sinh kế và đảm bảo đời sống?

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn thực hiện đề tài luận án “Sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hà Nội)”. Việc lựa chọn Hà Nội - một đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả nước - không chỉ phản ánh rõ nét quy mô và tính đa dạng của khu vực kinh tế phi chính thức, mà còn cho phép nhận diện sâu sắc những tác động đa chiều của đại dịch đối với sinh kế người lao động trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và thị trường lao động có nhiều phân tầng.

Mặc dù đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát và dần lùi xa trong đời sống xã hội, song những hệ quả của nó đối với sinh kế, việc làm và an sinh xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn còn giá trị nghiên cứu lâu dài. Việc nhìn lại đại dịch không chỉ nhằm mô tả một giai đoạn khủng hoảng đã qua, mà quan trọng hơn là góp phần bổ sung cơ sở lý luận về sinh kế bền vững trong điều kiện rủi ro, bất định và khủng hoảng xã hội, qua đó làm rõ khả năng chống chịu và tính dễ bị tổn thương của khu vực kinh tế phi chính thức trong các cú sốc lớn.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp những bằng chứng khoa học có giá trị cho việc xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách lao động - việc làm và an sinh xã hội, đặc biệt là đối với nhóm lao động phi chính thức - nhóm lao động chiếm tỷ trọng lớn nhưng vẫn còn đứng ngoài nhiều cơ chế bảo vệ chính thức. Những phân tích từ nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa trong việc rút ra bài học ứng phó với đại dịch Covid-19, mà còn góp phần định hướng các giải pháp chính sách nhằm nâng cao năng lực thích ứng sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước các rủi ro tương tự trong tương lai, như dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, hay các biến động xã hội khác.

2. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đại diện chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại Hà Nội.

2.3. Phạm vi nghiên cứu

2.3.1. Phạm vi về không gian

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2.3.2. Phạm vi thời gian

Luận án được triển khai trong thời gian từ năm 2020-2023. Thông tin khảo sát được thực hiện vào năm 2022.

2.3.3. Phạm vi nội dung

Luận án nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Phân tích thực trạng các vốn sinh kế, cách ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

3. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá một cách toàn diện thực trạng các loại vốn sinh kế và hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19, đồng thời phân tích những biến đổi và thách thức sinh kế mà nhóm lao động này phải đối mặt. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất một số khuyến nghị và hàm ý chính sách nhằm củng cố, phục hồi và tăng cường sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, góp phần hoàn thiện chính sách an sinh xã hội và phát triển sinh kế bền vững trong điều kiện khủng hoảng và hậu khủng hoảng.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án để xác định khoảng trống nghiên cứu và luận giải các phương pháp nghiên cứu được thực hiện trong đề tài.

Thứ hai, hệ thống hóa, làm rõ, xác lập cơ sở lý luận trong nghiên cứu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Thứ ba, tìm hiểu thực trạng các vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và hoạt động sinh kế, kết quả sinh kế của họ cũng như cách thức người lao động khu vực kinh tế phi chính thức ứng phó với đại dịch Covid-19.

Thứ tư, đề xuất một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến các loại vốn sinh kế (vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người, vốn xã hội) của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức như thế nào?

- Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã lựa chọn và triển khai những chiến lược sinh kế nào trong quá trình ứng phó với đại dịch Covid-19, và các chiến lược này có sự khác biệt ra sao giữa các nhóm lao động?

- Các biện pháp ứng phó với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là gì? Các biện pháp này có mối liên hệ như thế nào với các loại vốn sinh kế, chiến lược sinh kế mà họ sở hữu và có kết quả như thế nào?

- Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như thế nào trong đại dịch Covid-19?

6. Giả thuyết nghiên cứu

- Đại dịch Covid-19 làm suy giảm đáng kể các loại vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, trong đó vốn tài chính và vốn xã hội chịu tác động mạnh hơn so với các loại vốn sinh kế khác. Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có trình độ học vấn và kỹ năng nghề cao hơn chịu mức suy giảm vốn con người thấp hơn trong đại dịch Covid-19. Người lao động có mạng lưới quan hệ xã hội rộng và đa dạng có khả năng duy trì vốn xã hội tốt hơn trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

- Trong đại dịch Covid-19, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có xu hướng chuyển đổi và đa dạng hóa chiến lược sinh kế nhằm thích ứng với sự gián đoạn của thị trường lao động. Trong đó, người lao động sở hữu mức vốn sinh kế cao hơn có khả năng lựa chọn các chiến lược sinh kế linh hoạt và ít rủi ro hơn so với những người có mức vốn sinh kế thấp. Sự khác biệt về giới tính, độ tuổi và loại hình việc làm phi chính thức dẫn đến sự khác biệt đáng kể trong chiến lược sinh kế được lựa chọn trong đại dịch Covid-19.

- Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chủ yếu dựa vào các biện pháp ứng phó phi chính thức (tự điều chỉnh sinh kế, huy động mạng lưới xã hội, tiết giảm chi tiêu) hơn là các cơ chế hỗ trợ chính thức trong đại dịch Covid-19. Người lao động có vốn xã hội và vốn tài chính cao hơn có khả năng ứng phó hiệu quả hơn với các cú sốc sinh kế do đại dịch Covid-19 gây ra.

- Việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước có tác động tích cực đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, song mức độ tiếp cận còn hạn chế và không đồng đều giữa các nhóm lao động.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

7.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ thêm cơ sở lý luận về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh khủng hoảng xã hội, cụ thể là đại dịch Covid-19, dưới góc nhìn xã hội học. Thông qua việc vận dụng khung sinh kế bền vững, luận án không chỉ làm rõ cấu trúc và đặc điểm của các loại vốn sinh kế (vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người, vốn xã hội), mà còn phân tích mối quan hệ động giữa vốn sinh kế, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong điều kiện rủi ro và bất định.

Trên cơ sở các phân tích thực nghiệm, luận án góp phần bổ sung một số vấn đề lý luận về sự biến đổi của sinh kế trong bối cảnh khủng hoảng, qua đó làm rõ tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước các cú sốc lớn như đại dịch Covid-19. Nghiên cứu cho thấy sinh kế không phải là trạng thái tĩnh, mà là một quá trình thích ứng linh hoạt, trong đó các loại vốn sinh kế có sự tái cấu trúc, chuyển đổi và tương tác lẫn nhau dưới tác động của các yếu tố bối cảnh và thể chế.

Bên cạnh đó, luận án đóng góp vào việc mở rộng cách tiếp cận xã hội học về khu vực kinh tế phi chính thức, khi đặt sinh kế của người lao động trong mối quan hệ với các cấu trúc xã hội, mạng lưới quan hệ, thể chế chính sách và bối cảnh đô thị. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm rõ hơn vai trò của các chiến lược sinh kế phi chính thức và cơ chế hỗ trợ ngoài chính thức trong việc duy trì và phục hồi sinh kế của người lao động trong điều kiện khủng hoảng.

Những kết quả lý luận từ luận án không chỉ có giá trị trong việc lý giải tác động của đại dịch Covid-19, mà còn có ý nghĩa khái quát cho việc nghiên cứu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong các bối cảnh rủi ro tương tự như giai đoạn đại dịch Covid-19. Qua đó, luận án góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho việc phát triển các nghiên cứu liên ngành về sinh kế, lao động và an sinh xã hội trong điều kiện biến đổi và bất định ngày càng gia tăng của xã hội đương đại.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp những bằng chứng thực nghiệm có hệ thống về các biện pháp và chiến lược ứng phó sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19, qua đó làm rõ những khó khăn, mức độ dễ bị tổn thương cũng như khả năng thích ứng và phục hồi sinh kế của nhóm lao động này trước các cú sốc lớn về kinh tế - xã hội. Các kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ khoa học quan trọng cho các nhà hoạch định và thực thi chính sách trong việc xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội theo hướng bao trùm hơn đối với khu vực kinh tế phi chính thức, không chỉ trong bối cảnh hậu đại dịch Covid-19 mà còn trong các tình huống rủi ro tương tự trong tương lai. Đồng thời, luận án có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các lĩnh vực xã hội học, công tác xã hội và chính sách xã hội, cũng như cho các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc thiết kế và triển khai các chương trình hỗ trợ sinh kế phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mục lục, danh mục bảng, biểu, hình, phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành năm chương chính. Chương 1 trình bày tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, qua đó làm rõ khoảng trống nghiên cứu và định hướng tiếp cận của luận án. Chương 2 tập trung làm rõ cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu, bao gồm các khái niệm, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án. Chương 3 phân tích thực trạng các loại vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, Chương 4 tiếp tục làm rõ chiến lược sinh kế và Chương 5 phân tích kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những tác động của đại dịch Covid-19.

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Các công trình nghiên cứu về sinh kế, trong đó có sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khá nhiều. Đây là lĩnh vực nghiên cứu quan trọng, được các nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm khảo cứu, nhằm gợi mở những hàm ý chính sách đối với nhóm đối tượng rất đặc biệt này. Trong khuôn khổ đề tài luận án *Sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh dịch Covid-19 (nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hà Nội)*, nghiên cứu sinh tập trung phân tích tổng quan theo hai nội dung lớn gồm các công trình nghiên cứu có liên quan đến sinh kế của người lao động và các nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Cụ thể như sau:

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến sinh kế của người lao động

Trong nhiều năm trở lại đây, chủ đề sinh kế đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học đến từ các lĩnh vực xã hội học, kinh tế và quản lý. Trong phạm vi nội dung nghiên cứu luận án, nghiên cứu sinh giới thiệu tổng quan một số công trình nghiên cứu cơ bản, nổi bật về vấn đề này sắp xếp theo các hướng tiếp cận của các tác giả theo trình tự thời gian.

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về sinh kế, sinh kế bền vững

Trong luận án tiến sĩ *Biến đổi sinh kế của người Dao di cư tự do tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk*, tác giả Đào Thanh Thái đã đưa ra những vấn đề về sinh kế của người Dao tại Cư M'gar. Tác giả cho rằng sinh kế của người Dao tại địa bàn nghiên cứu là một tập hợp của các vốn và khả năng của con người kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ sẽ thực hiện để không những kiếm sống mà còn đạt đến mục tiêu đa dạng hơn. Hay nói cách khác, sinh kế của một hộ gia đình hay một cộng đồng còn được gọi là kế sinh nhai của hộ gia đình hay cộng đồng đó [Đào Thanh Thái, 2015, tr.34]

Trên cơ sở khung lý thuyết về sinh kế và biến đổi sinh kế của DFID, tác giả Trần Văn Bình đã đưa ra một quan niệm và hướng nghiên cứu tương đối toàn diện về sinh kế và biến đổi sinh kế. Tác giả đã nhấn mạnh đến việc kết hợp các hoạt động trong quá trình sử dụng các vốn để đảm bảo cuộc [Trần Văn Bình, 2015, tr.53].

Năm 2017, các tác giả Heyuan You và Xiaoling Zhang trong *Sustainable livelihoods and rural sustainability in China: Ecologically secure, economically efficient or socially equitable* đã sử dụng 16 chỉ tiêu để tính toán các trọng số theo phương pháp toán vector. Kết quả cho thấy sự khác nhau về mức độ bền vững ở 3 khía cạnh sinh thái, hiệu quả kinh tế và cập nhật xã hội của 31 tỉnh là khác nhau [Heyuan You và Xiaoling Zhang, 2017, tr.1-13].

Nghiên cứu của Doreen S. Nakiyimba năm 2014 mang tên *Poverty reduction and sustainability of rural livelihoods through microfinance institutions, A case of BRAC Microfinance, Kakondo sub-county Rakai district Uganda* về tính bền vững của sinh kế nông thôn thông qua các tổ chức tài chính vi mô tại huyện Kakondo quận Rakai Uganda đã nêu rằng tài chính vi mô được coi là một trong những cơ chế, giải pháp giảm nghèo ở các nước nghèo hiện nay. Nghiên cứu này đã đặt mục tiêu tìm ra ảnh hưởng của tài chính vi mô đối với sinh kế của phụ nữ ở quận Kakondo, huyện Rakai ở Uganda. Để tìm ra ảnh hưởng của tài chính vi mô tới sinh kế, một nhóm khách hàng là nữ giới đã được phỏng vấn. Kết quả khảo sát cho thấy sinh kế của người dân sau khi có được tín dụng tài chính vi mô là rất thành công, tuy nhiên không phải tất cả số người được khảo sát đã sử dụng hiệu quả tín dụng tài chính vi mô, sự kém hiệu quả này một phần do kiến thức, kỹ năng và mục đích đầu tư, một phần do lãi suất vay cao, có những phụ nữ phải thế chấp tài sản do không có khả năng thanh toán đúng hạn. Qua đó nghiên cứu chỉ ra rằng nếu thời hạn vay được dịch chuyển, linh động hơn thì người dân sẽ có thêm thời gian kiếm tiền để trả nợ. Sự điều chỉnh này sẽ giúp người vay có thể đạt được những ảnh hưởng tích cực từ tài chính vi mô, do đó dẫn đến bền vững về sinh kế [Doreen S. Nakiyimba, 2014].

Các tác giả Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Huy Thắng trong *Sinh kế bền vững cho cư dân ven bờ vịnh Bắc bộ - Thực trạng và giải pháp* phạm vi nghiên cứu 3 tỉnh duyên hải là Thanh Hóa, Khánh Hòa và Sóc Trăng đã cho thấy thực trạng sinh kế,

những rủi ro sinh kế tạm thời và khả năng chuyển đổi sinh kế của cộng đồng cư dân ven biển [Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Huy Thắng, 2011].

Tác giả Bùi Văn Tuấn trong tác phẩm *Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa* đã khẳng định sinh kế, sinh kế bền vững có vai trò quan trọng đối với cộng đồng dân cư trong quá trình đô thị hóa. Trên cơ sở tiếp cận khung sinh kế bền vững, bài viết phân tích một số vấn đề lý luận về sinh kế và vận dụng nghiên cứu sinh kế của cộng đồng dân cư vùng ven đô trong quá trình đô thị hóa qua trường hợp quận Bắc Từ Liêm, xác định những nhân tố thuận lợi và cản trở hộ gia đình tiếp cận các vốn phát triển sinh kế [Bùi Văn Tuấn, 2015, tr.96-108].

Năm 2018, tác giả Nguyễn Xuân Hòa nghiên cứu về sinh kế của người Sán Dìu ở vùng đệm Vườn quốc gia Tam Đảo, tác giả đã chỉ ra nguồn thu của người Sán Dìu từ 6 từ các hoạt động sinh kế gồm: (1) ruộng, (2) vườn nhà, (3) vườn rừng, (4) thu nhập từ hoạt động chăn nuôi gia súc, (5) chăn nuôi gia cầm, (6) thu từ khai thác tự nhiên, tổng thu bình quân của một hộ gia đình là 12,5 triệu đồng vào năm 2016 [Nguyễn Xuân Hòa, 2018].

Tác giả Phan Xuân Lĩnh trong *Sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk* cũng xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk gồm ba thành phần chính: nguồn vốn sinh kế làm trung tâm chịu tác động của thể chế, chính sách và các thách thức về tính bền vững (kinh tế, môi trường, xã hội). Chiến lược sinh kế được đề cập gồm: nông nghiệp, phi nông nghiệp, đa dạng hóa [Phan Xuân Lĩnh, 2015].

1.1.2. Nghiên cứu về chỉ số sinh kế

Các đánh giá sinh kế bền vững theo chỉ số đầu tiên được CARE ở Ấn Độ và Sri Lanka sử dụng từ năm 1995 đến 1997. Đến nay, chỉ số này được nhiều nghiên cứu sử dụng để đánh giá như: Suresh Kumara & A. Raizadaa & H. Biswasa [Suresh Kumar, A Raizada & H. Bismas, 2014], Lindenberg [Lindenberg, M., 2002], Saijad, H. và cộng sự [Saijad, H., Nasreen, I., 2016]. Chỉ số đo lường dựa trên năm khía cạnh: an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an toàn sức khỏe, an ninh giáo dục và phân quyền [Lindenberg, 2002], việc phát triển các thành phần của chỉ số được sử dụng như nghiên cứu của Hahn et al. (2009) [Hahn M B, Riederer A M & Foster S O., 2009].

Các tác giả Akter.S., Rahman. S. trong bài *Investigating Livelihood Security in Poor Settlements in Bangladesh* cho rằng các vấn đề về an ninh kinh tế, thực phẩm, dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, trao quyền, an toàn môi trường... ảnh hưởng đến khả năng đo lường mức bền vững của sinh kế. Mỗi chỉ số được đo trên quy mô khác nhau và được tiêu chuẩn hóa theo cách tiếp cận đo lường khác nhau [Akter.S., Rahman. S., 2012].

Năm 2016, các tác giả Haroon Sajjad và I. Nasreen trong bài *Assessing farm-level agricultural sustainability using site-specific indicators and sustainable livelihood security index: Evidence from Vaishali district* đã nghiên cứu đánh giá mức độ bền vững trong nông nghiệp dựa trên 3 tiêu chí: an ninh sinh thái, hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội với 15 chỉ tiêu. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích tương quan và hồi quy Pearson để xác định mức độ liên kết giữa chỉ số an ninh sinh kế bền vững với các chỉ số thành phần. Kết quả cho thấy, mối tương quan giữa SLSI và chỉ số hiệu quả kinh tế là rất cao; giữa SLSI và chỉ số công bằng xã hội là quan trọng và cao. Phân tích hồi quy hệ số beta của hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội ở mức 99%. Giá trị của R² trong hiệu quả kinh tế cao nhất (0,829) theo sau là công bằng xã hội (0,759). Vì vậy, có thể kết luận rằng an ninh sinh kế bền vững của nông dân phụ thuộc nhiều hơn vào hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội [Saijad, H., Nasreen, I., 2016, tr.72].

Năm 2010, tập thể tác giả Pramod K. Singh, B.N. Hiremath trong tác phẩm *Sustainable livelihood security index in a developing country: A tool for development planning* xác định chỉ số dựa trên 3 tiêu chí: an ninh sinh thái, hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Trong đó, (1) an ninh sinh thái gồm: độ che phủ rừng, chất lượng nước, tiềm năng tăng thêm, thói quen và tiềm năng tái tạo nước ngầm; (2) hiệu quả kinh tế: tổng sản lượng lương thực có hạt (kg/ha); sản lượng sữa trên một vật nuôi (kg/ngày), tỷ lệ diện tích gieo lưới (%); (3) công bằng xã hội: tỷ lệ dân số có việc làm (%), tỷ lệ nữ biết chữ (%), tỷ lệ sống của các bà mẹ (%) [Pramod K. Singh, B.N. Hiremath., 2010].

Các tác giả Anisul Haque, M. Shah Alam Khan và Cộng sự trong tác phẩm *Development of a sustainable livelihood security model for storm-surge hazard in the coastal areas of Bangladesh* đã đánh giá chỉ số an ninh sinh kế bền vững của các hộ

gia đình ven biển ở Bangladesh cũng dựa trên 5 thành phần khác nhau: (1) thực phẩm, (2) thu nhập, (3) đời sống & sức khỏe, (4) nhà và tài sản và (5) an ninh nguồn nước [Anisul Haque, M. Shah Alam Khan et al., 2016].

Các tác giả Hahn M B, Riederer A M & Foster S O. trong tác phẩm *The livelihood Vulnerability Index: A pragmatic approach to assessing risks from climate variability and change - A case study in Mozambique* đã xây dựng chỉ số tổn thương sinh kế (LVI) trên cơ sở phân tích những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu, tác giả chỉ ra 8 thành phần gồm: thông tin về dân tộc, nhân khẩu, sức khỏe, mối quan hệ xã hội, thức ăn, nguồn nước, thiệt hại tự nhiên và biến đổi khí hậu với 28 chỉ tiêu đánh giá [Hahn M B, Riederer A M & Foster S O., 2009].

Tác giả Lamichhane. K. trong *Sustainable livelihoods approach in assessment of vulnerability to the impacts of climate change: A study of Chhekampar VCD, Gorkha District of Nepal* đã chỉ ra 44 chỉ tiêu dựa trên 13 thành phần chính thuộc năm nguồn vốn sinh kế. Chỉ số tổn thương là tổng hợp trên 3 chỉ số thành phần (biểu hiện, tính nhạy cảm và chỉ số năng lực thích ứng). Kết quả cho thấy có 8/13 thành phần có chỉ số tổn thương trên 0,5, vốn tài chính tổn thương cao nhất (0,7), vốn con người và vốn tự nhiên có chỉ số tổn thương lớn hơn 0,5. Như vậy, những sinh kế thích ứng với những biến đổi khí hậu sẽ là những sinh kế có ít rủi ro, khả năng bền vững cao hơn những sinh kế khác. Công trình cũng chỉ ra chiến lược đa dạng hóa sinh kế là phương pháp tốt nhất để hạn chế rủi ro. Hiện nay, việc sử dụng chỉ số để đo lường sinh kế bền vững được tiếp cận trên nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó việc sử dụng chỉ số an ninh sinh kế bền vững, đây được xem là chỉ số xã hội quan trọng nhất để đánh giá chất lượng cuộc sống, phản ánh đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, đồng thời thể hiện những hạn chế về khả năng tăng phúc lợi và sự phát triển của hộ gia đình [Lamichhane. K., 2010].

1.1.3. Nghiên cứu về chiến lược sinh kế

Các nghiên cứu về chiến lược sinh kế cũng rất đa dạng. Trong đó, nghiên cứu của Shanta Paudel Khatiwada và các cộng sự về *Household Livelihood Strategies and Implication for Poverty Reduction in Rural Areas of Central Nepal*, Sustainability là một nỗ lực nhằm đánh giá chiến lược sinh kế của các hộ gia đình nông thôn, điều tra

mức thu nhập cao và xác định các yếu tố dẫn đến lựa chọn các chiến lược tốt hơn ở nông thôn Nepal. Dữ liệu sơ cấp thu thập được trong 453 hộ gia đình từ 3 thôn của miền trung Nepal được phân tích định lượng trong khuôn khổ sinh kế bền vững. Nghiên cứu này phân loại các hộ gia đình vào các nhóm chiến lược sinh kế chính. Kết quả cho thấy đa số (61%) các hộ đa dạng hóa thu nhập của họ cho các nguồn phi nông nghiệp. Sự đa dạng sinh kế đối với các chiến lược kinh doanh, doanh nghiệp được 16% số hộ áp dụng là chiến lược gần đây nhất với chiến lược thương mại hóa, bao gồm 13% số mẫu và có liên quan đến giảm nghèo. Việc giữ đất, giáo dục, nông nghiệp và đào tạo kỹ năng, tiếp cận tín dụng, với vị trí gần với đường xá và trung tâm thị trường là những yếu tố chủ yếu trong việc áp dụng các chiến lược sinh kế cao hơn. Khuyến khích các hộ nghèo theo các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp theo định hướng thị trường bằng cách cải thiện tiếp cận với giáo dục, đào tạo nghề, tín dụng nông thôn và cơ sở hạ tầng nông thôn là rất quan trọng để giảm nghèo ở các vùng nông thôn miền trung Nepal [Shanta Paudel Khatiwada, Wei Deng, Bikash Paudel, Janak Raj Khatiwada, Jifei Zhang and Yi Su, 2017].

Nghiên cứu về quá trình chuyển đổi phương thức sinh kế của người dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tác giả Ngô Phương Lan trong *Từ Lúa sang Tôm, hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long* đã phác họa lại một bức tranh khá sinh động và sâu sắc về hoạt động sản xuất, mưu sinh của người nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ việc đi sâu tìm hiểu các phương thức mưu sinh mới trong bối cảnh văn hóa, phát triển kinh tế xã hội của vùng, tác giả thấy rằng so với trồng lúa, nuôi tôm là nghề có tính rủi ro cao song người dân đã biết phát huy tốt nguồn vốn xã hội để giảm thiểu rủi ro [Ngô Phương Lan, 2014].

Tác giả Nguyễn Văn Công trong đề tài *Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn sinh kế của hộ nông dân ở tỉnh Bắc Kạn* đã tập trung làm rõ cơ sở lý thuyết về nguồn vốn sinh kế, chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn sinh kế, các nhân tố tác động tới sử dụng vốn sinh kế và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sinh kế của hộ nông dân tỉnh Bắc Kạn [Nguyễn Văn Công, 2016].

Cùng chủ đề trên, tác giả Bùi Thị Minh Hà và Nguyễn Hữu Thọ trong bài *Sử dụng khung sinh kế bền vững để phân tích sinh kế của cộng đồng dân tộc xã Vân Lãng, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên* đã chỉ ra khung sinh kế bền vững là công cụ hữu hiệu trong việc phân tích tổng quát sinh kế của cộng đồng. Để giải quyết vấn đề đói nghèo trước hết cần tập trung vào giải pháp tăng cường đào tạo nghề cho nông dân, cùng với đó là cung cấp dịch vụ tài chính gắn liền với các chủ đề đã được đào tạo [Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ, 2016, tr.145-150].

Tác giả Nguyễn Duy Thắng trong bài viết *Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của công nghiệp hoá* đã hướng vào làm rõ khái niệm vốn xã hội, sử dụng vốn xã hội trong đơn vị hộ gia đình và các điều kiện để sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế. Ngoài nội dung chiến lược sinh kế hộ gia đình, tác giả đề xuất ba nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng lực sử dụng vốn xã hội cho chiến lược sinh kế hộ gia đình ven đô [Nguyễn Duy Thắng, 2007, tr.34-47].

Tác giả Đặng Thị Kim Phụng nghiên cứu sinh kế người dân vùng đệm tại Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát. Khảo sát trên 150 hộ gia đình cho thấy, có 23 hoạt động sinh kế chính, trong đó 5 hoạt động sinh kế nông nghiệp và 18 hoạt động sinh kế phi nông nghiệp. Hoạt động sinh kế chính gồm trồng trọt, chăn nuôi, lao động có hưởng tiền lương [Đặng Thị Kim Phụng, 2007].

Tác giả Nguyễn Đăng Hiệp Phô trong *Tiếp cận lý thuyết khung kế bền vững của DFID trong nghiên cứu sinh kế của người Mạ ở Vườn quốc gia Cát Tiên* cũng đã phân tích điểm mạnh và điểm yếu của 5 nguồn vốn sinh kế: (1) vốn con người gồm: đội ngũ y tế, cơ sở y tế, trình độ văn hóa và học vấn; (2) vốn xã hội: mạng lưới xã hội, quan hệ đoàn thể, quan hệ vay mượn; (3) vốn vật chất: điện, đường, trường, trạm; (4) vốn tài chính gồm trợ cấp... và (5) vốn tự nhiên [Nguyễn Đăng Hiệp Phô, 2016].

Như vậy chỉ số đánh giá mức độ sinh kế bền vững được nhiều tác giả sử dụng và ngày càng hoàn thiện về bộ chỉ tiêu đánh giá dựa trên năm loại vốn. Bên cạnh đó, các nội dung phân tích về kết quả sinh kế cũng được các tác giả đánh giá một cách chi tiết. Nghiên cứu chỉ số cho phép đánh giá một cách tổng hợp, toàn diện các khía cạnh trên nhiều thang đo khác nhau. Tuy nhiên, hạn chế của dạng nghiên cứu này là phần lớn được đo lường

định tính, số câu hỏi hay chỉ tiêu có thể quyết định làm tăng độ tin cậy của thông tin trên quan điểm của các vấn đề liên quan. Mặt khác, các nghiên cứu trên được thực hiện ở nhiều bối cảnh khác nhau với cách tiếp cận phân tích chỉ số khác nhau nên đã dẫn đến việc số lượng các chỉ tiêu lựa chọn có phần khác biệt, chưa thống nhất.

1.2. Các nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 qua khảo sát thực nghiệm tại Hà Nội, nghiên cứu sinh đã tập trung tìm hiểu các công trình nghiên cứu về các khía cạnh có liên quan đến nội dung này. Do các công trình nghiên cứu về người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 chưa thực sự nhiều, nghiên cứu sinh đã hệ thống các công trình này theo các lĩnh vực lĩnh vực lao động - việc làm, thu nhập, tác động của đại dịch tới một số nhóm lao động dễ bị tổn thương và an ninh lương thực của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19. Dưới đây là những phân tích cụ thể:

1.2.1. Hướng nghiên cứu về lao động - việc làm của người lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh dịch Covid-19

Vào tháng 3 năm 2020, sự lây lan của đại dịch coronavirus (Covid-19) đã khiến Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) phải ban bố tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng toàn cầu. Các phản ứng chính sách của chính phủ, bao gồm các biện pháp phong tỏa và tình trạng suy thoái kinh tế do tác động của đại dịch đã gây ra những tác động đặc biệt đến lao động và lao động tự do ở cả các nền kinh tế chính thức và phi chính thức. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng này bao gồm quán bar và nhà hàng; nghệ thuật, giải trí và các nhà cung cấp giải trí khác; các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú và bất động sản cũng như các công ty du lịch và điều hành tour du lịch (ILO, 2020). Đại dịch Covid-19 dường như ảnh hưởng không tương xứng đến những người làm việc phi chính thức, bởi họ thường nhận được ít sự hỗ trợ của chính phủ hơn so với những người làm việc chính thức. Các nghiên cứu cho rằng tỷ lệ thất nghiệp cao có xu hướng bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi Covid-19. Do lệnh phong tỏa, giãn cách xã hội đã tác động mạnh đến hoạt động sinh kế của người lao động trong

khu vực kinh tế phi chính thức, bao gồm việc làm, thu nhập, sức khỏe tâm thần, phúc lợi, giáo dục, dinh dưỡng và bạo lực gia đình [Bear et al., 2020].

Đại dịch Covid-19 đã gây ra cái chết của hơn 5,9 triệu người trên toàn cầu [WHO, 2] và dẫn đến khủng hoảng kinh tế cho hầu hết các quốc gia. Các biện pháp an toàn được thực hiện để hạn chế sự lây lan của vi rút (như kiểm dịch, hạn chế đi lại, đóng cửa các cơ sở giáo dục và kinh doanh, giảm tụ tập công cộng) đã làm gián đoạn các hoạt động kinh tế trên toàn thế giới. Đại dịch được dự đoán sẽ gây hại cho nhóm lao động có thu nhập thấp, đặc biệt là lao động khu vực kinh tế phi chính thức có việc làm dễ bị tổn thương và sức khỏe thấp. Tác động của đại dịch Covid-19 đã khiến 1,6 tỷ người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt với tình trạng mất hoặc giảm việc làm [ILO, 2020a]. Với 60% sụt giảm nghiêm trọng về thu nhập, trong đó 42% là phụ nữ và 32% nam giới lao động phi chính thức, bên cạnh những người thuộc các ngành công nghiệp vi mô (sử dụng dưới 10 người). Sự sụt giảm nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ do đại dịch và các biện pháp hạn chế đã gây ra tình trạng mất việc làm cho những người lao động phi chính thức, những người có sinh kế phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế dựa vào tiêu dùng. Có một số yếu tố chính đằng sau việc giảm nhu cầu tiêu dùng trong cuộc khủng hoảng này. Thứ nhất, việc hạn chế di chuyển khiến nhu cầu đối với các mặt hàng không thiết yếu giảm xuống. Thứ hai, việc đóng cửa và đại dịch làm tổn hại đến khả năng thu nhập của người dân, làm giảm chi tiêu tiêu dùng của họ [Onyekwena, C., & Ekeruche, M. A., 2020]. Trong thời điểm nhu cầu cao, lao động khu vực kinh tế phi chính thức có nhiều cơ hội việc làm hơn. Bên cạnh đó, khi nhu cầu tiêu dùng giảm sút, các doanh nghiệp thường giảm chi phí bằng cách sa thải nhân viên phi chính thức và chấm dứt đơn đặt hàng của các doanh nghiệp phi chính thức [Narula R., 2020].

Leyva và Urrutia đã nghiên cứu động thái thị trường lao động ở năm nước Mỹ Latinh và nhận thấy rằng bản chất của việc làm phi chính thức đặt ra những thách thức đối với việc quản lý đại dịch. Nghiên cứu cũng cho thấy sự sụt giảm việc làm phi chính thức trong thời kỳ đại dịch bùng phát ở các quốc gia này. Các doanh nghiệp khu vực kinh tế phi chính thức ở Uganda đã bị ảnh hưởng tiêu cực bởi lệnh hạn chế di chuyển và đóng cửa do đại dịch [Leyva, G., & Urrutia, C. (2020)].

Ở Myanmar, 60% hộ gia đình bị ngừng việc, trong đó 49% chủ doanh nghiệp nhỏ ngừng hoạt động [Zollmann J., Ng'weno A., Gachoka A., & Wanjal C., 2020]. Người lao động ở khu vực không chính thức phải đối mặt với nguy cơ thất nghiệp do lệnh giãn cách xã hội và các thành viên trong gia đình họ không được chăm sóc [UN Human Rights, 2020]. Hơn nữa, tỷ lệ từ chối dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông thường và tỷ lệ bạo lực của họ càng trầm trọng hơn [OAS, 2020]. Đại dịch đã gây ra sự suy giảm trong tổng tiêu dùng và sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp phi chính thức ở Colombia và Peru [Zambrano, A., Montoya, D., Alvarez, A., & Zuleta, H., 2021]. Một nghiên cứu khác ước tính mức độ mất việc làm trên toàn nền kinh tế là 11,1 triệu việc làm trong thời gian đóng cửa từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2020, trong khi mất việc làm cho khu vực kinh tế phi chính thức ở thành thị ước tính là 1,08 triệu [Islam R., 2020]. Việc không có sự bảo vệ và công nhận chính thức, hệ thống an sinh xã hội và lợi ích hạn chế từ các nguồn thể chế đã đẩy lao động khu vực kinh tế phi chính thức đến tình trạng bấp bênh [Haque M.R., Khan M.M.A., Rahman M.M., Rahman M.S., & Begum S.A., 2022].

Covid-19 là một ví dụ về cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng trong thời đại của chúng ta; nó đã ảnh hưởng đến hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế trên toàn cầu [Zhang, D., Hu, M., & Ji, Q., 2020]. Do ngừng hoạt động và đóng cửa kinh doanh, các công ty gặp trở ngại trong việc trả lương cho nhân viên tăng lên [Kartseva, M. A., & Kuznetsova, P. O., 2020, tr. 26]. Thị trường chứng khoán cũng đi xuống trên toàn thế giới. Về mặt tích cực, kinh tế phục hồi và ổn định ở các nền kinh tế được dự báo vào năm 2021 [Baker, S. R., Bloom, N., Davis, S. J., Kost, K., Sammon, M., & Viratyosin, T., 2020, tr. 742-758]. Thị trường tài chính toàn cầu đã trải qua sự gián đoạn lớn do những thay đổi đang diễn ra trong các lĩnh vực khác nhau của các nền kinh tế. Nói chung, tình hình biến động và không chắc chắn của đại dịch là phổ biến trên toàn cầu. Hầu như tất cả các nền kinh tế châu Âu đang phải gánh chịu hậu quả của những sự gián đoạn này và do đó các nền kinh tế này đang có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn.

Theo ILO, Covid-19 đã tác động xấu đến việc giảm giờ làm và mất việc làm. Thậm chí, những con số này còn cao hơn những con số được quan sát thấy trong

cuộc khủng hoảng tài chính năm 2009. Tài liệu tương tự của ILO chỉ ra rằng gần 9% số giờ làm việc trên toàn cầu đã bị mất trong năm ngoái, tương đương với 255 triệu công việc toàn thời gian. Kết quả tồi tệ nhất của đại dịch là mất mát lớn về thu nhập lao động toàn cầu, xấp xỉ 4,4% tổng sản phẩm quốc nội toàn cầu. Phụ nữ và lao động trẻ (từ 15 đến 24 tuổi) bị ảnh hưởng bởi đại dịch này nhiều hơn so với các đồng nghiệp nam của họ. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên đã tăng lên 8,7% so với tỷ lệ thất nghiệp của người trưởng thành, tức là 3,7% [ILO, 2020; ILO, 2021].

Cùng với điều này, Wren-Lewis giải thích rằng Covid-19 ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và cung lao động, lạm phát và chi phí sản xuất [Wren-Lewis, S., 2020, tr.109-112]. Blundell và cộng sự đã sử dụng khảo sát LSE-CEP của Vương quốc Anh và tiết lộ rằng lao động tự do là những người bị ảnh hưởng nhiều nhất trong đại dịch này. Cũng theo nghiên cứu này, phần lớn những người lao động tự do cho biết họ làm việc ít giờ hơn so với thời điểm trước đại dịch [Wren-Lewis, S., 2020]. Điều này càng làm tăng nguy cơ dễ bị tổn thương của họ đối với đại dịch. Tác giả Boneva và cộng sự cũng giải thích tình trạng tương tự đối với ba nền kinh tế, gồm Anh, Mỹ và Đức. Theo kết quả thực nghiệm của họ, hầu hết những người lao động tự làm chủ đều phải chịu đựng tình trạng thất nghiệp kéo dài trong đợt đại dịch gần đây. Nhóm lao động trẻ và những người chỉ có trình độ đại học dễ bị mất việc làm hơn [Boneva, T., Golin, M., Adams-Prassl, A., & Rauh, C., 2020]. Trong bối cảnh tương tự, Leka đã khám phá tác động của Covid-19 đối với nền kinh tế Albania và kết luận rằng đại dịch này ảnh hưởng cụ thể đến hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế, tác động xấu đến tốc độ tăng trưởng GDP, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát, lãi suất và ngành du lịch [Leka, B., 2020, tr.2-12]. Tác giả Fernandes đã đánh giá tác động của Covid-19 đối với 30 nền kinh tế trên thế giới. Các phát hiện thực nghiệm cho thấy các nền kinh tế dịch vụ có nhiều rủi ro hơn và phải chứng kiến một đợt thất nghiệp kéo dài. Bên cạnh đó, các ngành du lịch và thương mại bị ảnh hưởng nặng nề tại các nền kinh tế trong thời kỳ khủng hoảng và nhiều lao động bị mất việc làm trong các lĩnh vực này [Fernandes, N., 2020]. Tác giả Rodríguez-Caballero và Vera-Valdés đề cập đến những tác động lâu dài và dai dẳng của đại dịch gần đây đối với tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ thất nghiệp [Rodríguez-Caballero, C. V., & Vera-Valdés, J. E., 2020].

Tương tự, các tác giả Farayibi và Asongu đã quan tâm đến tác động của Covid-19 đối với các biến kinh tế vĩ mô quan trọng ở Nigeria. Nghiên cứu kết luận rằng Covid-19 có tác động tiêu cực đến việc làm và lạm phát [Farayibi, A., & Asongu, S., 2020]. Tương tự, tác giả Binder quan sát thấy xu hướng việc làm và thất nghiệp ở các nước phát triển gần như tương tự nhau, chẳng hạn như xu hướng này ở các nước châu Âu gần như tương tự như ở Mỹ [Binder, C., 2020]. Coibion et al cho biết hầu hết người lao động bị mất việc làm đều không còn tìm kiếm việc làm. Do đó, nó làm tăng tỷ lệ thất nghiệp nói chung [Coibion, O., Gorodnichenko, Y., & Weber, M., 2020]. Đối với nền kinh tế Vương quốc Anh, tác giả Costa Dias và cộng sự giải thích rằng hầu hết các công ty Vương quốc Anh không đăng tuyển dụng mới. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng trong trường hợp này, những người chịu thiệt hại nặng nề nhất là những người đang làm việc trong các ngành nghề có kỹ năng thấp, khu vực kinh tế phi chính thức [Costa Dias, M., Joyce, R., Postel Vinay, F., & Xu, X., 2020, tr.371-382]. Tác giả Campello và cộng sự cũng trình bày quan điểm cho rằng tại Hoa Kỳ, các công việc có kỹ năng cao hơn đã giảm mạnh so với các công việc có kỹ năng thấp [Campello, M., Kankanhalli, G., & Muthukrishnan, P., 2020].

Các nghiên cứu chỉ ra rằng Covid-19 đã có tác động tiêu cực đối với khu vực kinh tế phi chính thức và đối với các nhóm có việc làm bấp bênh. Thị trường lao động phi chính thức lớn nhất là ở các nước có thu nhập thấp và trung bình thu hút 2 tỷ lao động chiếm 62% lực lượng lao động toàn cầu, với khoảng 3,3 tỷ người. Đặc biệt ở các nước có thu nhập thấp và trung bình, các lĩnh vực khó khăn có tỷ lệ lao động làm việc phi chính thức cao và lao động ít được tiếp cận với các dịch vụ y tế và bảo trợ xã hội. Sự suy giảm kinh tế là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Giảm giờ làm việc và cắt giảm nhân viên đều làm gia tăng tình trạng nghèo đói và khó khăn của người lao động. Phụ nữ, lao động nhập cư và thanh niên chiếm phần lớn lực lượng lao động trong nền kinh tế phi chính thức, họ dễ bị tổn thương, được trả lương thấp, ít sự bảo vệ và họ không đạt được các biện pháp hỗ trợ của chính phủ [Institute of Development Studies, 2021].

Theo tổ chức ILO, hơn 60% tổng số người lao động trên toàn cầu làm việc phi chính thức và con số này bao gồm 90% tổng số việc làm ở các nước đang phát

triển [ILO, 2018a]. Liên quan đến cuộc khủng hoảng kinh tế và sức khỏe do đại dịch Covid-19 gây ra, ILO đã dự đoán rằng 1,6 tỷ người trong số những người lao động này sẽ nằm trong số những người bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất [ILO, 2020a]. Dự báo xa hơn, ILO đã đưa ra nhận định rằng số lượng người nghèo dự kiến sẽ tăng trên toàn cầu, từ 20,1 triệu đến 35 triệu người trong suốt năm 2020. Ở các nước thu nhập thấp, mức độ nghèo đói trong số lao động phi chính thức được dự báo sẽ tăng từ 18% lên 74% [ILO, 2020c].

Tại Việt Nam, kể từ trường hợp mắc Covid-19 đầu tiên được báo cáo vào ngày 23 tháng 1, các nhóm ngành dịch vụ hàng không; khách sạn/dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác có doanh thu giảm mạnh. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2020, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 29,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 19,6 nghìn doanh nghiệp ngừng kinh doanh. Lĩnh vực dịch vụ có 897,5 nghìn người mất việc làm trong khi số người thất nghiệp là 1,3 triệu người, tăng 123,9 nghìn người, khiến tỷ lệ thất nghiệp đạt mức cao nhất trong 10 năm. Trong đó, các nhóm đối tượng không trong độ tuổi lao động, lao động nữ, lao động phổ thông, lao động nhập cư và lao động phi chính thức là những nhóm dễ bị tổn thương nhất do đại dịch gây ra. Cụ thể, ở nhóm lao động nữ, tỷ lệ thất nghiệp là 2,9%, cao hơn nam và tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước và nhóm lao động phi chính thức - lao động không có hợp đồng lao động, không tham gia bảo hiểm thất nghiệp, có 72% trong số đó thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 khi chủ yếu tập trung vào các nhóm ngành bị thiệt hại nặng nhất: F&B, Hotel, logistic,... [GSO, 2020]. Ngoài ra, lao động nhập cư trong nước, chiếm 13,6% tổng dân số, thường làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức mà không có hợp đồng làm việc và không được tiếp cận với các chế độ bảo trợ xã hội [ILO, 2020].

ILO cho biết, đến tháng 4 năm 2020, trên toàn thế giới có 2 tỷ người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức (chủ yếu ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển) là nhóm có nguy cơ cao chịu các tác động tiêu cực. Do thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch cùng với các biện pháp phong tỏa đã có tới 1,6 tỷ lao động bị ảnh hưởng trong số 2 tỷ lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức trên toàn thế giới.

Phần lớn họ làm việc trong các lĩnh vực bị tác động nặng nề nhất hoặc trong các đơn vị kinh tế nhỏ dễ bị ảnh hưởng hơn trước các cú sốc, bao gồm: lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, sản xuất, bán buôn và bán lẻ và hơn 500 triệu nông dân sản xuất phục vụ thị trường thành thị [ILO, 2020].

Lao động phi chính thức với tính chất việc làm bấp bênh, không ổn định, trong khi đó, sự đứt đoạn về cung ứng chuỗi thực phẩm càng làm trầm trọng thêm đối với những đối tượng này. Và khi phải áp dụng các biện pháp phong tỏa toàn diện, những nước có nền kinh tế phi chính thức lớn nhất đã phải chịu những hệ quả nặng nề nhất của đại dịch. Cụ thể, châu Mỹ La tinh và các quốc gia Ả Rập, lực lượng lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức bị ảnh hưởng với tỷ lệ dao động từ 83% - 89%; châu Phi, châu Á và Thái Bình Dương là 73%; châu Âu và Trung Á là 64%. Trong tháng đầu tiên của cuộc khủng hoảng ước tính 60% thu nhập của người lao động phi chính thức bị giảm trên toàn cầu. Trong đó 81% ở châu Phi và châu Mỹ, 21,6% ở châu Á và Thái Bình Dương và 70% ở châu Âu và Trung Á. Tại Ấn Độ, có gần 90% người lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, với 400 triệu lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức đang đứng trước nguy cơ rơi vào tình trạng nghèo đói nghiêm trọng hơn trong khủng hoảng [ILO, 2020].

Việt Nam hiện có hơn 70% dân số có việc làm vẫn đang làm các công việc phi chính thức (gồm cả các việc làm nông nghiệp). Phần lớn những lao động này không được hưởng các hình thức bảo vệ cơ bản như khi làm những công việc chính thức. Trong cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19, những lao động này có thể vẫn buộc phải tiếp tục làm việc hoặc có thể không muốn tự cách ly khi cần thiết, như vậy, họ tự chấp nhận sự nguy hiểm cho sức khỏe bản thân và mang nguy cơ lây nhiễm thêm cho nhiều người. Đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất là lao động tự làm, lao động phi chính thức làm việc trong các lĩnh vực bị tác động nặng nề nhất, lao động giúp việc gia đình và lao động tự do. Lao động phi chính thức bị giảm thu nhập nhiều hơn so với lao động chính thức (tương ứng là 8,4% và 4,7%) so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, người lao động càng có bằng cấp, trình độ cao hơn, thu nhập giảm càng ít hơn [ILO, 2021].

Lao động di cư của Việt Nam là lực lượng lao động chiếm 13,6% tổng dân số, thường làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức không có hợp đồng làm việc và

không được tiếp cận với các chế độ bảo trợ xã hội, thường làm việc trong những lĩnh vực bị khủng hoảng việc làm nặng nề nhất. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng chiếm số đông trong các công việc thuộc các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất như: dệt may và giúp việc gia đình [ILO, 2020].

Trong số 51,8 triệu lao động có việc làm trong quý 2 năm 2020, có 30,8 triệu người bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, trong đó 2,4 triệu lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp trên toàn quốc gia tăng [GSO, 2020]. Trong đó, 17,6 triệu người bị mất thu nhập do bệnh tật, chiếm 57,3% tổng số người bị ảnh hưởng. Số lao động của một số ngành nghề giảm mạnh so với năm trước như sau: nhóm lao động phổ thông giảm gần 1,5 triệu lao động, tương đương gần 8%; nhóm nghề thủ công và có liên quan giảm 515 nghìn người, tương ứng giảm 6,6%; số lao động trình độ trung cấp giảm 322 nghìn người, tương ứng giảm 16,5% [GSO, 2020].

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lao động có việc làm là 49,0 triệu người, giảm 1,0 triệu người so với năm 2020. Số lao động có việc làm khu vực chính thức là 15,4 triệu người, giảm 469,8 nghìn người. Khu vực kinh tế phi chính thức là 19,8 triệu người, giảm 628,0 nghìn người. Khu vực dịch vụ có số lao động giảm nhiều nhất, với 800,8 nghìn người. Khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 254,2 nghìn người. Tình hình thiếu việc làm trong độ tuổi năm 2021 là hơn 1,4 triệu người, tăng 370,8 nghìn người so với năm 2020. Số người thất nghiệp là hơn 1,4 triệu người, tăng 203,7 nghìn người. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,42%, cao hơn 1,94 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (15-24 tuổi) là 8,48%, tăng 0,52 điểm phần trăm [Tổng cục Thống kê, 2022b].

Tập thể tác giả Nguyễn Đức Vinh, Vũ Mạnh Lợi, Nguyễn Đức Chiện cho biết: “Trong 4 tháng đầu năm 2020, có gần 5 triệu lao động tại Việt Nam bị mất việc, giãn việc, giảm giờ làm, giảm thu nhập; trên 80% lao động trong khu vực phi chính thức, đa số là những nhóm yếu thế, không có việc làm do thực hiện các quy định về giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19...” [Nguyễn Đức Vinh, Vũ Mạnh Lợi, Nguyễn Đức Chiện, 2021].

Các số liệu trên cho thấy sự tổn thương nghiêm trọng của môi trường lao động việc làm đến cơ hội việc làm nói chung và đến sinh kế của người lao động khu vực

kinh tế phi chính thức nói riêng. Theo báo cáo “Đánh giá nhanh về tác động kinh tế - xã hội của Covid-19 đối với các hộ gia đình dễ bị tổn thương ở Việt Nam” do Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam công bố ngày 24/9/2021, 88% hộ gia đình bị ảnh hưởng việc làm vào tháng 7/2021 và 63,5% hộ gia đình bị giảm thu nhập từ 30% trở lên so với thời kỳ trước dịch (tháng 12/2019). Các hộ gia đình làm du lịch, nhà hàng, khách sạn và vận tải hành khách bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tác động phi kinh tế cũng rất đáng kể với 66,4% hộ gia đình lo lắng về tác động của Covid-19; trong đó, chủ hộ là nữ có tỷ lệ mắc các vấn đề về sức khỏe tâm thần cao hơn so với chủ hộ là nam (81,6% so với 62,8%). Cắt giảm chi tiêu là biện pháp phổ biến nhất được sử dụng với 79,4% hộ, hầu hết các khoản cắt giảm liên quan đến thực phẩm với 71% số gia đình; 51,2% phải giảm lượng thức ăn mỗi bữa và 17,7% giảm số bữa ăn mỗi ngày. Tình trạng thiếu lương thực thường được ghi nhận ở các hộ gia đình dễ bị tổn thương, những người bị mất việc trong nhiều tháng, đặc biệt là người di cư và nghiêm trọng hơn là ở các hộ gia đình có con nhỏ... [UNDP, 2020].

Những khó khăn do dịch bệnh Covid-19 đang hằng ngày tác động đến thu nhập của hàng triệu gia đình ở khắp mọi miền đất nước, nhất là ở những tỉnh, thành phố nơi dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát trở lại. Kinh tế sụt giảm, lao động bị dôi dư, thu nhập bị giảm sút, làm cho các gia đình phải thắt chặt chi tiêu và đang phải trải qua những thử thách chưa từng có để giữ vững vai trò là chốn bình yên trong đông tổ của dịch bệnh Covid-19. Theo báo cáo *Đánh giá nhanh tác động kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 đối với hộ gia đình dễ bị tổn thương ở Việt Nam*, nhìn chung, 88% hộ gia đình cho biết rằng họ phải chịu ít nhất một trong những tác động việc làm vào tháng 7 năm 2021: (i) bị sa thải đối với lao động trả công; (ii) bị tạm thời nghỉ việc; hoặc (iii) bị giảm giờ làm việc. Những hộ này được gọi tắt là “hộ gia đình bị ảnh hưởng”. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với mức 63% được ghi nhận trong đợt khảo sát vào tháng 10 năm 2020. Tác động phổ biến nhất là việc bị giảm giờ làm việc, xảy ra đối với 80% hộ gia đình vào tháng 7 năm 2021. Trong khi đó, tình trạng phải nghỉ việc tạm thời diễn ra ở 46% hộ gia đình vào tháng 7/2021 [UNDP, 2020].

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến 60 tuổi 3 tháng và nữ từ

15 đến 55 tuổi 4 tháng (năm 2021 - theo Bộ luật Lao động 2019) trong quý IV năm 2021 là gần 1,5 triệu người, giảm 381,1 nghìn người so với quý trước và tăng 635,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý IV năm 2021 là 3,37%, giảm 1,09 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,55 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 4,06% và 2,95%). Đây là quý thứ 3 liên tiếp thị trường lao động chứng kiến tình trạng tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn. Tình trạng này trái ngược với xu hướng thị trường lao động trong những năm trước đại dịch Covid-19 [Tổng cục Thống kê, 2021d].

Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng, đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng trầm trọng hơn đến việc làm của các nhóm lao động yếu thế nhất, như lao động có việc làm phi chính thức; lao động tự làm và lao động gia đình không hưởng lương, lao động di cư [UN Women, 2021]. Trong các nhóm lao động yếu thế bị ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 thì lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trầm trọng hơn. Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số là “lao động tự làm” và “lao động gia đình không hưởng lương” chiếm gần 3/4 tổng số người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên có việc làm. Tỷ lệ này của lao động nữ dân tộc thiểu số cao hơn 7,2 điểm % so với lao động nam dân tộc thiểu số (nữ dân tộc thiểu số 78,6% và nam dân tộc thiểu số 71,4%). Tỷ lệ lao động nữ trong ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống nói chung và du lịch cộng đồng ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi chiếm trên 60,1%. Những số liệu nêu trên cho thấy, lao động dân tộc thiểu số, đặc biệt là lao động nữ dân tộc thiểu số có nguy cơ rủi ro việc làm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lớn hơn so với các nhóm lao động khác [UN Women, 2021]. Nghiên cứu của UNDP và UN Women chỉ ra rằng, đại dịch Covid-19 đã tác động đến việc làm của 68,6% hộ gia đình dân tộc thiểu số, so với tỷ lệ tương ứng của hộ gia đình Kinh - Hoa là 58,4%. Nghiên cứu của iSEE cũng cho thấy, có 16,5% hộ dân tộc thiểu số có người bị mất việc làm thường xuyên và 64,7% hộ dân tộc thiểu số có thành viên bị mất việc làm một vài lần do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 [UN Women, 2021].

1.2.2. Hướng nghiên cứu về thu nhập của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh dịch Covid-19

Khu vực kinh tế phi chính thức có thể bị ảnh hưởng nặng nề trong thời kỳ khủng hoảng do thu nhập không chắc chắn và thiếu hỗ trợ an sinh xã hội từ chính phủ [Guo F., Huang Y., Wang J., & Wang X., 2022]. Tác động lớn của đại dịch đối với thu nhập hộ gia đình đã được nêu rõ trong một số nghiên cứu trên khắp các quốc gia. Hơn 2/3 số người được hỏi từ khu vực kinh tế phi chính thức ở Kenya và Uganda cho rằng thu nhập giảm do cuộc khủng hoảng Covid-19 [Kansiime M. K., Tambo J. A., Mugambi I., Bundi M., Kara A., & Owuor C., 2020]. Các hộ gia đình ở vùng nông thôn Uganda đã bị giảm 60% thu nhập do các doanh nghiệp thua lỗ và người lao động bị mất lương [Mahmud M., & Riley E., 2020]. Tại Cộng hòa Dân chủ Congo, 84% số người được hỏi cho biết thu nhập bị giảm sút; chi tiêu lương thực bình quân đầu người giảm gần 40% so với giai đoạn trước Covid-19, nguyên nhân chủ yếu là do mất việc làm và lương [Stoop N., Desbureaux S., Kaota A., Lunanga E., & Verpoorten M., 2020]. Đại dịch được phát hiện có tác động mạnh đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức ở Thái Lan. Có tới 95% lao động khu vực kinh tế phi chính thức được hỏi trong một cuộc khảo sát với 384 mẫu cho biết rằng họ đã trải qua sự sụt giảm thu nhập nghiêm trọng trong đại dịch [Komin W., Thepparp R., Subsing B., & Engstrom D., 2020, tr. 1-9]. Một nghiên cứu khác được thực hiện ở 6 nước phát triển cho thấy rằng phụ nữ có nguy cơ mất việc vĩnh viễn cao hơn 24% so với nam giới do bùng phát Coronavirus. Cuộc khảo sát cho thấy 36% người được hỏi từ Uganda, 20% từ Myanmar và 15% từ Nepal bị mất nguồn thu nhập thường xuyên trong thời gian đóng cửa. Ở Kenya, cư dân thành thị bị giảm thu nhập trầm trọng trong thời kỳ đại dịch [ILO, 2020b].

Đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn tình hình kinh tế - xã hội của người dân và sinh kế của họ ở Bangladesh [World Bank, 2020b]. Một cuộc khảo sát qua điện thoại được thực hiện vào tháng 4 năm 2020 cho thấy thu nhập giảm 75% đối với những người ở thành thị và giảm 62% đối với những người ở nông thôn [Rahman, H. Z., & Matin, I., 2020]. Tác giả Barkat dự đoán rằng sự suy thoái kinh tế do đại dịch có thể dẫn đến thiệt hại với 60 triệu người trong khu vực kinh tế phi chính thức có thu nhập thấp dễ bị tổn thương ở Bangladesh [Barkat, A., 2020].

Một khía cạnh khác mà người lao động phải trải qua trong thời kỳ đại dịch là tổng thu nhập bị mất, đặc biệt ở người lao động có việc làm bất bênh ngay cả trong những trường hợp bình thường. Người lao động phi chính thức ở Ấn Độ đang làm việc (trên 93%), không có trợ cấp an sinh xã hội và không có việc làm đảm bảo, đã trải qua thời gian dài không có việc làm do bị giãn cách, phong tỏa và dịch vụ vận tải bị đình chỉ khiến họ không thể đến nơi làm việc, nhiều người rơi vào tình trạng nghèo đói, kiệt quệ [Banerjee, 2020]. Một cuộc khảo sát khác trên 244 người có thu nhập thấp làm công việc phi chính thức cho thấy 50% số người được hỏi bị giảm thu nhập, trong khi 47% bị giảm thu nhập về 0 trong thời gian ngừng hoạt động [S., Huda, A., Mahmud, P., Reza, M., & Imran, M., 2020]. Một nghiên cứu của CPD-BILS đã xác định những người lao động tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức là nhóm lao động bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch và chỉ ra rằng sự phục hồi đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức, công việc tự do và các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) còn chậm [CPD-BILS, 2021].

Về tác động của Covid-19 đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên khía cạnh giới, các phân tích cho thấy cuộc khủng hoảng đã khiến phụ nữ nông thôn gặp khó khăn nhất về tỷ lệ thất nghiệp và mất thu nhập. Tuy nhiên, lao động nam ở khu vực thành thị bị ảnh hưởng nhiều hơn lao động nữ. Thu nhập của phụ nữ nông thôn giảm hơn một chút so với thu nhập của phụ nữ thành thị. Các nhà máy chế biến nông sản đã ngừng hoạt động kinh doanh trong thời gian giãn cách, đặc biệt là đối với các chuỗi giá trị mà phụ nữ tham gia và do đó khiến họ mất cơ hội thu nhập. Nghiên cứu này cũng cho thấy rằng giáo dục đại học có thể không đảm bảo an toàn tài chính bổ sung trong thời kỳ đại dịch nếu ai đó tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức [FAO, 2020].

Một phát hiện khác của nghiên cứu này là đại dịch ít ảnh hưởng đến thu nhập của lao động phi chính thức ở nông thôn, đặc biệt là những người làm công việc dựa vào nông nghiệp. Ngược lại, công nhân khu vực kinh tế phi chính thức thành thị bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch do họ phải đối mặt với việc hạn chế di chuyển trong các thị trấn trong thời gian đóng cửa. Kết quả là mức tiêu dùng bình quân đầu người của hộ gia đình ở khu vực thành thị thấp hơn so với khu vực nông thôn và tỷ lệ hộ nghèo gia

tăng cao hơn ở khu vực thành thị [Genoni, M. E., Khan, A. I., Nandini, K., Nethra, P., & Wameq, R., 2020]. Công nhân khu vực kinh tế phi chính thức ở thành thị chủ yếu sống trong điều kiện nghèo nàn với thu nhập hàng ngày của họ, và họ bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch [Sakamoto, M., Begum, S., Ahmed, T., 2020].

Sự sụt giảm thu nhập của lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã ảnh hưởng đến hạnh phúc của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy họ phải giảm hơn 1/4 tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2020. Lao động phi chính thức ở thành thị phải giảm chi tiêu cho thực phẩm của họ so với lao động nông thôn cả về số lượng và tỷ lệ phần trăm. Không có lựa chọn thay thế nào khác ngoài việc tăng cường xây dựng năng lực của người lao động phi chính thức và thiết lập quyền lao động thích hợp để chống lại cuộc khủng hoảng như vậy [Mujeri, M. K., 2020].

Covid-19 đã khiến thu nhập của các hộ gia đình và người lao động dễ bị tổn thương bị suy giảm đáng kể và dẫn đến sự gia tăng nghèo tạm thời về thu nhập và đẩy các hộ nghèo lún sâu hơn vào tình trạng nghèo thu nhập. Thu nhập hộ gia đình giảm sâu nhất do Covid-19 được ghi nhận vào tháng 4 năm 2020. Thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát vào tháng 4 năm 2020 chỉ bằng 29,7% thu nhập tháng 12 năm 2019. Vào tháng 5 năm 2020, con số này tăng lên 51,1%. Nói cách khác, so với tháng 12 năm 2019, thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát đã giảm hơn 70% vào tháng 4 năm 2020 và 49% vào tháng 5 năm 2020 [UNDP, 2020].

Thu nhập trung bình của các hộ gia đình trong tháng 4 và tháng 5 năm 2020 lần lượt chỉ tương ứng với 25,0% và 35,7% mức tháng 12 năm 2019. Trong khi đó, những con số này cao hơn, lần lượt ước tính từ 30,3% và 52% đối với nhóm khác. Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2020, thu nhập trung bình của hộ di cư, khu vực kinh tế phi chính thức được ước tính chỉ tương đương 25,1% và 43,2% của tháng 12 năm 2019. Những con số này lần lượt là 30,8% và 52,5% đối với nhóm hộ gia đình không di cư. Trong nhóm hộ gia đình di cư, tác động tới thu nhập do Covid-19 được ghi nhận vào tháng 4 năm 2020 là tương tự giữa nhóm hộ có nữ chủ hộ và nam chủ hộ: thu nhập của nhóm hộ này lần lượt ước tính ở mức 25,6% và 24,9% so với tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, nhóm hộ gia đình di cư có nữ chủ hộ có sự phục hồi tốt hơn so với các hộ có nam chủ hộ: thu nhập tháng 5 năm 2020 của hộ có nữ chủ hộ đã

tăng lên 58,6% mức trước đại dịch trong khi con số này của hộ gia đình có nam chủ hộ nhỏ hơn đáng kể, ước tính chỉ là 37,9% [UNDP, 2020].

Thu nhập giảm sâu dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo về thu nhập trong số các hộ được khảo sát vào tháng 4 năm 2020. Trong tháng 12 năm 2019, trung bình tỷ lệ hộ nghèo là 11,3%. Tỷ lệ này tăng lên tới 50,7% trong tháng 4 năm 2020. Trong các nhóm cụ thể tỷ lệ hộ nghèo như sau: lao động di cư là 56,1% và không di cư là 48,5%, lao động phi chính thức là 59,1% và lao động chính thức là 37,7 %, hộ gia đình có nam chủ hộ là 49,9% và hộ gia đình có nữ chủ hộ là 49,7%. 56,7% hộ gia đình có lao động phi chính thức (cao hơn tỷ lệ 36,4% nhóm hộ gia đình có lao động chính thức); 56,1% hộ gia đình của người lao động nhập cư (cao hơn tỷ lệ 45,8% trong nhóm hộ gia đình của người lao động không di cư); 48,3% hộ gia đình có nữ chủ hộ (cao hơn tỷ lệ 47,7% hộ có nam chủ hộ). Trong nhóm hộ gia đình có lao động nhập cư, tác động về nghèo của đại dịch là nhỏ hơn đối với gia đình có nữ chủ hộ so với các hộ gia đình có nam chủ hộ, ước tính lần lượt tỷ lệ rơi vào nghèo là 46,7% và 60,2%. Trong nhóm hộ gia đình có lao động phi chính thức, tác động nghèo đối là tương tự giữa nhóm hộ có nữ và nam chủ hộ, với tỷ lệ rơi vào nghèo tương ứng là 58,7% và 56,4% [UNDP, 2020].

Tổng cục Thống kê Việt Nam cho biết thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động giảm lần đầu tiên trong 5 năm. Đặc biệt, thu nhập bình quân hàng tháng giảm sâu nhất trong quý 2/2020 so với cùng kỳ năm trước như nhóm “nghệ thuật, vui chơi và giải trí”, “dịch vụ lưu trú và ăn uống”, “vận tải và kho bãi”, “bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, xe máy” giảm lần lượt 19,2%, 18,3%, 12,8% và 9,1% [GSO, 2020]. Với tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và thu nhập trên một lao động giảm đã khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 1,81% trong 6 tháng đầu năm - con số thấp nhất được ghi nhận trong cả giai đoạn 2011-2020 [Nguyen D, 2020]. Đại dịch Covid-19 khiến thu nhập của nhiều hộ gia đình Việt Nam giảm 70% [Linh H, 2022]. Ngoài ra, thu nhập hộ gia đình giảm sâu nhất do dịch Covid-19, được ghi nhận vào tháng 4 năm 2020, khi chỉ đạt 29,7% so với tháng 12 năm 2019. Con số này đến tháng 5 năm 2020 là 51,1%. Trẻ em cũng có thể bị ảnh hưởng bởi cha mẹ mất việc làm hoặc mất thu nhập [ILO, 2020].

Năm 2021 thu nhập bình quân tháng của người lao động là 5,7 triệu đồng, giảm 32.000 đồng so với năm 2020. Lao động làm công ăn lương là 6,6 triệu đồng, giảm 45.000

đồng so với năm 2020. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam là 6,6 triệu đồng, cao hơn 1,4 lần lao động nữ (4,7 triệu đồng). Như vậy, tiền lương thực nhận của người lao động đang giảm dần trong 3 năm gần đây. Cụ thể, năm 2019 là 7,57 triệu đồng; năm 2020 là 7,40 triệu đồng, năm 2021 giảm mạnh còn 6,6 triệu đồng [Nhạc Phan Linh, 2022].

Về mức giảm thu nhập, mức giảm 20%-30% xảy ra với nhóm lao động đủ giờ, không bị giãn việc; mức giảm 50%-70% với nhóm lao động bị giãn việc/làm việc luân phiên; mức giảm 70%-90% với nhóm lao động bị ngừng việc tạm thời/tạm hoãn hợp đồng lao động. Một ví dụ cụ thể là lao động trong ngành công nghiệp dệt may, da giày, túi xách bị giảm 40% thu nhập, từ bình quân 220 Euro/tháng xuống còn 132 Euro/tháng. Ngoài ra, người lao động còn phải đối mặt với sự sụt giảm điều kiện sống. Theo tìm hiểu của Viện Công nhân Công đoàn, nhiều người lao động gặp khó khăn trong chi tiêu. Có 60% người lao động phải tiết kiệm triệt để các khoản chi; 26% phải sử dụng đến tiền tiết kiệm, tiền tích lũy cá nhân; 11% phải vay mượn tiền của người thân; 5% phải lựa chọn mua đồ trả góp; 3% phải xin trợ cấp của địa phương hoặc dùng đồ quyên góp; 0,3% phải vay lãi suất cao (tín dụng đen) hoặc bán sổ bảo hiểm xã hội. Người lao động còn bị suy giảm số lượng, chất lượng bữa ăn và chế độ dinh dưỡng: 48% người lao động bị giảm lượng thịt ăn thường ngày; 47% phải ăn nhiều rau xanh hơn; 22% phải chuyển từ việc mua đồ hằng ngày tại các chợ dân sinh quanh nơi sinh sống sang sử dụng lương thực, thực phẩm do người thân ở quê hỗ trợ, cung cấp; 21% phải ăn nhiều mỳ tôm hơn; 15% người lao động lựa chọn việc ăn giảm bữa, gộp bữa. Do giảm thu nhập, người lao động còn gặp phải tình trạng gia tăng những áp lực, khủng hoảng về tinh thần: 13% cặp vợ chồng người lao động nảy sinh mâu thuẫn do áp lực về kinh tế, đặc biệt trong kiểm soát chi tiêu gia đình; 5% nảy sinh mâu thuẫn trong việc chăm sóc con cái (tại thời điểm thực hiện giãn cách xã hội, 66% phải tự trông con hoặc hướng dẫn con học tại nhà; 25% phải gửi con về quê nhờ người thân chăm sóc...) [Nhạc Phan Linh, 2022].

Thu nhập bình quân của người lao động tăng ở cả ba khu vực kinh tế so với quý trước. Người lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng có mức thu nhập bình quân tăng cao nhất, với mức thu nhập là 5,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 130 nghìn đồng, tương ứng tăng 2,2% so với quý trước. Lao động khu vực nông, lâm

ng nghiệp và thủy sản có mức thu nhập bình quân là 3,4 triệu đồng, tăng 72 nghìn đồng, tương ứng tăng 2,1%. Lao động khu vực dịch vụ có mức thu nhập bình quân là 6,3 triệu đồng, tăng 108 nghìn đồng, tương ứng tăng 1,7% [Tổng cục Thống kê, 2021c]. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập của nhiều hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình dân tộc thiểu số. Kết quả khảo sát của Ngân hàng thế giới cho thấy, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, gần 70% hộ gia đình trong mẫu khảo sát đã bị giảm thu nhập [UN Women, 2021], trong đó tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn bị suy giảm thu nhập cao hơn 5 điểm % so với tỷ lệ tương ứng của các hộ gia đình ở khu vực thành thị; và tỷ lệ hộ gia đình do nữ là chủ hộ bị suy giảm thu nhập thấp hơn 0,8 điểm % so với tỷ lệ tương ứng của hộ gia đình do nam là chủ hộ (tương ứng là 69,6% và 70,4%).

Như vậy, các báo cáo và các kết quả nghiên cứu phản ánh những ảnh hưởng nặng nề mà Covid-19 đem lại đối với thu nhập của người lao động nói chung, đặc biệt là lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

1.2.3. Hướng nghiên cứu về tác động của đại dịch Covid-19 tới một số nhóm lao động dễ bị tổn thương

Những cuộc khủng hoảng thường mang lại những tác động nghiêm trọng cho một số nhóm dân số nhất định, theo ILO, các nhóm này bao gồm: (i) những người có bệnh lý nền và người cao tuổi là nhóm người có nguy cơ gặp phải các vấn đề sức khỏe cao nhất; (ii) thanh niên, những người luôn có nguy cơ phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao hơn, khi đại dịch diễn ra, nhóm này trở nên dễ bị tổn thương hơn với sự sụt giảm lao động nói chung; (iii) những người lao động lớn tuổi dễ bị thất nghiệp và thiếu việc làm, cũng như bị giảm giờ làm nhiều hơn so những người trong độ tuổi lao động vàng; (iv) phụ nữ chiếm số lượng cao hơn trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều (như dịch vụ) hoặc trong các ngành nghề đang ở tuyến đầu đối phó với đại dịch (ví dụ: y tá). ILO ước tính có 58,6% phụ nữ làm việc trong ngành dịch vụ trên toàn thế giới, trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 45,4%. Phụ nữ ít có khả năng tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội và thường chịu gánh nặng nhiều hơn đối với các việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe trong lĩnh vực y tế và giáo dục; (v) những người lao động không được bảo vệ như: lao động tự do, lao động làm việc không thường

xuyên và các công việc tạm thời, có khả năng phải chịu thiệt thòi nặng nề từ loại virus này, vì họ không được tiếp cận với các cơ chế nghỉ phép hoặc nghỉ ốm và ít được bảo vệ bởi các cơ chế an sinh xã hội thông thường; lao động di cư đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19, họ bị hạn chế tiếp cận nơi làm việc của họ ở các quốc gia tiếp nhận và khả năng trở về với gia đình [ILO, 2020].

Ngoài tác động mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng đối với lao động phi chính thức, một đặc điểm cụ thể của cuộc khủng hoảng hiện nay là, Covid-19 có tác động mạnh theo đặc điểm về giới. Một phần lý giải cho các tác động theo giới của cuộc khủng hoảng Covid-19 là do phụ nữ có xu hướng tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là bán lẻ và khách sạn, vốn bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn [Alon, Titan, Matthias Doepke, Jane Olmstead-Rumsey and Michèle Tertilt, 2020]. Ví dụ, 42% phụ nữ trong khu vực kinh tế phi chính thức làm việc trong các lĩnh vực được xác định là “rủi ro cao” trong cuộc khủng hoảng hiện nay so với 32% nam giới làm việc phi chính thức [ILO, 2020c]. Tuy nhiên, cấu trúc theo giới tính của thị trường lao động có thể giải thích được ít nhất 1/4 sự khác biệt về giới trong việc mất việc làm trong cuộc khủng hoảng Covid. Yếu tố chính khác được trình bày là sự gia tăng nhanh chóng và lớn của gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công mà phụ nữ phải đối mặt. Mặc dù tỷ lệ công việc chăm sóc không được trả lương của phụ nữ luôn cao hơn nam giới trong hầu hết các bối cảnh - chiếm tới 75%-90% ở một số khu vực đang phát triển, cuộc khủng hoảng Covid-19 đã làm trầm trọng thêm tình trạng phân bổ công việc chăm sóc không được trả công không đồng đều hơn nữa [Madgavkar, Anu, Olivia White, Mekala Krishnan, Deepa Mahajan, and Xavier Azcue, 2020].

Ở tất cả các quốc gia, phụ nữ làm công việc chăm sóc không được trả công nhiều hơn nam giới [ILO, 2018b]. Ngay cả khi sự tham gia lực lượng lao động của phụ nữ tăng lên trên toàn cầu, không có sự thay đổi đáng kể nào về trách nhiệm không công bằng đối với công việc chăm sóc không được trả lương [Charmes, Jacques, 2019]. Phần lớn công việc chăm sóc này không kiếm được tiền và diễn ra trong các hộ gia đình và giữa các thành viên trong cộng đồng.

Một trong những công trình nghiên cứu quy mô về tác động của Covid-19 là Báo cáo tóm tắt “Đánh giá tác động kinh tế xã hội của đại dịch Covid-19 đối với hộ

gia đình và doanh nghiệp dễ bị tổn thương ở Việt Nam - Phân tích có tính tới yếu tố giới” của UN Women, trong đó có đề cập: “Covid-19 ảnh hưởng khác biệt đến các hộ gia đình dân tộc thiểu số và hộ gia đình có lao động phi chính thức và người nhập cư, dẫn đến thu nhập của họ giảm mạnh so với mức trước đại dịch (...) Tỷ lệ hộ cận nghèo tăng từ 3,8% vào tháng 12 năm 2019 lên 6,5% vào tháng 4 năm 2020. Vào tháng 4 năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo trong nhóm hộ dân tộc thiểu số được khảo sát là 61,3% (Kinh-Hoa: 48,6%), hộ di cư - 56,1% (không di cư: 48,5%), hộ có lao động phi chính thức 59,1% (lao động chính thức: 37,7 %)” [UN Women, 2020, tr.4-5].

Như vậy, các báo cáo và các kết quả nghiên cứu thể hiện các nhóm lao động dễ bị tổn thương chịu tác động rất nặng nề bởi đại dịch Covid-19.

1.2.4. An ninh lương thực của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức dưới tác động của đại dịch Covid-19

Đảm bảo an ninh lương thực là một trong những quyền cơ bản của con người. Kết quả khảo sát phản ánh những người di cư đến các khu vực thành phố và những người nghèo ở nông thôn làm những công việc ở khu vực kinh tế phi chính thức sống dựa vào thu nhập hàng ngày để trang trải cuộc sống là một trong những người phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất của Covid-19 [Sakamoto, M., Begum, S., Ahmed, T., 2020]. Hiện tại, có tổng cộng 646.000 người chủ yếu làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức sống trong hơn 3.300 khu ổ chuột ở thủ đô Dhaka [Asian Development Bank, 2012]. Mặt khác, hơn 70% tổng dân số Bangladesh sống ở khu vực nông thôn. Thu nhập trung bình của người dân nghèo này đã giảm hơn 80% kể từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát. Người dân khu ổ chuột đã mất 82% thu nhập hàng ngày của họ, giảm 81 taka Bangladesh (0,97 USD) so với mức thu nhập trước đó là 108 taka (1,30 USD) của họ vào tháng Hai, trong khi mức giảm thu nhập hàng ngày của người nghèo ở nông thôn là 56 taka (0,67 USD) đó là mức giảm 79% so với thu nhập 89 taka (1,07 đô la Mỹ) trước đây của họ [Kamruzzaman, M., 2020].

Trong trận dịch Covid-19, 87% người nghèo của đất nước rơi vào khủng hoảng lương thực và dinh dưỡng. Sinh kế của 98% người nghèo của đất nước đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng do mất thu nhập. Hầu hết trong số họ không có khoản tiết kiệm tối thiểu, điều này đã có thêm tác động tiêu cực đến lượng thức ăn và tình trạng dinh

dưỡng của họ trong cuộc khủng hoảng thu nhập này. Một cuộc khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu Quyền lực và Sự tham gia (PPRC) và Viện Quản trị và Phát triển BRAC (BIGD) cho thấy 5% gia đình nghèo được khảo sát trong thời kỳ ngừng hoạt động chỉ được ăn một lần một ngày. Tuy nhiên, trước khi dịch bùng phát, 91,7% số người được hỏi có thể ăn ba bữa một ngày và phần còn lại là hai bữa một ngày. Người nghèo trên khắp cả nước đang phải chịu cảnh thiếu lương thực đầy đủ và dinh dưỡng trầm trọng, khiến họ có nguy cơ mắc các vấn đề sức khỏe lâu dài [Ali, M., Bhuiyan, M., 2020].

Để đối phó với những thiệt hại về thu nhập, ở khu vực thành thị, 69% hộ gia đình đã giảm tiêu thụ thực phẩm; cùng một số người nhận sự giúp đỡ từ bạn bè của họ. Tổng số 38% hộ gia đình nhận được sự giúp đỡ của chính phủ trong khi 42% sử dụng tiền tiết kiệm của họ. Trong số các hộ gia đình nông thôn, 63% giảm tiêu thụ thực phẩm, 50% nhận được sự giúp đỡ từ bạn bè trong khi 33% được chính phủ giúp đỡ, 55% phải sử dụng tiền tiết kiệm, 22% hộ tìm kiếm việc làm thêm và 22% có được tín dụng [Genoni, M. E., Khan, A. I., Nandini, K., Nethra, P., & Wameq, R., 2020].

Giãn cách xã hội là biện pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn sự lây lan của Covid-19, tuy nhiên, biện pháp này cũng tạo ra những tác động nghiêm trọng đến sinh kế của đa số người dân, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương. Tiền công lao động thời vụ hay tiền công đi làm xa gửi về nhà là nguồn thu nhập quan trọng thứ hai của các hộ nông dân nghèo và cận nghèo. Nguồn thu nhập này thường giúp các gia đình có thêm tiền để bổ sung đạm trong bữa ăn, mua các vật dụng thiết yếu và thanh toán hóa đơn dịch vụ công ích. Không chỉ vậy, từ quý IV năm 2019, tình trạng sinh kế và an ninh lương thực trở nên xấu đi tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long do ảnh hưởng nặng nề của hạn hán và xâm nhập mặn. Thu nhập hàng ngày hạn chế có thể dẫn đến các cách giải quyết tiêu cực như bỏ bữa hoặc cắt giảm bữa ăn, ưu tiên thực phẩm cho trẻ em hoặc bán tư liệu sản xuất. Tại tỉnh Cà Mau, nhiều gia đình chỉ vừa mới thoát nghèo đã phải đối mặt với những khó khăn trong việc tiếp cận đủ nguồn thực phẩm và khôi phục hoạt động sinh kế [FAO, 2020]. Các hộ không được hưởng chính sách trợ giúp xã hội của Chính phủ do không hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, ví dụ như công nhân xây dựng, lao động lái phà/chèo thuyền, lao động sản

xuất dụng cụ đánh bắt cá, thợ cắt tóc... không có tên trong danh sách đối tượng được hưởng gói hỗ trợ tiền mặt ứng phó với Covid-19. Họ đành phải phụ thuộc vào một vài công việc không ổn định để có tiền mua thức ăn.

Tác động dài hạn đến tình trạng nghèo đói và dễ bị tổn thương, bất bình đẳng gia tăng vẫn là mối quan ngại lớn. Covid-19 làm gia tăng căng thẳng kinh tế cho tất cả mọi người, bao gồm việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản cho trẻ em, chăm sóc y tế cho phụ nữ và trẻ em, đặc biệt cho người khuyết tật và các đối tượng sống ở vùng sâu vùng xa. Theo một cuộc khảo sát, 57% người được phỏng vấn bị mất việc và 25% bị cắt giảm lương trong thời gian giãn cách xã hội, trong đó, 44% số người được hỏi không có thu nhập và 40% bị cắt giảm thu nhập cũng trong giai đoạn này [UNICEF, 2020]. Một nửa số hộ gia đình nông thôn tham gia khảo sát cho biết thu nhập của họ giảm trung bình 38% và 78% hộ cho biết thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp giảm trung bình 46% [Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, 2020]. Trên toàn quốc, 71% trong số 38 triệu lao động đang làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, phần lớn không được hưởng chính sách an sinh xã hội, cũng như các chính sách trợ giúp xã hội từ nguồn thuế và bảo hiểm xã hội đóng góp. Điều này có nghĩa người lao động trong khu vực này không có lựa chọn nào khác ngoài tiếp tục làm việc hoặc không tự cách ly, do đó có nguy cơ gặp rủi ro sức khỏe và rủi ro khác cao hơn. Tội phạm xảy ra trong bối cảnh đại dịch do sự bất bình đẳng và thiếu hỗ trợ dành cho những đối tượng thiệt thòi và dễ bị tổn thương - những người vốn đã bị bỏ mặc, bạo hành gia đình, lạm dụng ma túy và thất nghiệp - có thể khiến lộ trình phục hồi hậu đại dịch đi chệch hướng.

Vấn đề thiếu hụt dinh dưỡng của các đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là trẻ em bị giữ ở nhà mà không được ăn uống đầy đủ và không được ăn bữa trưa ở trường, là một mối lo ngại lớn. Do trường học đóng cửa, nhiều trẻ bị bỏ ở nhà cả ngày và tự chăm sóc bản thân. Việc này có thể dẫn đến chế độ ăn uống không lành mạnh hoặc thậm chí là những lo ngại về an toàn thực phẩm nếu cha mẹ hoặc người chăm sóc dành ít sự quan tâm cho trẻ. 70,4% người tham gia phỏng vấn sống tại khu vực thành thị cho biết con của họ ăn ít bữa trong ngày hơn với tần suất cao hơn so với 29,6% cha mẹ và người chăm sóc sống tại nông thôn. Kết quả phỏng vấn cũng cho

thấy chất lượng bữa ăn giảm từ khi đại dịch bùng phát do giá thực phẩm tăng và gia đình bị mất nguồn thu nhập. Tại những khu vực còn khó khăn và ở vùng sâu vùng xa, trẻ em trong các gia đình nghèo nhiều khả năng ăn chế độ không bổ dưỡng. Vấn đề xảy ra do cha mẹ của những trẻ này thiếu hụt kiến thức, cộng với tình hình tài chính bất ổn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế ngày càng trầm trọng. Những thay đổi về tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em xét về tình trạng thấp còi, gầy còm và suy dinh dưỡng cấp tính nặng cũng như thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn dặm rất khó xác định trong ngắn hạn và cần phải đánh giá và theo dõi thêm [Viện Dinh dưỡng, 2020].

Trên thực tế cắt giảm chi tiêu dường như là lựa chọn và do đó, chất lượng sống và sinh hoạt của họ cũng đi xuống, an sinh không được đảm bảo. Đa phần người lao động cho biết chi phí cho ăn uống giảm xuống, trong đó hơn 1/3 người được hỏi cho biết họ phải cắt giảm, nhiều chi phí liên quan đến ăn uống. Liên quan đến lý do cắt giảm chi phí ăn uống, 75,8% cho biết do những khó khăn bởi Covid gây nên, 50,4% những người trả lời cho biết họ không đủ tiền để mua đủ nhu cầu bình thường nên phải giảm chi phí ăn uống. Việc không đủ chi phí để đáp ứng nhu cầu ăn uống bình thường cho thấy tình trạng cực kỳ khó khăn của người lao động, ngay cả với nhu cầu tối thiểu là ăn uống để tái tạo sức lao động, cũng không đạt được ở mức bình thường [Lê Phương Hòa, 2021].

Những điều chỉnh liên quan đến ăn uống của người lao động trong đó lựa chọn giảm thịt được lựa chọn nhiều nhất (72,33%) trong bối cảnh giá thịt tăng và để tiết kiệm chi phí. Ăn nhiều rau hơn hay ăn mỳ tôm nhiều hơn là những lựa chọn tiếp theo, thậm chí có đến 30 người lao động cho biết họ phải giảm bữa, gộp bữa. Số người được cung cấp thực phẩm ở quê không nhiều. Ngay cả trong tâm dịch đợt 1 nhưng số người tích trữ đồ ăn do sợ thiếu hụt cũng không nhiều (35,67%), điều này một phần là do tâm lý không quan ngại về sự thiếu hụt đồ ăn nhưng phần lớn là do hạn chế về tài chính và điều kiện cất giữ, bảo quản khi người lao động ở thuê đều là những chỗ không tiện nghi [Lê Phương Hòa, 2021].

Các báo cáo và kết quả nghiên cứu đã cho thấy những tác động tiêu cực mà Covid-19 đem lại đối với người lao động nói chung, người lao động khu vực kinh tế

phi chính thức nói riêng, ngay cả đối với một trong những nhu cầu cơ bản nhất của con người- nhu cầu được bảo đảm an ninh lương thực. Từ những nghiên cứu về tác động tiêu cực này đối với việc bảo đảm an ninh lương thực, có thể phân nào hình dung về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

1.3. Đánh giá chung về những thành tựu nghiên cứu mà luận án kế thừa và những khoảng trống mà luận án cần đi sâu nghiên cứu

Qua tổng hợp, nghiên cứu các tài liệu về sinh kế, sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trong và ngoài nước, nghiên cứu sinh nhận thấy một số vấn đề sau:

Một là, với các cách tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu đã xây dựng được cơ sở lý luận về sinh kế, khung sinh kế bền vững, sinh kế của người lao động phi chính thức. Tuy nhiên, còn có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất về thuật ngữ, nội hàm các thuật ngữ này (thuật ngữ livelihood có người dịch là sinh kế, có người dịch là mưu sinh,...). Một số nhà nghiên cứu nước ngoài mặc dù coi sinh kế (livelihood) đơn thuần là các hoạt động vì mục đích kiếm sống, mục đích kinh tế, nhiều nghiên cứu đã vận dụng và phát triển khung phân tích sinh kế bền vững của DFID (1998) làm cơ sở khoa học để xem xét vấn đề sinh kế như các tài sản, vốn tự nhiên, vốn con người và vốn xã hội (có nhà nghiên cứu gọi là vốn văn hóa).

Hai là, việc vận dụng lý thuyết về sinh kế, sinh kế bền vững,... trong các công trình nghiên cứu là khá phổ biến, như các công trình nghiên cứu về biến đổi mô hình sinh kế, nghiên cứu về hiệu quả sinh kế, các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế,... Tuy nhiên, việc vận dụng lý thuyết này trong nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức còn hạn chế. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 mới xuất hiện và bùng phát, gây ra những hệ lụy khó đong đếm được, trong đó có những ảnh hưởng, tác động mạnh đến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức ở khu vực đô thị, trong đó có thủ đô Hà Nội.

Ba là, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là những đối tượng đặc thù, họ không có hợp đồng lao động, hoặc chỉ có hợp đồng giao khoán hoặc hợp đồng thỏa thuận bằng miệng hoặc có ký hợp đồng từ 1 tháng trở lên nhưng không được chủ

sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề của họ thường thấp, việc làm thường bấp bênh, do vậy, thu nhập của họ thường không ổn định. Khi đại dịch Covid-19 bùng phát, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức dễ bị tổn thương do mất sinh kế, mất thu nhập và cần tới sự trợ giúp xã hội. Trong khi họ là lực lượng tương đối đông đảo trong cơ cấu lao động, nhất là tại khu vực đô thị. Nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19, vì vậy, cần được tiến hành một cách khoa học, hệ thống, với những thông tin thu thập từ chính những người trong cuộc. Với cách tiếp cận này, nghiên cứu sinh hi vọng phần nào bổ sung thêm vào khoảng trống nghiên cứu về vấn đề này, không chỉ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu trong đại dịch Covid-19 mà còn có giá trị tham khảo khi đối mặt với những đại dịch khác.

1.4. Tiêu kết chương 1

Trong chương 1, nghiên cứu sinh đã phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, bao gồm các công trình nghiên cứu của các tác giả về sinh kế của người lao động, sinh kế bền vững và các nghiên cứu về vấn đề lao động, việc làm, thu nhập, an ninh lương thực,... của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19. Dựa trên việc phân tích các nghiên cứu của các tác giả trong nước và quốc tế, nghiên cứu sinh đã đánh giá các thành tựu lớn mà những công trình đã đạt được và những điểm nghiên cứu sinh có thể kế thừa, mở rộng, đào sâu nghiên cứu trong luận án “Sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19” (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hà Nội).

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dẫn nhập

Chương này trình bày cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án, qua đó thiết lập nền tảng khoa học cho quá trình phân tích và luận giải ở các chương tiếp theo. Nội dung quan trọng đầu tiên của chương trình các khái niệm công cụ được sử dụng trong nghiên cứu, bao gồm khái niệm sinh kế, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đại dịch Covid-19 và một số khái niệm liên quan khác. Việc xác định rõ nội hàm và phạm vi của các khái niệm này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong tiếp cận lý luận, đồng thời tạo cơ sở cho việc thiết kế công cụ thu thập dữ liệu và phân tích kết quả nghiên cứu.

Nội dung quan trọng thứ hai của chương trình bày một số lý thuyết để phân tích sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Trong đó, tiếp cận sinh kế bền vững được sử dụng làm khung lý thuyết trung tâm, kết hợp với các lý thuyết liên quan đến lao động, bất bình đẳng xã hội và an sinh xã hội, nhằm phân tích mối quan hệ giữa các loại vốn sinh kế, chiến lược sinh kế, kết quả sinh kế và khả năng ứng phó của người lao động trước các cú sốc do đại dịch gây ra. Việc vận dụng các lý thuyết này giúp luận án không chỉ mô tả thực trạng sinh kế, mà còn làm rõ cơ chế tác động và sự biến đổi của sinh kế trong điều kiện rủi ro và bất định.

Một nội dung quan trọng nữa của chương này tập trung bày quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam liên quan đến lao động, việc làm, sinh kế và an sinh xã hội đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Những quan điểm và chính sách này không chỉ đóng vai trò là cơ sở chính trị - pháp lý của nghiên cứu, mà còn góp phần định hướng cách tiếp cận và lựa chọn khung phân tích của luận án.

Cuối cùng, chương này trình bày phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án, bao gồm phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu. Cụ thể, luận án kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, trong đó phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu thực nghiệm từ người lao động

khu vực kinh tế phi chính thức tại thành phố Hà Nội, còn phương pháp phỏng vấn sâu và phân tích tài liệu được sử dụng nhằm bổ trợ và làm sâu sắc hơn các kết quả định lượng. Việc lựa chọn và kết hợp các phương pháp nghiên cứu này nhằm bảo đảm độ tin cậy và tính toàn diện của dữ liệu, đồng thời tạo cơ sở khoa học vững chắc cho việc phân tích thực trạng sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 ở các chương tiếp theo.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Các khái niệm công cụ

2.2.1.1. Khái niệm sinh kế

Theo Chambers & Conway, khái niệm sinh kế được tiếp cận như một thuật ngữ phản ánh mối quan hệ giữa năng lực của con người, các loại tài sản và những hoạt động nhằm bảo đảm cách sinh sống. Cụ thể, “Sinh kế bao gồm năng lực, tài sản (hàng hóa, nguồn lực, quyền và cơ hội) và hoạt động cần thiết để tạo nên cách thức kiếm sống” [Chambers, R. & Conway, 1991, tr.6]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh ba hợp phần quan trọng tạo nên một sinh kế gồm tài sản, năng lực và hoạt động cần thiết để kiếm sống.

Theo Wedgwood, Hensleigh (1855), sinh kế được hiểu là “phương tiện đảm bảo nhu cầu cơ bản của con người gồm thức ăn, nước uống, chỗ ở và quần áo cho cuộc sống” [Wedgwood, Hensleigh, 1955, tr. 68]. Trên cơ sở đó, sinh kế được quan niệm như một tập hợp các hoạt động thiết yếu gắn với đời sống thường nhật của con người, diễn ra trong suốt vòng đời cá nhân. Các hoạt động này bao gồm việc bảo đảm các điều kiện sống cơ bản như nước, lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, thuốc men, chỗ ở và quần áo. Sinh kế của một cá nhân, vì vậy, gắn chặt với khả năng tiếp cận và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu không chỉ cho bản thân mà còn cho hộ gia đình của họ.

Trong cách tiếp cận hiện đại, sinh kế được xem xét trong mối quan hệ với môi trường dễ bị tổn thương và các cấu trúc xã hội - thể chế. Con người sử dụng các loại vốn khác nhau (sức lao động, tài nguyên thiên nhiên, vật chất, tài chính, công nghệ và vốn xã hội,...) trong khuôn khổ sự quản lý của các tổ chức, thiết chế và chính sách để duy trì và phát triển sinh kế. Theo Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc

Anh (Department for International Development - DFID), “sinh kế bao gồm các khả năng, các tài sản (bao gồm tất cả các vốn vật chất và xã hội) và các hoạt động cần thiết để kiếm sống” [DFID, 1999]. Cách định nghĩa này làm rõ hơn mối liên hệ giữa năng lực cá nhân, nguồn lực xã hội và các hoạt động kinh tế - xã hội cụ thể.

Trong lĩnh vực nghiên cứu sinh kế, Scoones (1998) đưa ra định nghĩa có ảnh hưởng rộng rãi khi cho rằng “sinh kế bao gồm năng lực, vốn (bao gồm các vốn vật chất và vốn xã hội) và các hoạt động cần thiết làm phương tiện sống của con người” [Scoones, 1998]. Tiếp cận này nhấn mạnh sự kết hợp giữa các nguồn lực và các quyết định hành động của con người trong quá trình mưu sinh. Theo Kollmair và Gamper (2002), sinh kế được hiểu là sự tập hợp các vốn và khả năng mà con người có được, kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực hiện để kiếm sống cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của mình [Scoones, I., 1998].

Dựa trên cách tiếp cận sinh kế bền vững của DFID (2001) và các nghiên cứu kinh điển của Scoones (1998), Chambers và Conway (1992), Kollmair và Gamper (2002), tài sản sinh kế được hiểu là tổng hòa các loại vốn mà cá nhân và hộ gia đình có thể huy động, bao gồm vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn con người, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn văn hóa. Kế thừa và vận dụng khung phân tích này, luận án tập trung phân tích năm loại vốn sinh kế chủ yếu của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Cụ thể, vốn tự nhiên được xem xét chủ yếu thông qua vốn đất đai, với các chỉ báo đo lường bao gồm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất (đất đầu thầu, đất thuê hoặc đất có quyền sử dụng hợp pháp) và diện tích đất đang sử dụng. Vốn vật chất được hiểu là hệ thống cơ sở hạ tầng và các loại tài sản, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động sinh kế, được đo lường thông qua điều kiện nhà ở (loại hình nhà ở, diện tích, quyền sở hữu), phương tiện đi lại và các công cụ, máy móc, xưởng sản xuất phục vụ sản xuất, kinh doanh. Vốn tài chính phản ánh các nguồn lực tài chính mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng để xây dựng và triển khai chiến lược sinh kế, được đánh giá thông qua quy mô vốn hiện có cũng như khả năng tiếp cận các nguồn vốn phục vụ đầu tư sinh kế. Vốn con người được tiếp cận như tổng hợp các kỹ năng, tri thức, năng lực lao động và tình trạng sức khỏe, trong đó luận án tập trung phân tích hai khía cạnh then chốt là sức khỏe thể chất và sức khỏe

tin thần của người lao động. Cuối cùng, vốn xã hội được xem là các mối quan hệ và mạng lưới xã hội mà người lao động có thể huy động nhằm theo đuổi mục tiêu sinh kế, với trọng tâm phân tích là các quan hệ gia đình và quan hệ xã hội rộng hơn trong cộng đồng.

Trên cơ sở đó, luận án thống nhất khái niệm hoạt động sinh kế là những hoạt động kiếm sống của con người, trong đó các loại vốn sinh kế sẵn có (vốn con người, tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội...) được huy động và kết hợp trong một bối cảnh cụ thể nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của cá nhân và gia đình. Theo cách hiểu này, hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không chỉ hướng tới mục tiêu tạo ra thu nhập trước mắt mà còn nhằm đảm bảo sinh kế bền vững, thể hiện ở khả năng ứng phó và phục hồi trước các cú sốc (chẳng hạn như đại dịch Covid-19), đồng thời duy trì và gia tăng các loại vốn cho tương lai.

Về kết quả sinh kế, theo DFID (2001), đây là những thành quả mà hộ gia đình đạt được thông qua việc kết hợp và sử dụng các loại vốn sinh kế khác nhau để thực hiện các chiến lược sinh kế, đồng thời phản ánh những mục tiêu mà con người mong muốn đạt được trong cả ngắn hạn và dài hạn (Dorward và Poole, 2003). Ngân hàng Phát triển châu Á (2007) cho rằng kết quả sinh kế được thể hiện thông qua sự gia tăng và cải thiện các nguồn vốn sinh kế, bao gồm sự gia tăng tài sản và thu nhập, mức độ cải thiện điều kiện sống và phúc lợi, cảm nhận về sự ổn định trong đời sống và an ninh sinh kế, vai trò và mức độ tham gia của cá nhân trong cộng đồng, cũng như khả năng mở rộng quy mô sản xuất. Trên cơ sở đó, trong luận án này, kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được tập trung phân tích trên các khía cạnh cốt lõi là thu nhập, tích lũy, ổn định việc làm và mức độ hài lòng với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

2.2.1.2. Khái niệm khu vực kinh tế phi chính thức

Khái niệm về khu vực kinh tế phi chính thức lần đầu tiên được thông qua năm 1993 tại Hội nghị quốc tế về thống kê lao động lần thứ 15 (ICLS 15). Khu vực kinh tế phi chính thức ở nước ta được xác định là “Khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu một cách chung nhất, là tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Các đơn vị này thường hoạt động với tổ chức quy mô nhỏ, quan hệ lao động

chủ yếu dựa trên lao động không thường xuyên, quan hệ họ hàng hoặc quan hệ cá nhân hơn là những quan hệ qua hợp đồng với những đảm bảo chính thức” [Tổng cục Thống kê và ILO, 2016, tr.3].

Định nghĩa này đã nhấn mạnh ba đặc trưng cơ bản của khu vực kinh tế phi chính thức: mục tiêu tạo việc làm và thu nhập cho người lao động; quy mô tổ chức nhỏ; và các quan hệ lao động mang tính phi chính thức, chủ yếu dựa trên quan hệ cá nhân hoặc gia đình thay vì hợp đồng lao động chính thức. Cách tiếp cận này giúp phân biệt khu vực kinh tế phi chính thức với khu vực kinh tế chính thức. Trong luận án, định nghĩa này được sử dụng như một cơ sở khái niệm để xác định đối tượng nghiên cứu, qua đó tập trung phân tích những nhóm lao động làm việc trong các đơn vị sản xuất - kinh doanh quy mô nhỏ, thiếu các bảo đảm pháp lý và an sinh chính thức. Trên cơ sở đó, luận án có thể làm rõ mức độ tổn thương sinh kế, khả năng thích ứng cũng như các chiến lược sinh kế của người lao động khu vực phi chính thức trước những cú sốc kinh tế - xã hội do đại dịch gây ra.

2.2.1.3. Khái niệm việc làm phi chính thức

Tác giả Cling và cộng sự cho rằng: “Việc làm phi chính thức là việc làm không được bảo hiểm xã hội” [Cling và cộng sự, 2010, tr.5].

Trong bài viết giới thiệu về các khái niệm chuẩn quốc tế liên quan đến việc làm phi chính thức, các tác giả cho rằng: Việc làm phi chính thức là tổng số việc làm thực hiện trong doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế chính thức, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế phi chính thức hay hộ gia đình trong một thời kỳ nhất định [Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, 2008, tr.41].

Theo tổ chức ILO: “Việc làm phi chính thức bao gồm tất cả các thỏa thuận việc làm trong đó không trang bị cho cá nhân người lao động sự bảo vệ về mặt pháp lý hoặc xã hội thông qua công việc của họ, do đó khiến họ dễ gánh chịu các rủi ro kinh tế. Định nghĩa này bao gồm cả người lao động làm việc trong khu vực phi chính thức và người lao động làm việc phi chính thức bên ngoài khu vực phi chính thức” [ILO, 2021, tr.16].

Trong nội dung luận án, nghiên cứu sinh sử dụng khái niệm việc làm phi chính thức theo cách định nghĩa của ILO, trong đó nhấn mạnh đến tính chất bấp bênh về việc làm của người lao động đang có việc làm diện này.

2.2.1.4. Khái niệm lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Theo định nghĩa của Tổng cục thống kê và ILO năm 2016, lao động phi chính thức bao gồm:

- Lao động tự làm trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của chính họ thuộc khu vực kinh tế phi chính thức;
- Người chủ làm việc trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của chính họ thuộc khu vực kinh tế phi chính thức;
- Lao động gia đình, không kể họ làm việc trong đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế chính thức hay khu vực kinh tế phi chính thức;
- Xã viên của hợp tác xã thuộc khu vực kinh tế phi chính thức;
- Lao động làm công ăn lương với công việc phi chính thức trong các đơn vị sản xuất kinh doanh chính thức, lao động làm công ăn lương trong các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức, hay lao động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình;
- Người tự làm tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ dùng cho nhu cầu tự tiêu dùng của chính hộ gia đình họ [Tổng cục Thống kê và ILO, 2016, tr.3-4].

Cũng theo Tổng cục Thống kê và ILO, “Lao động phi chính thức có một số đặc điểm dễ nhận thấy như: việc làm bấp bênh, thiếu ổn định, thu nhập thấp, thời gian làm việc dài; không có hợp đồng lao động hoặc có nhưng không được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, không được chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác. Những người lao động này thường luẩn quẩn trong đói nghèo, hạn chế về năng lực, kiến thức và điều kiện kinh tế, do đó không có nhiều cơ hội để hòa nhập xã hội” [Tổng cục Thống kê và ILO, 2016, tr.2].

Trong luận án này, khái niệm lao động phi chính thức ở trên được vận dụng nhằm nhận diện các nhóm lao động tham gia vào khu vực việc làm phi chính thức nhưng không đề cập đến hoạt động kinh tế bất hợp pháp bị pháp luật cấm ở Việt Nam (như sản xuất, buôn bán ma túy, hoạt động mại dâm, cờ bạc,...). Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung phân tích những đặc điểm đặc trưng của lao động phi chính thức như tính bấp bênh của việc làm, thu nhập thấp, thiếu các cơ chế bảo vệ và an sinh xã hội,

qua đó làm rõ những thách thức về sinh kế, khả năng thích ứng và mức độ dễ bị tổn thương của nhóm lao động này trong bối cảnh các biến động kinh tế - xã hội do đại dịch Covid-19.

2.2.1.5. Khái niệm đại dịch Covid-19

Theo Johns Hopkins “Covid-19 là bệnh do virus SARS-CoV-2 gây ra, một loại coronavirus xuất hiện vào tháng 12 năm 2019. Virus Corona là một loại virus, có nhiều loại khác nhau, và một số loại, như Covid-19, gây bệnh và đôi khi dẫn đến tử vong” [Johns Hopkins Medicine, 2020].

Đại dịch bệnh do vi-rút corona 2019 (Covid-19) là sự bùng phát toàn cầu của vi-rút corona - một bệnh truyền nhiễm do vi-rút corona gây hội chứng hô hấp cấp tính nặng 2 (SARS-CoV-2) gây ra.

Các trường hợp nhiễm virus corona mới (nCoV) đầu tiên được phát hiện tại Trung Quốc vào tháng 12 năm 2019, sau đó virus lây lan nhanh chóng sang các quốc gia khác trên thế giới. Điều này khiến WHO phải tuyên bố Tình trạng Khẩn cấp Y tế Công cộng Quốc tế vào ngày 30 tháng 1 năm 2020 và chính thức công bố dịch bệnh là đại dịch vào ngày 11 tháng 3 năm 2020.

Dấu mốc đầu tiên của dịch Covid-19 tại Việt Nam được xác lập vào ngày 23/1/2020. Khi số ca bệnh tăng lên, để ngăn chặn sự lây lan, Chính phủ Việt Nam ban hành Chỉ thị 16 từ ngày 1/4/2020, yêu cầu cách ly toàn xã hội.

Việt Nam không chỉ chứng kiến một lần dịch bệnh xuất hiện, mà là chuỗi đợt bùng phát kéo dài từ năm 2020 đến hết 2023. Mỗi đợt có quy mô, đặc điểm lâm sàng và tác động xã hội khác nhau. Việc phân tích từng đợt sẽ giúp trả lời chính xác câu hỏi dịch Covid-19 năm nào gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến cộng đồng và hệ thống y tế. Dưới đây là 4 đợt dịch Covid-19 lớn bùng phát tại Việt Nam, bao gồm:

Đợt 1 (23/1 - 24/7/2020): số ca còn thấp (415 ca) và chưa ghi nhận ca tử vong. Tuy nhiên, phản ứng phòng dịch được triển khai mạnh mẽ như: cách ly tập trung; đóng cửa biên giới; phong tỏa từng khu vực có nguy cơ.

Đợt 2 (25/7/2020 - 27/1/2021): ghi nhận ca tử vong đầu tiên do Covid-19. Tổng cộng 1.136 ca nhiễm và 35 người tử vong. Ở đợt này, virus đã xâm nhập sâu hơn vào cộng đồng, đòi hỏi hệ thống y tế nâng mức cảnh báo và hành động nhanh hơn.

Đợt 3 (28/1 - 26/4/2021): ghi nhận 1.301 ca mắc. Đặc điểm nổi bật là lây lan trong môi trường lao động, gây gián đoạn chuỗi cung ứng. Biện pháp giãn cách diện rộng được áp dụng để giữ ổn định kinh tế và sức khỏe cộng đồng.

Đợt 4 (27/4/2021 - 31/10/2023): giai đoạn nghiêm trọng nhất với hơn 11,6 triệu ca mắc và 43.171 ca tử vong. Biến chủng Delta và Omicron xuất hiện, lây lan mạnh. Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh phía Nam chịu áp lực cực lớn. Chính phủ chuyển từ chiến lược “Zero Covid” sang thích ứng linh hoạt [Bộ Y tế, 2023].

Để thuận lợi cho quá trình nghiên cứu và thu thập thông tin từ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, nghiên cứu chia các giai đoạn liên quan đến sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 thành 2 mốc thời gian: **Giai đoạn Covid-19**: từ khi đại dịch bắt đầu xuất hiện đến hết tháng 12/2021 (trước khi bắt đầu giai đoạn bình thường mới ở nước ta); **Giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9/2022**: giai đoạn bình thường mới, thích ứng linh hoạt với Covid-19 (sau đây sẽ gọi thống nhất là giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) hoặc ngắn gọn hơn là giai đoạn bình thường mới).

2.2.2. Một số lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu

2.2.2.1. Lý thuyết thích ứng và vận dụng lý thuyết thích ứng trong nghiên cứu sinh kế của người lao động khu vực phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Lý thuyết thích ứng là một hướng tiếp cận quan trọng trong khoa học xã hội nhằm giải thích cách cá nhân và các nhóm xã hội điều chỉnh hành vi, chiến lược và nguồn lực của mình để phản ứng với những biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Nền tảng của tư duy về thích ứng có thể được truy nguyên từ lý thuyết phát triển nhận thức của Jean Piaget, theo đó con người thích ứng với môi trường thông qua hai cơ chế cơ bản là đồng hóa (assimilation) và điều tiết (accommodation); hai quá trình này cho phép cá nhân điều chỉnh các cấu trúc nhận thức hiện có để xử lý thông tin và tình huống mới [Rabindran and Darshini Madanagopal (2020)]. Trong xã hội học, khái niệm thích ứng được mở rộng để giải thích cách các cá nhân và nhóm xã hội phản ứng với những thay đổi của cấu trúc xã hội và các điều kiện kinh tế. Chẳng hạn, Robert K. Merton trong lý thuyết về cấu trúc xã hội và tình trạng vô chuẩn (anomie) đã chỉ ra rằng các cá nhân có thể thích ứng với những áp lực của cấu trúc xã hội thông qua các kiểu phản ứng khác nhau như tuân thủ, đổi mới, nghi thức, thoái lui và nổi

loạn [Merton, Robert K. (1938)]. Những cách thích ứng này phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của con người trước các ràng buộc và cơ hội của môi trường xã hội.

Trong các nghiên cứu về hành vi đối phó với khủng hoảng và biến động xã hội, các nhà nghiên cứu như Richard Lazarus và Susan Folkman cũng nhấn mạnh rằng thích ứng là quá trình cá nhân huy động các nguồn lực vật chất, tâm lý và xã hội để đối phó với các tình huống căng thẳng và bất định [Lazarus, R.S., and S. Folkman (1984)]. Từ góc độ này, thích ứng không chỉ là phản ứng thụ động trước hoàn cảnh mà còn là quá trình chủ động điều chỉnh chiến lược hành động nhằm duy trì sự ổn định của đời sống và giảm thiểu rủi ro.

Việc vận dụng lý thuyết thích ứng (Theory Adaptation) trong luận án được thể hiện trên một số phương diện cụ thể:

Thứ nhất, lý thuyết thích ứng được sử dụng để lý giải những biến đổi trong sinh kế của lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi họ phải đối mặt với tình trạng mất việc làm hoặc thiếu việc làm do các biện pháp giãn cách xã hội nhằm phòng chống dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, lý thuyết giúp phân tích các điều chỉnh trong chiến lược sinh kế của người lao động, thể hiện qua sự thay đổi nghề nghiệp, thời gian làm việc, mức thu nhập cũng như cách thức tổ chức lao động. Qua việc phân tích những thay đổi này, nghiên cứu phác họa bức tranh tổng thể về thực trạng sinh kế của lao động khu vực phi chính thức trong bối cảnh đại dịch, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm bảo đảm việc làm và thu nhập cho nhóm lao động này trong những tình huống *khủng hoảng tương tự*.

Thứ hai, lý thuyết thích ứng được vận dụng để phân tích những thay đổi trong hành vi tiêu dùng và sinh hoạt của người lao động khi đại dịch Covid-19 bùng phát, đặc biệt trong giai đoạn giãn cách xã hội. Thông qua đó, nghiên cứu làm rõ các biện pháp ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhằm duy trì đời sống và ổn định sinh kế trong điều kiện nguồn thu nhập bị suy giảm.

Thứ ba, lý thuyết này cũng được sử dụng để đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các chính sách, biện pháp hỗ trợ do Nhà nước ban hành nhằm hỗ trợ người lao động khu vực phi chính thức trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Việc phân tích này giúp nhận diện những hạn chế cũng như những điểm cần điều chỉnh trong hệ thống chính sách an sinh xã hội đối với nhóm lao động dễ bị tổn thương.

Thứ tư, lý thuyết thích ứng còn được vận dụng để làm rõ vai trò của các chủ thể liên quan trong quá trình thích ứng với các rủi ro xã hội do dịch bệnh gây ra, bao gồm người lao động, cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội cũng như chính quyền các cấp. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng các cá nhân cần nhận thức rõ các rủi ro từ dịch bệnh như một thực tế khách quan để chủ động chuẩn bị các chiến lược ứng phó phù hợp, trong khi Nhà nước cần xây dựng các cơ chế và phương án dự phòng nhằm hỗ trợ xã hội thích ứng nhanh với những biến động đột ngột.

Tóm lại, lý thuyết thích ứng được sử dụng làm cơ sở lý luận để đánh giá khả năng thích nghi và ứng phó của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những tác động của đại dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, luận án góp phần làm rõ những biến đổi sinh kế của nhóm lao động này, đồng thời đề xuất các giải pháp chính sách nhằm hỗ trợ sinh kế và tăng cường khả năng chống chịu *của họ trước các cú sốc kinh tế - xã hội trong thời gian tới*.

2.2.2.2. Khung sinh kế bền vững và vận dụng khung sinh kế bền vững nghiên cứu sinh kế của người lao động khu vực phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Khung sinh kế bền vững (Sustainable Livelihood Framework - SLF) là một trong những cách tiếp cận quan trọng được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu phát triển và nghiên cứu nghèo đói. Khung phân tích này được phát triển bởi Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) nhằm giúp hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của con người, đặc biệt là các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Cách tiếp cận sinh kế bền vững đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, nhấn mạnh sự kết hợp giữa các nguồn lực, bối cảnh xã hội và chiến lược sinh kế mà các cá nhân hoặc hộ gia đình lựa chọn để đảm bảo cuộc sống [DFID, 1999].

Theo cách tiếp cận này, sinh kế được hiểu là sự kết hợp giữa năng lực, nguồn lực và các hoạt động cần thiết để duy trì cuộc sống. Một sinh kế được coi là bền vững khi nó có khả năng đối phó và phục hồi trước các cú sốc và áp lực, đồng thời duy trì hoặc nâng cao các nguồn lực trong hiện tại và tương lai mà không làm suy giảm nền tảng tài nguyên tự nhiên [DFID, 1999]. Quan niệm này cho thấy sinh kế không chỉ gắn với thu nhập mà còn liên quan đến nhiều khía cạnh khác như năng lực con người, mạng lưới xã hội, môi trường thể chế và khả năng thích ứng trước các rủi ro kinh tế - xã hội.

Khung sinh kế bền vững được xây dựng nhằm phân tích các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh kế và mối quan hệ giữa các yếu tố đó. Theo DFID, khung sinh kế bao gồm năm thành tố cơ bản: bối cảnh dễ bị tổn thương, nguồn vốn sinh kế, cấu trúc và thể chế, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế. Các thành tố này có mối quan hệ tương tác lẫn nhau và cùng định hình khả năng duy trì sinh kế của con người [DFID, 1999, tr. 1.1].

Trước hết, bối cảnh dễ bị tổn thương (vulnerability context) đề cập đến những yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng mạnh đến sinh kế của con người nhưng họ khó kiểm soát. Các yếu tố này thường bao gồm các cú sốc, xu hướng biến đổi và tính mùa vụ của nền kinh tế - xã hội. Những cú sốc có thể xuất hiện dưới nhiều dạng khác nhau như thiên tai, khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh hoặc xung đột xã hội. Bên cạnh đó, các xu hướng dài hạn như biến động kinh tế, thay đổi dân số hay tiến bộ công nghệ cũng có thể tác động đến cơ hội sinh kế của người dân. Ngoài ra, tính mùa vụ trong việc làm, giá cả hay nguồn lương thực cũng có thể làm gia tăng sự bất ổn trong sinh kế của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương [DFID, 1999, tr. 2.2].

Thứ hai, nguồn vốn sinh kế (livelihood assets) là nền tảng quan trọng để con người xây dựng và thực hiện các chiến lược sinh kế. Khung sinh kế bền vững xác định năm loại vốn cơ bản bao gồm: vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn tài chính. Vốn con người bao gồm trình độ học vấn, kỹ năng, sức khỏe và khả năng lao động của con người. Vốn xã hội đề cập đến các mối quan hệ xã hội, mạng lưới hỗ trợ và sự hợp tác trong cộng đồng. Vốn tự nhiên bao gồm các nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nước và môi trường sinh thái. Vốn vật chất liên quan đến cơ sở hạ tầng, nhà ở và các phương tiện sản xuất. Trong khi đó, vốn tài chính bao gồm thu nhập, tiết kiệm và khả năng tiếp cận tín dụng. Theo quan điểm của khung sinh kế bền vững, các loại vốn này thường được kết hợp linh hoạt với nhau để tạo ra các chiến lược sinh kế phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể [DFID, 1999, tr. 2.3].

Thứ ba, cấu trúc và thể chế (transforming structures and processes) đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cách thức phân bổ và tiếp cận các nguồn lực sinh kế. Các yếu tố này bao gồm hệ thống chính sách, luật pháp, các tổ chức nhà nước, thị trường và các chuẩn mực xã hội. Chúng có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc hạn chế

khả năng tiếp cận nguồn lực của các nhóm xã hội khác nhau. Do đó, việc phân tích các yếu tố thể chế giúp làm rõ bối cảnh xã hội và chính sách ảnh hưởng đến sinh kế của người dân [DFID, 1999, tr. 2.4].

Thứ tư, chiến lược sinh kế (livelihood strategies) là những lựa chọn và hoạt động mà con người thực hiện nhằm đạt được mục tiêu sinh kế của mình. Các chiến lược này có thể bao gồm nhiều hình thức khác nhau như sản xuất nông nghiệp, kinh doanh nhỏ, làm thuê, di cư lao động hoặc kết hợp nhiều hoạt động kinh tế khác nhau. Việc lựa chọn chiến lược sinh kế phụ thuộc vào khả năng tiếp cận nguồn lực, cơ hội kinh tế và điều kiện xã hội cụ thể của từng cá nhân hoặc hộ gia đình [DFID, 1999, tr. 2.5].

Cuối cùng, kết quả sinh kế (livelihood outcomes) phản ánh những mục tiêu mà con người mong muốn đạt được thông qua các chiến lược sinh kế. Những kết quả này có thể bao gồm tăng thu nhập, cải thiện phúc lợi, giảm mức độ dễ bị tổn thương, đảm bảo an ninh lương thực và sử dụng bền vững tài nguyên. Việc đánh giá các kết quả sinh kế giúp xác định mức độ thành công của các chiến lược sinh kế trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của con người [DFID, 1999, tr. 2.6].

Trong nghiên cứu về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, khung sinh kế bền vững cung cấp một công cụ phân tích phù hợp để làm rõ những biến đổi trong sinh kế của nhóm lao động này. Trước hết, đại dịch Covid-19 có thể được xem là một cú sốc lớn trong bối cảnh dễ bị tổn thương, tác động trực tiếp đến cơ hội việc làm, thu nhập và điều kiện sinh sống của người lao động phi chính thức. Các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế hoạt động kinh tế và gián đoạn chuỗi cung ứng đã làm suy giảm đáng kể nguồn thu nhập của nhiều nhóm lao động như người bán hàng rong, lao động dịch vụ nhỏ lẻ hay lao động tự do.

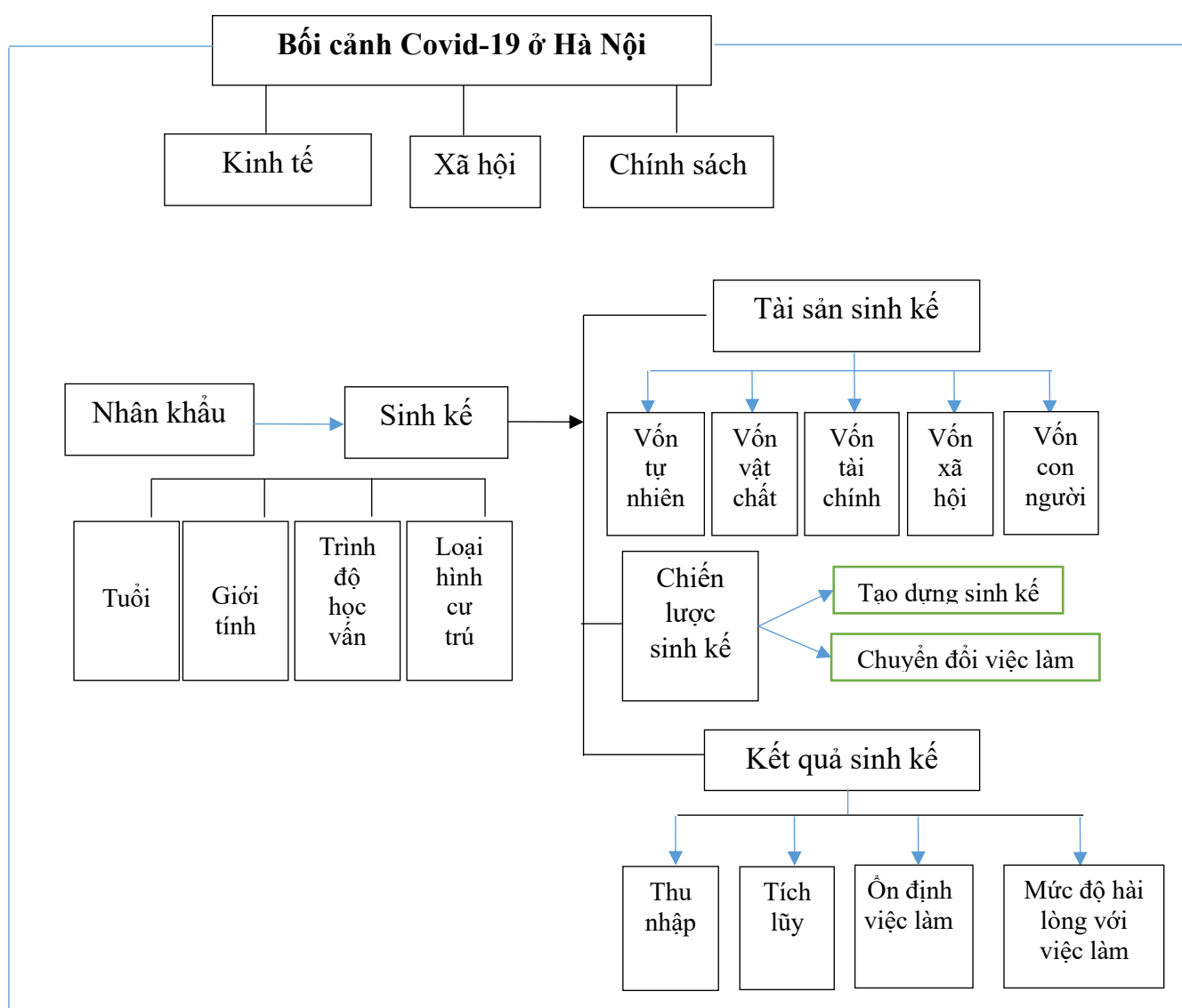
Bên cạnh đó, đại dịch cũng ảnh hưởng đến các nguồn vốn sinh kế của người lao động. Chẳng hạn, vốn tài chính bị suy giảm do mất việc làm hoặc giảm thu nhập; vốn xã hội có thể trở nên quan trọng hơn khi người lao động phải dựa vào các mạng lưới quan hệ để tìm kiếm việc làm hoặc hỗ trợ trong giai đoạn khó khăn; trong khi vốn con người như kỹ năng nghề nghiệp lại đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi sang các hình thức sinh kế mới.

Ngoài ra, các yếu tố thể chế như chính sách hỗ trợ của Nhà nước, hệ thống an sinh xã hội hay các quy định quản lý hoạt động kinh tế đô thị cũng có ảnh hưởng đáng

kể đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động khu vực phi chính thức. Trong bối cảnh đó, nhiều người lao động buộc phải điều chỉnh chiến lược sinh kế của mình, chẳng hạn như chuyển đổi nghề nghiệp, đa dạng hóa nguồn thu nhập hoặc dựa vào các mạng lưới xã hội để duy trì sinh kế.

Việc vận dụng khung sinh kế bền vững trong nghiên cứu này giúp phân tích một cách toàn diện những biến đổi trong sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức dưới tác động của đại dịch Covid-19. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng góp phần làm rõ khả năng thích ứng và phục hồi sinh kế của các nhóm lao động dễ bị tổn thương trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã hội.

2.2.3. Khung phân tích luận án



Khung phân tích này cho phép xem xét một cách hệ thống mối quan hệ giữa bối cảnh kinh tế - xã hội, các nguồn lực sinh kế, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế của người lao động. Cụ thể, khung phân tích của luận án bao gồm bốn nhóm yếu tố chính: bối cảnh Covid-19, đặc điểm cá nhân của người lao động, các nguồn vốn sinh kế, và kết quả sinh kế.

Trước hết, bối cảnh đại dịch Covid-19 tại Hà Nội được xem như một yếu tố ngoại sinh có tác động mạnh đến sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Bối cảnh này được phân tích thông qua ba khía cạnh chủ yếu gồm kinh tế, xã hội và chính sách. Những biến động về kinh tế, các biện pháp giãn cách xã hội cũng như các chính sách hỗ trợ hoặc kiểm soát của Nhà nước trong thời kỳ dịch bệnh đã làm thay đổi môi trường sinh kế và cơ hội việc làm của người lao động.

Thứ hai, luận án xem xét các đặc điểm cá nhân và nhân khẩu học của người lao động như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, loại hình cư trú và đặc điểm nhân khẩu của hộ gia đình. Những yếu tố này được coi là các biến trung gian có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn lực sinh kế cũng như khả năng thích ứng của người lao động trước những biến động do đại dịch gây ra.

Thứ ba, khung phân tích tập trung vào các nguồn vốn sinh kế của người lao động, bao gồm vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn con người. Đây là những nguồn lực quan trọng quyết định khả năng duy trì và tái tạo sinh kế của người lao động trong bối cảnh khủng hoảng. Việc phân tích các loại vốn này giúp làm rõ mức độ tổn thương cũng như năng lực thích ứng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi đối mặt với các cú sốc từ đại dịch.

Trên cơ sở các nguồn lực sinh kế, người lao động có thể lựa chọn các chiến lược sinh kế khác nhau nhằm duy trì cuộc sống. Trong bối cảnh Covid-19, các chiến lược này có thể bao gồm tạo dựng sinh kế mới, chấp nhận sự gián đoạn tạm thời của sinh kế hoặc chuyển đổi việc làm. Những chiến lược này phản ánh quá trình thích ứng của người lao động trước các biến động của thị trường lao động và môi trường kinh tế - xã hội.

Cuối cùng, kết quả sinh kế của người lao động được đánh giá thông qua các chỉ báo như thu nhập, mức độ ổn định việc làm và mức độ hài lòng với công việc.

Thông qua việc phân tích các kết quả sinh kế này, luận án có thể đánh giá mức độ tác động của đại dịch Covid-19 đến sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội, đồng thời làm rõ khả năng thích ứng và phục hồi sinh kế của nhóm lao động này trong bối cảnh khủng hoảng.

2.2.4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Kể từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đặc biệt kể từ công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn thực hiện đồng bộ nhiều chính sách giảm thiểu và khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường để bảo vệ người lao động, tạo môi trường và điều kiện để người lao động có cơ hội công bằng và bình đẳng trong tiếp cận các chính sách an sinh xã hội trên cơ sở bảo đảm quyền con người, trong đó có người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Tại Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Nghị quyết yêu cầu “Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Rà soát, bổ sung quy định buộc người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Phấn đấu đến năm 2020 có 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp” [Ban Chấp hành TW Đảng, 2012].

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020, đưa ra nhiệm vụ “Mở rộng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện cho nông dân, lao động khu vực phi chính thức” [Bộ Chính trị, 2012].

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đặt ra mục tiêu “đến năm 2021, phấn đấu đạt 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo

hiểm xã hội tự nguyện chiếm 1% lực lượng lao động trong độ tuổi” [Ban Chấp hành TW Đảng, 2018].

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nêu rõ trong nội dung về Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.47].

Những chủ trương, đường lối của Đảng đã được thể chế hóa thành các văn bản quan trọng của đất nước. Bảo đảm an sinh xã hội cho người dân nói chung, bao gồm cả lao động khu vực phi chính thức là một trong những quyền cơ bản của con người được hiến định tại Điều 34, Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” [Quốc hội, 2013].

Năm 2019, lần đầu tiên, Bộ Luật Lao động đưa ra khái niệm “người làm việc không có quan hệ lao động”: là một cá nhân làm việc không dựa trên cơ sở được thuê mướn, thuê làm việc thông qua một hợp đồng lao động. Vì một người làm việc không có quan hệ lao động, không làm việc theo hợp đồng lao động, nên người đó không phải chịu sự quản lý, điều hành và giám sát của công ty mà người đó làm việc cho. Do đó, khái niệm “người làm việc không có quan hệ lao động” có thể bao gồm nhiều cá nhân làm việc cho các công ty mà không theo hợp đồng lao động. Bộ Luật cũng quy định việc “xây dựng các cơ chế, thiết chế hỗ trợ phát triển quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định; thúc đẩy việc áp dụng quy định của Bộ luật này đối với người làm việc không có quan hệ lao động” (Khoản 4 Điều 212) [Quốc hội, 2019].

Ngày 1 tháng 2 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 146/QĐ-TTg Phê duyệt đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát với mục tiêu: 1) đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế chưa được quan sát nhằm phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn phạm vi, quy mô của nền kinh tế; 2) tiếp tục

đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê nói chung và nghiệp vụ biên soạn tài khoản quốc gia nói riêng, từng bước tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ thống kê quốc tế; 3) góp phần bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế. Trong các giải pháp đưa ra có yêu cầu: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý kinh tế về đăng ký sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và nghĩa vụ xã hội của các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế; quy định về sử dụng lao động, đào tạo nghề, cung cấp tín dụng, mức đóng và hưởng bảo hiểm xã hội; quy định về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và các quy định khác, góp phần đánh giá chính xác và thu hẹp phạm vi, quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát” [Thủ tướng Chính phủ, 2019].

Ngày 13-9-2019, Tổng cục Thống kê ban hành Công văn số 1127/TCTK-TKQG “Về hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình”. Theo đó, *“khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất sản phẩm (vật chất, dịch vụ) để bán, trao đổi và không phải đăng ký kinh doanh”*. Theo Tổng cục Thống kê, hiện nay, khái niệm về lao động phi chính thức được hiểu là những lao động có việc làm bấp bênh, thiếu ổn định, thu nhập thấp, không có hợp đồng lao động hoặc có, nhưng không được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, không được chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác [Tổng cục Thống kê, 2019].

Qua việc phân tích các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam, có thể thấy về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã đề cập đến “tính phi chính thức” của người lao động. Lao động khu vực phi chính thức đã tồn tại từ lâu và hiện đang giữ vị trí, vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo. Mặc dù vậy, những chủ trương trên chưa được thể chế, chi tiết hóa để giải quyết vấn đề lao động phi chính thức. Do vậy, cần xây dựng một giải pháp tiếp cận tổng thể đối với lao động phi chính thức tại Việt Nam, các chính sách và giải pháp chính sách cần đồng bộ nhằm mở rộng lao động chính thức và giảm bớt, thu hẹp lao động phi chính thức.

2.3. Địa bàn nghiên cứu

Hà Nội là thủ đô ngàn năm văn hiến của Việt Nam, trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế lớn, nổi bật với lịch sử lâu đời, văn hóa đặc sắc và cảnh quan thiên nhiên phong phú, mang đậm dấu ấn "Thành phố vì hòa bình" với nhiều di sản UNESCO và nét thanh lịch của người Tràng An.

Báo cáo tổng quan lao động có việc làm phi chính thức ở Hà Nội giai đoạn 2021 - 2023 do Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội thực hiện cho thấy: tính đến năm 2023, số lao động phi chính thức trên thị trường Hà Nội là 1,89 triệu người (tăng 15,3% so với năm trước) và chiếm 50,17% tổng số lao động có việc làm.

Lao động phi chính thức ở Hà Nội chủ yếu tập trung ở các ngành nghề có tính chất dễ thay đổi và không yêu cầu trình độ cao. Phần lớn họ có trình độ học vấn thấp hoặc những người đến từ khu vực nông thôn, thiếu cơ hội việc làm chính thức.

Lao động phi chính thức có thu nhập thấp hơn đáng kể so với lao động chính thức. Thu nhập từ công việc chính của người lao động trong năm 2021 - 2023 lần lượt đạt 6,305 triệu đồng; 8,572 triệu đồng và 8,303 triệu đồng, tương ứng lần lượt bằng 63%; 80% và 71% thu nhập của lao động khu vực chính thức cùng năm.

Xét về giới tính, có sự phân hóa rõ ràng trong thu nhập giữa nam và nữ ở cả hai nhóm lao động. Nam giới luôn có mức thu nhập cao hơn nữ giới trong tất cả các năm. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm sự khác biệt về loại công việc mà nam và nữ tham gia, cũng như bất bình đẳng giới trong việc tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp và thăng tiến.

Nam giới dù làm công việc chính thức hay phi chính thức đều có thu nhập cao hơn nữ giới trong cùng nhóm tới 3 triệu đồng. Năm 2022, thu nhập của lao động chính thức nam đạt 10,140 triệu đồng, của nữ giới nhóm này đạt 7,441 triệu đồng [Nhật Dương, 2024].

Theo khu vực thành thị - nông thôn, khoảng cách thu nhập giữa lao động chính thức và lao động phi chính thức tại Hà Nội cũng gia tăng đáng kể. Tại khu vực thành thị, chênh lệch thu nhập giữa lao động chính thức và lao động phi chính thức là 4 triệu đồng (bình quân thu nhập trong giai đoạn 2021 - 2023 của lao động chính thức là 12,026 triệu đồng so với chỉ 7,916 triệu đồng của lao động phi chính thức). Ở khu

vực nông thôn, mức chênh lệch này là 1,5 triệu đồng (bình quân thu nhập trong giai đoạn 2021 - 2023 của lao động chính thức là 9,037 triệu đồng so với 7,617 triệu đồng của lao động phi chính thức) [Trần Oanh, 2024].

Năm 2024, người lao động khu vực phi chính thức tại Hà Nội chiếm tỷ lệ lớn (với 51,6%), chủ yếu làm các công việc dịch vụ, buôn bán nhỏ, lao động phổ thông, có trình độ thấp, thu nhập bấp bênh, thiếu bảo hiểm và quyền lợi cơ bản, tạo ra thách thức lớn cho an sinh xã hội và kinh tế. Họ đối mặt rủi ro cao, thu nhập thấp hơn nhóm chính thức và cần các giải pháp hỗ trợ như chính sách bảo hiểm xã hội linh hoạt để mở rộng lưới an sinh.

Người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội có những đặc điểm chính như sau:

- Chiếm tỷ lệ cao: Với hơn 50% lực lượng lao động toàn thành phố.
- Ngành nghề: Dịch vụ nhỏ lẻ, buôn bán tự do, lao động phổ thông.
- Trình độ: Thường có trình độ học vấn thấp, nhiều người đến từ nông thôn.
- Thu nhập: Thấp hơn đáng kể so với lao động chính thức, không ổn định.
- Thiếu quyền lợi: Không có hợp đồng lao động rõ ràng, ít được hưởng BHXH, BHYT, và các chế độ phúc lợi khác [Quỳnh Chi, 2025].

2.4. Phương pháp nghiên cứu của luận án

2.4.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng chủ yếu cho phần tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Các tài liệu được tập trung phân tích gắn với chủ đề sinh kế nói chung và hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nói riêng, tổng quan nghiên cứu tập trung vào phân tích các vấn đề như vốn xã hội, vấn đề lao động, việc làm, thu nhập và cách ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra trong thời điểm đó, bao gồm các công trình nghiên cứu, bài báo khoa học, sách chuyên khảo, luận án của các học giả trong nước và nước ngoài. Trên thực tế, các nghiên cứu của học giả Việt Nam về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 từ góc độ vốn xã hội còn khá thưa thớt. Để có một cái nhìn đầy đủ nhất, các nghiên cứu về hoạt động sinh kế của người lao động

khu vực kinh tế phi chính thức, một cách gián tiếp, đề cập tới các hoạt động chi tiêu, tham gia sinh hoạt cũng được quan tâm điểm luận.

Bên cạnh đó, hệ thống các tài liệu khác về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, về địa bàn nghiên cứu, các văn bản pháp quy liên quan tới vấn đề nghiên cứu cũng được đưa vào các phân tích, đánh giá, so sánh trong nội dung luận án. Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã tiến hành thu thập các tài liệu, báo cáo sẵn có về sinh kế của người lao động phi chính thức, về các vốn sinh kế như vốn xã hội, vốn vật chất; các tài liệu, sách, bài báo khoa học về chủ đề sinh kế của người lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19, một số báo cáo nghiên cứu, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ về hoạt động sinh kế nói chung và hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nói riêng. Các báo cáo của các tổ chức quốc tế, các cơ quan, bộ ngành như: ILO, WHO, Tổng cục Thống kê, Bộ Giáo dục và Đào tạo... được sử dụng để có góc nhìn đa chiều về vấn đề sinh kế của người lao động phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã được thu thập và tham khảo.

Nhằm so sánh làm rõ hơn các kết quả khảo sát, luận án có tham khảo, sử dụng các số liệu thứ cấp từ cuộc khảo sát thông tin của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên địa bàn các quận nội thành ở Hà Nội, được tiến hành vào năm 2020 với dung lượng mẫu là 385 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đang sinh sống, làm việc trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Cuộc khảo sát này được tiến hành với các nội dung, phương pháp, thời điểm và nhóm đối tượng tương đồng với nhóm khách thể nghiên cứu của luận án. Đây là một lợi thế cho các phân tích, so sánh và đối chiếu giữa các thời điểm nghiên cứu khác nhau.

2.4.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Nhằm đánh giá, nhìn nhận một cách rõ nét nhất về hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19, tìm hiểu vấn đề lao động, việc làm, thu nhập, vốn xã hội, hoạt động chi tiêu, cách ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, nghiên cứu sinh đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân. Phương pháp này được tiến hành đối với 30 trường hợp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đang sinh sống, lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó chia theo giới tính: 15 người là nam và 15 người là nữ;

với cơ cấu tuổi, nghề nghiệp là khác nhau. Cơ cấu này được lựa chọn một cách ngẫu nhiên từ cuộc điều tra thực tế tại địa bàn.

Ngoài phỏng vấn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, các phỏng vấn sâu đối với một số người lao động khu vực chính thức, người dân sinh sống, làm việc tại Hà Nội, một số chủ doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ đang hoạt động trên địa bàn Hà Nội cũng được tiến hành.

Các phỏng vấn sâu được thực hiện theo dạng bán cấu trúc, nội dung phỏng vấn được tiến hành trên cơ sở một bảng hỏi sơ thảo các nội dung phỏng vấn. Căn cứ thực tế liên hệ và gặp gỡ trao đổi với các ứng viên, các nội dung phỏng vấn có thể diễn ra theo các tiến trình khác nhau, tuy nhiên đều bảo đảm khai thác đầy đủ các thông tin dự kiến ban đầu phục vụ luận án.

2.4.3. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi

Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi được sử dụng nhằm thu thập các thông tin định lượng bổ sung cho những dữ liệu định tính. Bảng hỏi được xây dựng gồm các câu hỏi với các biến số nhằm tìm hiểu các dữ liệu phản ánh các đặc điểm nhân khẩu và các nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức như vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội. Bên cạnh đó, các nội dung như hoạt động sinh kế, kết quả sinh kế, cách ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 cũng được cuộc nghiên cứu đặt ra.

Phiếu trưng cầu ý kiến được phát cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, là những người đang sinh sống, làm việc trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nghiên cứu sinh có sử dụng đội ngũ điều tra viên trực tiếp hướng dẫn cách trả lời và giải đáp các thắc mắc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong quá trình thu thập thông tin. Thực tế, việc trưng cầu ý kiến đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức gặp khá nhiều khó khăn, do một số người không biết chữ hoặc nhận thức có hạn, một số vì e ngại nên né tránh việc trả lời các câu hỏi,... Trong khi bảng hỏi về sinh kế với các vấn đề về vốn sinh kế, hoạt động sinh kế, kết quả sinh kế,... còn khá xa lạ với đa số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được khảo sát. Thêm vào đó, đại dịch Covid-19 tạo ra những cản trở cho giao tiếp xã hội khiến việc

khảo sát đã gặp phải những thách thức không nhỏ. Sự trợ giúp đắc lực của các điều tra viên đã phần nào giúp nghiên cứu sinh khắc phục được các khó khăn trên. Tuy nhiên, những trở ngại trong quá trình khảo sát nêu trên ít nhiều cũng làm xuất hiện các sai số của kết quả điều tra.

Thời điểm nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát là bắt đầu của giai đoạn bình thường mới (từ tháng 1 đến tháng 9/2022), với khách thể là những người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã trực tiếp đối mặt với các đợt bùng phát của đại dịch. Do đó, kết quả khảo sát đã phản ánh tương đối chính xác những vấn đề liên quan đến sinh kế mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã từng trải qua. Mặc dù vậy, kết quả nghiên cứu hồi tưởng về các giai đoạn Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế không chính thức không tránh khỏi những sai lệch. Nghiên cứu sinh cùng với các cộng tác viên đã cố gắng khắc phục các sai số bằng cách đặt các câu hỏi kiểm tra nhằm thu được thông tin chính xác nhất.

Cách thức chọn mẫu

Đề tài lựa chọn cách chọn mẫu ngẫu nhiên. Bảng hỏi được phát cho 400 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội. Số phiếu thu về là 385 phiếu và số phiếu có thể sử dụng được là 360 phiếu.

Do số lượng lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội tương đối lớn, cư trú và làm việc phân tán tại nhiều quận, huyện trên địa thành phố nên nghiên cứu sinh đã lựa chọn ngẫu nhiên 2 quận nội thành và 2 huyện ngoại thành Hà Nội. Tại mỗi quận/huyện, nghiên cứu sinh lựa chọn ngẫu nhiên 100 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức và tiến hành phỏng vấn.

Với phương pháp chọn mẫu và dung lượng mẫu như trên, kết quả nghiên cứu đã đảm bảo độ tin cậy và tính đại diện.

Cơ cấu mẫu khảo sát:

** Về giới tính:*

- Nam giới: 171 người (47,5%);
- Nữ giới: 189 người (52,5%)

** Về độ tuổi:*

- Dưới 40 tuổi: 125 người (34,7%);

- Từ 40 đến dưới 65 tuổi: 148 người (41,1%);
- Từ 65 tuổi trở lên: 87 người (24,2%).

Người cao tuổi nhất trong mẫu khảo sát sinh năm 1959, ít tuổi nhất sinh năm 1998, tuổi trung bình của người được khảo sát là sinh năm 1986.

* Về loại hình cư trú: Nghiên cứu sinh phân chia làm 3 diện cư trú như sau:

- Diện KT1, KT2 (diện có sổ hộ khẩu thường trú hoặc có sổ tạm trú dài hạn trong phạm vi cùng tỉnh, thành phố): 157 người (43,6%);

- Diện KT3, KT4 (diện có sổ tạm trú dài hạn ở tỉnh, thành phố khác với nơi đăng ký thường trú hoặc có sổ tạm trú ngắn hạn ở tỉnh, thành phố khác với nơi đăng ký thường trú): 143 người (39,7%);

- Diện không đăng ký tạm trú tại Hà Nội: 60 người (16,7%).

* Về địa bàn cư trú:

- Khu vực nội thành: 140 người (36,9%);

- Khu vực ngoại thành: 220 người (61,1%).

Nội dung bảng hỏi gồm các câu hỏi theo các chủ đề sau:

- Nguồn lực sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (nguồn vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người, vốn xã hội) và những biến đổi của các nguồn lực này trong đại dịch Covid-19;

- Chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 (việc vận dụng linh hoạt các nguồn vốn để tạo dựng sinh kế, phát huy các nguồn vốn để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19);

- Kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (trên các phương diện thu nhập, tích lũy, ổn định việc làm và mức độ hài lòng với việc làm của họ).

Xử lý số liệu:

Các phiếu khảo sát được tiến hành nhập liệu và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 22.0. Bên cạnh số liệu phân tích tần suất, tỷ lệ và tương quan nhằm đánh giá thực trạng các vốn sinh kế, hoạt động sinh kế và kết quả của hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, nghiên cứu sinh có sử dụng kiểm định Chi Square, hệ số Cramers'V để đo lường độ mạnh, yếu, mối quan

hệ giữa biến số độc lập và biến số phụ thuộc. Các biến số định danh và một số biến thứ bậc đã được mã hóa thành các biến nhị phân để thực hiện mô hình hồi quy Binary Logistic nhằm đo lường mối quan hệ của các biến số đến hoạt động, kết quả sinh kế, đời sống của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội.

2.5. Tiềm kết chương 2

Nội dung chương 2 đã trình bày một số khái niệm công cụ được trình bày trong luận án, gồm các khái niệm *sinh kế*, *khu vực kinh tế phi chính thức*, *người lao động khu vực kinh tế phi chính thức*, *đại dịch Covid-19*. Chương 2 cũng đã nêu các luận điểm chính của cách tiếp cận theo lý thuyết thích ứng, lý thuyết mạng lưới xã hội và khung sinh kế bền vững để phân tích vấn đề nghiên cứu trong các nội dung tiếp theo.

Luận án đã trình bày cách vận dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau nhằm giúp cho quá trình phân tích về sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên các khía cạnh: các tài sản sinh kế, chiến lược sinh kế, kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 được nghiên cứu sinh trình bày cụ thể trong chương 3, chương 4 và chương 5 của luận án.

Chương 3: THỰC TRẠNG TÀI SẢN SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

3.1. Dẫn nhập

Trong nghiên cứu về sinh kế, đặc biệt là sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, việc phân tích các tài sản sinh kế (livelihood assets) giữ vai trò hết sức quan trọng, bởi đây chính là những nguồn lực cơ bản mà các cá nhân và hộ gia đình có thể huy động để duy trì và phát triển đời sống. Theo khung sinh kế bền vững (Sustainable Livelihoods Framework) do Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) đề xuất, sinh kế của con người được cấu thành và duy trì trên cơ sở năm loại tài sản cơ bản, bao gồm: vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội [DFID, 1999; Scoones, 1998]. Mỗi loại vốn phản ánh một dạng nguồn lực khác nhau mà người lao động có thể sử dụng để tổ chức hoạt động sinh kế, đồng thời cũng cho thấy mức độ dễ bị tổn thương hoặc khả năng chống chịu của họ trước các biến động kinh tế - xã hội.

Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, các tài sản sinh kế này thường mang những đặc điểm riêng biệt. Do đặc trưng của khu vực phi chính thức là quy mô sản xuất nhỏ, việc làm thiếu ổn định và mức độ tiếp cận hạn chế đối với các hệ thống bảo trợ chính thức nên khả năng tích lũy và duy trì các loại vốn sinh kế của nhóm lao động này thường thấp và dễ bị tổn thương trước các cú sốc từ môi trường bên ngoài. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, khi các hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn bởi các biện pháp giãn cách và kiểm soát dịch bệnh, những hạn chế về nguồn lực sinh kế của người lao động khu vực phi chính thức càng bộc lộ rõ hơn. Điều này đặt ra nhiều câu hỏi nghiên cứu quan trọng: năm loại tài sản sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đang ở trạng thái như thế nào? Đại dịch Covid-19 có làm thay đổi cấu trúc và mức độ tiếp cận các loại vốn này hay không? Nếu có, những yếu tố và nguyên nhân nào đã dẫn đến các biến động đó?

Trên cơ sở những vấn đề đặt ra, chương 3 của luận án sẽ tập trung phân tích một cách hệ thống năm loại tài sản sinh kế cơ bản của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đồng thời làm rõ những biến đổi của các nguồn vốn này trong hai

giai đoạn: thời kỳ đại dịch Covid-19 bùng phát và giai đoạn bình thường mới sau khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục. Thông qua việc phân tích sự thay đổi của các loại tài sản sinh kế, chương này góp phần làm rõ mức độ dễ bị tổn thương cũng như khả năng thích ứng của người lao động khu vực phi chính thức trước những cú sốc kinh tế - xã hội.

3.2. Vốn tự nhiên của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.2.1. Thực trạng và sự thay đổi vốn tự nhiên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội trong đại dịch Covid-19

Trong nghiên cứu này, vốn tự nhiên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu là các nguồn lực đất đai mà cá nhân hoặc hộ gia đình có thể sử dụng để phục vụ sinh kế, bao gồm đất vườn, đất ruộng, đất bãi và đất đầu thầu tại địa phương. Đây là những nguồn lực có thể hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất hoặc tạo ra nguồn thu nhập bổ sung, đặc biệt trong những giai đoạn kinh tế gặp khó khăn.

Kết quả khảo sát 360 lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội cho thấy tỷ lệ người sở hữu các loại đất phục vụ sinh kế tương đối thấp. Chỉ có 8,6% số người được hỏi, ứng với 31 trường hợp cho biết gia đình họ có sở hữu một trong các loại đất nêu trên, trong khi 91,4% khẳng định không có nguồn vốn đất đai này. Điều này cho thấy phần lớn lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội không có nhiều vốn tự nhiên và sinh kế của họ chủ yếu phụ thuộc vào sức lao động và các hoạt động kinh tế nhỏ lẻ trong khu vực đô thị.

Phân tích sâu hơn đối với nhóm người có sở hữu đất cho thấy vốn tự nhiên có sự phân bố khác nhau theo một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội. Trong số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là nam giới được khảo sát, có 12,9% có sở hữu nguồn lực này. Tỷ lệ tương ứng ở nhóm nữ là 4,8%. Xét theo độ tuổi, trong các nhóm khách thể được khảo sát, tỷ lệ có sở hữu nguồn vốn này trong nhóm dưới 40 tuổi là 9,6%; ở nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi là 6,8% và ở nhóm từ 65 tuổi trở lên là 10,3%. Nếu xét theo loại hình đăng ký cư trú, số người thuộc nhóm đăng ký cư trú KT1 và KT2 có sở hữu nguồn vốn tự nhiên là 4,5%; ở nhóm KT3, KT4 là 8,4% và ở nhóm không đăng ký tạm trú là 20,0%. Xét theo địa bàn cư trú, có 7,1% người lao động khu

vực kinh tế phi chính thức có sở hữu đất cư trú ở khu vực nội thành, con số tương ứng ở khu vực ngoại thành là 9,5%.

Khi được hỏi về sự biến động của nguồn vốn đất đai trong thời gian diễn ra đại dịch Covid-19, kết quả cho thấy 41,9% số người có sở hữu đất cho biết diện tích đất của gia đình họ bị giảm sút giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Trong số những trường hợp này, 69,2% cho biết diện tích đất ruộng bị giảm, trong khi đất vườn và đất bãi đều chiếm 15,4%. Như vậy, mặc dù tỷ lệ lao động phi chính thức có vốn đất đai vốn đã khá thấp, song ngay cả nguồn lực hạn chế này cũng có xu hướng bị suy giảm trong bối cảnh đại dịch.

Xét theo đặc điểm xã hội của nhóm bị suy giảm nguồn vốn tự nhiên cho thấy có sự khác biệt nhất định. Theo giới tính, trong số những người có sở hữu nguồn vốn tự nhiên, số nam giới bị giảm sút nguồn vốn này chiếm tới 36,4% trong khi tỷ lệ tương ứng ở nữ giới là 55,6%. Theo độ tuổi, trong số những người ở nhóm dưới 40 tuổi có sở hữu nguồn vốn tự nhiên, 8,3% cho biết nguồn vốn này của gia đình họ đã bị giảm sút trong Covid-19, ở nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi là 50,0% và con số ở nhóm trên 65 tuổi chiếm 53,8%, cho thấy tình trạng suy giảm đất đai tập trung nhiều hơn ở nhóm tuổi cao. Hệ số tương quan Cramer's V cao, đạt giá trị 0,584 với mức ý nghĩa $P=0,005<0,05$ cho phép khẳng định sự khác biệt rõ rệt này.

Nếu xét theo loại hình đăng ký cư trú, trong số những trường hợp KT1, KT2 có sở hữu nguồn vốn tự nhiên, 100,0% họ bị suy giảm đất đai, trong khi con số tương ứng ở nhóm KT3 và KT4 là 50,0%; nhóm không đăng ký tạm trú không có trường hợp nào sở hữu nguồn vốn này. Sự khác biệt giữa các nhóm khách thể theo loại hình cư trú được khắc họa bằng hệ số Cramer's V rất cao, lên tới 0,776 với mức ý nghĩa $P=0$.

Xét theo khu vực cư trú, trong số những trường hợp có sở hữu nguồn vốn tự nhiên, số cư trú ở khu vực nội thành bị suy giảm nguồn vốn này là 40,0% trong khi con số tương ứng ở nhóm ngoại thành là 42,9%.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy vốn tự nhiên không phải là nguồn lực phổ biến đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội. Tuy nhiên, đối với những người có sở hữu đất đai, đây vẫn là một nguồn lực sinh kế quan trọng. Sự suy giảm diện tích đất trong thời gian đại dịch Covid-19 đã làm gia tăng mức độ

dễ bị tổn thương về sinh kế của nhóm lao động này, đồng thời phản ánh tác động sâu rộng của Covid-19 đối với các nguồn lực sinh kế vốn đã hạn chế của họ.

3.2.2. Nguyên nhân của sự thay đổi vốn tự nhiên của lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Như đã trình bày ở phần trên, trong tổng số những người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sở hữu đất đai phục vụ sinh kế, một bộ phận đáng kể cho biết quy mô vốn đất đai của gia đình họ đã bị suy giảm sau thời gian đại dịch Covid-19. Điều này đặt ra câu hỏi quan trọng về những nguyên nhân dẫn đến sự biến động của nguồn vốn tự nhiên - một loại tài sản vốn đã khá hạn chế đối với nhóm lao động này. Kết quả khảo sát cho thấy sự suy giảm đất đai không phải do một yếu tố đơn lẻ mà xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, phản ánh những khó khăn kinh tế - xã hội mà người lao động phải đối mặt trong giai đoạn dịch bệnh.

Phân tích dữ liệu khảo sát cho thấy nguyên nhân nổi bật nhất của việc giảm sút vốn đất đai là do thiếu nguồn thu nhập trong thời gian đại dịch, buộc người lao động phải bán đất để trang trải chi phí sinh hoạt hằng ngày. Tất cả 100% trường hợp được khảo sát có sự suy giảm đất đai đều cho biết họ phải bán một phần đất vì lý do này. Bên cạnh đó, một nguyên nhân quan trọng khác là việc bán đất để trả các khoản nợ phát sinh trong thời gian dịch bệnh, khi nhiều lao động phải vay mượn để duy trì cuộc sống trong bối cảnh thu nhập bị gián đoạn; nguyên nhân này chiếm 69,2% số trường hợp bị suy giảm đất đai.

Ngoài hai nguyên nhân chính trên, kết quả nghiên cứu còn cho thấy một số yếu tố khác cũng góp phần làm giảm quy mô đất đai của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, mặc dù tỷ lệ không lớn. Cụ thể, 15,4% số trường hợp cho biết họ phải bán đất để có tiền chi trả chi phí chữa bệnh trong giai đoạn Covid-19; tỷ lệ tương tự cũng cho biết việc bán đất nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm tài sản thiết yếu trong gia đình. Bên cạnh đó, một tỷ lệ nhỏ, với 7,7%, cho biết họ bán đất khi giá đất tăng nhằm tận dụng cơ hội thị trường.

Những kết quả này cho thấy sự suy giảm vốn tự nhiên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 chủ yếu bắt nguồn từ áp lực sinh kế và khó khăn tài chính. Khi nguồn thu nhập bị gián đoạn trong thời gian

giãn cách xã hội, nhiều hộ gia đình buộc phải sử dụng đến những tài sản tích lũy như đất đai để duy trì đời sống. Việc bán đất không chỉ phản ánh chiến lược ứng phó ngắn hạn nhằm giải quyết khó khăn trước mắt, mà còn cho thấy mức độ dễ bị tổn thương của sinh kế đối với nhóm lao động này khi họ thiếu các nguồn lực dự phòng và các cơ chế bảo trợ chính thức.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù chỉ 8,6% lao động khu vực kinh tế phi chính thức được khảo sát có sở hữu đất đai phục vụ sản xuất hoặc sinh kế, nhưng trong số những người có nguồn vốn này, 41,9% cho biết diện tích đất của gia đình họ đã bị giảm sút ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thay đổi này là thiếu thu nhập để duy trì sinh hoạt trong thời gian dịch bệnh và áp lực trả nợ do vay mượn trong giai đoạn khủng hoảng. Điều này cho thấy đại dịch không chỉ tác động đến việc làm và thu nhập của lao động khu vực phi chính thức mà còn làm suy giảm các nguồn lực sinh kế quan trọng của họ, trong đó có vốn tự nhiên.

3.3. Vốn vật chất của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Trong nghiên cứu này, vốn vật chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu là những tài sản vật chất mà cá nhân hoặc hộ gia đình sở hữu và có thể sử dụng trực tiếp cho các hoạt động sinh kế. Các tài sản này bao gồm nhà ở, phương tiện đi lại, máy móc, công cụ lao động, nhà xưởng và những cơ sở vật chất khác phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tạo thu nhập của người lao động. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng giúp người lao động duy trì hoạt động sinh kế, đồng thời phản ánh khả năng tích lũy và mức độ ổn định về kinh tế của họ.

Trên cơ sở cách tiếp cận đó, nội dung này sẽ tập trung phân tích các khía cạnh cụ thể của nguồn vốn vật chất mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đang sở hữu. Đồng thời, nghiên cứu cũng xem xét những biến động của loại vốn này trong ba giai đoạn khác nhau: trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, trong thời gian dịch bệnh diễn ra và giai đoạn bình thường mới sau khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục. Thông qua việc phân tích sự thay đổi

của vốn vật chất trong các giai đoạn này, nghiên cứu góp phần làm rõ những tác động của đại dịch đối với nguồn lực sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

3.3.1. Nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19

3.3.1.1. Thực trạng và sự thay đổi nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát đối với 360 người lao động thuộc khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy điều kiện nhà ở của nhóm này nhìn chung còn nhiều hạn chế. Phần lớn người được hỏi đang sinh sống trong các căn nhà thuê, chiếm 56,4% tổng số người tham gia khảo sát. Bên cạnh đó, 25,3% cho biết họ ở trong các dạng nhà tạm bợ, trong khi tỷ lệ sống trong nhà cấp 4 là 10,5%. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ, 7,8%, cho biết đang sinh sống trong nhà tầng. Những con số này phản ánh thực trạng phổ biến của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là phải dựa vào các hình thức cư trú tạm thời hoặc có chất lượng nhà ở thấp, cho thấy mức độ ổn định về chỗ ở còn hạn chế.

Khi khảo sát sâu hơn về chức năng sử dụng của nhà ở, kết quả cho thấy phần lớn nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình, chứ không phải là không gian phục vụ hoạt động sản xuất hay tạo sinh kế. Chỉ 9,4% số người được hỏi cho biết họ kết hợp nhà ở với hoạt động nghề nghiệp tại gia, chẳng hạn như làm vàng mã, may mặc hoặc một số nghề thủ công nhỏ. Điều này thể hiện đối với đa số người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, nơi ở và nơi làm việc thường tách biệt, đồng thời phản ánh quy mô sản xuất nhỏ lẻ và tính bấp bênh trong sinh kế của nhóm lao động này.

Xét về quy mô diện tích nhà ở, dữ liệu khảo sát cho thấy sự chênh lệch khá lớn giữa các hộ gia đình. Diện tích nhà ở nhỏ nhất được ghi nhận là 15 m², trong khi diện tích lớn nhất là 180 m². Tuy nhiên, xu hướng đáng chú ý là diện tích nhà ở của một bộ phận người lao động đã có sự thay đổi trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Cụ thể, 15,6% người được hỏi cho biết diện tích nhà ở của họ đã giảm ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với thời điểm trước khi dịch bùng phát. Ngược lại, chỉ có 3,1% cho biết diện tích nhà ở tăng lên, trong khi phần lớn, chiếm 81,4%, cho rằng diện tích nhà ở của họ không có sự thay đổi đáng kể. Điều này cho thấy tác

động của đại dịch đối với điều kiện cư trú chủ yếu theo chiều hướng bất lợi, khi tỷ lệ trường hợp diện tích nhà ở bị thu hẹp cao hơn nhiều so với tỷ lệ có sự cải thiện.

Khi phân tích theo các đặc điểm nhân khẩu học và tình trạng cư trú, kết quả khảo sát cho thấy hiện tượng giảm diện tích nhà ở xuất hiện ở nhiều nhóm lao động khác nhau. Xét theo độ tuổi, tỷ lệ bị giảm diện tích nhà ở thuộc nhóm dưới 40 tuổi là 17,6%, ở nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi là 12,8% và ở nhóm từ 65 tuổi trở lên là 17,2%. Sự phân bố này cho thấy hiện tượng giảm diện tích nhà ở không tập trung ở một nhóm tuổi nhất định mà diễn ra tương đối phổ biến ở các nhóm tuổi khác nhau. Xét theo giới tính, trong số lao động phi chính thức là nam giới được khảo sát, số bị giảm diện tích nhà ở chiếm 15,8%; số liệu tương ứng ở nhóm nữ là 15,3%. Nếu xét theo loại hình đăng ký cư trú, trong nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1 và KT2), số trường hợp bị giảm diện tích nhà ở chiếm 8,9%, trong khi nhóm có đăng ký tạm trú dài hạn hoặc ngắn hạn (KT3 và KT4) là 18,2% và 26,7% thuộc nhóm không đăng ký tạm trú. Nếu xét theo địa bàn cư trú, 22,9% thuộc nhóm cư trú ở khu vực nội thành bị giảm diện tích nhà ở trong khi ở nhóm cư trú ở khu vực ngoại thành là 10,9%. Những dữ liệu này phản ánh tác động tiêu cực của đại dịch đối với điều kiện nhà ở diễn ra khá phổ biến giữa các nhóm lao động khác nhau, đặc biệt ở những nhóm có tình trạng cư trú ít ổn định.

Sự thay đổi này cũng được thể hiện rõ khi so sánh diện tích nhà ở bình quân của người lao động qua các giai đoạn khác nhau của đại dịch. Trước khi Covid-19 bùng phát, diện tích nhà ở bình quân của nhóm lao động này đạt 60,09 m². Khi đại dịch diễn ra, diện tích bình quân giảm xuống còn 58,11 m². Đến giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022), diện tích nhà ở bình quân tiếp tục giảm xuống còn 56,66 m². Như vậy, so với thời điểm trước đại dịch, diện tích nhà ở bình quân của các hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã giảm 3,43 m².

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm diện tích và chất lượng nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được hiểu như sự suy giảm của nguồn vốn vật chất - một trong năm loại nguồn vốn cơ bản cấu thành sinh kế của hộ gia đình. Nhà ở không chỉ là nơi sinh hoạt mà còn là một tài sản quan trọng bảo đảm an toàn, ổn định và khả năng tái sản xuất sức lao động của các thành viên

trong gia đình. Khi diện tích nhà ở bị thu hẹp hoặc điều kiện cư trú trở nên bấp bênh hơn, khả năng duy trì sinh kế ổn định của hộ gia đình cũng bị ảnh hưởng. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, sự gián đoạn của các hoạt động kinh tế và thu nhập đã khiến một bộ phận người lao động buộc phải chuyển sang các hình thức nhà ở có chi phí thấp hơn hoặc chấp nhận điều kiện cư trú chật chội hơn để thích ứng với khó khăn kinh tế.

Bên cạnh đó, theo cách tiếp cận sinh kế bền vững, sự suy giảm nguồn vốn vật chất thường không diễn ra một cách độc lập mà có mối liên hệ chặt chẽ với những biến động của các loại nguồn vốn khác như vốn tài chính, vốn xã hội và vốn con người. Khi thu nhập và cơ hội việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức bị suy giảm trong thời gian đại dịch, khả năng duy trì hoặc cải thiện điều kiện nhà ở cũng bị hạn chế. Điều này cho thấy các cú sốc xã hội như đại dịch Covid-19 có thể làm suy yếu đồng thời nhiều loại nguồn vốn sinh kế, từ đó làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của các nhóm lao động vốn đã có vị thế kinh tế - xã hội bấp bênh. Do đó, việc cải thiện điều kiện nhà ở cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không chỉ là vấn đề phúc lợi xã hội mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố nền tảng sinh kế bền vững và nâng cao khả năng chống chịu của các hộ gia đình trước những biến động lớn.

3.3.1.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã trình bày ở phần trên, chỉ một tỷ lệ nhỏ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng nhà ở như một không gian kết hợp với hoạt động sản xuất hoặc tạo sinh kế. Trong phần lớn các trường hợp, nhà ở chủ yếu chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình mà không trực tiếp gắn với hoạt động tạo thu nhập. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, những biến động về thu nhập và việc làm đã tác động đáng kể đến điều kiện cư trú của nhóm lao động này. Kết quả khảo sát cho thấy 15,6% người lao động được hỏi cho biết diện tích nhà ở của họ đã bị thu hẹp sau thời gian dịch bệnh.

Phân tích sâu hơn cho thấy sự suy giảm diện tích nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, và trong

một số trường hợp, một cá nhân có thể đồng thời chịu tác động của nhiều yếu tố. Nguyên nhân được nhắc đến nhiều nhất liên quan trực tiếp đến sự suy giảm thu nhập do ảnh hưởng của đại dịch. Trong số những người có diện tích nhà ở bị giảm (56 trường hợp), có 71,4% cho biết họ buộc phải bán nhà để trả nợ khi thu nhập bị mất hoặc giảm mạnh trong thời gian dịch bệnh. Bên cạnh đó, 64,3% cho biết do thu nhập không ổn định hoặc giảm sút nên họ phải chuyển sang nơi ở có diện tích nhỏ hơn để giảm chi phí sinh hoạt. Ngoài hai nguyên nhân chính này, một số yếu tố khác cũng được ghi nhận, chẳng hạn có 28,6% cho biết họ phải thuê nhà có diện tích nhỏ hơn với mức giá rẻ hơn nhằm thích ứng với điều kiện kinh tế khó khăn. Ngoài ra, có 21,4% cho biết họ bán nhà để phục vụ các kế hoạch đầu tư khác, trong khi có 16,1% cho biết việc bán nhà xuất phát từ nhu cầu chi trả cho các chi phí y tế và chữa bệnh trong bối cảnh đại dịch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã khá bấp bênh trước khi đại dịch xảy ra. Chỉ 7,8% người lao động được khảo sát sinh sống trong nhà tầng, trong khi hơn 90% còn lại phải sống trong nhà cấp 4, nhà tạm hoặc nhà thuê. Giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022), có 15,6% người được hỏi cho biết diện tích nhà ở của họ đã bị thu hẹp. Tính trung bình, diện tích nhà ở của mỗi hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức giảm 3,43 m² so với thời điểm trước khi dịch bệnh bùng phát. Điều này cho thấy đại dịch không chỉ tác động đến việc làm và thu nhập mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện cư trú của nhóm lao động này.

Phân tích thống kê cũng cho thấy sự khác biệt đáng chú ý giữa các nhóm cư trú khác nhau. Kết quả kiểm định Chi-square với mức ý nghĩa thống kê rất cao ($p < 0,001$) cùng với hệ số tương quan Cramer's $V = 0,356$ cho thấy có mối liên hệ khá rõ giữa loại hình đăng ký cư trú và khả năng phải bán nhà để trả nợ. Cụ thể, nhóm lao động có đăng ký tạm trú dài hạn hoặc ngắn hạn (KT3, KT4) và nhóm không đăng ký tạm trú có xu hướng phải bán nhà để trả nợ với tỷ lệ cao hơn đáng kể so với nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2). Kết quả này cho thấy những người lao động có tình trạng cư trú kém ổn định thường dễ bị tổn thương hơn trước các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động về nhà ở trong giai đoạn đại dịch phản ánh sự suy giảm đồng thời của nhiều loại nguồn vốn sinh kế, đặc biệt là vốn tài chính và vốn vật chất. Khi nguồn thu nhập bị gián đoạn, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức buộc phải điều chỉnh chiến lược sinh kế bằng cách thu hẹp quy mô nhà ở, chuyển sang nơi ở có chi phí thấp hơn hoặc thậm chí bán tài sản để trang trải nợ nần và chi phí sinh hoạt. Điều này cho thấy khả năng chống chịu của sinh kế hộ gia đình trong khu vực kinh tế phi chính thức còn khá hạn chế trước các cú sốc lớn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng gợi mở rằng các chính sách hỗ trợ sinh kế và bảo đảm an sinh xã hội cho nhóm lao động này cần quan tâm nhiều hơn đến yếu tố nhà ở như một thành phần quan trọng của nguồn vốn vật chất, góp phần duy trì sự ổn định và tính bền vững của sinh kế trong bối cảnh các rủi ro xã hội ngày càng gia tăng.

3.3.2. Phương tiện đi lại của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.3.2.1. Thực trạng và sự thay đổi về phương tiện đi lại của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành khảo sát các loại phương tiện đi lại phục vụ cho hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sở hữu ô tô trong nhóm lao động này rất thấp, chỉ 1,1% số người được hỏi cho biết gia đình họ có ô tô. Bên cạnh đó, 55,0% hộ gia đình cho biết có sở hữu xe đạp hoặc xe đạp điện. Tuy nhiên, các phương tiện này chủ yếu được sử dụng cho nhu cầu đi lại của con em trong gia đình, đặc biệt là phục vụ việc đi học, chứ không gắn trực tiếp với hoạt động tạo thu nhập của người lao động. Vì vậy, mặc dù các hộ gia đình có thể sở hữu nhiều loại phương tiện khác nhau, nhưng xét từ góc độ sinh kế thì những phương tiện này không đóng vai trò đáng kể trong hoạt động lao động của khu vực kinh tế phi chính thức.

Do số lượng ô tô trong mẫu khảo sát rất nhỏ và xe đạp hoặc xe đạp điện hầu như không được sử dụng cho mục đích tạo lập sinh kế, nên trong các phân tích tiếp theo của nghiên cứu, chúng tôi tập trung vào loại phương tiện có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động lao động của nhóm này, đó là xe máy. Trong bối cảnh đô thị và bán đô

thị ở Việt Nam, xe máy được xem là phương tiện di chuyển phổ biến và linh hoạt nhất, đặc biệt đối với những người lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, nơi các hoạt động sinh kế thường gắn với việc di chuyển thường xuyên để tìm kiếm việc làm, buôn bán nhỏ hoặc vận chuyển hàng hóa.

Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, có 11,9% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không sở hữu xe máy. Ngược lại, phần lớn các hộ gia đình còn lại đều có ít nhất một xe máy, thậm chí nhiều hộ gia đình còn sở hữu nhiều hơn. Điều này thể hiện xe máy đóng vai trò như một tài sản vật chất quan trọng, gắn liền với khả năng duy trì và phát triển sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Việc sở hữu xe máy không chỉ giúp họ thuận tiện trong việc di chuyển mà còn góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận việc làm và các hoạt động kinh tế trong bối cảnh thị trường lao động mang tính linh hoạt và phi chính thức.

Bảng 3.1. Số xe máy mà gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu trước Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022)
(đvt: chiếc)

Số xe máy sở hữu	Trước đại dịch Covid-19	Giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022)
Không có	11,9	18,3
1 xe	34,7	41,9
2 xe	35,0	33,1
3 xe	11,7	6,1
4 xe	6,7	0,6
Tổng	100,0	100,0

Trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, phần lớn các hộ gia đình lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức đều sở hữu xe máy - phương tiện di chuyển quan trọng phục vụ hoạt động sinh kế: có 11,9% (43 người lao động) không có xe máy, trong khi đa số các hộ gia đình còn lại đều có từ một đến hai chiếc (317 người). Cụ thể, có 34,7% hộ gia đình sở hữu một xe máy và 35,0% sở hữu hai xe máy. Ngoài ra, có 11,7% hộ gia đình có ba xe máy và 6,7% có bốn xe máy. Tính trung bình, trước thời điểm đại dịch, mỗi hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu 1,66 xe máy.

Trong giai đoạn đại dịch bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, số lượng xe máy mà các hộ gia đình sở hữu hầu như không có biến động đáng kể. Tuy nhiên, do các hoạt động kinh tế - xã hội bị hạn chế, việc sử dụng phương tiện này trong thời gian giãn cách cũng giảm mạnh. Sau khi các biện pháp giãn cách được dỡ bỏ và đời sống dần trở lại trạng thái bình thường, cấu trúc sở hữu xe máy trong các hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức bắt đầu có những thay đổi rõ rệt theo xu hướng giảm. Tỷ lệ hộ gia đình không còn sở hữu xe máy tăng từ 11,9% trước đại dịch lên 18,3% ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Đồng thời, tỷ lệ hộ gia đình chỉ có một xe máy tăng từ 34,7% lên 41,9%, cho thấy xu hướng thu hẹp số lượng phương tiện trong mỗi hộ gia đình. Ngược lại, tỷ lệ hộ gia đình sở hữu hai xe máy giảm nhẹ từ 35,0% xuống còn 33,1%. Mức giảm rõ rệt hơn được ghi nhận ở các hộ gia đình sở hữu nhiều xe máy, khi tỷ lệ hộ có ba xe máy giảm từ 11,7% xuống còn 6,1%, và tỷ lệ hộ có bốn xe máy giảm mạnh từ 6,7% xuống chỉ còn 0,6%. Tính trung bình, giai đoạn bình thường mới, mỗi hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu 1,27 xe máy, thấp hơn 0,39 chiếc so với thời điểm trước đại dịch.

Khi phân tích sâu hơn đối với nhóm người lao động có sở hữu xe máy trước đại dịch - chiếm 88,1% tổng số người được khảo sát (317 người) - kết quả cho thấy 35,6% (113 người) cho biết số lượng xe máy của gia đình họ đã giảm giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Điều này phản ánh hơn một phần ba các hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã phải thu hẹp quy mô tài sản quan trọng phục vụ sinh kế của mình. Một số người lao động cho biết trước khi đại dịch xảy ra gia đình họ có nhiều xe máy hơn, nhưng sau giai đoạn dịch bệnh chỉ còn lại một hoặc hai chiếc. Thực tế này phản ánh tác động đáng kể của đại dịch đối với khả năng duy trì nguồn vốn vật chất của các hộ gia đình trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Phân tích theo loại hình đăng ký cư trú cho thấy sự khác biệt đáng chú ý giữa các nhóm lao động. Tỷ lệ giảm số lượng xe máy cao nhất được ghi nhận ở nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2), với 43,9% người lao động trong nhóm này cho biết gia đình họ có ít xe máy hơn so với trước đại dịch. Tỷ lệ này ở nhóm không đăng ký tạm trú vào 30,0%, trong khi thấp nhất là nhóm có đăng ký tạm trú dài hạn hoặc ngắn hạn (KT3, KT4), với 18,2%. Sự chênh lệch giữa nhóm có tỷ lệ giảm cao nhất và thấp nhất đạt 25,7

điểm phần trăm. Kết quả kiểm định thống kê cho thấy mối liên hệ giữa loại hình đăng ký cư trú và sự thay đổi số lượng xe máy có ý nghĩa thống kê, với hệ số Cramer's V đạt 0,254 và mức ý nghĩa $P < 0,001$.

Xét theo độ tuổi, mức độ suy giảm số lượng xe máy cũng có sự khác biệt giữa các nhóm. Nhóm lao động dưới 40 tuổi có tỷ lệ giảm cao nhất, với 40,8% cho biết số lượng xe máy của gia đình họ giảm giai đoạn bình thường mới. Nhóm từ 65 tuổi trở lên có tỷ lệ giảm tương đối cao, với 36,8%. Trong khi đó, nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi có mức giảm thấp hơn đáng kể, với 20,3%. Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P = 0,001$), với hệ số Cramer's V đạt 0,203, cho thấy sự thay đổi về số lượng xe máy có mối liên hệ nhất định với độ tuổi của người lao động.

Nếu xét theo giới tính, sự khác biệt giữa nam và nữ không đáng kể. Tỷ lệ người lao động nam cho biết số lượng xe máy của gia đình giảm ở giai đoạn bình thường mới là 29,8%, trong khi tỷ lệ tương ứng ở nhóm nữ là 32,8%.

Xét theo tương quan địa bàn cư trú, tỷ lệ người lao động phi chính thức ở khu vực nội thành có số lượng xe máy bị giảm sút giai đoạn bình thường mới là 21,4% và ở nhóm ngoại thành là 37,7%.

Tính chung toàn bộ mẫu khảo sát, có 35,6% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho biết số lượng xe máy của gia đình họ đã giảm giai đoạn bình thường mới. Điều này phản ánh tác động của đại dịch đối với nguồn vốn vật chất phục vụ sinh kế của người lao động diễn ra khá phổ biến và không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ.

3.3.2.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về phương tiện đi lại của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát cho thấy đại dịch Covid-19 đã tạo ra những biến động đáng kể đối với tài sản phục vụ sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt là xe máy - phương tiện di chuyển quan trọng gắn liền với hoạt động mưu sinh hằng ngày. So sánh trước Covid-19 và giai đoạn bình thường mới thể hiện số lượng xe máy mà các hộ gia đình sở hữu đã giảm rõ rệt. Trung bình, mỗi hộ gia đình giảm 0,39 xe máy so với thời điểm trước khi dịch bệnh bùng phát. Đồng thời, có 35,6% người lao động được khảo sát cho biết số lượng xe máy của gia đình họ đã

giảm giai đoạn bình thường mới. Điều này xác nhận một bộ phận đáng kể các hộ gia đình trong khu vực kinh tế phi chính thức đã phải thu hẹp nguồn vốn vật chất phục vụ sinh kế của mình trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã hội do Covid-19 gây ra.

Khi tìm hiểu cụ thể các nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm số lượng xe máy, kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố kinh tế đóng vai trò nổi bật. Nguyên nhân được nhắc đến nhiều nhất là việc người lao động buộc phải bán xe máy để có tiền trang trải các chi phí sinh hoạt trong giai đoạn không có thu nhập hoặc thu nhập bị gián đoạn do dịch bệnh. Trong số những người cho biết số lượng xe máy của gia đình giảm giai đoạn bình thường mới, có 87,6% xác nhận đây là lý do chính. Một trường hợp được phỏng vấn sâu đã chia sẻ: *“Không có khoản tiền nào để chi tiêu cả, nhà cũng chả có gì đáng giá nên chúng tôi đành bán cái xe máy đi để lo cái trước mắt đã, những việc khác tính sau.”* (PVS nam, 42 tuổi, bốc vác). Bên cạnh đó, có 67,2% người được hỏi cho biết họ phải bán xe máy để có tiền chi trả chi phí khám chữa bệnh trong thời gian đại dịch. Ngoài hai nguyên nhân chủ yếu này, một số yếu tố khác cũng được ghi nhận nhưng với tỷ lệ thấp hơn đáng kể, như việc phải bán xe để trả nợ do thu nhập giảm sút (với 10,6%), bán xe khi chuyển đổi công việc giai đoạn bình thường mới (13,3%), hoặc bán xe để có tiền mua sắm các tài sản cần thiết trong gia đình (8,0%). Đáng chú ý, trong nhiều trường hợp, người lao động đồng thời chịu tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau, khiến họ buộc phải bán đi phương tiện quan trọng phục vụ sinh kế của mình.

Phân tích sâu hơn cho thấy sự suy giảm số lượng xe máy giai đoạn bình thường mới có sự khác biệt nhất định giữa các nhóm lao động. Nhìn chung, có 35,6% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho biết gia đình họ có ít xe máy hơn so với trước đại dịch. Tỷ lệ này khá tương đồng giữa nam và nữ, phản ánh tác động của đại dịch đối với tài sản sinh kế không có sự khác biệt đáng kể theo giới. Tuy nhiên, xét theo độ tuổi và tình trạng cư trú, sự khác biệt trở nên rõ ràng hơn. Tỷ lệ giảm số lượng xe máy thấp nhất được ghi nhận ở nhóm lao động từ 40 đến dưới 65 tuổi và ở nhóm có đăng ký tạm trú dài hạn hoặc ngắn hạn (KT3, KT4). Ngược lại, mức giảm cao hơn được ghi nhận ở nhóm lao động dưới 40 tuổi và nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2). Những kết quả này cho thấy khả năng duy trì tài sản sinh kế của người lao động có thể chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm nhân khẩu học và điều kiện cư trú khác nhau.

Xét về mối quan hệ giữa các nguyên nhân dẫn đến việc bán xe và các đặc điểm xã hội của người lao động, kết quả phân tích tương quan cho thấy sự khác biệt đáng chú ý theo trình độ học vấn và tình trạng đăng ký cư trú. Cụ thể, những người lao động có trình độ học vấn từ THPT trở xuống hoặc từ đại học trở lên, cũng như những người thuộc nhóm KT3, KT4 hoặc không đăng ký tạm trú có xu hướng phải bán xe để trang trải chi phí sinh hoạt với tỷ lệ cao hơn. Sự khác biệt này được khẳng định bởi kiểm định Chi-square với mức ý nghĩa thống kê rất cao ($P < 0,001$) và hệ số tương quan Cramer's V đạt 0,300. Ngoài ra, những người lao động có trình độ học vấn thấp hơn và không đăng ký tạm trú cũng có xu hướng phải bán xe máy để chi trả chi phí chữa bệnh nhiều hơn so với các nhóm khác.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động về số lượng xe máy phản ánh sự suy giảm của nguồn vốn vật chất của các hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, sự gián đoạn của thị trường lao động và thu nhập đã làm suy yếu nguồn vốn tài chính của người lao động. Khi nguồn thu nhập bị mất hoặc giảm mạnh, các hộ gia đình buộc phải chuyển đổi tài sản vật chất thành nguồn lực tài chính tạm thời để duy trì cuộc sống, trong đó xe máy - một tài sản có giá trị và dễ chuyển đổi - trở thành lựa chọn phổ biến. Đồng thời, các chi phí y tế phát sinh trong giai đoạn dịch bệnh cũng làm gia tăng áp lực đối với ngân sách hộ gia đình, khiến nhiều người phải bán đi phương tiện sinh kế của mình. Như vậy, sự suy giảm số lượng xe máy không chỉ phản ánh khó khăn kinh tế trước mắt mà còn cho thấy sự suy yếu đồng thời của nhiều loại nguồn vốn sinh kế. Điều này làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước các cú sốc xã hội và kinh tế, đồng thời đặt ra yêu cầu về các chính sách hỗ trợ sinh kế và bảo đảm an sinh xã hội nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nhóm lao động này trong tương lai.

3.3.3. Xưởng sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.3.3.1. Thực trạng và sự thay đổi về xưởng sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động sản xuất quy mô xưởng trong khu vực kinh tế phi chính thức chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Trong tổng số người lao động được

khảo sát, có 5,0% cho biết họ có xưởng sản xuất phục vụ hoạt động sinh kế, ứng với 18 người được hỏi. Điều này phản ánh đặc trưng phổ biến của khu vực kinh tế phi chính thức, nơi phần lớn các hoạt động mưu sinh mang tính nhỏ lẻ, phân tán và ít dựa trên cơ sở sản xuất cố định. Tuy nhiên, đối với những trường hợp có xưởng sản xuất, đây là một dạng nguồn vốn vật chất quan trọng, gắn trực tiếp với khả năng tạo thu nhập và duy trì sinh kế của hộ gia đình.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các chủ xưởng sản xuất trong khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt với nhiều khó khăn nghiêm trọng. Kết quả khảo sát cho thấy trong số những người có xưởng sản xuất trước đại dịch, có 61,1% vẫn duy trì được hoạt động sản xuất giai đoạn bình thường mới, trong khi 38,9% không còn tiếp tục duy trì xưởng như trước. Điều này cho thấy gần hai phần năm số chủ xưởng trong khu vực kinh tế phi chính thức đã buộc phải thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất sau giai đoạn dịch bệnh.

Các ý kiến phỏng vấn sâu cho thấy rõ những khó khăn mà các cơ sở sản xuất nhỏ phải đối mặt trong thời gian dịch bệnh. Một chủ xưởng may mặc cho biết trong suốt thời gian giãn cách kéo dài, hoạt động sản xuất gần như bị đình trệ do không có khách hàng và vẫn phải duy trì chi phí lao động, khiến cơ sở sản xuất rơi vào tình trạng kiệt quệ và buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, một chủ xưởng gỗ chia sẻ rằng cơ sở của gia đình có thể duy trì được hoạt động chủ yếu nhờ nguồn tích lũy lâu dài và lực lượng lao động là người thân trong gia đình. Trường hợp này cho thấy những cơ sở có nền tảng tích lũy tốt hơn và có sự hỗ trợ từ mạng lưới quan hệ gia đình có khả năng chống chịu tốt hơn trước các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động trong hoạt động của các xưởng sản xuất phản ánh sự suy yếu của nhiều loại nguồn vốn sinh kế. Xưởng sản xuất không chỉ là một dạng vốn vật chất mà còn gắn liền với vốn tài chính thông qua đầu tư, tích lũy và dòng tiền sản xuất; đồng thời liên quan đến vốn xã hội thông qua các mạng lưới khách hàng, nhà cung cấp và lao động. Khi đại dịch làm gián đoạn chuỗi cung ứng, thị trường tiêu thụ và nguồn thu nhập, khả năng duy trì các loại nguồn vốn này cũng suy giảm, khiến nhiều cơ sở sản xuất nhỏ rơi vào tình trạng dễ tổn thương và buộc phải thu hẹp hoặc ngừng hoạt động.

3.3.3.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về xưởng sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Phân tích sâu hơn đối với những trường hợp không thể tiếp tục duy trì xưởng sản xuất giai đoạn bình thường mới cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự thay đổi này. Nguyên nhân phổ biến nhất liên quan đến việc thiếu hụt nguồn vốn để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất. Toàn bộ các trường hợp không còn duy trì xưởng đều cho biết họ không còn đủ nguồn lực tài chính để tiếp tục đầu tư vào hoạt động sản xuất sau thời gian dài bị gián đoạn do đại dịch. Điều này phản ánh rõ tác động của sự suy giảm vốn tài chính đối với khả năng duy trì hoạt động sinh kế của các cơ sở sản xuất nhỏ.

Bên cạnh đó, có 28,6% số trường hợp cho biết họ gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm do thị trường bị thu hẹp trong thời gian dịch bệnh. Ngoài ra, có 42,9% cho biết việc đứt gãy nguồn cung nguyên liệu đầu vào cũng là một trong những yếu tố khiến hoạt động sản xuất không thể tiếp tục duy trì. Một số chủ xưởng khác cho biết họ phải bán tài sản hoặc từ bỏ xưởng sản xuất để trả các khoản vay phát sinh trong giai đoạn dịch bệnh, với tỷ lệ 28,6%. Ngoài ra, 57,1% cho biết họ đã chuyển sang các công việc khác giai đoạn bình thường mới và không tiếp tục duy trì xưởng sản xuất như trước.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có xưởng sản xuất vốn đã chiếm tỷ lệ rất nhỏ, nhưng lại chịu tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19. Có tới 38,9% số chủ xưởng không thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất giai đoạn bình thường mới, thậm chí một số trường hợp buộc phải chấm dứt hoàn toàn hoạt động kinh doanh. Những khó khăn mà họ gặp phải chủ yếu liên quan đến sự suy giảm nguồn lực tài chính, sự gián đoạn của thị trường tiêu thụ và chuỗi cung ứng nguyên liệu.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động này cho thấy sự đổ vỡ đồng thời của nhiều loại nguồn vốn sinh kế. Khi vốn tài chính suy giảm do mất thu nhập và chi phí duy trì sản xuất tăng cao, các chủ xưởng không còn khả năng đầu tư cho hoạt động sản xuất. Đồng thời, sự đứt gãy của thị trường và chuỗi cung ứng làm suy yếu các mạng lưới kinh tế - xã hội, qua đó làm giảm hiệu quả của vốn xã hội và vốn vật chất trong quá trình tạo lập sinh kế. Trong bối cảnh đó, nhiều chủ xưởng

buộc phải chuyển đổi sang các hoạt động lao động khác để thích ứng với điều kiện kinh tế mới. Điều này cho thấy sinh kế của các cơ sở sản xuất nhỏ trong khu vực kinh tế phi chính thức có mức độ dễ tổn thương cao trước các cú sốc kinh tế - xã hội, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất và nâng cao khả năng chống chịu của nhóm lao động này trong những hoàn cảnh tương tự như đại dịch Covid-19.

3.3.4. Máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.3.4.1. Thực trạng và sự thay đổi về máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu máy móc và công cụ phục vụ sản xuất trước đại dịch Covid-19 không cao. Trong tổng số người được khảo sát, có 15,3% cho biết gia đình họ có sở hữu các loại máy móc hoặc công cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất và tạo sinh kế. Tuy nhiên, sau khi đại dịch kết thúc, tỷ lệ này giảm đáng kể, chỉ còn 8,9% người lao động tiếp tục duy trì các loại máy móc và công cụ sản xuất như trước. Sự sụt giảm này cho thấy đại dịch Covid-19 đã có những tác động đáng kể đến khả năng duy trì nguồn vốn vật chất của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Phân tích sâu hơn đối với nhóm người lao động từng sở hữu máy móc, công cụ sản xuất trước đại dịch (55 trường hợp) cho thấy 41,8% trong số họ cho biết số lượng máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của gia đình đã giảm trong thời gian diễn ra dịch bệnh. Trong khi đó, có 58,2% cho biết số lượng máy móc và công cụ sản xuất của họ không thay đổi so với trước đại dịch. Đáng chú ý, không có trường hợp nào cho biết họ đầu tư thêm máy móc hoặc công cụ sản xuất trong giai đoạn giai đoạn bình thường mới. Điều này cho thấy xu hướng chung trong khu vực kinh tế phi chính thức là thu hẹp hoặc duy trì ở mức tối thiểu các tài sản phục vụ sản xuất, thay vì mở rộng đầu tư trong bối cảnh kinh tế bất ổn.

Sự suy giảm máy móc và công cụ sản xuất cũng có sự khác biệt nhất định giữa các nhóm lao động. Xét theo độ tuổi, tỷ lệ giảm cao nhất được ghi nhận ở nhóm lao động từ 40 đến dưới 65 tuổi, với 61,3% người trong nhóm này cho biết số lượng máy móc,

công cụ sản xuất của họ bị giảm giai đoạn bình thường mới. Ở nhóm dưới 40 tuổi, tỷ lệ này thấp hơn đáng kể, với 11,8%, trong khi nhóm từ 65 tuổi trở lên có mức giảm 28,6%. Điều này cho thấy nhóm lao động trung niên - vốn là lực lượng tham gia sản xuất tích cực nhất - lại chịu tác động rõ rệt hơn về mặt tài sản sản xuất trong giai đoạn dịch bệnh. Hệ số Cramer's $V=0,460$ với mức ý nghĩa $P=0,003$ cho thấy sự khác biệt tương đối rõ nét về sự suy giảm máy móc và công cụ sản xuất theo độ tuổi của người được hỏi.

Nếu xét theo giới tính, mức độ suy giảm máy móc và công cụ sản xuất giữa nam và nữ không có sự chênh lệch quá lớn. Trong số những người từng sở hữu máy móc trước đại dịch, 36,4% lao động nữ cho biết số lượng máy móc, công cụ sản xuất của họ đã giảm giai đoạn bình thường mới, trong khi tỷ lệ tương ứng ở nhóm nam là 50,0%.

Sự khác biệt cũng được ghi nhận theo tình trạng đăng ký cư trú. Toàn bộ người lao động phi chính thức sở hữu máy móc, công cụ phục vụ sản xuất đều thuộc nhóm KT1, KT2 và 41,8% trong số này đã bị giảm sút máy móc, công cụ sản xuất sau thời gian Covid-19.

Xem xét theo địa bàn cư trú, toàn bộ các trường hợp cư trú ở khu vực nội thành có sở hữu máy móc, công cụ phục vụ sản xuất đều bị giảm sút, trong khi con số tương ứng ở nhóm ngoại thành chiếm 38,5%. Hệ số tương quan Cramer's $V = 0,283$ với mức ý nghĩa $P=0,035 < 0,05$ cho thấy sự khác biệt này là tương đối rõ nét.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, máy móc và công cụ sản xuất là một dạng quan trọng của nguồn vốn vật chất. Khi đại dịch Covid-19 làm gián đoạn các hoạt động kinh tế và khiến thu nhập của người lao động giảm sút, khả năng duy trì hoặc tái đầu tư vào nguồn vốn vật chất này cũng bị hạn chế. Sự suy giảm máy móc và công cụ sản xuất vì vậy không chỉ phản ánh khó khăn kinh tế trước mắt mà còn cho thấy sự suy yếu của năng lực sản xuất và khả năng phục hồi sinh kế của các hộ gia đình trong khu vực kinh tế phi chính thức.

3.3.4.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Phân tích nguyên nhân của sự suy giảm máy móc và công cụ phục vụ sản xuất cho thấy nhiều yếu tố kinh tế - xã hội đã tác động đồng thời đến quyết định của người

lao động. Trong số những người cho biết máy móc và công cụ sản xuất của gia đình bị gián đoạn bình thường mới, có 82,6% cho biết họ buộc phải bán các phương tiện này để có tiền trang trải chi phí sinh hoạt khi thu nhập bị gián đoạn trong giai đoạn dịch bệnh. Đây là nguyên nhân phổ biến nhất, phản ánh rõ tác động trực tiếp của sự suy giảm nguồn thu nhập đối với tài sản sản xuất của các hộ gia đình.

Ngoài ra, 65,2% người lao động cho biết họ đã chuyển đổi công việc do ảnh hưởng của đại dịch và vì vậy không còn nhu cầu sử dụng các máy móc hoặc công cụ sản xuất trước đây. Bên cạnh đó, 39,1% cho biết việc mắc bệnh trong thời gian Covid-19 khiến họ phải bán máy móc và công cụ sản xuất để có tiền chi trả cho chi phí khám chữa bệnh. Một số trường hợp khác cho biết họ phải bán các phương tiện sản xuất để trả các khoản nợ phát sinh trong giai đoạn dịch bệnh, với tỷ lệ 30,4%. Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ, 8,7%, cho biết họ bán máy móc để có tiền mua sắm các tài sản cần thiết khác trong gia đình. Đáng chú ý, trong nhiều trường hợp, người lao động đồng thời chịu tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau, khiến họ buộc phải bán đi các công cụ sản xuất đã tích lũy trước đó.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy mặc dù số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu máy móc và công cụ sản xuất không nhiều, nhưng mức độ suy giảm của loại tài sản này trong giai đoạn đại dịch lại khá đáng kể. Có 41,8% những người từng sở hữu máy móc trước đại dịch cho biết họ đã phải thu hẹp hoặc bán bớt các phương tiện sản xuất trong giai đoạn bình thường mới, thậm chí trong một số trường hợp phải bán toàn bộ công cụ sản xuất. Điều này phản ánh mức độ dễ tổn thương cao của các hộ gia đình trong khu vực kinh tế phi chính thức khi phải đối mặt với những cú sốc kinh tế - xã hội lớn như đại dịch Covid-19.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm máy móc và công cụ sản xuất không chỉ là biểu hiện của việc mất đi vốn vật chất, mà còn phản ánh sự suy yếu của vốn tài chính và những chiến lược thích ứng của hộ gia đình trước khủng hoảng. Khi nguồn thu nhập bị gián đoạn, các hộ gia đình buộc phải chuyển đổi tài sản sản xuất thành nguồn lực tài chính tạm thời để duy trì cuộc sống. Đồng thời, việc chuyển đổi nghề nghiệp trong giai đoạn bình thường mới cũng cho thấy sự điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động nhằm thích nghi với những thay đổi

của thị trường lao động. Tuy nhiên, việc mất đi các công cụ sản xuất cũng đồng nghĩa với việc thu hẹp khả năng phục hồi sinh kế trong dài hạn, bởi nó làm suy giảm năng lực sản xuất và hạn chế cơ hội tái tham gia các hoạt động kinh tế trước đây. Điều này cho thấy sự cần thiết của các chính sách hỗ trợ phục hồi sinh kế, đặc biệt là hỗ trợ về tài chính và tiếp cận nguồn lực sản xuất, nhằm tăng cường khả năng chống chịu của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những cú sốc kinh tế trong giai đoạn tiếp theo.

3.4. Vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.4.1. Vốn tài chính phục vụ cho đầu tư để tạo sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19

3.4.1.1. Thực trạng và sự thay đổi về vốn tài chính phục vụ cho đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Trong khung sinh kế bền vững, vốn tài chính được hiểu là những nguồn lực tiền tệ mà cá nhân hoặc hộ gia đình có thể sử dụng để duy trì và phát triển sinh kế, bao gồm thu nhập, tiết kiệm, tín dụng và các nguồn hỗ trợ tài chính khác. Đây là một trong những loại nguồn vốn quan trọng quyết định khả năng đầu tư vào sản xuất, duy trì hoạt động kinh tế và ứng phó với các cú sốc xã hội.

Kết quả khảo sát đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, mức thu nhập bình quân của họ đạt 8,3 triệu đồng/người/tháng. Trong khi đó, mỗi hộ gia đình của nhóm lao động này có trung bình 1,81 người phụ thuộc. Với mức thu nhập tương đối thấp và gánh nặng phụ thuộc khá lớn, khả năng tích lũy vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung còn hạn chế. Điều này đồng nghĩa với việc họ gặp nhiều khó khăn trong việc tích lũy nguồn lực để mở rộng sản xuất hoặc đầu tư dài hạn nhằm cải thiện sinh kế.

Xét về cơ cấu nguồn thu nhập trước đại dịch, kết quả khảo sát thể hiện nguồn thu của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khá đa dạng nhưng chủ yếu tập trung vào các hoạt động phi chính thức có quy mô nhỏ với 52,2% người lao động cho biết thu nhập chính của họ đến từ hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, trong

khi có 48,6% có thu nhập từ tiền lương làm thuê. Tỷ lệ có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm 4,2%, còn các nguồn thu từ hỗ trợ của nhà nước, trợ cấp xã hội hoặc sự hỗ trợ của người thân và bạn bè chiếm 3,8%. Cơ cấu này cho thấy phần lớn người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế phi chính thức trong đô thị, vốn có đặc điểm là thu nhập không ổn định và ít có khả năng tích lũy lâu dài.

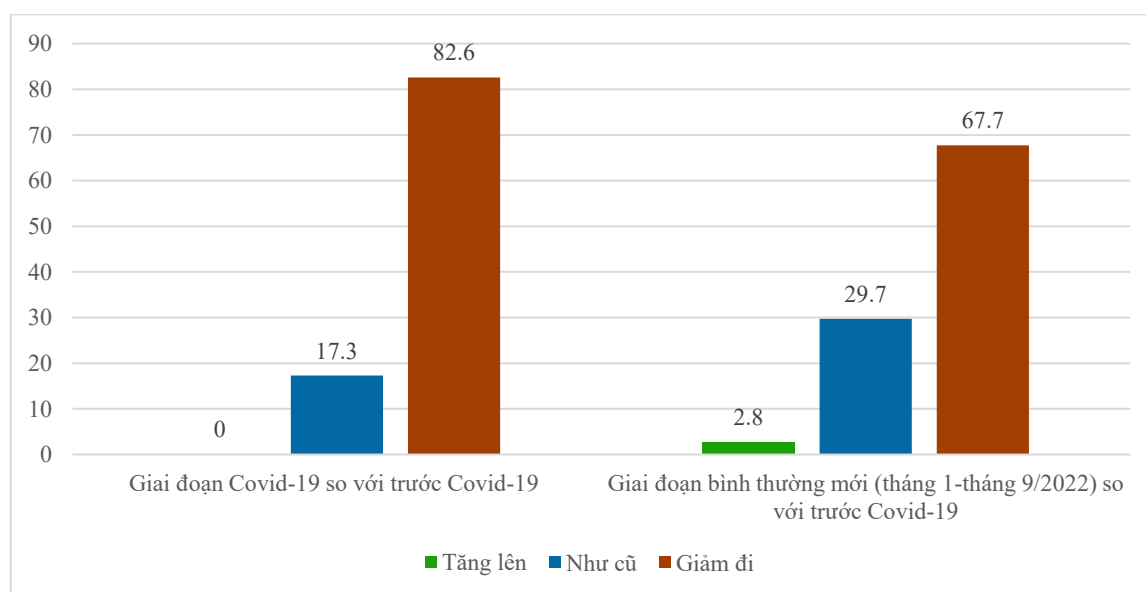
Với cơ cấu nguồn thu nhập như vậy, khả năng đầu tư vốn tài chính để tạo lập sinh kế cũng có sự khác biệt giữa các nhóm lao động. Kết quả khảo sát cho thấy có 54,2% người được hỏi cho biết họ có sử dụng vốn tài chính để đầu tư cho hoạt động sinh kế của mình, trong khi 45,8% cho rằng công việc của họ không đòi hỏi phải đầu tư vốn đáng kể. Những người thuộc nhóm làm thuê, chẳng hạn như lao động giúp việc gia đình, thường không cần vốn đầu tư ban đầu cho hoạt động lao động của mình. Như một người lao động chia sẻ trong phỏng vấn sâu: *“Đi làm giúp việc thì cũng chả cần đầu tư gì cả. Chỉ cần sức khỏe thôi, với thêm cái xe để đi lại cho nhanh chóng, thuận tiện. Chứ đồ dùng, thiết bị thì sẵn ở nhà họ rồi, mình chỉ đến đó làm rồi nhận tiền thôi.”* (PVS, nữ, 47 tuổi, giúp việc theo giờ). Trường hợp này cho thấy sinh kế của nhóm lao động làm thuê chủ yếu dựa vào vốn con người - tức là sức lao động và kỹ năng cá nhân - hơn là vốn tài chính.

Đối với những người lao động có thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán, nhu cầu về vốn tài chính thường tồn tại nhưng ở mức không quá lớn. Phần lớn các hoạt động kinh doanh trong khu vực kinh tế phi chính thức mang tính nhỏ lẻ, chẳng hạn như bán hàng rong, bán quần áo lưu động hoặc mở quán nước vỉa hè. Do quy mô kinh doanh hạn chế, số vốn ban đầu cần để duy trì hoạt động thường ở mức thấp. Một người bán hàng rong cho biết: *“Bán thế này cũng không cần nhiều tiền vốn quá, tầm chục triệu gì đó, nhưng nếu mà không bán được mà om vốn thì cũng chết dở, vừa không có tiền chi tiêu lại vừa cụt vốn, nên tôi cũng phải cẩn thận chọn mẫu mã với lại phải chịu khó đi để có thêm khách hàng.”* (PVS, nữ, 52 tuổi, bán quần áo dạo). Trường hợp này cho thấy mặc dù nhu cầu vốn đầu tư không lớn, nhưng khả năng chịu đựng rủi ro tài chính của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức lại khá hạn chế.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung khá mỏng và thiếu tính ổn định. Phần lớn sinh kế của họ dựa vào các hoạt động có quy mô nhỏ, phụ thuộc nhiều vào sức lao động cá nhân và ít có khả năng tích lũy dài hạn. Trong bối cảnh đó, các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19 có thể nhanh chóng làm suy giảm nguồn vốn tài chính vốn đã hạn chế của họ, từ đó kéo theo sự suy yếu của các loại vốn sinh kế khác như vốn vật chất hoặc vốn xã hội. Điều này cho thấy tính dễ tổn thương của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức và nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ tài chính và an sinh xã hội nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nhóm lao động này trước các biến động kinh tế trong tương lai.

Trong thời gian Covid-19, vốn tài chính mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đầu tư để có thu nhập biến động khá mạnh, cụ thể:

Biểu 3.1. Biến động về vốn tài chính phục vụ cho đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%)



Kết quả nghiên cứu cho thấy trong số những người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng vốn tài chính để đầu tư cho hoạt động sinh kế, chiếm 54,2% tổng số người được khảo sát, nguồn vốn này đã có sự biến động mạnh trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Cụ thể, trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát, có 82,6% cho biết lượng vốn tài chính họ sử dụng để đầu tư cho sinh kế đã giảm so với thời điểm trước đại dịch. Đến giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022), mặc dù một số

hoạt động kinh tế dần được khôi phục, nhưng mức độ phục hồi của nguồn vốn đầu tư vẫn còn rất hạn chế. Có 67,7% người lao động tiếp tục cho biết vốn đầu tư sinh kế của họ vẫn thấp hơn so với trước đại dịch, trong khi chỉ 3,1% cho biết nguồn vốn này có sự gia tăng. Những con số này phản ánh rõ tác động kéo dài của đại dịch Covid-19 đối với khả năng tích lũy và tái đầu tư vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, vốn tài chính là một trong những nguồn lực cốt lõi quyết định khả năng duy trì và mở rộng hoạt động sinh kế. Khi nguồn vốn này suy giảm, khả năng đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hoặc các hoạt động tạo thu nhập cũng bị hạn chế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập hiện tại mà còn làm suy yếu năng lực phục hồi sinh kế của hộ gia đình trong dài hạn.

3.4.1.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về vốn tài chính phục vụ cho việc đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát đối với nhóm người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng vốn tài chính để đầu tư cho hoạt động sinh kế - chiếm 54,2% tổng số người được khảo sát - cho thấy sự suy giảm đáng kể về khả năng đầu tư trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Phân tích các ý kiến phản hồi cho thấy nhiều nguyên nhân khác nhau đã tác động đến quyết định giảm đầu tư của người lao động. Trong đó, 55,9% cho biết họ không dám tiếp tục đầu tư do hoạt động làm ăn giai đoạn bình thường mới trở nên bấp bênh và khó dự đoán hơn. Bên cạnh đó, có 52,3% cho biết họ không còn nguồn tiền tích lũy để đầu tư do thu nhập bị gián đoạn trong thời gian dịch bệnh. Ngoài ra, có 35,4% phản ánh họ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay, khiến khả năng duy trì hoặc mở rộng hoạt động sinh kế bị hạn chế.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự suy giảm vốn đầu tư là sự sụt giảm mạnh về thu nhập trong thời gian đại dịch. Dữ liệu khảo sát cho thấy so với thời điểm trước khi Covid-19 bùng phát, có 72,2% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho biết thu nhập của họ giảm trong giai đoạn dịch bệnh, trong khi không có trường hợp nào ghi nhận thu nhập tăng lên. Khi bước sang giai đoạn bình thường mới, tình hình có cải thiện phần nào nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Có 63,1% người lao động cho biết thu nhập của họ tiếp tục giảm so với trước đại dịch, 34,2%

cho rằng thu nhập không thay đổi đáng kể, trong khi chỉ 2,7% ghi nhận mức thu nhập tăng lên.

Đối với hai nhóm nghề phổ biến nhất trong khu vực kinh tế phi chính thức là lao động làm thuê và lao động kinh doanh, buôn bán nhỏ, mức suy giảm thu nhập cũng rất đáng kể. Trong giai đoạn đại dịch bùng phát, thu nhập từ lao động làm thuê giảm 47,6% so với trước đại dịch, trong khi thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán giảm 23,8%. Sang giai đoạn bình thường mới, mức suy giảm này thậm chí còn rõ rệt hơn, khi thu nhập từ lao động làm thuê giảm 76,2% và thu nhập từ hoạt động kinh doanh giảm 41,5%. Những biến động này đã trực tiếp làm suy yếu khả năng tích lũy và tái đầu tư vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Bên cạnh yếu tố thu nhập, tâm lý thận trọng trước rủi ro cũng ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư của người lao động giai đoạn bình thường mới. Nhiều người cho biết trải nghiệm khó khăn trong thời gian Covid-19 khiến họ trở nên dè dặt hơn trong việc sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh. Thay vì tiếp tục đầu tư, họ có xu hướng tiết kiệm nhiều hơn để phòng ngừa các rủi ro trong tương lai. Một người bán hàng rong chia sẻ rằng giai đoạn bình thường mới chị cảm thấy lo ngại về khả năng dịch bệnh có thể bùng phát trở lại, đồng thời sức khỏe giảm sút và sức mua của khách hàng cũng yếu hơn, vì vậy chị chưa dám đầu tư vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Tương tự, một lao động bốc vác cho biết anh lựa chọn tăng cường tiết kiệm để đề phòng những cú sốc kinh tế tương tự như giai đoạn dịch bệnh, thay vì tiếp tục đầu tư vốn vào các hoạt động sinh kế.

Một nguyên nhân khác liên quan đến sự suy giảm vốn đầu tư là những rào cản trong việc tiếp cận nguồn vốn vay với 35,4% người lao động cho biết họ gặp khó khăn khi muốn vay vốn để phục hồi hoặc mở rộng hoạt động sinh kế. Trên thực tế, nhiều lao động khu vực kinh tế phi chính thức không có tài sản đảm bảo, không có hợp đồng lao động ổn định hoặc hồ sơ tài chính rõ ràng, do đó khó đáp ứng các điều kiện vay vốn của các tổ chức tín dụng chính thức. Bên cạnh những rào cản về thể chế, bản thân nhiều người lao động cũng tỏ ra e ngại việc vay vốn do lo sợ rủi ro tài chính. Một số người cho biết họ không nghĩ đến việc vay ngân hàng vì không có thu nhập

ổn định để đảm bảo khả năng trả nợ, trong khi những người khác lo ngại rằng nếu vay vốn mà không trả được đúng hạn thì sẽ phải đối mặt với áp lực tài chính lớn hơn.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động này phản ánh sự suy giảm rõ rệt của vốn tài chính, vốn được xem là nguồn lực quan trọng giúp duy trì và mở rộng sinh kế. Khi nguồn thu nhập bị gián đoạn và khả năng tiếp cận tín dụng hạn chế, người lao động buộc phải điều chỉnh chiến lược sinh kế theo hướng giảm đầu tư và ưu tiên các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Sự suy yếu của vốn tài chính cũng có thể kéo theo những tác động lan tỏa đến các loại vốn sinh kế khác, đặc biệt là vốn vật chất và vốn con người, bởi việc thiếu nguồn lực tài chính sẽ hạn chế khả năng duy trì công cụ sản xuất, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc nâng cao kỹ năng lao động. Điều này cho thấy sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có mức độ dễ tổn thương cao trước các cú sốc kinh tế - xã hội, đồng thời nhấn mạnh vai trò của các chính sách hỗ trợ tài chính và tiếp cận tín dụng nhằm tăng cường khả năng phục hồi sinh kế của nhóm lao động này trong bối cảnh hậu đại dịch.

3.4.2. Khả năng tiếp cận vốn tài chính phục vụ cho việc đầu tư để tạo sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong Covid-19

3.4.2.1. Thực trạng và sự thay đổi về khả năng tiếp cận vốn tài chính phục vụ cho việc đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, hay còn gọi là tín dụng, là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì và mở rộng sinh kế của các hộ gia đình. Tuy nhiên, đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng chính thức thường hạn chế hơn nhiều so với khu vực kinh tế chính thức. Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, có 34,4% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho biết họ có vay vốn để phục vụ hoạt động sinh kế, trong khi phần lớn còn lại không tiếp cận các khoản vay này. Điều này phản ánh một đặc điểm phổ biến của khu vực kinh tế phi chính thức, đó là hoạt động sinh kế chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có của hộ gia đình hơn là dựa vào các nguồn vốn vay từ bên ngoài.

Về các nguồn cung cấp vốn vay cho thấy mạng lưới quan hệ xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong

số những người có vay vốn, có 81,5% cho biết họ vay từ bạn bè hoặc người thân trong gia đình. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng rất thấp, chỉ là 7,3%. Ngoài ra, có 11,2% cho biết họ vay vốn từ các nguồn khác, bao gồm các kênh tín dụng chính sách hoặc các hình thức tín dụng phi chính thức như tín dụng “đen”. Cơ cấu nguồn vay này cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phụ thuộc chủ yếu vào các mối quan hệ cá nhân và cộng đồng khi cần tiếp cận nguồn vốn tài chính.

Một ý kiến phỏng vấn sâu đã phản ánh khá rõ những khó khăn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức: *“Vay ngân hàng khó lắm, vì phải có tài sản thế chấp, với phải chứng minh được mình có thu nhập ổn định, thường xuyên, mà cái này thì chúng tôi rất khó. Khi tôi muốn mua 1 chiếc ô tô để chạy taxi tôi cũng xin đi vay mà không được, may có anh em gia đình cho vay thôi.”* [PVS, nam, 49 tuổi, lái xe taxi]. Trích dẫn này cho thấy những rào cản mang tính thể chế trong hệ thống tín dụng chính thức, đặc biệt là yêu cầu về tài sản thế chấp và chứng minh thu nhập ổn định, đã khiến nhiều người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khó tiếp cận các khoản vay từ ngân hàng. Trong bối cảnh đó, các mạng lưới quan hệ gia đình và bạn bè trở thành nguồn lực quan trọng giúp họ duy trì hoặc mở rộng hoạt động sinh kế.

Sự thay đổi cũng trở nên rõ rệt hơn trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có vay vốn phục vụ sinh kế giảm dần theo thời gian. Nếu như trước đại dịch có 34,4% người lao động vay vốn, thì trong giai đoạn đại dịch tỷ lệ này giảm xuống còn 30,1%. Đến giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ người lao động có vay vốn tiếp tục giảm xuống còn 21,5%. Xu hướng này cho thấy ở giai đoạn bình thường mới, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức ngày càng thận trọng hơn trong việc tiếp cận các khoản vay để đầu tư cho sinh kế.

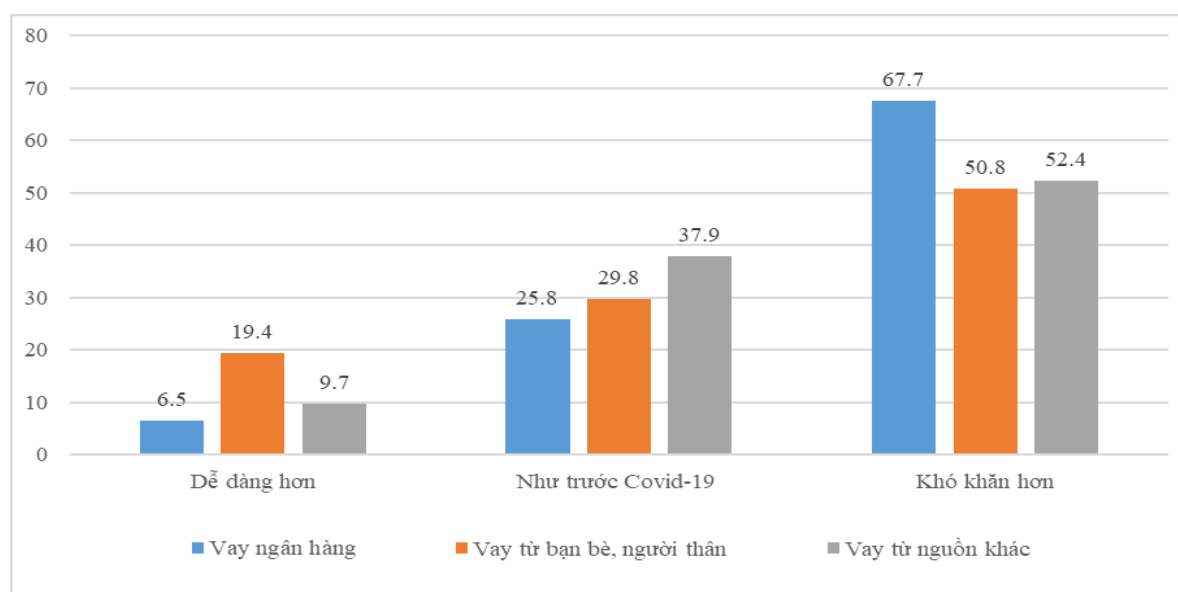
Một người bán quần áo dạo chia sẻ: *“Không dám vay nữa, giờ có gì thì làm thế thôi, nhỏ nhỏ thôi, không thì áp lực lắm không trả nợ được thì nguy.”* [PVS, nữ, 47 tuổi, bán quần áo dạo]. Trích dẫn này phản ánh rõ tâm lý e ngại rủi ro tài chính của người lao động sau khi trải qua giai đoạn khó khăn do đại dịch. Khi thu nhập trở nên bấp bênh và thị trường tiêu thụ chưa thực sự ổn định, việc vay vốn để đầu tư có

thể tạo ra áp lực lớn nếu không đảm bảo được khả năng trả nợ. Vì vậy, nhiều người lao động lựa chọn chiến lược sinh kế thận trọng hơn, ưu tiên các hoạt động kinh tế quy mô nhỏ và hạn chế rủi ro thay vì mở rộng đầu tư.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy khả năng tiếp cận vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phụ thuộc rất lớn vào vốn xã hội, đặc biệt là các mạng lưới quan hệ gia đình và cộng đồng. Trong khi các nguồn tín dụng chính thức còn nhiều rào cản, những mối quan hệ xã hội trở thành kênh hỗ trợ quan trọng giúp người lao động tiếp cận nguồn lực tài chính khi cần thiết. Tuy nhiên, sự suy giảm nhu cầu vay vốn giai đoạn bình thường mới cũng phản ánh mức độ dễ tổn thương của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức. Khi thu nhập không ổn định và khả năng trả nợ trở nên bất định, người lao động có xu hướng giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay và chuyển sang các chiến lược sinh kế thận trọng hơn. Điều này cho thấy việc tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng phù hợp và linh hoạt cho khu vực kinh tế phi chính thức có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố nguồn vốn tài chính và nâng cao khả năng phục hồi sinh kế của nhóm lao động này trong bối cảnh hậu đại dịch.

Sau Covid-19, kết quả khảo sát cho thấy:

Biểu 3.2. Khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với trước khi đại dịch bùng phát (%)



Biểu đồ khảo sát cho thấy giai đoạn bình thường mới, khả năng tiếp cận các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trở nên khó khăn hơn đáng kể so với giai đoạn trước đó. Phần lớn người được hỏi cho rằng việc tiếp cận các nguồn vốn hiện nay gặp nhiều trở ngại hơn, trong khi tỷ lệ cho biết việc vay vốn trở nên dễ dàng hơn hoặc không có sự thay đổi chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Sự thay đổi này phản ánh rõ những tác động kéo dài của đại dịch đối với khả năng huy động nguồn lực tài chính của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Khó khăn lớn nhất được ghi nhận ở việc tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng. Có 67,7% người được hỏi cho biết việc vay vốn ngân hàng giai đoạn bình thường mới trở nên khó khăn hơn so với trước đây, trong khi 6,5% cho rằng việc vay vốn trở nên dễ dàng hơn. Điều này cho thấy các điều kiện tiếp cận tín dụng chính thức vẫn là rào cản lớn đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập và khả năng chứng minh năng lực tài chính của họ bị suy giảm trong giai đoạn bình thường mới.

Đối với nguồn vay từ bạn bè và người thân, mức độ khó khăn tuy thấp hơn so với nguồn tín dụng ngân hàng nhưng vẫn tăng đáng kể so với trước đại dịch. Có 50,8% người lao động cho biết việc vay vốn từ các mối quan hệ cá nhân trở nên khó khăn hơn, trong khi có 19,4% cho rằng việc vay vốn từ nguồn này dễ dàng hơn. Điều này cho thấy ngay cả các mạng lưới hỗ trợ phi chính thức - vốn được xem là nguồn vốn quen thuộc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức - cũng chịu tác động tiêu cực từ những khó khăn kinh tế chung của xã hội giai đoạn bình thường mới.

Đối với các nguồn vay khác, bao gồm các hình thức tín dụng phi chính thức như vay lãi ngày hoặc các kênh tín dụng ngoài hệ thống ngân hàng, có 52,4% người được hỏi cho biết việc tiếp cận các nguồn vốn này trở nên khó khăn hơn so với trước đại dịch. Trong khi đó, có 9,7% cho rằng việc vay vốn từ các nguồn này dễ dàng hơn và 37,9% cho biết mức độ tiếp cận không có sự thay đổi đáng kể. Kết quả này cho thấy mặc dù các kênh tín dụng phi chính thức thường linh hoạt hơn về thủ tục, nhưng chi phí vay cao và rủi ro tài chính lớn khiến nhiều người lao động phải cân nhắc khi tiếp cận các nguồn vốn này.

Một người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chia sẻ: *“Vay từ bạn bè, người thân quen vẫn dễ dàng hơn vay từ ngân hàng vì ngân hàng cần thủ tục, giấy tờ. Người thân quen thì không cần. Chỉ có điều người thân có (tiền) mà cho vay hay không thôi. Còn vay từ nguồn khác thì chủ yếu vay lãi ngày, cái này thì lúc nào cũng sẵn, nhưng lãi cao không dám vay.”* [PVS, nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Ý kiến này cho thấy rõ cấu trúc phân tầng trong khả năng tiếp cận vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong khi tín dụng ngân hàng bị hạn chế bởi các yêu cầu về thủ tục và tài sản đảm bảo, các nguồn vay từ mạng lưới xã hội lại phụ thuộc vào khả năng tài chính của người thân và bạn bè. Bên cạnh đó, các kênh tín dụng phi chính thức tuy dễ tiếp cận hơn nhưng lại tiềm ẩn chi phí vay cao và rủi ro tài chính lớn.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả này phản ánh sự suy yếu của vốn tài chính và những hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới. Khi các kênh tín dụng chính thức khó tiếp cận, người lao động thường phải dựa vào vốn xã hội - các mối quan hệ gia đình và cộng đồng - để huy động nguồn lực phục vụ sinh kế. Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế do đại dịch gây ra, ngay cả các mạng lưới xã hội này cũng bị suy yếu khi nhiều hộ gia đình cùng rơi vào tình trạng khó khăn tài chính. Điều này làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức, đồng thời cho thấy nhu cầu cấp thiết về các cơ chế tín dụng linh hoạt và phù hợp hơn nhằm hỗ trợ nhóm lao động này phục hồi và duy trì hoạt động sinh kế trong giai đoạn bình thường mới.

3.4.2.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về khả năng tiếp cận vốn tài chính phục vụ cho việc đầu tư để tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát đối với nhóm người lao động khu vực kinh tế phi chính thức từng có vay vốn phục vụ hoạt động sinh kế - chiếm 34,4% tổng số người được khảo sát - cho thấy nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự thay đổi trong khả năng tiếp cận nguồn vốn tài chính của họ trong giai đoạn bình thường mới. Trong số những người thuộc nhóm này, có 78,2% cho biết họ không còn đủ điều kiện để vay vốn do không đáp ứng được các yêu cầu từ phía tổ chức cho vay. Những rào cản này xuất

phát từ nhiều yếu tố, bao gồm sự suy giảm thu nhập, tình trạng mất việc làm hoặc giảm giờ làm trong giai đoạn dịch bệnh. Dữ liệu nghiên cứu cho thấy so với trước khi đại dịch xảy ra, có 61,1% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã trải qua tình trạng mất việc hoặc giảm giờ làm trong thời gian dịch bệnh bùng phát. Đến giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này vẫn còn ở mức cao, với 49,6%. Sự sụt giảm về việc làm và thu nhập này đã trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng chứng minh năng lực tài chính của người lao động khi tiếp cận các khoản vay mới.

Ngoài ra, một số người lao động cho biết sau thời gian đại dịch, họ gặp khó khăn trong việc trả nợ đúng hạn các khoản vay trước đó, dẫn đến việc hồ sơ tín dụng của họ bị đánh giá tiêu cực. Điều này khiến họ khó được chấp thuận khi xin vay các khoản vay mới từ các tổ chức tín dụng. Thực tế cho thấy phần lớn các hoạt động kinh tế trong khu vực phi chính thức, chẳng hạn như bán hàng rong hoặc lao động tự do, thường không đăng ký kinh doanh chính thức và không có hợp đồng lao động rõ ràng. Thu nhập của họ chủ yếu được thanh toán bằng tiền mặt, không có bảng lương hoặc sao kê ngân hàng, cũng như thiếu lịch sử giao dịch tài chính minh bạch. Trong bối cảnh hệ thống tài chính ngày càng ưu tiên các dữ liệu giao dịch điện tử và các tiêu chí đánh giá tín dụng dựa trên hồ sơ tài chính chính thức, những đặc điểm này vô tình trở thành rào cản lớn đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi muốn tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Bên cạnh đó, phần lớn người lao động trong khu vực này cũng không sở hữu các tài sản có giá trị đủ lớn để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay. Ngay cả trong những trường hợp có tài sản, việc chứng minh khả năng trả nợ ổn định vẫn là một thách thức do thu nhập của họ mang tính bấp bênh và không thường xuyên. Từ phía các tổ chức tín dụng, nhóm lao động khu vực kinh tế phi chính thức thường bị đánh giá là có mức độ rủi ro tín dụng cao do tính chất công việc thiếu ổn định và dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế. Mặc dù nhu cầu vay vốn của họ thường không lớn, nhưng chi phí thẩm định và quản lý các khoản vay nhỏ lại tương đối cao, khiến nhiều ngân hàng không mặn mà trong việc cung cấp tín dụng cho nhóm đối tượng này. Ở giai đoạn bình thường mới, khi nguy cơ nợ xấu gia tăng, các tổ chức tín dụng càng thận trọng hơn trong việc xét duyệt các khoản vay, đồng thời tăng cường các yêu cầu

về tài sản đảm bảo và minh bạch tài chính - những điều kiện mà phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khó có thể đáp ứng.

Trong bối cảnh đó, nhiều người lao động buộc phải tìm đến các nguồn vay phi chính thức như vay từ bạn bè, người thân hoặc từ các tổ chức cho vay bên ngoài hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, hình thức vay từ các tổ chức cho vay bên ngoài hệ thống ngân hàng thường đi kèm với mức lãi suất cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro tài chính. Một người bán quần áo dạo chia sẻ: *“Lãi 3.000đ đến 5.000đ một triệu một ngày. Có khi còn cao hơn. Lãi mẹ đẻ lãi con. Khiếp lắm!”* [PVS, nữ, 47 tuổi, bán quần áo dạo]. Trích dẫn này cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể phải chấp nhận những điều kiện vay bất lợi khi không thể tiếp cận các nguồn tín dụng chính thức. Mức lãi suất cao của các khoản vay phi chính thức không chỉ làm gia tăng gánh nặng tài chính mà còn có thể đẩy người vay vào vòng xoáy nợ nần, làm suy yếu hơn nữa nền tảng sinh kế của họ.

Bên cạnh những rào cản từ phía hệ thống tín dụng, tâm lý e ngại vay nợ cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Kết quả khảo sát cho thấy có 89,5% người lao động cho biết họ không dám vay tiền do lo ngại rủi ro không thể trả nợ trong bối cảnh thu nhập bấp bênh. Như đã đề cập, tỷ lệ người lao động bị mất việc hoặc giảm giờ làm trong thời gian đại dịch lên tới 61,1%, và vẫn còn 49,4% trong giai đoạn bình thường mới. Trong điều kiện thu nhập không ổn định như vậy, việc vay vốn để đầu tư sinh kế có thể tạo ra áp lực tài chính lớn đối với hộ gia đình. Vì vậy, nhiều người lựa chọn chiến lược sinh kế thận trọng hơn, hạn chế vay vốn và chỉ duy trì các hoạt động kinh tế ở quy mô nhỏ.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả này phản ánh sự suy giảm và hạn chế trong việc tiếp cận vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới. Khi thu nhập giảm và khả năng chứng minh năng lực tài chính bị hạn chế, họ khó tiếp cận các nguồn tín dụng chính thức, do đó, họ buộc phải dựa nhiều hơn vào vốn xã hội thông qua các mạng lưới gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế lan rộng, ngay cả các mạng lưới xã hội này cũng bị suy yếu, làm giảm khả năng hỗ trợ tài chính giữa các

cá nhân. Sự kết hợp giữa rủi ro gia tăng từ phía người lao động và sự thận trọng ngày càng cao của các tổ chức tín dụng đã khiến khả năng tiếp cận vốn tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trở nên khó khăn hơn đáng kể giai đoạn bình thường mới. Điều này cho thấy sinh kế của nhóm lao động này không chỉ phụ thuộc vào năng lực cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các cấu trúc thể chế và hệ thống tài chính, qua đó nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách tín dụng linh hoạt và bao trùm hơn nhằm hỗ trợ phục hồi sinh kế cho khu vực kinh tế phi chính thức trong giai đoạn hậu đại dịch.

3.5. Vốn con người của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

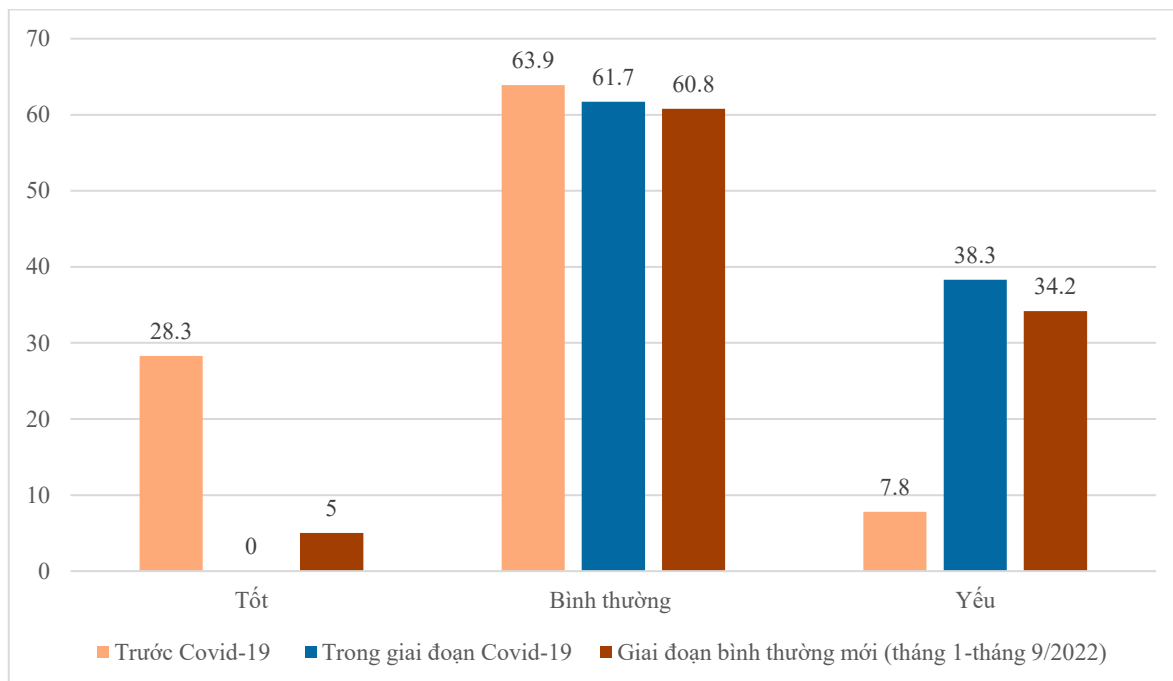
Khi xem xét vốn con người, nghiên cứu này tập trung vào ba phương diện chính: sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần cùng với kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức. Kết quả khảo sát cho thấy, theo đánh giá của chính những người lao động này, các thành phần của vốn con người đã suy giảm đáng kể sau giai đoạn đại dịch Covid-19. Sự suy giảm này không chỉ thể hiện ở tình trạng sức khỏe mà còn ở khả năng duy trì và phát huy các năng lực nghề nghiệp phục vụ sinh kế. Phần dưới đây sẽ trình bày cụ thể hơn những biến đổi của vốn con người của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

3.5.1. Sức khỏe thể chất của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.5.1.1. Thực trạng và sự thay đổi sức khỏe thể chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát đối với 360 lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hà Nội cho thấy sức khỏe của họ đã bị giảm sút khá nhiều nếu so sánh với giai đoạn trước đại dịch Covid-19 bùng phát.

Biểu 3.3. Đánh giá của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về sức khỏe thể chất trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) (%)



Biểu đồ cho thấy sự thay đổi rõ rệt về tình trạng sức khỏe thể chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức qua các giai đoạn trước, trong đại dịch Covid-19 và giai đoạn bình thường mới. Trước khi dịch bệnh bùng phát, phần lớn người lao động tự đánh giá sức khỏe của mình ở mức trung bình, chiếm 63,9%, trong khi có 28,3% cho biết sức khỏe của họ ở mức tốt và chỉ 7,8% đánh giá sức khỏe ở mức yếu. Cơ cấu này phản ánh một nền tảng sức khỏe tương đối ổn định của lực lượng lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức trước khi xảy ra cú sốc y tế và kinh tế do đại dịch gây ra.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, tình trạng sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có sự suy giảm đáng kể. Tỷ lệ người tự đánh giá sức khỏe ở mức yếu tăng mạnh lên 38,3%, cao hơn 30,5 điểm phần trăm so với giai đoạn trước dịch. Đồng thời, không còn trường hợp nào cho biết sức khỏe của họ ở mức tốt, trong khi tỷ lệ đánh giá sức khỏe ở mức trung bình chiếm 61,7%. Những biến động này cho thấy tác động trực tiếp của đại dịch không chỉ đến điều kiện kinh

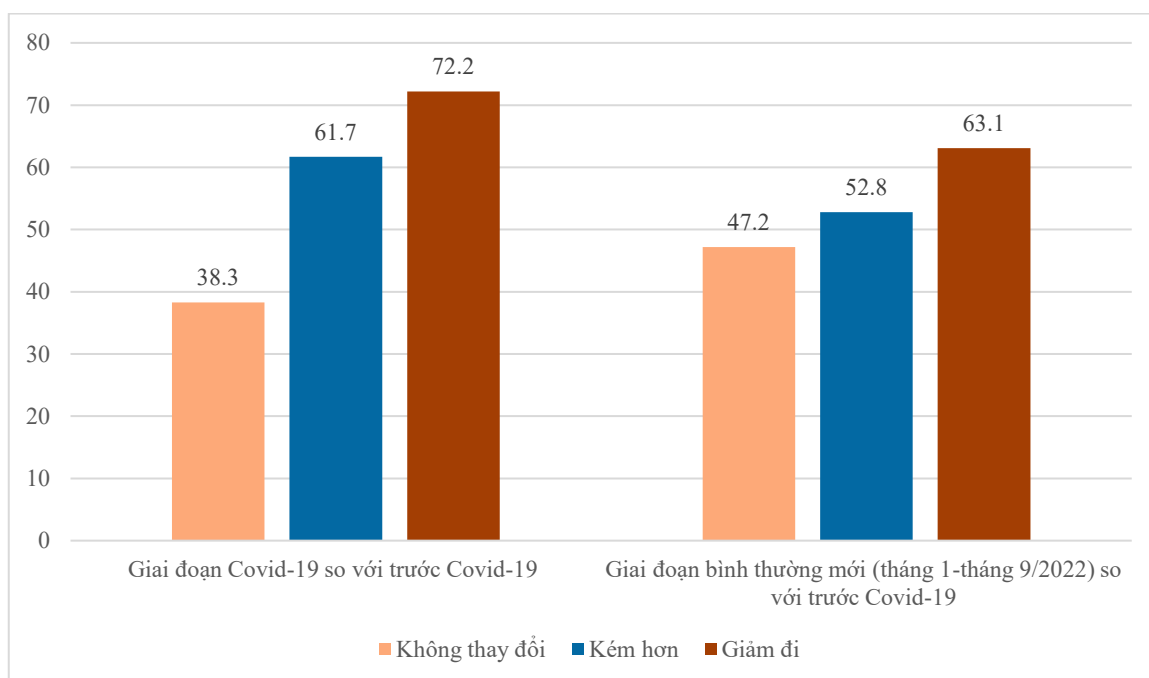
tế mà còn đến thể trạng của người lao động, đặc biệt trong bối cảnh nhiều người phải đối mặt với áp lực việc làm, thu nhập và nguy cơ lây nhiễm bệnh.

Bước sang giai đoạn bình thường mới, sức khỏe của người lao động có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn chưa trở lại mức như trước đại dịch. Tỷ lệ người đánh giá sức khỏe ở mức tốt tăng trở lại lên 5,0%, tuy nhiên vẫn thấp hơn tới 23,3 điểm phần trăm so với giai đoạn trước dịch. Trong khi đó, tỷ lệ người cho biết sức khỏe yếu vẫn duy trì ở mức khá cao, với 34,2%, và 60,8% đánh giá sức khỏe của mình ở mức trung bình. Những con số này cho thấy mặc dù tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, nhưng những tác động kéo dài của đại dịch đối với sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn còn khá rõ rệt.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sức khỏe thể chất là một thành tố quan trọng của vốn con người, có vai trò quyết định đối với khả năng lao động và tạo thu nhập của cá nhân. Khi sức khỏe suy giảm, năng lực tham gia thị trường lao động và khả năng duy trì sinh kế của người lao động cũng bị ảnh hưởng. Trong bối cảnh khu vực kinh tế phi chính thức phụ thuộc nhiều vào lao động chân tay và cường độ làm việc cao, sự suy yếu của vốn con người có thể làm giảm đáng kể khả năng chống chịu của hộ gia đình trước các cú sốc kinh tế - xã hội. Vì vậy, những biến động về sức khỏe thể chất được phản ánh trong kết quả khảo sát không chỉ là vấn đề y tế cá nhân, mà còn cho thấy sự suy giảm của một nguồn vốn sinh kế quan trọng, từ đó làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong giai đoạn hậu đại dịch.

Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu về đánh giá của người lao động phi chính thức về tình trạng sức khỏe thể chất của họ giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát và giai đoạn bình thường mới so với giai đoạn trước đại dịch, kết quả như sau:

Biểu 3.4. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về sức khỏe thể chất so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%)



Biểu đồ phản ánh đánh giá của chính người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về sự thay đổi sức khỏe thể chất của họ trong hai giai đoạn: thời kỳ đại dịch Covid-19 bùng phát và giai đoạn bình thường mới so với thời điểm trước khi đại dịch xuất hiện. Kết quả cho thấy sức khỏe của nhóm lao động này đã suy giảm đáng kể dưới tác động của đại dịch.

Trước hết, khi so sánh giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát với thời điểm trước dịch, có tới 61,7% người lao động cho biết sức khỏe của họ kém hơn so với trước đây, trong khi 38,3% cho rằng tình trạng sức khỏe của họ không thay đổi. Như vậy, theo đánh giá của chính những người trong cuộc, gần hai phần ba lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã trải qua sự suy giảm sức khỏe trong giai đoạn dịch bệnh. Điều này phản ánh những tác động đa chiều của đại dịch, bao gồm áp lực kinh tế, sự gián đoạn việc làm, căng thẳng tâm lý và những rủi ro liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

Ngay cả khi bước sang giai đoạn bình thường mới, sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn chưa phục hồi hoàn toàn. Có 52,8% người được hỏi cho biết sức khỏe của họ vẫn giảm so với thời điểm trước đại dịch, trong khi 47,2% cho rằng sức khỏe của họ không có sự thay đổi đáng kể. Đáng chú ý, không

có trường hợp nào cho biết sức khỏe của họ tốt hơn so với trước khi dịch bệnh xảy ra. Những kết quả này cho thấy các tác động của đại dịch đối với sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tính kéo dài, ngay cả sau khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục.

Phân tích tương quan cho thấy mức độ suy giảm sức khỏe có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm lao động khi xét theo trình độ học vấn. Trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát so với trước đại dịch, tỷ lệ người cho biết sức khỏe suy giảm cao nhất thuộc nhóm có trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cao đẳng, với 88,1%. Tỷ lệ tương ứng ở nhóm có trình độ đại học trở lên là 63,8%, trong khi thấp nhất là nhóm có trình độ từ THPT trở xuống với 38,8%. Mức chênh lệch giữa nhóm cao nhất và thấp nhất lên tới 49,3 điểm phần trăm. Kiểm định Chi-square với mức ý nghĩa thống kê $P < 0,001$ khẳng định sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm trình độ học vấn, và hệ số tương quan Cramer's V đạt 0,471 cho thấy mối liên hệ tương đối chặt chẽ giữa trình độ học vấn và mức độ suy giảm sức khỏe trong giai đoạn đại dịch.

Xu hướng này tiếp tục được duy trì trong giai đoạn bình thường mới. Tỷ lệ người cho biết sức khỏe giảm so với trước đại dịch vẫn cao nhất ở nhóm có trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cao đẳng, với 85,3%. Tỷ lệ này ở nhóm có trình độ đại học trở lên là 74,5%, trong khi thấp nhất ở nhóm có trình độ từ THPT trở xuống với 19,4%. Mức chênh lệch giữa nhóm cao nhất và thấp nhất lên tới 65,9 điểm phần trăm. Kết quả kiểm định Chi-square tiếp tục cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,001$), đồng thời hệ số Cramer's V đạt 0,636 cho thấy mối quan hệ phụ thuộc khá mạnh giữa sự suy giảm sức khỏe và trình độ học vấn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Sự khác biệt về mức độ suy giảm sức khỏe cũng thể hiện rõ khi xem xét theo loại hình đăng ký cư trú. Trong giai đoạn dịch bệnh so với trước dịch, tỷ lệ người cho biết sức khỏe giảm sút cao nhất thuộc nhóm không đăng ký tạm trú, với 93,3%. Tiếp theo là nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2) với 89,2%, trong khi thấp nhất là nhóm có đăng ký tạm trú dài hạn hoặc ngắn hạn (KT3, KT4) với 18,2%. Sự chênh lệch giữa nhóm cao nhất và thấp nhất lên tới 75,1 điểm phần trăm. Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P < 0,001$), và hệ số

Cramer'sV đạt 0,727 cho thấy mối liên hệ rất mạnh giữa tình trạng cư trú và sự suy giảm sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Ở giai đoạn bình thường mới, sự khác biệt này vẫn tiếp tục tồn tại. Tỷ lệ người cho biết sức khỏe suy giảm cao nhất thuộc nhóm có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2) với 92,4%. Tiếp theo là nhóm không đăng ký tạm trú với 41,7%, trong khi thấp nhất vẫn là nhóm KT3, KT4 với 14,0%. Sự chênh lệch giữa nhóm cao nhất và thấp nhất lên tới 78,4 điểm phần trăm. Kiểm định Chi-square tiếp tục khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm cư trú ($P < 0,001$), và hệ số Cramer'sV đạt 0,723 cho thấy mối quan hệ phụ thuộc rất mạnh giữa mức độ suy giảm sức khỏe và tình trạng cư trú của người lao động phi chính thức.

Xem xét theo khu vực cư trú, tình trạng sức khỏe sau giai đoạn Covid-19 bùng phát suy giảm mạnh hơn ở nhóm nội thành (81,4%), trong khi con số tương ứng ở nhóm ngoại thành là 38,6%. Hệ số Cramers'V=0,420 với mức ý nghĩa $P=0$ cho thấy mối quan hệ phụ thuộc tương đối mạnh giữa biến số suy giảm sức khỏe vào biến số khu vực cư trú của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Ngược lại, khi xem xét theo giới tính và độ tuổi, sự khác biệt về mức độ suy giảm sức khỏe giữa các nhóm lao động không rõ rệt. Dù ở nhóm tuổi dưới 40, từ 40 đến dưới 65 hay trên 65 tuổi, và dù là nam hay nữ, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đều có xu hướng trải qua sự suy giảm sức khỏe tương đối tương đồng đều trong giai đoạn đại dịch và giai đoạn bình thường mới.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên phản ánh sự suy giảm đáng kể của vốn con người - một trong những nguồn lực cốt lõi quyết định khả năng duy trì sinh kế của hộ gia đình. Sức khỏe thể chất là nền tảng để người lao động có thể tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập, đặc biệt trong khu vực kinh tế phi chính thức nơi công việc thường đòi hỏi cường độ lao động cao và ít có cơ chế bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp. Khi sức khỏe suy giảm, khả năng lao động và năng suất làm việc cũng bị ảnh hưởng, từ đó kéo theo sự suy yếu của vốn tài chính và vốn vật chất trong hệ thống sinh kế của hộ gia đình. Đồng thời, sự khác biệt theo trình độ học vấn và tình trạng cư trú cũng cho thấy các yếu tố cấu trúc xã hội có thể làm gia tăng hoặc giảm bớt mức độ dễ tổn thương của vốn con người trước các cú sốc như đại

dịch. Điều này nhấn mạnh rằng việc củng cố sức khỏe và năng lực lao động của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không chỉ là vấn đề y tế mà còn là điều kiện quan trọng để tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi sinh kế trong bối cảnh hậu khủng hoảng.

3.5.1.2. Nguyên nhân của sự giảm sút về sức khỏe thể chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Như đã trình bày ở phần trên, sức khỏe thể chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã suy giảm đáng kể dưới tác động của đại dịch Covid-19. Kết quả khảo sát cho thấy 61,7% người lao động cho biết sức khỏe của họ trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát kém hơn so với thời điểm trước đại dịch. Ngay cả khi bước sang giai đoạn bình thường mới, vẫn có 52,8% người được hỏi cho biết tình trạng sức khỏe của họ chưa phục hồi như trước khi dịch bệnh xảy ra. Những con số này cho thấy tác động của đại dịch đối với sức khỏe của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không chỉ mang tính tức thời mà còn kéo dài trong giai đoạn hậu dịch.

Phân tích sâu hơn đối với nhóm người lao động cho biết sức khỏe của họ vẫn suy giảm trong giai đoạn bình thường mới cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng này. Một trong những nguyên nhân phổ biến nhất là chế độ dinh dưỡng không đảm bảo, được 76,3% người được hỏi xác nhận. Điều này phần lớn xuất phát từ việc thu nhập của người lao động bị giảm sút trong thời gian đại dịch, khiến khả năng chi trả cho các nhu cầu thiết yếu, bao gồm cả dinh dưỡng, bị hạn chế. Bên cạnh đó, 75,3% cho biết sức đề kháng của họ yếu hơn do từng mắc bệnh trong giai đoạn Covid-19. Ngoài ra, có 64,7% người lao động cho rằng sức khỏe của họ suy giảm do việc chăm sóc sức khỏe không đầy đủ, bởi sau giai đoạn dịch bệnh họ buộc phải làm việc với cường độ cao hơn để bù đắp thu nhập đã mất. Có 63,2% người được hỏi cũng cho biết tình trạng lo lắng và bất an kéo dài do những tác động của đại dịch là một yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ. Dữ liệu khảo sát cho thấy trong nhiều trường hợp, người lao động đồng thời chịu tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau, khiến sức khỏe thể chất của họ bị suy giảm đáng kể.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến sức khỏe thể chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính

thức. 61,7% người lao động cho biết sức khỏe của họ yếu hơn trong giai đoạn dịch bệnh so với trước đó, và 52,8% vẫn chưa phục hồi hoàn toàn trong giai đoạn bình thường mới. Phân tích thống kê cũng cho thấy sự suy giảm sức khỏe có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm lao động khi xét theo trình độ học vấn và loại hình đăng ký cư trú. Cụ thể, mức độ suy giảm sức khỏe cao nhất được ghi nhận ở nhóm có trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cao đẳng, trong khi thấp nhất ở nhóm có trình độ THPT trở xuống. Đồng thời, sự suy giảm sức khỏe cũng phổ biến hơn ở nhóm lao động có đăng ký cư trú chính thức (KT1, KT2) và nhóm không đăng ký tạm trú. Ngược lại, sự khác biệt về mức độ suy giảm sức khỏe theo giới tính và độ tuổi của người lao động không được ghi nhận rõ rệt.

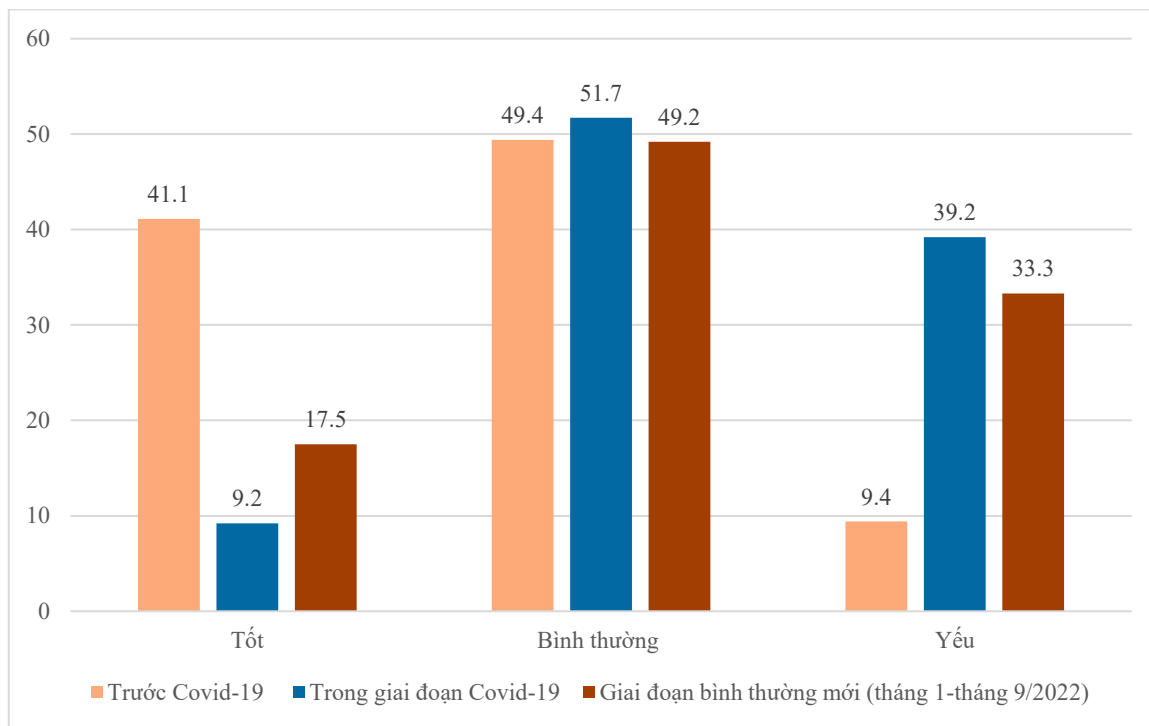
Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy đại dịch Covid-19 đã làm suy yếu đáng kể vốn con người của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, trong đó sức khỏe thể chất là một thành tố then chốt. Sự suy giảm vốn con người này không diễn ra một cách độc lập mà gắn chặt với những biến động của các loại vốn sinh kế khác. Chẳng hạn, việc thu nhập giảm sút và điều kiện kinh tế khó khăn đã làm suy yếu vốn tài chính, từ đó ảnh hưởng đến khả năng đảm bảo dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, áp lực phải tăng cường lao động để phục hồi thu nhập giai đoạn bình thường mới cũng khiến người lao động ít có điều kiện chăm sóc bản thân, làm gia tăng nguy cơ suy giảm sức khỏe. Bên cạnh đó, những lo lắng và bất an kéo dài trong bối cảnh dịch bệnh cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tổng thể của người lao động. Điều này cho thấy các cú sốc xã hội như đại dịch không chỉ tác động đến thu nhập hay việc làm, mà còn làm suy yếu nền tảng sinh kế của hộ gia đình thông qua sự suy giảm của vốn con người - nguồn lực cốt lõi quyết định khả năng duy trì và phát triển sinh kế trong dài hạn.

3.5.2. Sức khỏe tinh thần của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.5.2.1. Thực trạng và sự thay đổi sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát đối với 360 lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hà Nội cho thấy không chỉ sức khỏe thể chất mà sức khỏe tinh thần của họ đã bị giảm sút khá nhiều khi so sánh với giai đoạn trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát.

Biểu 3.5. Đánh giá của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về sức khỏe tinh thần trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) (%)



Biểu đồ phản ánh những biến đổi đáng kể về sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức qua ba giai đoạn: trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện, trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát và giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022). Trước đại dịch, phần lớn người lao động tự đánh giá sức khỏe tinh thần của mình ở mức tương đối tích cực. Chỉ 9,4% cho biết sức khỏe tinh thần ở mức yếu, trong khi 49,4% đánh giá ở mức bình thường và 41,1% cho rằng sức khỏe tinh thần của họ ở mức tốt. Cơ cấu này cho thấy trước đại dịch, mặc dù điều kiện sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã bấp bênh, nhưng trạng thái tinh thần của họ vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, sức khỏe tinh thần của người lao động đã suy giảm rõ rệt. Tỷ lệ người cho biết sức khỏe tinh thần ở mức yếu tăng mạnh lên 39,2%, tức cao hơn 29,8 điểm phần trăm so với trước dịch. Đồng thời, tỷ lệ người đánh giá sức khỏe tinh thần ở mức tốt giảm xuống chỉ còn 9,2%, thấp hơn hơn 31,9 điểm phần trăm so với giai đoạn trước đại dịch. Trong khi đó, 51,7% cho biết sức

khỏe tinh thần của họ ở mức trung bình. Những biến động này cho thấy đại dịch không chỉ gây ra các khó khăn về kinh tế và việc làm mà còn tác động sâu sắc đến trạng thái tâm lý của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Khi bước sang giai đoạn bình thường mới, sức khỏe tinh thần của người lao động có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn chưa trở lại mức như trước đại dịch. Tỷ lệ người cho biết sức khỏe tinh thần ở mức tốt tăng lên 17,5%, cao hơn so với thời điểm dịch bùng phát nhưng vẫn thấp hơn 23,6 điểm phần trăm so với trước đại dịch. Đồng thời, tỷ lệ người đánh giá sức khỏe tinh thần ở mức yếu vẫn duy trì ở mức khá cao, 33,3%, trong khi 49,2% cho biết trạng thái tinh thần của họ ở mức bình thường. Những số liệu này cho thấy những tác động tâm lý của đại dịch có tính kéo dài và không dễ dàng phục hồi ngay cả khi dịch bệnh đã được kiểm soát.

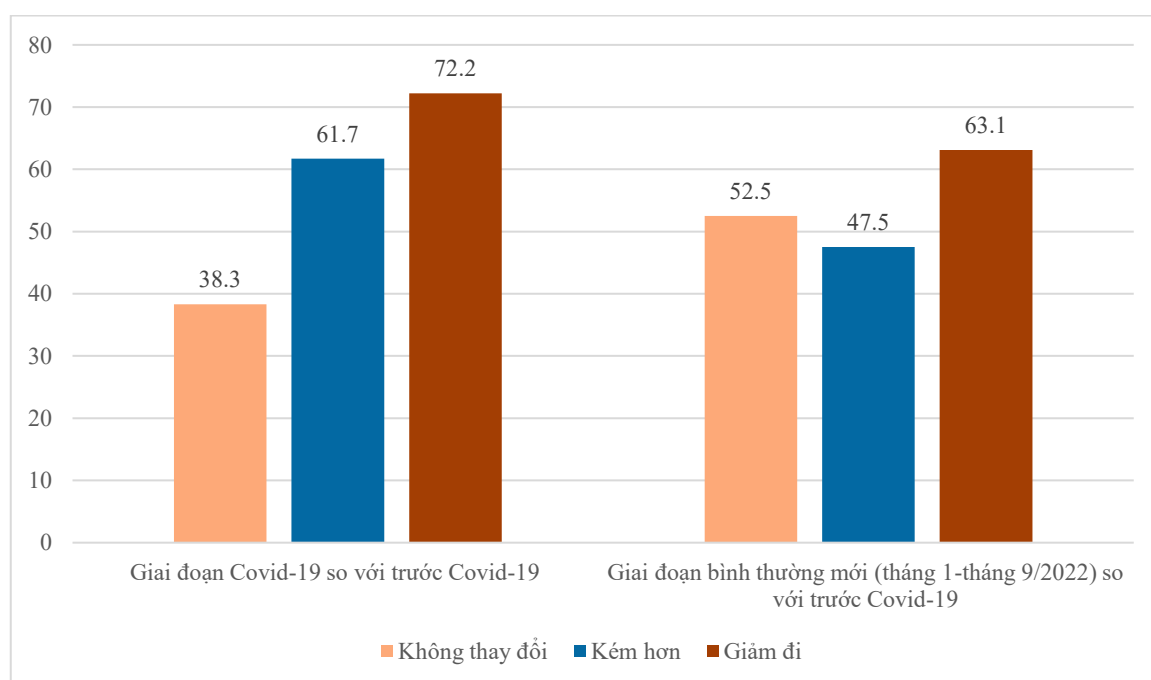
Kết quả phỏng vấn sâu giúp làm rõ hơn những biến đổi này. Trong thời gian đại dịch, nhiều người lao động khu vực kinh tế phi chính thức rơi vào trạng thái lo âu, căng thẳng và mất ngủ kéo dài. Một số cho biết họ gặp khó khăn trong giao tiếp và tương tác xã hội do tác động của các biện pháp giãn cách. Những người khác lại cảm thấy sợ hãi và bế tắc trước những khó khăn về sinh kế, thu nhập và điều kiện sống trong thời gian dịch bệnh. Không ít người phải trải qua thời gian dài cách ly trong những phòng trọ chật hẹp, điều này làm gia tăng cảm giác tù túng và áp lực tâm lý. Đáng chú ý, nhiều biểu hiện tâm lý tiêu cực vẫn tiếp tục kéo dài ngay cả khi đại dịch đã qua đi. Như một người bán hàng rong chia sẻ: *“Ngay cả bây giờ tôi vẫn cảm thấy khó ngủ, và đêm cũng cảm thấy không ngủ yên được, có khi giật mình tỉnh dậy, người vã mồ hôi và không ngủ lại được. Nghĩ lại thời gian dịch bệnh mà hoảng sợ.”* [PVS nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Trích dẫn này cho thấy đại dịch không chỉ gây ra những khó khăn nhất thời mà còn để lại những “dư chấn tâm lý” kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần của người lao động.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sức khỏe tinh thần là một thành tố quan trọng của vốn con người, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng lao động, năng suất làm việc và khả năng thích ứng của cá nhân trước những biến động xã hội. Khi sức khỏe tinh thần suy giảm, người lao động không chỉ gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động sinh kế mà còn có thể mất đi động lực và năng lực để tìm kiếm các cơ

hội sinh kế mới. Đồng thời, sự suy giảm vốn con người này cũng có mối liên hệ chặt chẽ với sự suy yếu của các loại vốn sinh kế khác, đặc biệt là vốn tài chính và vốn xã hội. Những áp lực về mất việc làm, giảm thu nhập, cùng với sự gián đoạn các mối quan hệ xã hội trong thời gian giãn cách đã làm gia tăng căng thẳng tâm lý và cảm giác bất an của người lao động. Vì vậy, những biến đổi về sức khỏe tinh thần được phản ánh trong kết quả nghiên cứu không chỉ là vấn đề cá nhân, mà còn cho thấy mức độ dễ tổn thương của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức trước các cú sốc lớn như đại dịch Covid-19.

Khi tìm hiểu về đánh giá của người lao động phi chính thức về tình trạng sức khỏe tinh thần của họ giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát và giai đoạn bình thường mới so với giai đoạn trước đại dịch, kết quả như sau:

Biểu 3.6. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về sức khỏe tinh thần so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%)



Biểu đồ cho thấy những biến đổi đáng kể về sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi so sánh giữa các giai đoạn trước đại dịch, thời kỳ dịch bệnh bùng phát và giai đoạn bình thường mới. Khi so sánh giai đoạn Covid-19 bùng phát với thời điểm trước khi đại dịch xuất hiện, có tới 61,7% người lao động cho biết sức khỏe tinh thần của họ kém hơn, trong khi chỉ 38,3% cho rằng

trạng thái tinh thần của họ vẫn duy trì tương tự như trước. Điều này cho thấy phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã phải đối mặt với những căng thẳng tâm lý đáng kể trong bối cảnh dịch bệnh. Ngay cả khi bước sang giai đoạn bình thường mới, tình trạng này chưa được cải thiện hoàn toàn. Có 52,5% người được hỏi vẫn cho rằng sức khỏe tinh thần của họ kém hơn so với trước đại dịch, trong khi 47,5% cho biết trạng thái tinh thần của họ đã trở lại mức tương tự như trước đây. Những số liệu này cho thấy đại dịch Covid-19 đã để lại những tác động kéo dài đối với đời sống tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Khi xem xét mối quan hệ giữa sự suy giảm sức khỏe tinh thần với các đặc điểm xã hội của người lao động, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt rõ rệt theo trình độ học vấn. Trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát so với trước đại dịch, tỷ lệ người cho biết sức khỏe tinh thần của họ kém hơn cao nhất ở nhóm có trình độ THPT trở xuống với 43,5%; ở nhóm sơ cấp, trung cấp, cao đẳng là 29,4% và ở nhóm có trình độ đại học trở lên có tỷ lệ thấp nhất, đạt 21,3%.

Khi so sánh giai đoạn bình thường mới với thời điểm trước đại dịch, sự khác biệt theo trình độ học vấn vẫn tiếp tục được thể hiện rõ. Đáng chú ý, không có trường hợp nào trong nhóm có trình độ đại học trở lên cho rằng sức khỏe tinh thần của họ tiếp tục suy giảm so với trước dịch. Đây cũng là nhóm có mức độ suy giảm thấp nhất trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát và đồng thời là nhóm có khả năng phục hồi sức khỏe tinh thần tốt nhất giai đoạn bình thường mới. Ngược lại, ở nhóm có trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cao đẳng, có 59,4% vẫn cho biết sức khỏe tinh thần của họ chưa phục hồi hoàn toàn, trong khi con số này ở nhóm có trình độ THPT trở xuống là 50,6%. Kiểm định Chi-Square với mức ý nghĩa $P=0$ cùng hệ số Cramer's V đạt 0,378 tiếp tục khẳng định mối liên hệ khá chặt chẽ giữa trình độ học vấn và mức độ suy giảm sức khỏe tinh thần của người lao động.

Xem xét theo độ tuổi, nghiên cứu không ghi nhận sự khác biệt rõ rệt trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát. Có 64,0% người lao động dưới 40 tuổi cho biết sức khỏe tinh thần của họ suy giảm, trong khi tỷ lệ tương ứng ở nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi là 54,7% và ở nhóm từ 65 tuổi trở lên là 70,1%. Mặc dù có sự chênh lệch nhất định giữa các nhóm tuổi, mức độ khác biệt nhìn chung không lớn. Khi so sánh giai đoạn

bình thường mới với thời điểm trước đại dịch, mức độ suy giảm sức khỏe tinh thần ở các nhóm tuổi có sự khác biệt rõ hơn: 56,0% ở nhóm dưới 40 tuổi, 33,8% ở nhóm từ 40 đến dưới 65 tuổi và 58,6% ở nhóm từ 65 tuổi trở lên cho biết trạng thái tinh thần của họ kém hơn so với trước dịch. Sự khác biệt này được khẳng định bởi kiểm định Chi-Square với mức ý nghĩa $P=0$ và hệ số Cramer's V đạt 0,230.

Khi xem xét theo loại hình đăng ký cư trú, sự khác biệt chủ yếu xuất hiện khi so sánh giai đoạn dịch bệnh bùng phát với thời điểm trước đại dịch. Trong giai đoạn này, 73,2% người lao động thuộc diện KT1 và KT2 cho biết sức khỏe tinh thần của họ suy giảm. Tỷ lệ tương ứng ở nhóm KT3 và KT4 là 56,6%, trong khi nhóm không đăng ký tạm trú có tỷ lệ thấp hơn, 43,3%. Sự chênh lệch giữa nhóm cao nhất và thấp nhất gần 30 điểm phần trăm, và được xác nhận bởi kiểm định Chi-Square với mức ý nghĩa $P=0$ cùng hệ số Cramer's V đạt 0,230. Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn sau dịch, mức độ khác biệt giữa các nhóm cư trú không còn rõ rệt như trước.

Đối với tương quan giới tính, nghiên cứu hầu như không ghi nhận sự khác biệt đáng kể. Cả lao động nam và nữ trong khu vực kinh tế phi chính thức đều có mức độ suy giảm sức khỏe tinh thần tương đối tương đồng khi so sánh giai đoạn dịch bệnh bùng phát cũng như giai đoạn sau dịch với thời điểm trước đại dịch. Điều này cho thấy tác động tâm lý của đại dịch mang tính phổ quát, ảnh hưởng tương đối đồng đều đến người lao động bất kể giới tính.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sức khỏe tinh thần là một thành tố quan trọng của vốn con người, có vai trò quyết định đối với khả năng lao động, thích ứng và phục hồi sinh kế của cá nhân trước các cú sốc xã hội. Sự suy giảm sức khỏe tinh thần được ghi nhận trong nghiên cứu này phản ánh mức độ tổn thương của sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước cú sốc đại dịch. Đặc biệt, sự khác biệt theo trình độ học vấn cho thấy những người có nguồn lực tri thức thấp hơn thường dễ bị tổn thương hơn trước các biến động kinh tế - xã hội. Trình độ học vấn cao không chỉ giúp mở rộng cơ hội việc làm mà còn góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, mạng lưới xã hội và các nguồn lực hỗ trợ khác, từ đó giúp cá nhân thích ứng tốt hơn với các cú sốc. Ngược lại, những người lao động có trình độ học vấn thấp thường có ít lựa chọn sinh kế hơn, thu nhập bấp bênh hơn và vì vậy dễ rơi

vào trạng thái căng thẳng tâm lý khi đối mặt với khủng hoảng. Điều này cho thấy trong bối cảnh đại dịch, sự suy giảm vốn con người không chỉ là hệ quả của cú sốc y tế mà còn gắn chặt với sự suy yếu của các loại vốn sinh kế khác, đặc biệt là vốn tài chính và vốn xã hội, qua đó làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

3.5.2.2. Nguyên nhân của sự giảm sút về sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã phân tích ở phần trên, sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chịu tác động đáng kể từ đại dịch Covid-19. Có 61,7% người được hỏi cho biết trạng thái tinh thần của họ trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát kém hơn so với thời điểm trước đại dịch. Ngay cả khi bước sang giai đoạn bình thường mới, vẫn có 47,5% người lao động cho biết sức khỏe tinh thần của họ chưa phục hồi như trước khi dịch bệnh xảy ra. Kết quả khảo sát đối với nhóm người lao động thuộc diện này cho thấy đại dịch Covid-19 đóng vai trò là yếu tố quan trọng dẫn đến sự suy giảm về sức khỏe tinh thần, thông qua nhiều cơ chế tác động khác nhau liên quan đến việc làm, thu nhập và cảm nhận về rủi ro trong đời sống.

Một trong những nguyên nhân nổi bật nhất là tình trạng mất việc làm hoặc công việc không còn ổn định như trước. Có 80,1% người lao động được khảo sát cho rằng sự gián đoạn trong việc làm là yếu tố quan trọng khiến sức khỏe tinh thần của họ suy giảm so với thời điểm trước đại dịch. Đối với lao động khu vực kinh tế phi chính thức, việc làm thường gắn với các hoạt động sinh kế ngắn hạn, thu nhập không ổn định và ít có cơ chế bảo vệ xã hội. Vì vậy, khi đại dịch làm gián đoạn hoạt động kinh tế, nhiều người rơi vào trạng thái thiếu việc làm hoặc phải chấp nhận những công việc kém ổn định hơn. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập mà còn tạo ra cảm giác bất an và mất phương hướng trong đời sống, từ đó tác động tiêu cực đến trạng thái tinh thần của người lao động.

Bên cạnh đó, sự suy giảm thu nhập so với giai đoạn trước đại dịch cũng là một nguyên nhân quan trọng. Có 70,8% người lao động cho biết họ cảm thấy lo lắng vì mức thu nhập không còn được như trước. Đối với nhiều hộ gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức, thu nhập từ lao động là nguồn tài chính chủ yếu để duy trì sinh

hoạt hàng ngày. Khi thu nhập bị giảm sút hoặc trở nên bấp bênh, áp lực về chi tiêu, chăm lo cho gia đình và duy trì cuộc sống trở nên nặng nề hơn, khiến tâm lý lo âu và căng thẳng gia tăng. Ngoài ra, 68,4% người được hỏi cho biết họ cảm thấy sợ hãi trước những tác động của dịch bệnh, bao gồm nguy cơ lây nhiễm, những biến động khó lường của thị trường lao động cũng như sự bất ổn chung của bối cảnh kinh tế - xã hội trong thời kỳ dịch bệnh.

Dữ liệu khảo sát cho thấy các nguyên nhân trên thường không tồn tại một cách riêng lẻ mà có xu hướng kết hợp với nhau. Nhiều người lao động đồng thời trải qua tình trạng mất việc làm, thu nhập giảm sút và cảm giác bất an trước những rủi ro do dịch bệnh gây ra. Sự chồng lấn của các yếu tố này đã làm gia tăng áp lực tâm lý và khiến sức khỏe tinh thần của họ suy giảm đáng kể so với giai đoạn trước đại dịch.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa sự suy giảm vốn con người và những biến động của các nguồn lực sinh kế khác. Sức khỏe tinh thần là một thành tố quan trọng của vốn con người, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng lao động, năng suất làm việc và khả năng thích ứng của cá nhân trước các cú sốc xã hội. Trong bối cảnh đại dịch, sự gián đoạn việc làm và thu nhập đã làm suy yếu vốn tài chính, trong khi những hạn chế về mạng lưới hỗ trợ và các cơ hội việc làm thay thế cũng ảnh hưởng đến vốn xã hội của người lao động. Khi các nguồn lực sinh kế này đồng thời bị suy giảm, khả năng chống chịu trước cú sốc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trở nên hạn chế hơn, từ đó dẫn đến những tác động tiêu cực kéo dài đối với sức khỏe tinh thần. Điều này cho thấy rằng những biến động về tâm lý trong bối cảnh đại dịch không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn phản ánh mức độ dễ tổn thương của hệ thống sinh kế của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức.

3.5.3. Kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.5.3.1. Thực trạng và sự thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Các nghiên cứu trước đây về thị trường lao động đã chỉ ra rằng lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức thường tập trung ở nhóm có trình độ chuyên môn kỹ thuật

thấp. Báo cáo “Lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động” của tổ chức ILO Việt Nam cũng khẳng định xu hướng này. Theo báo cáo, phần lớn lao động trong khu vực phi chính thức ở Việt Nam có trình độ học vấn thấp, trong đó 15% chưa tốt nghiệp tiểu học và 61% chỉ đạt trình độ tiểu học, trong khi tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng hoặc đại học chỉ 2,0% [ILO 2021, tr.33–34]. Những số liệu này cho thấy khu vực kinh tế phi chính thức chủ yếu thu hút lực lượng lao động có trình độ chuyên môn hạn chế, phù hợp với đặc điểm của nhiều quốc gia đang phát triển, nhưng ở Việt Nam sự chênh lệch này còn thể hiện rõ rệt hơn.

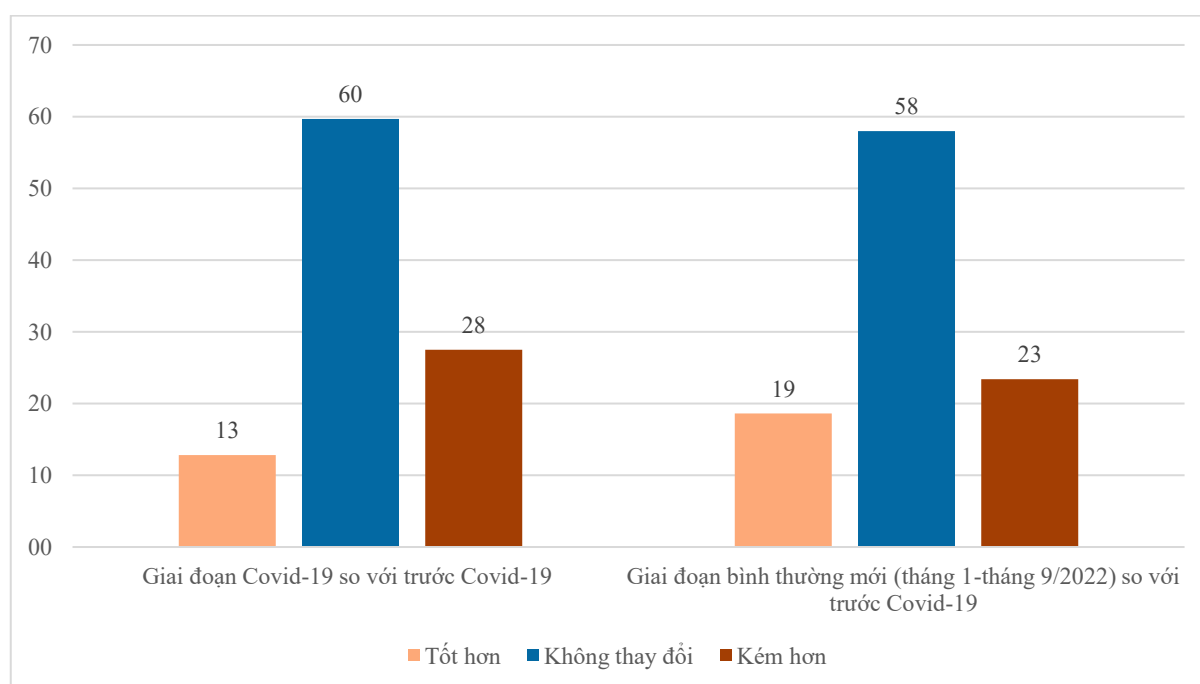
Kết quả khảo sát của luận án đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội cũng phản ánh đặc điểm tương tự. Có 47,2% người lao động được khảo sát có trình độ học vấn từ THPT trở xuống, tức là chưa được đào tạo chuyên môn hoặc nghiệp vụ. Khi được hỏi về tính chất công việc mà họ thực hiện trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện, phần lớn người lao động cho biết công việc của họ hầu như không đòi hỏi kiến thức, kỹ năng hay kinh nghiệm chuyên môn. Cụ thể, 79,2% người được hỏi cho rằng công việc của họ không cần đến các yếu tố này, trong khi chỉ 21,8% cho biết công việc có yêu cầu nhất định về kiến thức hoặc kỹ năng. Điều này cho thấy phần lớn các hoạt động sinh kế của lao động khu vực kinh tế phi chính thức mang tính lao động giản đơn, dựa chủ yếu vào sức lao động trực tiếp hơn là các năng lực chuyên môn.

Các kết quả phỏng vấn sâu giúp làm rõ hơn đặc điểm này. Một người bán hàng rong chia sẻ: *“Đúng là làm lâu (thời gian lâu) thì sẽ làm được nhanh hơn, nhưng nếu gọi đó là kinh nghiệm hay kỹ năng, kiến thức thì tôi nghĩ không phải, vì việc này thuần túy tay chân, chỉ cần có sức khỏe thôi.”* [PVS, nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Nhận định này cho thấy trong nhiều trường hợp, kinh nghiệm tích lũy trong công việc chủ yếu giúp người lao động thực hiện công việc nhanh hơn hoặc quen việc hơn, chứ chưa hình thành thành những kỹ năng nghề nghiệp có tính chuyên môn rõ rệt. Một người lao động khác làm nghề bốc vác cũng bày tỏ quan điểm tương tự: *“Nghề này cần nhất sức khỏe, không cần kiến thức, kỹ năng gì, bốc vác thì cần gì kiến thức với chả kỹ năng (cười).”* [PVS, nam, 42 tuổi, bốc vác]. Những chia sẻ này phản ánh thực tế

rằng nhiều công việc trong khu vực kinh tế phi chính thức dựa chủ yếu vào sức lao động thể chất, trong khi yêu cầu về tri thức hay kỹ năng nghề nghiệp tương đối thấp.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của người lao động là những thành tố quan trọng của vốn con người. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy vốn con người của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong khía cạnh này còn khá hạn chế. Khi phần lớn sinh kế dựa trên các công việc giản đơn, ít yêu cầu kỹ năng, khả năng thích ứng của người lao động trước các cú sốc kinh tế - xã hội trở nên hạn chế hơn. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, những hạn chế về vốn con người này càng bộc lộ rõ, bởi người lao động thiếu những kỹ năng nghề nghiệp hoặc trình độ chuyên môn cần thiết để chuyển đổi sang các loại hình việc làm khác khi các hoạt động kinh tế truyền thống bị gián đoạn. Điều này làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức và cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực nghề nghiệp như một yếu tố then chốt để củng cố khả năng chống chịu của người lao động trước các cú sốc xã hội trong tương lai.

Biểu 3.7. Đánh giá của lao động khu vực kinh tế phi chính thức về những thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%)



Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho rằng kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của họ hầu như không có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện. Hơn một nửa số người được hỏi khẳng định năng lực nghề nghiệp của họ vẫn giữ nguyên trong cả giai đoạn dịch bệnh bùng phát cũng như giai đoạn bình thường mới. Điều này phản ánh đặc điểm phổ biến của khu vực kinh tế phi chính thức, nơi nhiều hoạt động sinh kế dựa chủ yếu vào lao động giản đơn và kinh nghiệm thực tiễn hơn là các kỹ năng chuyên môn được đào tạo bài bản, do đó ít chịu tác động trực tiếp của những biến động ngắn hạn về môi trường lao động.

Bên cạnh đó, một bộ phận người lao động cho biết kiến thức và kỹ năng của họ có sự cải thiện nhất định trong bối cảnh đại dịch. Tỷ lệ ý kiến cho rằng năng lực lao động của họ tốt hơn lần lượt đạt 12,8% trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát và 18,6% trong giai đoạn bình thường mới. Những cải thiện này chủ yếu gắn với việc người lao động học thêm các kỹ năng sử dụng công nghệ số trong hoạt động buôn bán và giao dịch, chẳng hạn như sử dụng điện thoại thông minh để livestream quảng bá sản phẩm, nhận đơn đặt hàng trực tuyến, giao hàng hoặc thực hiện các giao dịch chuyển khoản. Trước đại dịch, nhiều người chỉ biết sơ qua hoặc chưa từng sử dụng những công cụ này; tuy nhiên, các biện pháp giãn cách xã hội đã buộc họ phải thích nghi với những phương thức giao dịch mới để duy trì sinh kế. Điều này cho thấy trong một số trường hợp, cú sốc do đại dịch cũng có thể thúc đẩy quá trình học hỏi và thích nghi về kỹ năng, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một bộ phận người lao động cho rằng kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của họ bị suy giảm trong thời gian dịch bệnh cũng như trong giai đoạn sau đó. Sự mai một này chủ yếu liên quan đến những gián đoạn kéo dài trong hoạt động lao động, khiến người lao động ít có cơ hội thực hành các kỹ năng quen thuộc trước đây. Như một người bán rau chia sẻ: *“Trước đi bán hàng tính toán quen, toàn tính nhẩm nhanh lắm, giờ lâu lâu mới bán tính toán chậm hẳn đi, lại hay bị nhầm. Chắc phải một thời gian nữa mới quen dần được.”* [PVS, nữ, 48 tuổi, bán rau ở chợ]. Trích dẫn này cho thấy khi hoạt động sinh kế bị gián đoạn trong thời gian dài, những kỹ năng thực hành vốn được tích lũy qua kinh

nghiệm hàng ngày có thể bị suy giảm. Điều này đặc biệt đúng đối với các công việc dựa nhiều vào thói quen nghề nghiệp và sự luyện tập thường xuyên.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động là những thành tố quan trọng của vốn con người, đóng vai trò nền tảng cho khả năng duy trì và phát triển sinh kế của cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn con người của lao động khu vực kinh tế phi chính thức có xu hướng ổn định ở mức thấp, với phần lớn công việc không đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao. Trong bối cảnh đại dịch, sự gián đoạn sinh kế đã tác động đến quá trình duy trì và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người lao động. Một số người có khả năng thích nghi bằng cách học hỏi thêm các kỹ năng mới, đặc biệt là kỹ năng số, qua đó góp phần củng cố vốn con người. Ngược lại, đối với nhiều người khác, sự gián đoạn hoạt động lao động lại làm suy giảm những kỹ năng đã tích lũy trước đó. Điều này cho thấy sự biến động của vốn con người trong khu vực kinh tế phi chính thức gắn chặt với những biến động của môi trường sinh kế và khả năng thích ứng của người lao động trước các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

3.5.3.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát cho thấy kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có những biến động nhất định trong bối cảnh đại dịch Covid-19 với gần một phần ba người được hỏi cho biết năng lực lao động của họ có sự thay đổi so với thời điểm trước khi đại dịch xuất hiện, dù sự thay đổi này có thể theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực. Khi xem xét cụ thể hơn ở giai đoạn bình thường mới so với trước đại dịch, 42,0% người lao động cho biết kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của họ đã thay đổi; trong đó 18,6% nhận thấy năng lực của họ được cải thiện, trong khi 23,4% cho rằng các kỹ năng lao động của họ suy giảm so với trước đây.

Phân tích sâu hơn cho thấy sự thay đổi này chịu tác động từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Một trong những yếu tố quan trọng là nhu cầu nâng cao năng lực để thích ứng với bối cảnh đại dịch. Có 49,6% người được khảo sát cho biết họ chủ động học hỏi và cập nhật thêm kiến thức cũng như kỹ năng mới nhằm nâng cao khả năng ứng

phó với những biến động do dịch bệnh gây ra. Điều này bao gồm việc tìm hiểu các biện pháp phòng dịch, quản lý rủi ro trong lao động, cũng như học cách sử dụng các công cụ công nghệ để duy trì hoạt động sinh kế.

Bên cạnh đó, sự thay đổi việc làm cũng là một nguyên nhân đáng chú ý, được 60,2% người lao động xác nhận. Trong bối cảnh nhiều hoạt động kinh tế bị gián đoạn hoặc thu hẹp, một bộ phận lao động khu vực kinh tế phi chính thức buộc phải chuyển đổi hình thức sinh kế. Nhiều người chuyển từ các hoạt động kinh doanh trực tiếp sang hình thức bán hàng trực tuyến hoặc cung cấp dịch vụ giao hàng tận nơi. Sự thay đổi này đòi hỏi họ phải học thêm các kỹ năng mới như sử dụng điện thoại thông minh, quản lý đơn hàng, giao tiếp với khách hàng qua các nền tảng trực tuyến hoặc thực hiện các giao dịch điện tử.

Áp lực từ sự suy giảm thu nhập hoặc tình trạng nghỉ việc luân phiên cũng là một yếu tố quan trọng, được 56,1% người lao động đề cập. Khi nguồn thu nhập trở nên bấp bênh, nhiều người buộc phải tìm kiếm những cách thức mới để duy trì sinh kế, từ đó thúc đẩy nhu cầu học hỏi và thích nghi với những điều kiện lao động mới. Tuy nhiên, quá trình này không phải lúc nào cũng diễn ra thuận lợi, đặc biệt đối với những người lao động lớn tuổi hoặc ít có kinh nghiệm sử dụng công nghệ. Một người bán hàng trực tuyến chia sẻ: *“Mình có tuổi rồi, sử dụng điện thoại lóng ngóng lắm, nhầm lẫn suốt, nói chuyện cũng thô, chả biết nói gì cho phải, mãi rồi mới quen dần, nhưng không thể bằng bọn trẻ được.”* [PVS, nữ, 41 tuổi, bán hàng online]. Trích dẫn này cho thấy quá trình thích nghi với những phương thức sinh kế mới, đặc biệt là trong môi trường số, có thể tạo ra những thách thức đáng kể đối với một số nhóm lao động, nhất là những người có hạn chế về kỹ năng công nghệ.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động trên phản ánh sự thay đổi của vốn con người trong bối cảnh cú sốc xã hội do đại dịch gây ra. Kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động là những yếu tố cốt lõi giúp cá nhân duy trì và phát triển sinh kế. Khi môi trường sinh kế thay đổi đột ngột, người lao động buộc phải điều chỉnh vốn con người của mình để thích ứng với những điều kiện mới. Trong một số trường hợp, quá trình thích ứng này giúp người lao động mở rộng năng lực và học hỏi thêm các kỹ năng mới, đặc biệt là các kỹ năng liên quan đến công nghệ số. Tuy

nhiên, đối với những người có nguồn lực hạn chế hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận các phương thức lao động mới, cú sốc đại dịch lại có thể làm suy giảm những kỹ năng đã tích lũy trước đó.

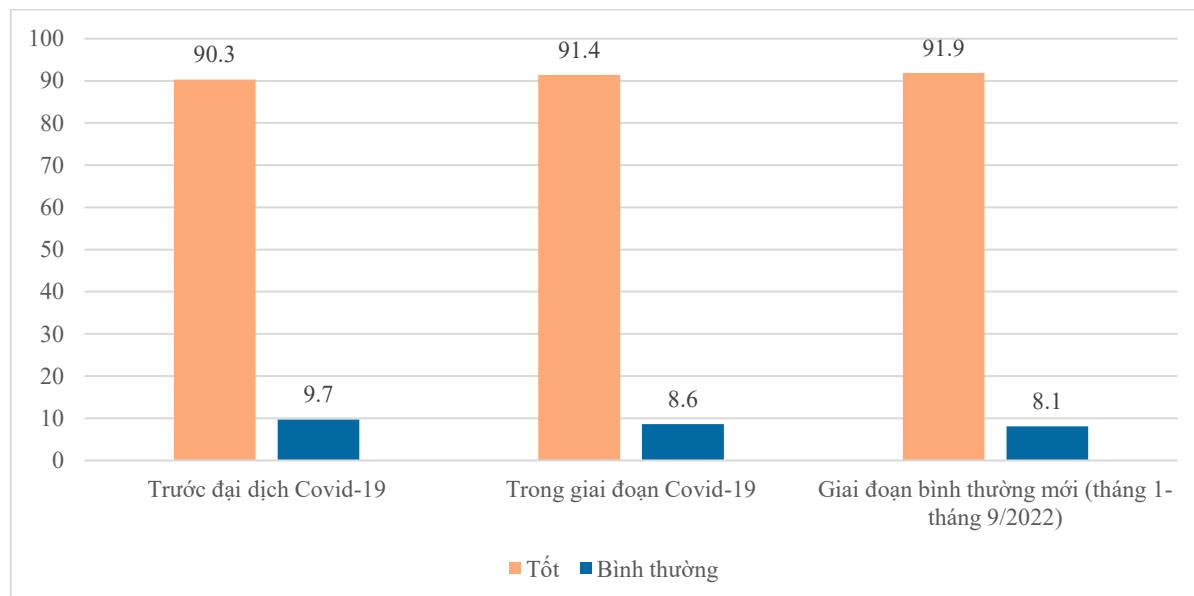
Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy trước đại dịch, gần một nửa người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có trình độ học vấn từ THPT trở xuống và phần lớn công việc của họ không đòi hỏi trình độ chuyên môn hoặc kỹ năng nghề nghiệp cao. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của nhóm lao động này đã có những biến đổi nhất định với một phần tư người lao động cho biết năng lực lao động của họ suy giảm so với trước đại dịch, trong khi tỷ lệ cho biết có sự cải thiện chiếm gần một phần năm. Những thay đổi này chủ yếu xuất phát từ nhu cầu thích ứng với đại dịch, từ sự chuyển đổi việc làm và từ áp lực do giảm thu nhập hoặc tình trạng nghỉ việc luân phiên. Điều này cho thấy cú sốc đại dịch không chỉ tác động đến thu nhập và việc làm mà còn ảnh hưởng đến cấu trúc và chất lượng của vốn con người trong hệ thống sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

3.6. Vốn xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

3.6.1. Thực trạng mối quan hệ gia đình những thay đổi của mối quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Mối quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung được duy trì ở mức khá tích cực, ngay cả trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát và gây ra nhiều khó khăn đối với đời sống kinh tế - xã hội. Điều này cho thấy gia đình vẫn đóng vai trò là điểm tựa quan trọng đối với nhóm lao động này trong những thời điểm khủng hoảng. Kết quả khảo sát cũng phản ánh khá rõ nét thực tế đó, thể hiện qua các số liệu cụ thể dưới đây:

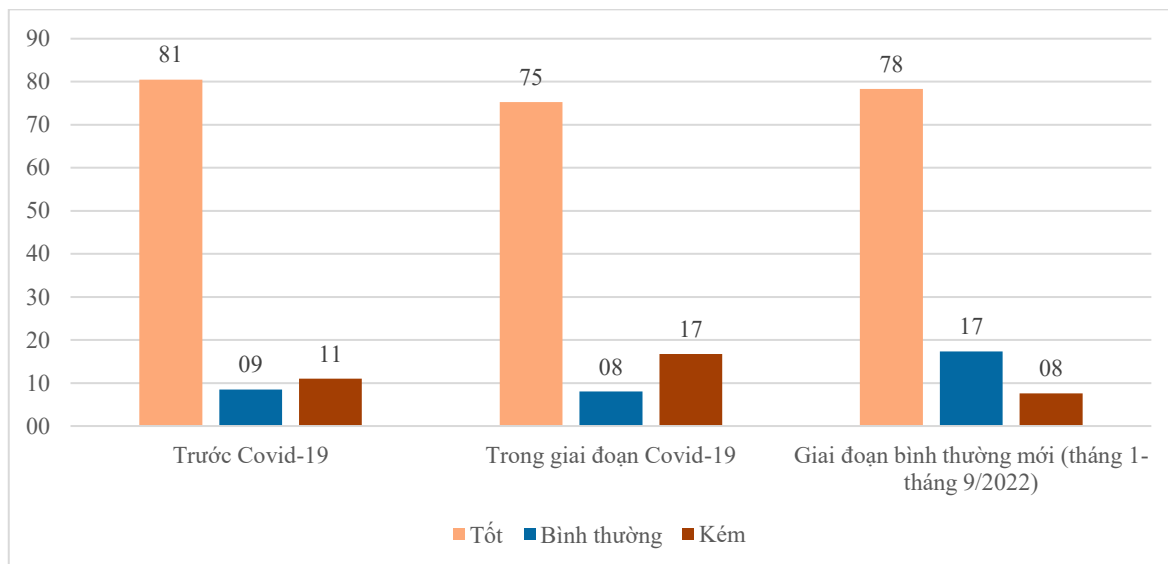
Biểu 3.8. Mối quan hệ gia đình của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022 (%))



Biểu đồ cho thấy mối quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung được duy trì ở mức khá tích cực trong cả ba giai đoạn: trước đại dịch, trong thời gian đại dịch Covid-19 bùng phát và ở giai đoạn bình thường mới. Cụ thể, ở tất cả các giai đoạn này, tỷ lệ người trả lời cho rằng họ có mối quan hệ tốt với các thành viên trong gia đình luôn duy trì ở mức trên 90%. Trong khi đó, tỷ lệ cho biết mối quan hệ gia đình ở mức bình thường chỉ chiếm dưới 10%, và không có trường hợp nào cho rằng mối quan hệ gia đình của họ ở mức xấu. Những số liệu này cho thấy, bất chấp những khó khăn do đại dịch gây ra, quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn tương đối ổn định và ít có dấu hiệu suy giảm.

Khảo sát đối với 328 người đã kết hôn và đang chung sống với vợ/chồng về mối quan hệ của vợ chồng họ, dữ liệu thu được như sau:

Biểu 3.9. Mối quan hệ vợ chồng của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) (%)



Biểu đồ cho thấy mối quan hệ vợ chồng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có những biến động nhất định khi so sánh giữa các giai đoạn trước, trong đại dịch Covid-19 và giai đoạn bình thường mới. Trước khi đại dịch xuất hiện, phần lớn người lao động đánh giá mối quan hệ vợ chồng của họ ở mức tích cực, với 80,5% cho biết quan hệ ở mức tốt, trong khi tỷ lệ cho rằng mối quan hệ ở mức kém là 11,0%. Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, những căng thẳng trong đời sống gia đình bắt đầu gia tăng. Tỷ lệ người cho biết quan hệ vợ chồng ở mức kém tăng lên 16,7%, trong khi tỷ lệ đánh giá quan hệ vợ chồng ở mức tốt giảm xuống còn 75,3%. Những biến động này phần nào phản ánh áp lực kinh tế, tâm lý và điều kiện sinh hoạt chật chội mà nhiều gia đình lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt trong thời gian dịch bệnh.

Kết quả phỏng vấn sâu giúp làm rõ hơn những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng căng thẳng trong quan hệ vợ chồng. Một người lao động chia sẻ: “*Bình thường đi làm thì vợ chồng đỡ va chạm, căng thẳng. Song giai đoạn Covid-19 suốt ngày ở nhà, chật chội, tù túng nên mâu thuẫn cứ tăng lên, thậm chí tôi còn bị đánh.*” [PVS nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Trích dẫn này cho thấy khi không gian sinh hoạt bị thu hẹp, thu nhập giảm sút và các hoạt động xã hội bị gián đoạn, áp lực tâm lý trong gia đình có thể gia

tăng, dẫn đến xung đột giữa các thành viên. Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn bình thường mới, tình hình có xu hướng cải thiện. Tỷ lệ người đánh giá mối quan hệ vợ chồng ở mức tốt tăng trở lại lên 78,3%, trong khi tỷ lệ cho rằng quan hệ ở mức kém giảm xuống còn 7,6%. Điều này cho thấy khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục, áp lực trong đời sống gia đình cũng giảm bớt và các mối quan hệ cá nhân có cơ hội phục hồi.

Bên cạnh những biến động trong quan hệ vợ chồng, kết quả khảo sát cũng cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhận được nhiều sự hỗ trợ từ gia đình trong thời gian đại dịch. Hình thức hỗ trợ phổ biến nhất là sự động viên và chia sẻ về mặt tinh cảm, với 92,8% người được hỏi cho biết họ nhận được sự hỗ trợ này từ các thành viên trong gia đình. Ngoài ra, 31,1% cho biết họ nhận được sự chăm sóc từ người thân, trong khi tỷ lệ nhận được hỗ trợ trực tiếp về tài chính thấp hơn nhiều, chỉ 8,6%. Những con số này cho thấy trong bối cảnh khó khăn chung, nguồn lực hỗ trợ từ gia đình chủ yếu mang tính tinh thần hơn là vật chất.

Người lao động cũng đánh giá khá tích cực về mức độ kịp thời và tính liên tục của những hỗ trợ từ phía gia đình trong thời gian đại dịch. Có 82,2% cho rằng sự hỗ trợ của gia đình đến với họ một cách kịp thời, trong khi 78,9% cho biết sự hỗ trợ này được duy trì tương đối thường xuyên. Tuy nhiên, có 34,2% đánh giá các hỗ trợ này là đầy đủ, trong khi phần lớn, với 65,8%, cho rằng sự hỗ trợ chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu của họ. Điều này phản ánh thực tế rằng bản thân gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn kinh tế trong thời gian dịch bệnh, do đó khả năng hỗ trợ về vật chất còn hạn chế.

Xét về tác động của những hỗ trợ từ gia đình, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho rằng sự hỗ trợ này mang lại nhiều ý nghĩa đối với đời sống của họ trong bối cảnh đại dịch. Có 96,1% người được hỏi cho rằng sự hỗ trợ của gia đình có tác dụng động viên tinh thần, giúp họ vượt qua những khó khăn do dịch bệnh gây ra. Ngoài ra, 17,8% cho biết họ nhận được sự chăm sóc trực tiếp từ người thân, trong khi 13,1% được gia đình hỗ trợ trong việc tìm kiếm việc làm hoặc tạo thêm nguồn thu nhập. Những con số này cho thấy vai trò quan trọng của gia đình như một nguồn lực hỗ trợ thiết yếu trong thời kỳ khủng hoảng.

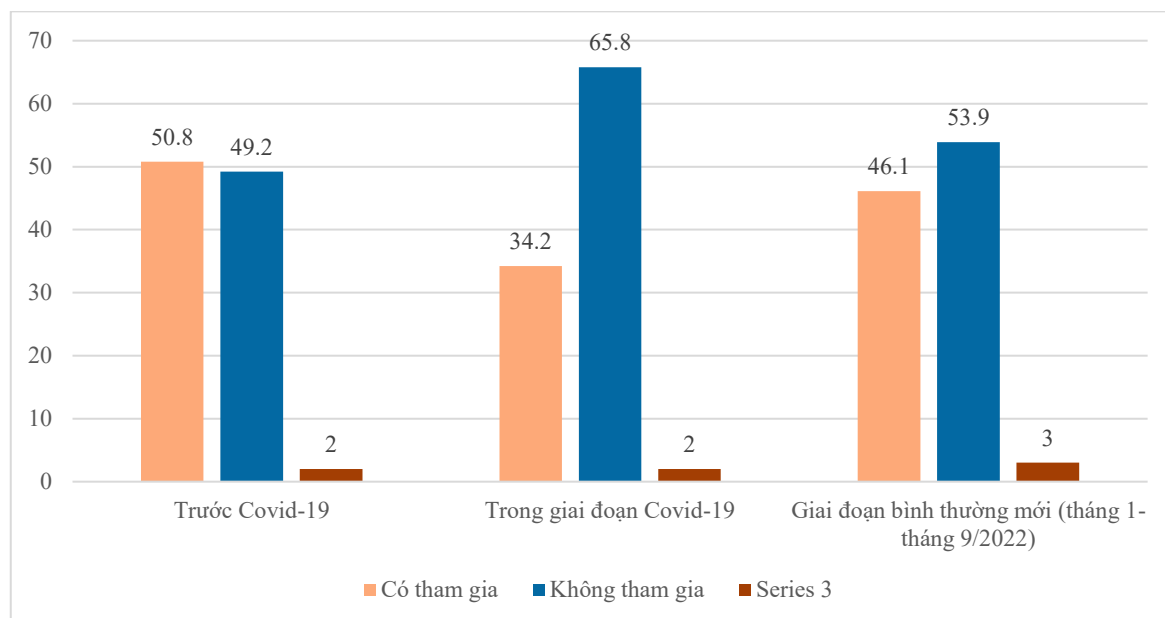
Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, gia đình có thể được xem là một nguồn lực quan trọng thuộc vốn xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Các mối quan hệ gia đình, thông qua sự hỗ trợ về tình cảm, chăm sóc và đôi khi cả hỗ trợ về kinh tế, đã góp phần giúp người lao động duy trì sự ổn định tâm lý và khả năng chống chịu trước những cú sốc như đại dịch Covid-19. Mặc dù nguồn lực vật chất từ gia đình có thể còn hạn chế, nhưng sự gắn kết và hỗ trợ tinh thần từ các thành viên trong gia đình đã đóng vai trò như một “mạng lưới an sinh phi chính thức”, giúp người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ gia đình của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức nhìn chung vẫn được duy trì khá tích cực trong suốt thời gian đại dịch và giai đoạn sau dịch. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng đã có sự suy giảm nhất định trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát, phản ánh những áp lực kinh tế và tâm lý do đại dịch gây ra. Trong bối cảnh đó, gia đình vẫn đóng vai trò là nguồn hỗ trợ quan trọng, đặc biệt là về mặt tinh thần. Mặc dù các hỗ trợ này được đánh giá là khá kịp thời và tương đối thường xuyên, nhưng chưa phải lúc nào cũng đầy đủ về mặt vật chất. Dù vậy, sự hỗ trợ từ gia đình vẫn là nguồn động viên tinh thần quan trọng đối với phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong quá trình ứng phó với những tác động của đại dịch Covid-19.

3.6.2. Thực trạng mối quan hệ xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Một trong những biểu hiện quan trọng của vốn xã hội của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là mức độ tham gia của họ vào các tổ chức xã hội và các mạng lưới cộng đồng. Thông qua việc tham gia các tổ chức này, người lao động có thể mở rộng các mối quan hệ xã hội, tiếp cận thông tin, nhận được sự hỗ trợ khi gặp khó khăn và tăng cường khả năng hợp tác trong hoạt động sinh kế. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tham gia vào các tổ chức xã hội còn khá hạn chế. Phần lớn người lao động trong nhóm này ít tham gia hoặc không tham gia vào các tổ chức chính thức trong cộng đồng, điều này phần nào phản ánh đặc điểm bấp bênh của việc làm trong khu vực phi chính thức cũng như những hạn chế về thời gian, nguồn lực và cơ hội tiếp cận các thiết chế xã hội của họ.

Biểu 3.10. Tỷ lệ lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tham gia các tổ chức xã hội trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) (%)



Biểu đồ cho thấy mức độ tham gia của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vào các tổ chức xã hội có sự biến động đáng kể giữa các giai đoạn trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới. Trước khi đại dịch xảy ra, 50,8% người lao động cho biết họ có tham gia vào một số tổ chức xã hội trong cộng đồng. Tuy nhiên, khi đại dịch bùng phát và các hoạt động xã hội bị hạn chế do các biện pháp giãn cách, tỷ lệ tham gia của người lao động giảm xuống còn 34,2%. Đến giai đoạn bình thường mới, khi các hoạt động xã hội dần được khôi phục, tỷ lệ này có xu hướng tăng trở lại, đạt 46,1%, song vẫn thấp hơn so với thời điểm trước đại dịch.

Kết quả khảo sát cho thấy những tổ chức mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tham gia chủ yếu là các tổ chức mang tính cộng đồng như hội phụ nữ hoặc hội đồng hương. Tuy nhiên, mức độ tham gia thực chất của họ vào các hoạt động của những tổ chức này còn khá hạn chế. Nhiều người cho biết họ chỉ tham gia mang tính hình thức, chủ yếu để giữ mối liên hệ với cộng đồng hơn là tham gia tích cực vào các hoạt động chung. Điều này phần nào phản ánh đặc điểm sinh kế của lao động khu vực kinh tế phi chính thức, khi phần lớn thời gian của họ dành cho việc mưu sinh. Như một người bán hàng rong chia sẻ: “*Đi làm cả ngày, tối về mệt mỏi chỉ*

lăn ra ngủ chứ nói tham gia cái gì cũng khó, vì mai sớm còn phải đi làm sớm, vất vả lắm nên có muốn cũng không tham gia được. Có tham gia thì cũng chỉ là đánh trống ghi tên thôi” [PVS nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Ý kiến này cho thấy sự hạn chế về thời gian và nguồn lực khiến nhiều người lao động khó có điều kiện tham gia tích cực vào các tổ chức xã hội, mặc dù về danh nghĩa họ vẫn có tên trong các tổ chức này.

Bên cạnh các mạng lưới xã hội không chính thức như gia đình hay cộng đồng, chính quyền địa phương cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong thời gian đại dịch. Kết quả khảo sát cho thấy người lao động đã nhận được nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau từ phía chính quyền. Trong đó, các hỗ trợ liên quan đến y tế và phòng chống dịch bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất, với 70,3% cho biết họ nhận được hỗ trợ điều trị và 65,6% nhận được hỗ trợ trong quá trình cách ly. Ngoài ra, có 35,3% cho biết họ nhận được sự động viên tinh thần từ phía chính quyền, trong khi 34,7% nhận được hỗ trợ về thực phẩm. Các hình thức hỗ trợ mang tính kinh tế trực tiếp ít phổ biến hơn, với 11,4% người lao động cho biết họ nhận được hỗ trợ tiền và 6,9% nhận được hỗ trợ trong việc tìm kiếm việc làm.

Đánh giá của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức về ý nghĩa của những hỗ trợ này nhìn chung khá tích cực. Điều này phù hợp với kết quả khảo sát của tập thể tác giả Đào Thanh Trường, Hoàng Thu Hương và Nguyễn Thị Kim Nhung, theo đó, các tác giả cho biết kể từ khi đại dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện, các biện pháp ứng phó tập trung vào việc phòng, chống đại dịch và hỗ trợ cho các nhóm xã hội gặp khó khăn do thực hiện các chỉ thị về giãn cách xã hội [Đào Thanh Trường, Hoàng Thu Hương và Nguyễn Thị Kim Nhung, 2021]. Kết quả khảo sát đối với 360 người lao động khu vực phi chính thức tại Hà Nội phản ánh phần lớn người lao động cho rằng sự hỗ trợ từ phía chính quyền đã giúp họ cảm thấy được chia sẻ và quan tâm trong giai đoạn khó khăn. 91,9% người được hỏi cho biết các hỗ trợ này khiến họ cảm thấy được đồng cảm và chia sẻ, trong khi 91,1% cho rằng những hỗ trợ đó đã giúp đời sống của họ phần nào bớt khó khăn hơn. Đồng thời, 89,7% cho rằng các biện pháp hỗ trợ của chính quyền đã góp phần củng cố niềm tin của họ đối với chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, khi xem xét khía cạnh thời điểm triển khai các hỗ trợ, kết quả khảo sát cho thấy vẫn tồn tại những đánh giá khác nhau từ phía người lao động. Chỉ 14,7%

cho rằng các hỗ trợ của chính quyền được thực hiện kịp thời, trong khi 42,2% cho rằng mức độ kịp thời là bình thường. Đáng chú ý, 43,1% người lao động cho rằng các hỗ trợ đến chậm so với nhu cầu thực tế của họ. Điều này phản ánh thực tế rằng mặc dù các chính sách hỗ trợ đã được triển khai, nhưng trong một số trường hợp thời điểm thực hiện chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của người lao động trong giai đoạn khó khăn nhất của đại dịch.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy vai trò quan trọng của vốn xã hội đối với khả năng ứng phó của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước cú sốc đại dịch. Vốn xã hội của họ được hình thành thông qua các mạng lưới quan hệ gia đình, cộng đồng và các tổ chức xã hội cũng như thông qua mối liên hệ với các thiết chế nhà nước. Tuy nhiên, mức độ tham gia hạn chế vào các tổ chức xã hội chính thức cho thấy vốn xã hội của nhóm lao động này chủ yếu tồn tại dưới dạng các mạng lưới không chính thức và các quan hệ cá nhân. Trong bối cảnh đại dịch, sự hỗ trợ từ chính quyền có thể được xem như một nguồn lực quan trọng bổ sung cho hệ thống sinh kế của họ, giúp giảm bớt những tác động tiêu cực của cú sốc kinh tế - xã hội. Tuy vậy, việc một bộ phận người lao động vẫn cho rằng các hỗ trợ chưa thực sự kịp thời cũng cho thấy những hạn chế trong khả năng tiếp cận và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đối với khu vực kinh tế phi chính thức, một nhóm lao động vốn có vị thế dễ bị tổn thương trong hệ thống sinh kế.

Để đánh giá vai trò của các nguồn hỗ trợ đối với điều kiện sống của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic. Biến phụ thuộc của mô hình phản ánh tình trạng điều kiện sống của người lao động giai đoạn bình thường mới so với trước đại dịch (0 = điều kiện sống giảm đi; 1 = điều kiện sống duy trì như trước). Hai biến giải thích chính được đưa vào mô hình gồm: việc nhận hỗ trợ thực phẩm từ chính quyền và việc nhận hỗ trợ tài chính từ gia đình. Việc sử dụng mô hình hồi quy này cho thấy vai trò của mạng lưới xã hội đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2 Kết quả mô hình hồi quy Binary Logistic về một số yếu tố liên quan đến khả năng duy trì điều kiện sống của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022)

Biến số	Hệ số B	Sai số chuẩn	Kiểm định Wald	Sig.	Tỷ lệ chênh lệch (Exp(B))
Hỗ trợ thực phẩm từ chính quyền	1.182	0.255	21.465	<0.001	3.262
Hỗ trợ tiền từ gia đình	1.034	0.534	3.751	0.043	2.813
Hằng số	0.568	0.136	17.503	<0.001	0.567

Chú thích

- Biến phụ thuộc: Điều kiện sống của người lao động giai đoạn bình thường mới so với trước đại dịch Covid-19 (0 = giảm đi; 1 = duy trì như cũ).

- Các biến độc lập:

+ Hỗ trợ thực phẩm từ chính quyền (0 = không nhận; 1 = có nhận).

+ Hỗ trợ tiền từ gia đình (0 = không nhận; 1 = có nhận).

Kết quả ước lượng cho thấy cả hai biến giải thích đều có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với khả năng duy trì điều kiện sống của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới. Cụ thể, biến hỗ trợ thực phẩm từ chính quyền có ý nghĩa thống kê rất cao ($P < 0,001$). Giá trị tỷ lệ chênh lệch (Odds Ratio) đạt 3,262 cho thấy những người lao động nhận được hỗ trợ thực phẩm từ chính quyền có khả năng duy trì điều kiện sống giai đoạn bình thường mới cao hơn 3,26 lần so với những người không nhận được sự hỗ trợ này.

Bên cạnh đó, hỗ trợ tài chính từ gia đình cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 5% ($P = 0,043$). Giá trị tỷ lệ chênh lệch của biến này đạt 2,813, cho thấy những người lao động nhận được hỗ trợ tiền từ gia đình có khả năng duy trì điều kiện sống giai đoạn bình thường mới cao hơn 2,81 lần so với những người không nhận được sự hỗ trợ này. Kết quả này phản ánh vai trò quan trọng của gia đình như một mạng lưới hỗ trợ trực tiếp giúp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giảm bớt những khó khăn về kinh tế trong bối cảnh thu nhập bị suy giảm hoặc gián đoạn do tác động của đại dịch.

Nhìn chung, kết quả hồi quy cho thấy cả các nguồn hỗ trợ mang tính thể chế (từ phía chính quyền) và các nguồn hỗ trợ mang tính xã hội - gia đình đều đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu những tác động kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong bối cảnh việc làm thiếu ổn định và hệ thống an sinh xã hội chính thức còn hạn chế, những nguồn hỗ trợ này trở thành các cơ chế quan trọng giúp người lao động duy trì mức sống và giảm thiểu rủi ro sinh kế.

Đặt trong khung phân tích của khung sinh kế bền vững, các nguồn hỗ trợ này có thể được hiểu như những yếu tố góp phần củng cố vốn xã hội và vốn thể chế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong đó, sự hỗ trợ từ gia đình phản ánh vai trò của vốn xã hội gắn kết (bonding social capital), cung cấp các nguồn lực tài chính và tinh thần trực tiếp trong những giai đoạn khủng hoảng. Đồng thời, các chương trình hỗ trợ của chính quyền, đặc biệt là hỗ trợ thực phẩm trong thời gian dịch bệnh, đóng vai trò như một mạng lưới an sinh thể chế, góp phần ổn định mức tiêu dùng cơ bản và giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của người lao động. Sự kết hợp giữa các nguồn hỗ trợ chính thức và phi chính thức này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao khả năng chống chịu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những cú sốc lớn như đại dịch Covid-19.

3.7. Tiểu kết chương 3

Vận dụng khung sinh kế bền vững để phân tích năm nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch không chỉ tạo ra những biến động ngắn hạn trong hoạt động sinh kế mà còn tác động sâu sắc đến cấu trúc và khả năng duy trì các nguồn lực sinh kế của nhóm lao động này.

Trước hết, xét trên phương diện vốn tự nhiên, nghiên cứu cho thấy nguồn lực đất đai phục vụ cho hoạt động sản xuất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã rất hạn chế, và trong bối cảnh đại dịch, nguồn vốn này còn tiếp tục bị thu hẹp. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự suy giảm thu nhập và áp lực tài chính trong thời gian giãn cách xã hội, buộc một bộ phận người lao động phải bán đất để trang trải chi phí sinh hoạt hoặc trả các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ dịch bệnh. Điều

này phản ánh xu hướng suy yếu của nguồn lực sản xuất truyền thống trong chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi phải đối mặt với những cú sốc kinh tế - xã hội lớn.

Đối với vốn vật chất, kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có điều kiện vật chất khá hạn chế, thể hiện qua điều kiện nhà ở, phương tiện đi lại và các công cụ sản xuất. Đại dịch Covid-19 đã làm gia tăng tình trạng suy giảm các tài sản vật chất phục vụ sinh kế, khi nhiều người lao động buộc phải thu hẹp không gian sinh hoạt, bán phương tiện lao động hoặc cắt giảm các tư liệu sản xuất để duy trì cuộc sống. Điều này cho thấy các cú sốc kinh tế có thể nhanh chóng làm xói mòn các tài sản vật chất vốn đã mỏng manh của nhóm lao động phi chính thức, từ đó làm suy giảm năng lực duy trì sinh kế của họ trong dài hạn.

Về vốn tài chính, nghiên cứu cho thấy nguồn vốn đầu tư cho sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chịu tác động mạnh mẽ từ đại dịch. Sự suy giảm thu nhập trong thời gian giãn cách xã hội không chỉ làm giảm khả năng tích lũy tài chính mà còn khiến nhiều người lao động trở nên thận trọng hơn trong các quyết định đầu tư sinh kế. Đồng thời, khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay chính thức của nhóm lao động này vốn đã hạn chế lại càng trở nên khó khăn hơn trong bối cảnh rủi ro kinh tế gia tăng. Do không đáp ứng được các điều kiện vay vốn hoặc lo ngại về khả năng trả nợ, nhiều người lao động có xu hướng hạn chế vay mượn, qua đó làm giảm khả năng mở rộng hoặc phục hồi các hoạt động sinh kế giai đoạn bình thường mới.

Xét trên phương diện vốn con người, kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 đã tác động đáng kể đến cả sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Sự suy giảm sức khỏe không chỉ liên quan đến các yếu tố dịch tễ mà còn gắn với điều kiện kinh tế khó khăn, chế độ dinh dưỡng không đảm bảo, áp lực lao động gia tăng giai đoạn bình thường mới cũng như trạng thái lo âu kéo dài do bất ổn về việc làm và thu nhập. Bên cạnh đó, đặc điểm trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp tương đối thấp của phần lớn người lao động phi chính thức khiến họ chủ yếu tham gia vào các công việc giản đơn, ít đòi hỏi kỹ năng chuyên môn. Trong bối cảnh đại dịch, một bộ phận người lao động đã có những điều chỉnh nhất định về kỹ năng lao động nhằm thích ứng với điều kiện mới, song nhìn chung sự thay đổi này vẫn còn hạn chế.

Cuối cùng, xét trên phương diện vốn xã hội, nghiên cứu cho thấy các mạng lưới quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vượt qua những khó khăn do đại dịch gây ra. Mỗi quan hệ gia đình nhìn chung được duy trì khá tốt và trở thành nguồn hỗ trợ tinh thần quan trọng trong giai đoạn khủng hoảng, mặc dù các áp lực kinh tế trong thời gian giãn cách xã hội cũng phần nào ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng. Bên cạnh đó, mức độ tham gia của người lao động vào các tổ chức xã hội còn hạn chế và có xu hướng suy giảm trong thời gian dịch bệnh. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ từ phía chính quyền, đặc biệt trong lĩnh vực y tế và an sinh xã hội, đã góp phần giảm bớt khó khăn cho người lao động và củng cố niềm tin của họ đối với các thiết chế công.

Nhìn tổng thể từ khung sinh kế bền vững, các kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 đã tạo ra những tác động đồng thời lên nhiều nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong đó, các nguồn vốn tự nhiên, vật chất và tài chính có xu hướng suy giảm rõ rệt, trong khi vốn con người và vốn xã hội vừa chịu tác động tiêu cực vừa thể hiện những nỗ lực thích ứng nhất định của người lao động. Những biến động này phản ánh tính dễ bị tổn thương của sinh kế khu vực kinh tế phi chính thức trước các biến động kinh tế - xã hội lớn, đồng thời cho thấy vai trò quan trọng của các mạng lưới hỗ trợ gia đình và các chính sách công trong việc duy trì khả năng chống chịu sinh kế của nhóm lao động này.

Chương 4

CHIẾN LƯỢC SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

4.1. Dẫn nhập

Trong khung phân tích của sinh kế bền vững, chiến lược sinh kế được hiểu là tập hợp các lựa chọn, quyết định và hoạt động mà cá nhân hoặc hộ gia đình thực hiện nhằm huy động, kết hợp và sử dụng các nguồn lực sẵn có để duy trì và phát triển sinh kế trong những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, chiến lược sinh kế càng mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi hoạt động kinh tế của họ thường thiếu tính ổn định, ít được bảo vệ bởi các thiết chế chính thức và dễ bị tổn thương trước những cú sốc bên ngoài. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, khi các hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn trên diện rộng, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức buộc phải điều chỉnh các chiến lược sinh kế của mình để thích ứng với những biến động chưa từng có về việc làm, thu nhập và điều kiện sống.

Kết quả phân tích ở chương trước cho thấy đại dịch Covid-19 đã tác động đáng kể đến các nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, từ vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính cho đến vốn con người và vốn xã hội. Sự suy giảm hoặc biến động của các nguồn vốn này đã đặt ra những thách thức lớn đối với việc duy trì sinh kế của người lao động, đồng thời buộc họ phải tìm kiếm và triển khai các phương thức thích ứng mới. Chính trong bối cảnh đó, chiến lược sinh kế trở thành một cơ chế quan trọng giúp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức điều chỉnh cách thức sử dụng các nguồn lực sẵn có, đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập và tận dụng các mạng lưới quan hệ xã hội để giảm thiểu rủi ro.

Trên cơ sở tiếp cận này, chương 4 tập trung phân tích cách thức người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vận dụng và tái cấu trúc các nguồn vốn sinh kế trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Cụ thể, chương này xem xét ba khía cạnh chính của chiến lược sinh kế: (i) việc huy động và kết hợp linh hoạt các loại vốn sinh kế để duy trì hoạt động kinh tế và tạo thu nhập; (ii) cách thức người lao động tận dụng các nguồn vốn sẵn có để tìm kiếm hoặc tạo dựng việc làm trong điều kiện thị trường lao

động bị gián đoạn; và (iii) vai trò của vốn xã hội, đặc biệt là các mạng lưới quan hệ gia đình, cộng đồng và các thiết chế xã hội, trong việc hỗ trợ người lao động thích ứng với tình trạng gián đoạn sinh kế trong thời gian đại dịch. Thông qua những phân tích này, chương 4 làm rõ các cách thức mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã điều chỉnh chiến lược sinh kế của mình để ứng phó với những biến động sâu sắc do đại dịch Covid-19 gây ra.

4.2. Thực trạng việc vận dụng linh hoạt các loại vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra những biến động sâu sắc đối với thị trường lao động và đời sống kinh tế - xã hội, trong đó, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là một trong những nhóm chịu tác động mạnh mẽ nhất. Do đặc điểm việc làm thiếu ổn định, thu nhập bấp bênh và ít được bảo vệ bởi các thiết chế an sinh xã hội chính thức, nhóm lao động này đặc biệt dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế - xã hội quy mô lớn như đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ bị gián đoạn trong thời gian giãn cách xã hội, nhiều người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt với tình trạng mất việc làm, giảm thu nhập hoặc thậm chí mất hoàn toàn nguồn sinh kế trong một thời gian dài.

Trước những thách thức đó, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã buộc phải điều chỉnh và tái cấu trúc các chiến lược sinh kế của mình nhằm thích ứng với điều kiện mới. Theo khung sinh kế bền vững, chiến lược sinh kế của cá nhân hoặc hộ gia đình được hình thành thông qua quá trình huy động, kết hợp và sử dụng các nguồn vốn sinh kế khác nhau, bao gồm vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, khả năng vận dụng linh hoạt các nguồn vốn này trở thành yếu tố quan trọng giúp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức duy trì hoạt động kinh tế, tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế và giảm thiểu những tác động tiêu cực của khủng hoảng.

Kết quả phân tích ở chương 3 cho thấy các nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đều chịu những tác động nhất định từ đại dịch Covid-19, trong đó nhiều loại vốn bị suy giảm đáng kể. Tuy nhiên, ngay trong điều kiện nguồn lực bị thu hẹp, người lao động vẫn tìm cách tận dụng những nguồn vốn

sẵn có để duy trì hoặc tái tạo sinh kế. Điều này cho thấy tính linh hoạt và khả năng thích ứng của các chiến lược sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức, khi người lao động phải liên tục điều chỉnh cách thức sử dụng các nguồn lực nhằm đối phó với những biến động của điều kiện kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đó, nội dung này tập trung phân tích thực trạng việc người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vận dụng các loại vốn sinh kế khác nhau để thích ứng với đại dịch Covid-19. Thông qua việc xem xét cách thức huy động và kết hợp các nguồn vốn trong quá trình duy trì và tái tạo sinh kế, phần này góp phần làm rõ những chiến lược thích ứng mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã triển khai trong bối cảnh khủng hoảng.

4.2.1. Vận dụng vốn tự nhiên để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Như đã phân tích ở chương 3, vốn tự nhiên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong nghiên cứu này chủ yếu được thể hiện thông qua quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất đai, bao gồm đất vườn, đất ruộng và đất bãi. Mặc dù không phải là nguồn lực phổ biến đối với đa số người lao động phi chính thức tại đô thị, nhưng đối với một bộ phận nhất định, đất đai vẫn đóng vai trò như một nguồn lực quan trọng có thể được huy động để hỗ trợ hoạt động sinh kế, đặc biệt trong những giai đoạn kinh tế khó khăn.

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ một tỷ lệ nhỏ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sở hữu hoặc quyền sử dụng đất đai. Tuy nhiên, đối với những trường hợp có nguồn vốn này, đất đai trở thành một nguồn lực đáng kể có thể được sử dụng để duy trì hoặc bổ sung sinh kế trong bối cảnh đại dịch. Khi được hỏi về việc sử dụng nguồn vốn tự nhiên này để tạo dựng sinh kế trong thời gian đại dịch Covid-19, các ý kiến của người được khảo sát cho thấy nhiều cách thức vận dụng khác nhau, phản ánh nỗ lực thích ứng của người lao động trong điều kiện nguồn thu nhập từ các hoạt động kinh tế phi chính thức bị gián đoạn.

Trong khung sinh kế bền vững, vốn tự nhiên được xem là một nguồn lực quan trọng giúp cá nhân và hộ gia đình duy trì hoặc phục hồi sinh kế trong bối cảnh biến động kinh tế - xã hội. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong

nghiên cứu này, vốn tự nhiên chủ yếu được thể hiện thông qua quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất đai, bao gồm đất ruộng, đất vườn và đất bãi. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy chỉ 8,6% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sở hữu loại nguồn lực này, trong đó có 7,1% người lao động phi chính thức ở khu vực đô thị và 9,5% người lao động phi chính thức ở khu vực nông thôn. Điều này phản ánh đặc điểm phổ biến của lao động phi chính thức tại đô thị, khi nhiều người phải rời quê ra thành phố làm việc và không còn hoặc chỉ còn rất ít nguồn lực đất đai có thể trực tiếp phục vụ sinh kế.

Đối với nhóm người lao động có sở hữu vốn tự nhiên, cách thức vận dụng nguồn lực này để tạo dựng sinh kế có sự khác biệt nhất định trước đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới. Trước khi đại dịch bùng phát, với 9,7% trong số những người có đất đai cho biết sinh kế của họ hoàn toàn dựa vào nguồn vốn tự nhiên này, và giai đoạn bình thường mới tỷ lệ này hầu như không thay đổi. Điều này cho thấy đối với một số người lao động, đất đai vẫn là nguồn sinh kế cốt lõi mà họ buộc phải duy trì bất kể những biến động của bối cảnh kinh tế - xã hội. Như một ý kiến phỏng vấn sâu cho biết: *“Đây là nguồn thu nhập chính của mình mà, mình trông cậy vào nó để có thu nhập đầy đủ, nên trước hay sau dịch mình vẫn phải giữ gìn đất đai để sản xuất.”* [PVS, nữ, 42 tuổi, lao động phi chính thức lĩnh vực nông nghiệp]. Nhận định này cho thấy đối với một bộ phận người lao động, vốn tự nhiên không chỉ là một nguồn lực kinh tế mà còn là nền tảng bảo đảm sinh kế tương đối ổn định. Trong khung sinh kế bền vững, điều này phản ánh vai trò của đất đai như một nguồn lực sản xuất cơ bản, giúp tạo ra một mức độ ổn định nhất định cho sinh kế, đặc biệt trong bối cảnh các nguồn thu nhập khác trở nên bấp bênh.

Bên cạnh đó, một bộ phận lớn hơn trong số những người có đất đai cho biết họ chỉ sử dụng vốn tự nhiên như một nguồn sinh kế bổ trợ. Trước đại dịch, 54,8% những người có đất đai kết hợp hoạt động sản xuất trên đất với các công việc phi chính thức khác tại Hà Nội. Tuy nhiên, giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này giảm xuống còn 38,7%. Điều này phản ánh thực tế rằng nhiều người lao động vẫn phải duy trì các công việc phi chính thức tại đô thị để đảm bảo thu nhập, trong khi hoạt động sản xuất trên diện tích đất nhỏ ở quê chủ yếu nhằm hỗ trợ nhu cầu sinh hoạt của gia

đình hơn là tạo ra nguồn thu nhập đáng kể. Một ý kiến phỏng vấn sâu cho biết: *“Ngày thường thì ra Hà Nội buôn bán nhì nhằng kiếm sống, còn có ít đất ruộng thì vẫn cấy cày mùa vụ, tranh thủ chiều tối hoặc thời gian rảnh chăm sóc ruộng vườn kiếm đồng ra đồng vào, cơ bản để đỡ phải đóng gạo, đỡ tiền mua rau củ thực phẩm...”* [PVS, nữ, 47 tuổi, giúp việc theo giờ]. Ý kiến này cho thấy đất đai trong nhiều trường hợp đóng vai trò như một nguồn lực bảo trợ sinh kế, giúp người lao động giảm bớt chi phí sinh hoạt thông qua việc tự cung cấp một phần lương thực và thực phẩm.

Đối với một số trường hợp khác, vốn tự nhiên hầu như không đóng vai trò đáng kể trong chiến lược sinh kế. Trước đại dịch, 35,5% người có đất đai cho biết họ không sử dụng nguồn lực này để tạo dựng sinh kế, nhưng giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này giảm xuống còn 9,7%. Điều này cho thấy trong bối cảnh thu nhập từ các công việc phi chính thức trở nên bấp bênh hơn, một số người lao động đã bắt đầu khai thác đất đai như một nguồn lực bổ trợ cho sinh kế. Tuy nhiên, nhiều người vẫn cho rằng diện tích đất mà họ sở hữu quá nhỏ để có thể tạo ra nguồn thu nhập đáng kể. Như một ý kiến phỏng vấn sâu chia sẻ: *“Chúng tôi không có tài sản gì đáng kể thì mới phải đi làm thuê làm mướn thế này, chứ nếu có đất đai thì đã ở quê mà làm, mùa nào thức nấy thì vẫn có thể sống ổn định hơn so với công việc lúc có lúc không như bây giờ.”* [PVS nữ, 37 tuổi, bán hàng rong]. Một ý kiến khác cũng cho thấy những hạn chế của vốn tự nhiên trong chiến lược sinh kế của người lao động: *“Nhà ở quê có tí đất vườn, được mấy chục m² thì không thể sống được, gọi là trồng rau nuôi gà cho có thôi, chứ không tạo ra thu nhập được.”* [PVS nam, 42 tuổi, bốc vác]. Các ý kiến này phản ánh thực tế rằng đối với nhiều người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, vốn tự nhiên tuy tồn tại nhưng quy mô quá nhỏ nên khó có thể trở thành nguồn sinh kế chính.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy trong thời gian đại dịch đã xuất hiện xu hướng suy giảm vốn tự nhiên của một bộ phận người lao động với 41,9% người có đất đai cho biết nguồn lực này đã bị thu hẹp trong giai đoạn dịch bệnh. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thu nhập bị gián đoạn trong thời gian giãn cách xã hội, buộc họ phải bán đất hoặc tài sản gắn với đất để trang trải chi phí sinh hoạt hoặc trả các khoản vay phát sinh trong giai đoạn khó khăn. Đồng thời, dữ liệu

khảo sát cũng cho thấy 6,7% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã phải bán đất hoặc nhà để ứng phó với những khó khăn kinh tế do đại dịch Covid-19 gây ra. Thực tế này cho thấy trong bối cảnh khủng hoảng, vốn tự nhiên không chỉ được sử dụng như một nguồn lực sản xuất mà còn trở thành tài sản dự phòng có thể chuyển đổi thành tiền mặt nhằm giúp hộ gia đình vượt qua các cú sốc kinh tế.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sở hữu vốn tự nhiên không nhiều và khả năng sử dụng nguồn vốn này để tạo dựng sinh kế cũng khá hạn chế. Tuy nhiên, đối với những người có nguồn lực đất đai, vốn tự nhiên vẫn đóng vai trò nhất định trong chiến lược sinh kế, hoặc như một nguồn thu nhập chính, hoặc như một nguồn lực hỗ trợ giúp giảm chi phí sinh hoạt. Trong khung sinh kế bền vững, điều này cho thấy dù quy mô hạn chế, vốn tự nhiên vẫn có thể góp phần tăng cường khả năng chống chịu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

4.2.2. Vận dụng vốn vật chất để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Trong khung sinh kế bền vững, vốn vật chất được hiểu là các tài sản hữu hình mà cá nhân hoặc hộ gia đình có thể sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, tạo thu nhập và duy trì đời sống. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong nghiên cứu này, vốn vật chất chủ yếu bao gồm nhà ở, phương tiện đi lại, xưởng sản xuất, máy móc và các công cụ phục vụ sản xuất. Như đã phân tích ở chương 3 về thực trạng tài sản sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các loại tài sản này có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động sinh kế của người lao động, đồng thời cũng chịu những tác động đáng kể từ các biến động kinh tế - xã hội do đại dịch gây ra.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù nhiều tài sản vật chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức bị suy giảm hoặc thu hẹp trong thời gian đại dịch, song người lao động vẫn có những cách thức vận dụng khá linh hoạt các nguồn vốn vật chất sẵn có để duy trì hoặc tái tạo sinh kế. Trong bối cảnh các hoạt động kinh tế bị gián đoạn và thu nhập giảm sút, những tài sản vật chất như nhà ở, phương tiện lao

động hay các công cụ sản xuất không chỉ đóng vai trò là tư liệu phục vụ công việc mà còn trở thành nguồn lực quan trọng giúp người lao động thích ứng với những biến động của môi trường kinh tế - xã hội.

Việc sử dụng linh hoạt vốn vật chất thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau, chẳng hạn như tận dụng không gian nhà ở để thực hiện các hoạt động sản xuất hoặc buôn bán nhỏ lẻ, sử dụng phương tiện đi lại như một công cụ lao động trực tiếp trong các hoạt động sinh kế, hoặc điều chỉnh cách thức sử dụng máy móc, công cụ sản xuất nhằm duy trì công việc trong điều kiện nguồn lực bị hạn chế,... Những chiến lược này cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã chủ động điều chỉnh cách thức sử dụng các tài sản vật chất của mình nhằm thích ứng với những thách thức do đại dịch Covid-19 gây ra.

Những phân tích cụ thể về việc người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vận dụng các dạng vốn vật chất khác nhau để duy trì và thích ứng sinh kế trong thời gian đại dịch Covid-19 được trình bày cụ thể dưới đây.

4.2.2.1. Về việc sử dụng nhà ở để tạo lập sinh kế

Trong khung sinh kế bền vững, nhà ở không chỉ là không gian sinh hoạt mà còn có thể trở thành một dạng vốn vật chất quan trọng hỗ trợ các hoạt động sinh kế của cá nhân và hộ gia đình. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt trong bối cảnh đô thị, nhà ở nhiều khi không chỉ thực hiện chức năng cư trú mà còn có thể được tận dụng như một không gian sản xuất, buôn bán hoặc cung cấp các dịch vụ nhỏ lẻ nhằm tạo thu nhập.

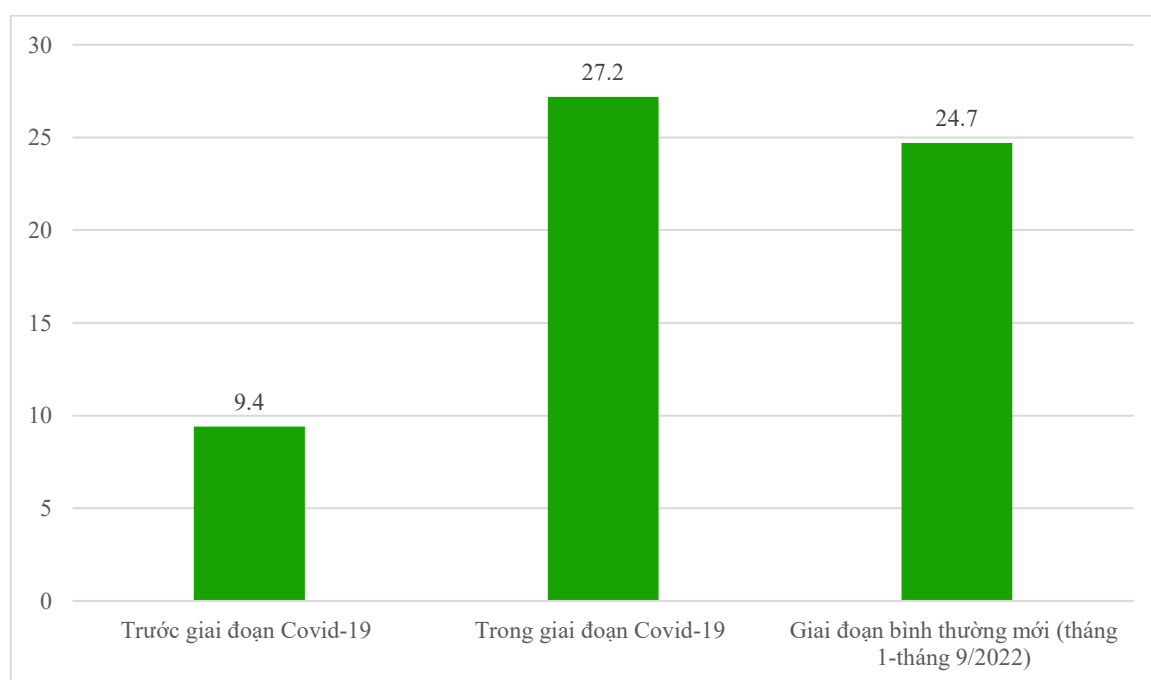
Kết quả khảo sát đối với 360 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy điều kiện nhà ở của nhóm lao động này còn nhiều hạn chế. Phần lớn người được hỏi đang sinh sống trong các hình thức nhà ở có mức độ ổn định thấp, trong đó phổ biến nhất là nhà thuê, tiếp đến là nhà tạm và nhà cấp bốn; chỉ một tỷ lệ nhỏ có nhà tầng kiên cố. Thực trạng này phản ánh đặc điểm phổ biến của lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại các đô thị lớn, khi nhiều người di cư từ nông thôn ra thành phố làm việc và phải sinh sống trong các không gian nhà ở chật hẹp, tạm bợ và thiếu ổn định.

Trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, phần lớn nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, ít được khai thác như một nguồn lực phục vụ cho hoạt động sản xuất hoặc tạo thu nhập. Tuy nhiên, khi

đại dịch xảy ra và các hoạt động kinh tế bị gián đoạn, nhiều người lao động đã bắt đầu tận dụng không gian nhà ở như một nguồn vốn vật chất để duy trì sinh kế. Việc chuyển đổi chức năng của nhà ở từ không gian cư trú đơn thuần sang không gian kết hợp giữa sinh hoạt và sản xuất - kinh doanh phản ánh một chiến lược thích ứng quan trọng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh nguồn thu nhập truyền thống bị thu hẹp.

Những thay đổi trong cách thức sử dụng nhà ở cho thấy khả năng vận dụng linh hoạt các nguồn vốn vật chất của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi phải đối mặt với những biến động lớn của môi trường kinh tế - xã hội do đại dịch Covid-19 gây ra. Phân tích cụ thể về việc sử dụng nhà ở như một nguồn lực sinh kế trong giai đoạn dịch bệnh và giai đoạn bình thường mới được trình bày dưới đây.

Biểu 4.1. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng nhà ở để tạo dựng sinh kế trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) (%)



Kết quả khảo sát cho thấy cách thức sử dụng nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có những thay đổi đáng kể dưới tác động của đại dịch Covid-19. Trước khi đại dịch bùng phát, chỉ 9,4% người được hỏi cho biết họ sử dụng nhà ở như một không gian để tiến hành các hoạt động tạo thu nhập. Điều này cho thấy trong điều kiện bình thường, nhà ở của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

chủ yếu được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, còn các hoạt động sinh kế thường diễn ra tại những địa điểm khác như nơi làm thuê, nơi buôn bán hoặc các không gian lao động bên ngoài gia đình.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, tỷ lệ người lao động sử dụng nhà ở như một không gian sản xuất và tạo thu nhập đã tăng lên rõ rệt, đạt 27,2%. Trong bối cảnh nhiều hoạt động kinh tế bị gián đoạn, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức buộc phải tìm kiếm những cách thức mới để duy trì sinh kế. Một trong những giải pháp được nhiều người lựa chọn là tận dụng chính không gian nhà ở của mình để thực hiện các hoạt động sản xuất hoặc gia công nhỏ lẻ, chẳng hạn như may mặc, làm vàng mã, gia công hàng thủ công mỹ nghệ hoặc các công việc thủ công khác có thể thực hiện tại nhà. Sự chuyển đổi này cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt của người lao động khi họ phải đối mặt với những hạn chế về di chuyển và cơ hội việc làm trong thời gian giãn cách xã hội.

Đến giai đoạn bình thường mới, khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng, việc sử dụng nhà ở để tạo lập sinh kế tuy có giảm so với giai đoạn cao điểm của đại dịch nhưng vẫn được duy trì ở mức khá cao, với 24,7% người lao động tiếp tục sử dụng nhà ở như một không gian sản xuất hoặc làm việc. Điều này cho thấy một số hình thức sinh kế được hình thành trong thời gian đại dịch đã tiếp tục được duy trì ngay cả khi các điều kiện kinh tế - xã hội dần trở lại trạng thái bình thường. Như một ý kiến phỏng vấn sâu cho biết: *“Trước đại dịch thì làm nghề khác, đi giúp việc theo giờ, đi làm thuê,... nhưng thời gian giãn cách thì việc đó không làm được, mình phải làm việc khác, làm tại nhà, hết dịch thì quen với việc mới, vì việc cũ vẫn chưa hồi phục lại được. Bao giờ hồi phục lại thì mình lại tính tiếp.”* [PVS, nữ, 47 tuổi, giúp việc theo giờ]. Ý kiến này cho thấy đại dịch không chỉ làm gián đoạn các hoạt động sinh kế truyền thống mà còn thúc đẩy người lao động tìm kiếm và hình thành những cách thức sinh kế mới. Trong nhiều trường hợp, những hình thức sinh kế này tiếp tục được duy trì ngay cả sau khi đại dịch được kiểm soát, phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những biến động của thị trường lao động.

Đặt trong khung phân tích của khung sinh kế bền vững, sự thay đổi trong cách thức sử dụng nhà ở cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã chủ động vận dụng vốn vật chất của mình một cách linh hoạt để thích ứng với bối cảnh khủng hoảng. Nhà ở, vốn trước đây chủ yếu phục vụ nhu cầu cư trú, đã được tái cấu trúc chức năng và trở thành một nguồn lực hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động sinh kế. Sự chuyển đổi này không chỉ góp phần duy trì thu nhập trong giai đoạn khó khăn mà còn cho thấy khả năng thích ứng và tái tổ chức các nguồn lực sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi phải đối mặt với những cú sốc kinh tế - xã hội lớn như đại dịch Covid-19.

Như vậy, đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi đáng kể vai trò của nhà ở trong chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Từ chỗ chủ yếu là không gian sinh hoạt, nhà ở đã trở thành một phần của hệ thống nguồn lực sinh kế, góp phần giúp người lao động duy trì hoạt động kinh tế và ứng phó với những khó khăn do đại dịch gây ra.

4.2.2.2. Về sử dụng phương tiện đi lại để tạo lập sinh kế

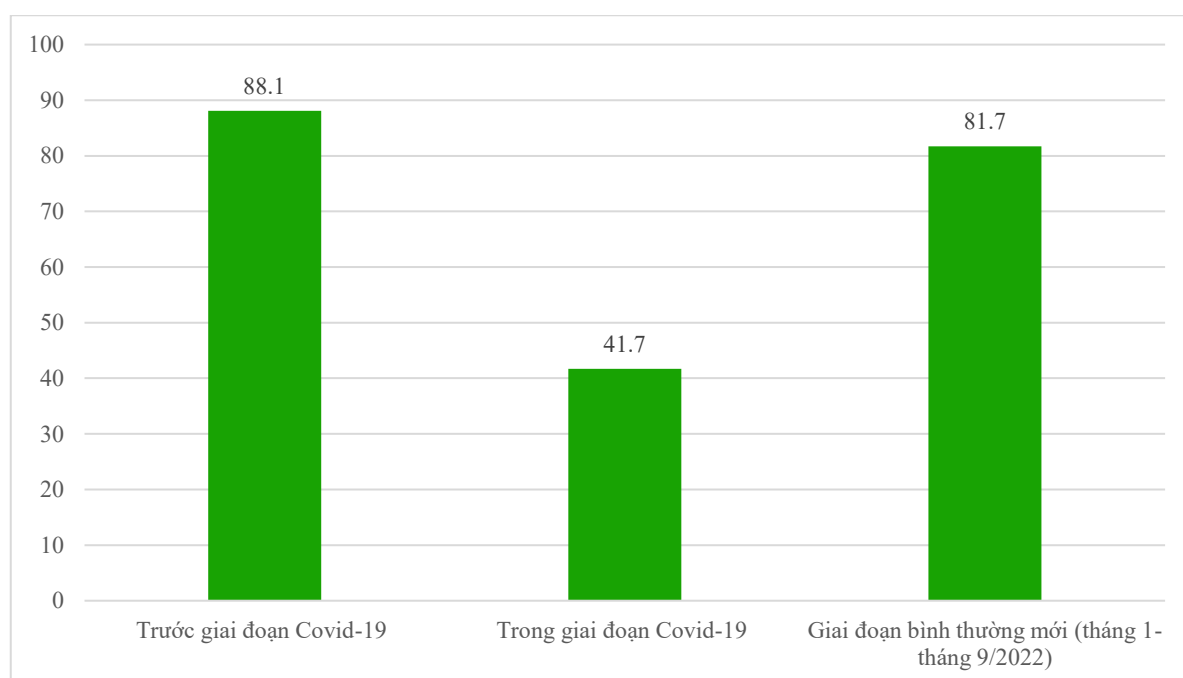
Trong khung sinh kế bền vững, phương tiện đi lại được xem là một dạng vốn vật chất quan trọng, bởi nó hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động lao động và tạo thu nhập của cá nhân hoặc hộ gia đình. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại đô thị, phương tiện đi lại không chỉ phục vụ nhu cầu di chuyển mà còn có thể trở thành một công cụ lao động thiết yếu, đặc biệt trong các hoạt động buôn bán nhỏ lẻ, vận chuyển hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Kết quả khảo sát cho thấy phương tiện gắn bó mật thiết nhất với sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là xe máy. Có 88,1% hộ gia đình trong mẫu khảo sát có sở hữu xe máy và số lượng xe máy trung bình của mỗi hộ là 1,66 chiếc.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát, nhiều người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã tận dụng xe máy cá nhân như một công cụ mưu sinh quan trọng, đặc biệt trong các hoạt động giao nhận hàng hóa và dịch vụ vận chuyển. Việc kết hợp xe máy với điện thoại thông minh và các nền tảng công nghệ đã giúp họ tiếp cận các cơ hội việc làm mới, chẳng hạn như giao hàng hoặc vận chuyển nhu yếu phẩm. Nhờ đó, người lao động có thể giảm thiểu chi phí đầu tư ban đầu và duy trì

nguồn thu nhập trong điều kiện thị trường lao động bị gián đoạn bởi các biện pháp giãn cách xã hội. Điều này cho thấy sự linh hoạt trong việc vận dụng vốn vật chất để thích ứng với các cú sốc sinh kế do đại dịch gây ra.

Kết quả khảo sát chi tiết được thể hiện trong Biểu 4.2, cho thấy mức độ sử dụng xe máy như một phương tiện tạo lập sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức qua các giai đoạn khác nhau của đại dịch.

Biểu 4.2. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng xe máy làm phương tiện tạo dựng sinh kế trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) (%)



Số liệu cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 xảy ra, xe máy được sử dụng rất phổ biến như một phương tiện tạo lập sinh kế, với tỷ lệ lên tới 88,1% người lao động cho biết họ sử dụng phương tiện này trong hoạt động lao động. Khi đại dịch bùng phát và xã hội bước vào thời kỳ giãn cách nghiêm ngặt, tỷ lệ này giảm xuống còn 41,7%, phản ánh sự gián đoạn đáng kể của các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, ngay cả trong bối cảnh đó, xe máy vẫn giúp một bộ phận đáng kể người lao động duy trì việc làm và tạo ra nguồn thu nhập, dù không ổn định và thường xuyên như trước.

Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ người lao động sử dụng xe máy để tạo lập sinh kế tăng trở lại lên 81,7%. Mặc dù con số này vẫn thấp hơn so với

giai đoạn trước đại dịch, song nó cho thấy vai trò bền vững của xe máy trong chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Phương tiện này tiếp tục đóng vai trò là công cụ lao động quan trọng giúp người lao động tham gia vào các hoạt động kinh tế dịch vụ và vận chuyển trong bối cảnh thị trường lao động dần phục hồi. Nhận định này cũng được phản ánh qua ý kiến của một người lao động tham gia khảo sát: *“Mình đi giao hàng thì phải có xe máy chứ, lắp giá để đồ ở trên là mình đặt hàng vào rất nhanh mang đến cho khách. Thời kỳ dịch bùng phát có khó khăn hơn, vì giãn cách nghiêm ngặt, khách cũng ít hơn, nhưng vẫn túc tắc chuyển được hàng thiết yếu. Đến giờ qua dịch rồi mình vẫn theo nghề này, quen rồi.”* [PVS, nam, 34 tuổi, shipper]. Ý kiến trên cho thấy xe máy không chỉ là phương tiện di chuyển mà còn là công cụ lao động trực tiếp, giúp người lao động tiếp cận các cơ hội việc làm trong nền kinh tế dịch vụ và kinh tế nền tảng. Việc sử dụng xe máy kết hợp với các ứng dụng công nghệ đã mở ra những hình thức việc làm mới cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đồng thời giúp họ thích ứng với những biến động của thị trường lao động trong thời gian đại dịch.

Tuy nhiên, dữ liệu khảo sát cũng cho thấy một bộ phận người lao động đã phải bán phương tiện đi lại của mình do thu nhập bị gián đoạn hoặc do áp lực tài chính trong thời gian đại dịch, khiến tỷ lệ hộ gia đình không còn sở hữu xe máy tăng lên 18,3% trong giai đoạn bình thường mới. Điều này phản ánh sự suy giảm của vốn vật chất trong chiến lược sinh kế của một bộ phận người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Nhìn tổng thể từ góc độ khung sinh kế bền vững, xe máy có thể được xem là một dạng tài sản vật chất có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao khả năng chống chịu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Ngay cả khi đại dịch làm gián đoạn nhiều hoạt động kinh tế và làm suy giảm một phần tài sản của người lao động, phương tiện này vẫn giúp họ duy trì khả năng tiếp cận thị trường lao động và tạo ra nguồn thu nhập. Điều đó cho thấy việc sở hữu và vận dụng hiệu quả các nguồn vốn vật chất đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức thích ứng với các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

4.2.2.3. Về sử dụng xưởng sản xuất để tạo lập sinh kế

Trong khung sinh kế bền vững, xưởng sản xuất được xem là một dạng vốn vật chất quan trọng, bởi nó tạo ra không gian và điều kiện vật chất để người lao động tổ chức các hoạt động sản xuất, qua đó duy trì và phát triển sinh kế. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu loại tài sản này không nhiều. Trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, chỉ 5,0% người lao động trong mẫu khảo sát có xưởng sản xuất. Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ, song đối với nhóm lao động này, xưởng sản xuất đóng vai trò trực tiếp trong việc tạo lập thu nhập và duy trì hoạt động kinh tế của họ.

Phân tích dữ liệu cho thấy trước khi đại dịch xảy ra, 100% những người lao động có xưởng sản xuất đều sử dụng tài sản này để tiến hành các hoạt động sản xuất và tạo lập sinh kế. Điều này phản ánh vai trò quan trọng của xưởng sản xuất như một nguồn lực vật chất giúp người lao động khu vực kinh tế phi chính thức duy trì hoạt động kinh tế độc lập, đồng thời tạo ra việc làm và thu nhập cho bản thân cũng như cho một số lao động khác tham gia vào quá trình sản xuất.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, hoạt động của các xưởng sản xuất này gần như bị đình trệ hoàn toàn. Trong giai đoạn này, các chủ xưởng hầu như không thể tiếp tục tạo lập sinh kế từ tài sản của mình. Thậm chí, việc duy trì xưởng sản xuất còn trở thành một áp lực tài chính đáng kể do chi phí thuê mặt bằng, chi phí duy trì máy móc và các chi phí liên quan khác vẫn phải tiếp tục chi trả trong khi hoạt động sản xuất bị gián đoạn. Điều này cho thấy khi đối mặt với các cú sốc kinh tế xã hội lớn như đại dịch, một số dạng vốn vật chất có quy mô lớn như xưởng sản xuất có thể trở thành gánh nặng đối với người lao động nếu các hoạt động kinh tế bị đình trệ trong thời gian dài.

Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, quá trình phục hồi hoạt động sản xuất diễn ra nhưng không đồng đều giữa các chủ xưởng với 38,9% số chủ xưởng đã phải sang nhượng xưởng sản xuất cho người khác do không còn đủ nguồn lực tài chính để tiếp tục duy trì hoạt động. Trong khi đó, 61,1% số chủ xưởng còn lại đã khôi phục lại hoạt động sản xuất, song quy mô sản xuất vẫn chưa đạt được mức như trước khi đại dịch xảy ra. Nguyên nhân quan trọng nhất được những người lao động này

đưa ra là do nguồn vốn tài chính của họ đã bị suy giảm đáng kể trong thời gian đại dịch, khiến việc tái đầu tư và mở rộng sản xuất gặp nhiều khó khăn.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các loại vốn sinh kế. Mặc dù xưởng sản xuất là một dạng vốn vật chất quan trọng, song khả năng phát huy hiệu quả của nguồn lực này lại phụ thuộc đáng kể vào vốn tài chính và điều kiện thị trường. Khi nguồn vốn tài chính bị suy giảm và thị trường tiêu thụ bị gián đoạn trong thời gian đại dịch, nhiều chủ xưởng không còn đủ khả năng duy trì hoạt động sản xuất. Điều này dẫn đến việc một bộ phận người lao động buộc phải từ bỏ hoặc thu hẹp quy mô sản xuất, qua đó làm suy giảm khả năng tạo lập sinh kế của họ.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu xưởng sản xuất chiếm tỷ lệ không lớn, song đối với nhóm lao động này, xưởng sản xuất từng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập sinh kế trước khi đại dịch xảy ra. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn đáng kể việc sử dụng nguồn vốn vật chất này, khiến nhiều chủ xưởng không thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất trong thời gian dịch bệnh bùng phát và chỉ có thể phục hồi một phần ở giai đoạn bình thường mới. Điều này cho thấy tính dễ tổn thương của các hoạt động sản xuất quy mô nhỏ trong khu vực kinh tế phi chính thức khi phải đối mặt với những cú sốc kinh tế - xã hội lớn như đại dịch Covid-19.

4.2.2.4. Về sử dụng máy móc, công cụ để tạo lập sinh kế

Trong khung sinh kế bền vững, máy móc và công cụ sản xuất được xem là một dạng vốn vật chất quan trọng, bởi chúng trực tiếp hỗ trợ quá trình lao động và tạo ra giá trị kinh tế. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, các loại máy móc và công cụ sản xuất thường có quy mô nhỏ, gắn với các hoạt động sản xuất thủ công, gia công hoặc dịch vụ đơn giản. Tuy nhiên, ngay cả những tài sản vật chất có giá trị không lớn này vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người lao động duy trì sinh kế và tạo ra nguồn thu nhập ổn định.

Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, có 15,3% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong mẫu nghiên cứu có sở hữu máy móc hoặc công cụ phục vụ sản xuất. Trong giai đoạn này, 100% những người sở hữu

loại tài sản này đều sử dụng chúng trực tiếp cho hoạt động lao động nhằm tạo lập sinh kế. Điều này cho thấy đối với nhóm lao động này, máy móc và công cụ sản xuất không chỉ là tài sản vật chất mà còn là nguồn lực cốt lõi giúp họ duy trì hoạt động kinh tế và tạo ra thu nhập trong điều kiện thị trường lao động phi chính thức.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các hoạt động kinh tế bị gián đoạn bởi các biện pháp giãn cách xã hội, khả năng sử dụng loại vốn vật chất này để tạo lập sinh kế đã suy giảm đáng kể. Trong giai đoạn cao điểm của đại dịch, chỉ còn 29,1% người sở hữu máy móc và công cụ sản xuất tiếp tục có thể sử dụng chúng để tạo ra thu nhập. Điều này phản ánh tác động tiêu cực của đại dịch đối với các hoạt động sản xuất quy mô nhỏ trong khu vực kinh tế phi chính thức, khi nhu cầu thị trường suy giảm và các chuỗi cung ứng bị gián đoạn.

Bước sang giai đoạn bình thường mới, khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục, tỷ lệ người lao động có thể tiếp tục sử dụng máy móc và công cụ sản xuất để tạo lập sinh kế đã tăng lên 58,2%. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước khi đại dịch xảy ra. Như vậy, ngay cả khi đại dịch đã qua đi, khả năng phục hồi sinh kế dựa trên nguồn vốn vật chất này của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn còn hạn chế.

Những biến động này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó hai nguyên nhân quan trọng nhất được người lao động nêu ra là do sự suy giảm nguồn vốn tài chính trong thời gian đại dịch và sự chuyển đổi nghề nghiệp sau khi đại dịch xảy ra. Nhiều người lao động cho biết trong thời gian Covid-19 bùng phát, thu nhập của họ gần như bị gián đoạn hoàn toàn, khiến họ buộc phải bán máy móc hoặc công cụ sản xuất để trang trải chi phí sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó, một số người lao động đã chuyển sang những công việc khác không còn sử dụng đến các loại công cụ sản xuất trước đây, dẫn đến việc họ phải thanh lý các tài sản này.

Đặt trong khung phân tích của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm khả năng sử dụng máy móc và công cụ sản xuất cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa vốn vật chất và vốn tài chính trong chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Khi nguồn vốn tài chính bị suy giảm do tác động của đại dịch, người lao động buộc phải chuyển đổi hoặc thu hẹp việc sử dụng các tài sản vật chất phục vụ

sản xuất. Điều này dẫn đến sự suy giảm khả năng tạo lập sinh kế dựa trên các hoạt động sản xuất truyền thống.

Từ góc nhìn của lý thuyết thích ứng xã hội, những biến động này cũng phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động trước các cú sốc kinh tế - xã hội. Khi các hoạt động sản xuất truyền thống không còn mang lại thu nhập ổn định, một bộ phận người lao động đã buộc phải thay đổi phương thức lao động hoặc chuyển sang những ngành nghề khác phù hợp hơn với bối cảnh mới. Quá trình thích ứng này giúp họ duy trì khả năng tồn tại trong thị trường lao động phi chính thức, nhưng đồng thời cũng làm thay đổi cấu trúc nguồn lực sinh kế của họ.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù máy móc và công cụ sản xuất từng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập sinh kế của một bộ phận người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước đại dịch Covid-19, song tác động của đại dịch đã làm suy giảm đáng kể khả năng sử dụng nguồn vốn vật chất này. Ngay cả khi xã hội bước vào giai đoạn bình thường mới, số người có thể tiếp tục tạo lập sinh kế dựa trên máy móc và công cụ sản xuất vẫn chưa phục hồi hoàn toàn so với giai đoạn trước đại dịch, phản ánh những khó khăn kéo dài trong quá trình phục hồi sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

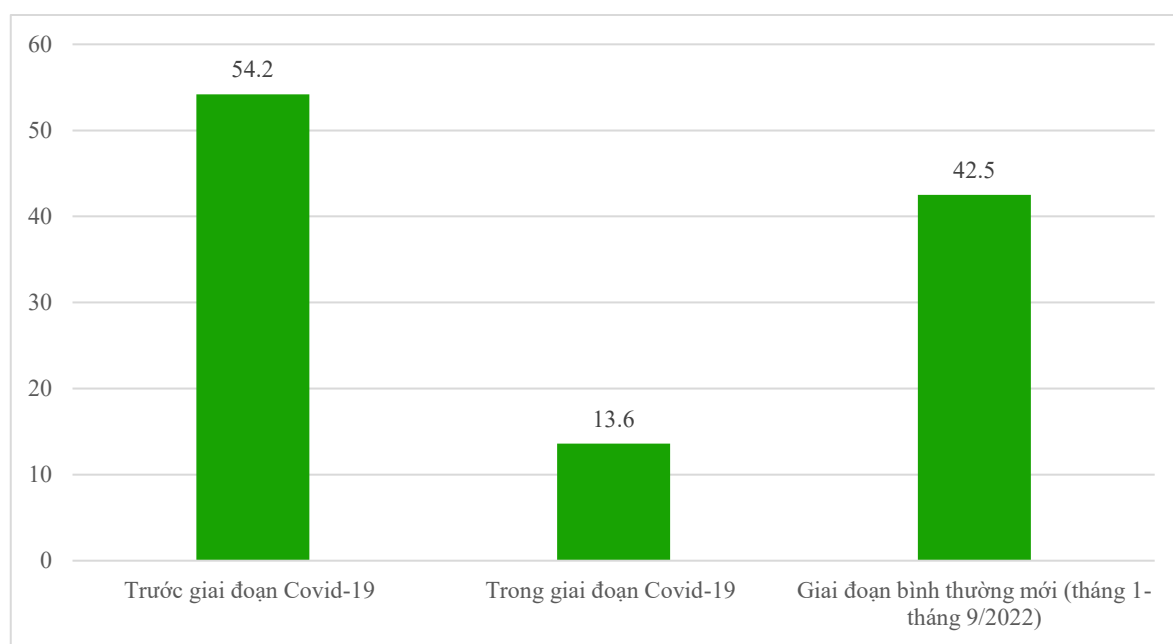
4.2.3. Vận dụng vốn tài chính để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Trong khung sinh kế bền vững, vốn tài chính được xem là nguồn lực quan trọng giúp các cá nhân và hộ gia đình đầu tư cho hoạt động kinh tế, duy trì sinh kế và ứng phó với những cú sốc từ môi trường xã hội. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, vốn tài chính thường được sử dụng để đầu tư cho các hoạt động buôn bán nhỏ lẻ, kinh doanh dịch vụ hoặc sản xuất quy mô nhỏ nhằm tạo ra thu nhập hàng ngày.

Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, có 54,2% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có đầu tư vốn tài chính để tạo dựng sinh kế. Tuy nhiên, khi đại dịch xảy ra và các hoạt động kinh tế bị gián đoạn bởi các biện pháp giãn cách xã hội, khả năng sử dụng vốn tài chính của người lao động để duy trì sinh kế đã suy giảm đáng kể. Trong giai đoạn cao điểm của đại dịch, tỷ lệ này

giảm xuống chỉ còn 13,6%. Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ người lao động tiếp tục sử dụng vốn tài chính để duy trì sinh kế tăng trở lại 42,5%, song vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước đại dịch.

Biểu 4.3. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng vốn tài chính để tạo dựng sinh kế (%)



Dữ liệu cho thấy đại dịch Covid-19 đã làm suy giảm mạnh khả năng đầu tư tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Nhiều người lao động cho biết mặc dù họ vẫn tiếp tục sử dụng vốn để duy trì sinh kế giai đoạn bình thường mới, nhưng quy mô đầu tư nhỏ hơn nhiều so với trước đây do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn và nguồn lực tài chính bị suy giảm.

Bên cạnh việc sử dụng vốn tự có, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức còn tìm kiếm các nguồn vốn vay để duy trì sinh kế. Trước đại dịch, 34,4% người lao động cho biết họ từng vay tiền để đầu tư cho hoạt động sinh kế, chủ yếu từ người thân và bạn bè. Ở giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này giảm xuống còn 14,7%, phản ánh sự khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn cũng như tâm lý thận trọng khi vay tiền trong bối cảnh kinh tế nhiều rủi ro.

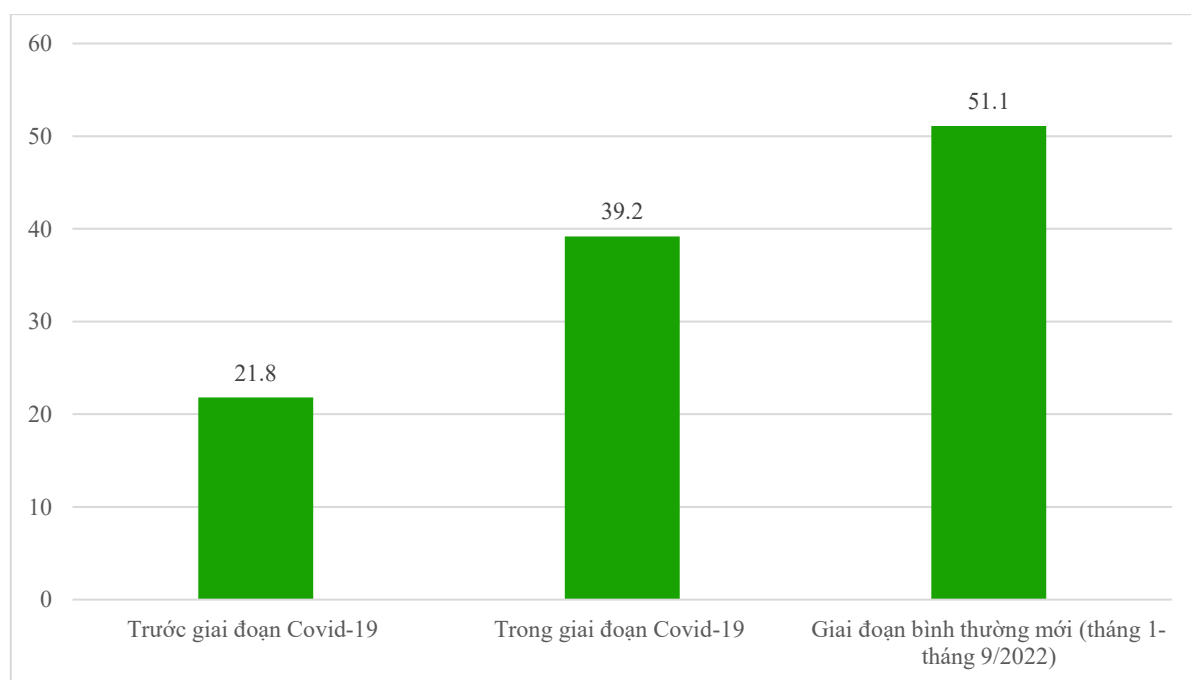
Ngoài ra, một bộ phận người lao động đã tận dụng tiền tiết kiệm cá nhân hoặc các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chẳng hạn như gói hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP, nhằm duy trì cuộc sống và xoay vòng vốn kinh doanh nhỏ. Từ góc nhìn của lý

thuyết thích ứng, những chiến lược này cho thấy người lao động đã chủ động điều chỉnh cách thức sử dụng nguồn lực tài chính để thích ứng với cú sốc kinh tế do đại dịch gây ra.

4.2.4. Vận dụng vốn con người để tạo dựng sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Theo khung sinh kế bền vững, vốn con người bao gồm sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của người lao động. Đây là nguồn lực nền tảng giúp cá nhân tham gia vào các hoạt động kinh tế và tạo ra thu nhập. Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 xảy ra, toàn bộ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong mẫu nghiên cứu đều có việc làm. Tuy nhiên, khi đại dịch bùng phát, nhiều hoạt động kinh tế bị gián đoạn khiến người lao động phải tìm kiếm những cách thức sinh kế mới. Trong quá trình này, việc vận dụng kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng lao động đã trở nên quan trọng hơn so với trước đây.

Biểu 4.4. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động để tạo dựng sinh kế (%)



Số liệu cho thấy trước đại dịch, chỉ 21,8% người lao động sử dụng kiến thức và kỹ năng lao động trong chiến lược sinh kế. Tuy nhiên, khi đại dịch xảy ra, tỷ lệ này tăng lên 39,2% và tiếp tục tăng lên 51,1% trong giai đoạn bình thường mới. Điều

này cho thấy trong bối cảnh thị trường lao động thay đổi mạnh mẽ, người lao động đã chú trọng hơn đến việc học hỏi và vận dụng các kỹ năng mới để duy trì sinh kế. Những thay đổi này được phản ánh rõ trong chia sẻ của một người lao động: *“Thời gian đầu cũng ‘ú ớ’ lắm, không biết dùng đâu, làm toàn sai, sau quen dần đi, tôi đã sử dụng được điện thoại để giao dịch, giới thiệu sản phẩm, tạo mã QR,... Nói chung tiền thì chưa kiếm được nhiều hơn nhưng tôi thấy hào hứng hơn, phấn khởi hơn.”* [PVS, nữ, 41 tuổi, bán hàng online]. Một trường hợp khác cho biết: *“Tôi cũng chủ động tra cứu trên mạng cách làm... giờ thì trên mạng có, mình cứ xem clip của họ hướng dẫn rồi làm theo. Tôi cảm thấy tin tưởng hơn.”* [PVS, nữ, 47 tuổi, thủ công mỹ nghệ].

Những chia sẻ này cho thấy đại dịch Covid-19 không chỉ tạo ra những khó khăn về sinh kế mà còn thúc đẩy người lao động học hỏi và nâng cao năng lực cá nhân. Từ góc nhìn của lý thuyết thích ứng xã hội, quá trình này phản ánh sự điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động nhằm thích nghi với bối cảnh kinh tế-xã hội đang thay đổi.

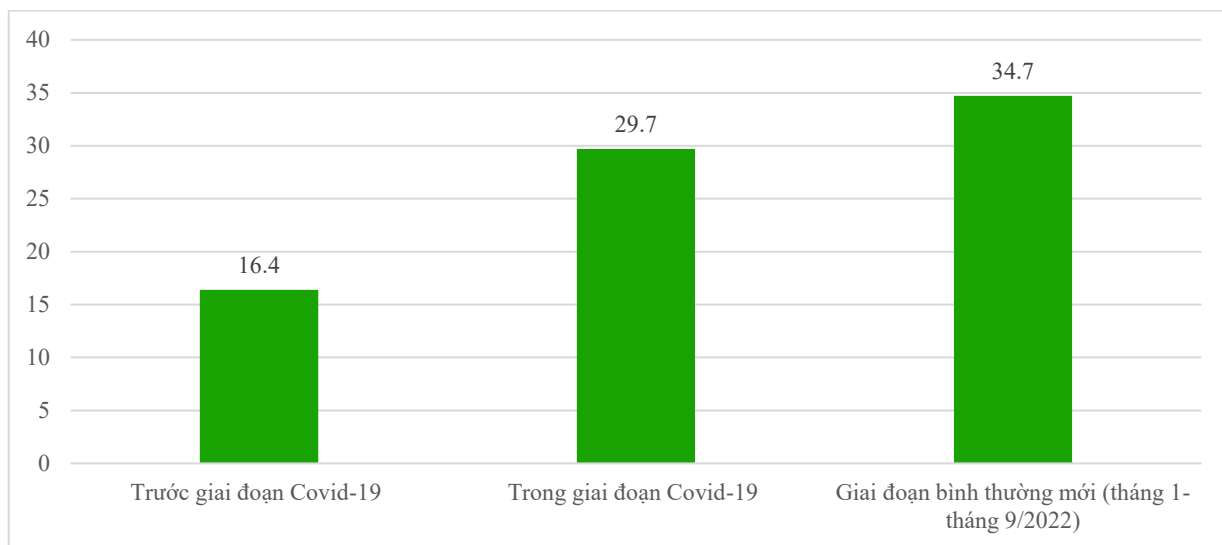
4.2.5. Vận dụng vốn xã hội để tạo dựng sinh kế và chấp nhận gián đoạn sinh kế thích ứng với đại dịch Covid-19 của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức

Trong khung sinh kế bền vững, vốn xã hội bao gồm các mạng lưới quan hệ gia đình, bạn bè và cộng đồng mà cá nhân có thể huy động để tiếp cận các nguồn lực sinh kế. Đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, vốn xã hội thường đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm việc làm, vay mượn tài chính và chia sẻ thông tin về cơ hội lao động. Bên cạnh đó, vốn xã hội còn góp phần trợ giúp để người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chấp nhận gián đoạn sinh kế do những khó khăn trong giai đoạn Covid-19. Những phân tích dưới đây sẽ tập trung vào hai khía cạnh này.

4.2.5.1. Vận dụng vốn xã hội để tạo dựng sinh kế trong đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát cho thấy trước đại dịch, chỉ 16,4% người lao động cho biết họ tìm được sinh kế thông qua các mối quan hệ gia đình. Tuy nhiên, khi đại dịch bùng phát, tỷ lệ này tăng lên 29,7% và tiếp tục tăng lên 34,7% trong giai đoạn bình thường mới.

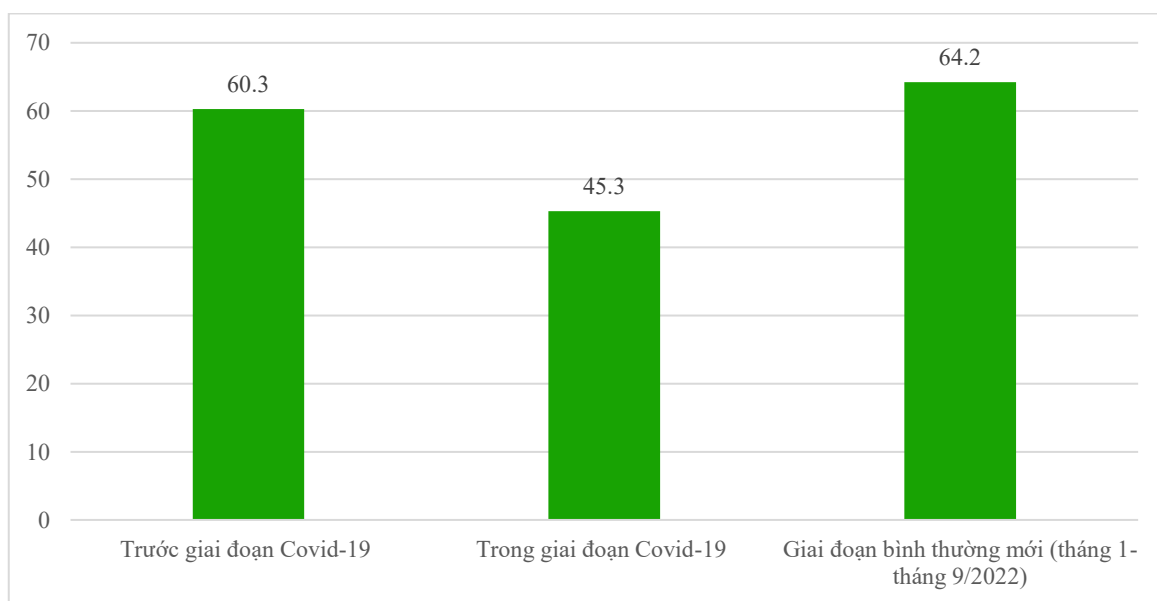
Biểu 4.5. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng quan hệ gia đình để tạo dựng sinh kế (%)



Các dữ liệu này cho thấy khi đối mặt với cú sốc kinh tế do đại dịch, người lao động đã gia tăng việc huy động các mối quan hệ gia đình để tìm kiếm cơ hội việc làm. Một người lao động chia sẻ: *“Tôi có anh chị họ bán hàng tạp hóa... may anh chị tạo điều kiện nên tôi có việc làm giai đoạn dịch.”* [PVS, nam, 34 tuổi, shipper].

Bên cạnh quan hệ gia đình, các mạng lưới xã hội rộng hơn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối cơ hội việc làm.

Biểu 4.6. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có sử dụng quan hệ xã hội để tạo dựng sinh kế (%)



Trước đại dịch, có 60,3% người lao động tìm được việc làm thông qua các mối quan hệ xã hội như hội đồng hương hoặc nhóm bạn bè. Trong thời gian đại dịch, tỷ lệ này giảm xuống 45,3% do sự gián đoạn của các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này tăng lên 64,2%, cho thấy sự phục hồi của các mạng lưới xã hội trong việc kết nối cơ hội việc làm.

Một người lao động chia sẻ: *“Tôi đang cần việc làm thì có anh bạn mách làm shipper... tôi đến gặp họ thế là có việc luôn.”* [PVS, nam, 34 tuổi, shipper].

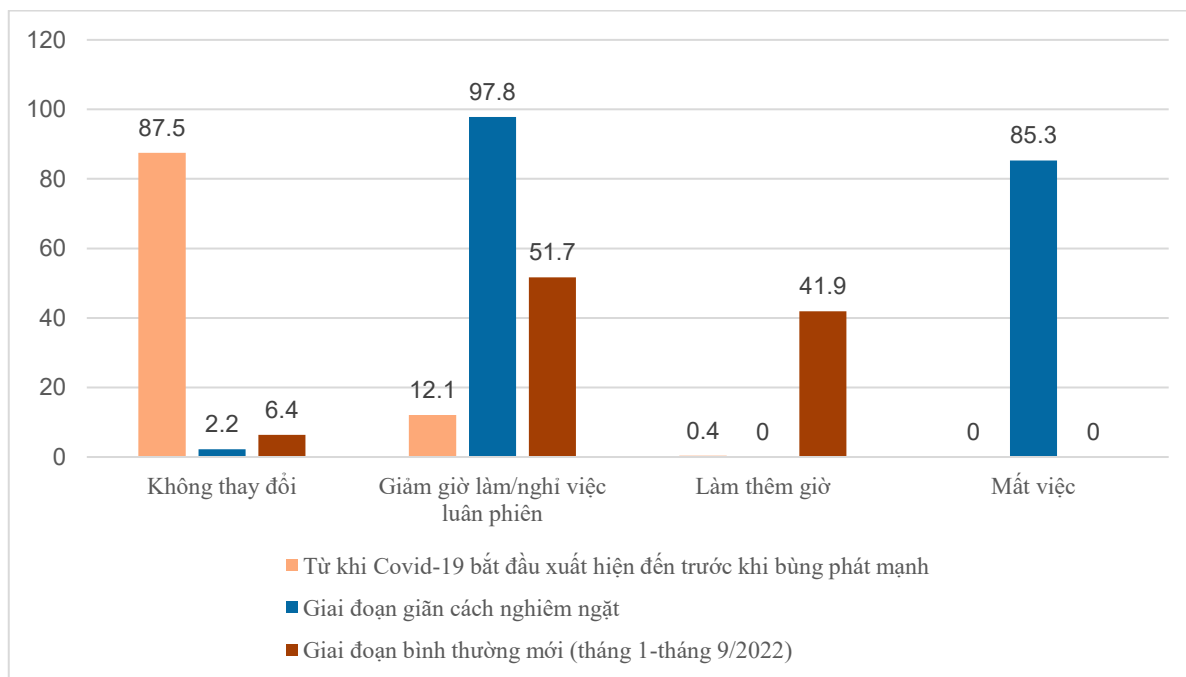
Đáng chú ý, trong thời gian đại dịch, các mạng lưới xã hội không chỉ tồn tại dưới dạng quan hệ trực tiếp mà còn được mở rộng sang các không gian trực tuyến. Các nhóm Facebook hoặc Zalo của xóm trọ, hội đồng hương hay nhóm nghề nghiệp đã trở thành kênh chia sẻ thông tin việc làm hiệu quả. Một ý kiến cho biết: *“Cứ có việc gì là mọi người trong xóm nhắn tin vào Zalo rồi giới thiệu cho những người chưa có việc làm... Nhiều người tìm được việc nhờ cách đó.”* [PVS, nữ, 37 tuổi, bán hàng rong].

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững và lý thuyết thích ứng, những kết quả này cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã vận dụng linh hoạt nhiều loại vốn sinh kế khác nhau để ứng phó với cú sốc kinh tế do đại dịch Covid-19 gây ra. Trong đó, các nguồn lực được huy động nhiều nhất bao gồm vốn vật chất (đặc biệt là xe máy), vốn xã hội thông qua các mạng lưới gia đình và cộng đồng, và vốn con người. Sự kết hợp linh hoạt giữa các nguồn lực này đã góp phần giúp một bộ phận người lao động khu vực kinh tế phi chính thức duy trì sinh kế và từng bước ổn định cuộc sống trong bối cảnh đại dịch.

4.2.5.2. Vận dụng vốn xã hội để chấp nhận gián đoạn sinh kế nhằm thích ứng với đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát thực nghiệm đối với 360 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội cho thấy đại dịch Covid-19 không chỉ làm thay đổi cơ cấu nghề nghiệp mà còn tác động mạnh đến thời gian làm việc và tính liên tục của sinh kế. Trong bối cảnh nhiều hoạt động kinh tế - xã hội bị đình trệ, một bộ phận lớn người lao động phi chính thức buộc phải giảm giờ làm, nghỉ việc luân phiên hoặc thậm chí mất việc hoàn toàn.

Biểu 4.7. Số giờ làm việc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức so với trước khi bùng phát đại dịch Covid-19 (%)



Dữ liệu từ Biểu 4.7 cho thấy trước khi đại dịch bùng phát mạnh, phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chưa chịu tác động đáng kể về thời gian làm việc, với 87,5% cho biết giờ làm không thay đổi. Chỉ 12,1% người lao động phải giảm giờ làm hoặc nghỉ việc luân phiên và một tỷ lệ rất nhỏ (0,4%) cho biết họ làm thêm giờ.

Tuy nhiên, khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm ngặt, tình hình lao động đã thay đổi mạnh. Chỉ còn 2,2% người lao động duy trì được số giờ làm như trước, trong khi 97,8% rơi vào tình trạng giảm giờ làm hoặc nghỉ việc luân phiên. Điều này phản ánh mức độ tổn thương rất cao của sinh kế phi chính thức trước những cú sốc kinh tế - xã hội.

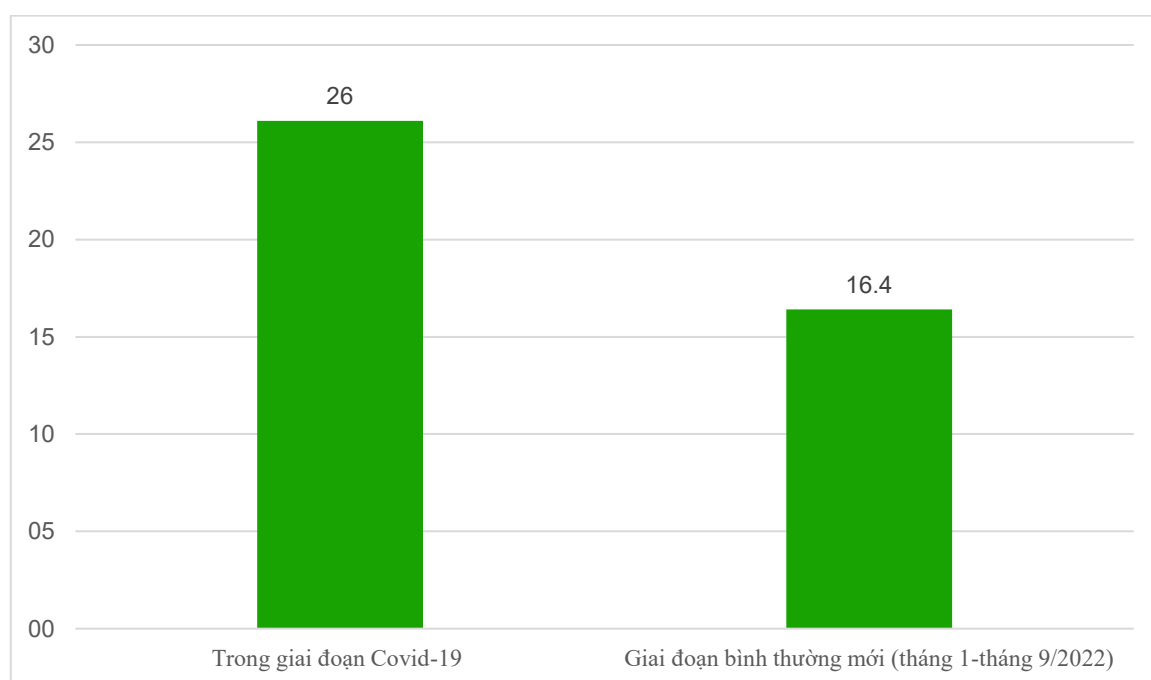
Khi xã hội bước vào giai đoạn bình thường mới (từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2022), thị trường lao động bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. Tỷ lệ người lao động làm thêm giờ tăng lên 41,9%, trong khi 51,7% vẫn tiếp tục phải giảm giờ làm hoặc nghỉ việc luân phiên. Điều này cho thấy quá trình phục hồi sinh kế diễn ra không đồng đều, và một bộ phận khá lớn lao động phi chính thức vẫn chưa thể quay trở lại trạng thái sinh kế ổn định như trước đại dịch.

Xu hướng này tiếp tục được khẳng định khi xem xét đánh giá của người lao động về tình trạng mất việc hoặc giảm giờ làm. Trong giai đoạn đại dịch bùng phát, 61,1% người lao động cho biết họ rơi vào tình trạng mất việc hoặc giảm giờ làm, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ 38,9% cho biết không gặp phải tình trạng này. Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, mặc dù tỷ lệ này đã giảm xuống, song vẫn còn 49,4% người lao động cho biết họ tiếp tục gặp khó khăn trong việc duy trì việc làm ổn định.

Sự gián đoạn sinh kế này cũng được phản ánh rõ rệt qua dữ liệu về thu nhập. Có 72,2% người lao động phi chính thức cho biết thu nhập của họ trong thời gian đại dịch giảm so với trước đó. Ngay cả khi đại dịch đã qua đi, tỷ lệ người lao động cho biết thu nhập của họ vẫn thấp hơn so với trước đại dịch vẫn ở mức 63,1%. Những con số này cho thấy tác động của đại dịch đối với sinh kế phi chính thức không chỉ mang tính ngắn hạn mà còn kéo dài sang giai đoạn hậu khủng hoảng.

Trong bối cảnh đó, một bộ phận người lao động khu vực kinh tế phi chính thức buộc phải chấp nhận sự gián đoạn sinh kế, đồng thời dựa vào các mạng lưới quan hệ xã hội để vượt qua giai đoạn khó khăn.

Biểu 4.8. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có dựa vào vốn xã hội để chấp nhận gián đoạn sinh kế trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) (%)



Kết quả khảo sát cho thấy trước đại dịch Covid-19, toàn bộ người lao động trong mẫu khảo sát đều có việc làm và thu nhập. Tuy nhiên, khi đại dịch bùng phát, 97,8% người lao động phải giảm giờ làm hoặc nghỉ việc luân phiên, thậm chí có những trường hợp mất hoàn toàn sinh kế. Trong khi đó, khả năng tự bảo vệ trước rủi ro của người lao động phi chính thức thông qua tiết kiệm cá nhân rất hạn chế. Trước đại dịch, chỉ 26,9% người lao động có tiền tích lũy. Khi đại dịch xảy ra, tỷ lệ này giảm mạnh xuống 8,9%, và đến giai đoạn bình thường mới cũng chỉ đạt 11,1%. Điều này cho thấy phần lớn người lao động phi chính thức không có nguồn dự phòng tài chính để duy trì cuộc sống khi sinh kế bị gián đoạn.

Do đó, việc dựa vào vốn xã hội trở thành một chiến lược thích ứng quan trọng. Biểu 4.8 phản ánh trong thời gian đại dịch, 26,1% người lao động phải dựa vào các mối quan hệ xã hội để vượt qua giai đoạn đại dịch Covid-19, và tỷ lệ này vẫn còn 16,4% ở giai đoạn bình thường mới.

Các nguồn hỗ trợ này thể hiện rõ khi xem xét cơ cấu thu nhập của người lao động. Nếu trước đại dịch chỉ có 0,6% người lao động nhận hỗ trợ từ người thân hoặc bạn bè và 3,2% nhận hỗ trợ từ nhà nước hoặc trợ cấp xã hội, thì trong thời gian đại dịch các tỷ lệ này tăng lên lần lượt 4,7% và 9,8%. Ở giai đoạn bình thường mới, mặc dù các tỷ lệ này giảm xuống còn 4,1% và 3,8%, song vẫn phản ánh vai trò đáng kể của các nguồn hỗ trợ xã hội đối với sinh kế của người lao động phi chính thức.

Trong các mạng lưới xã hội, gia đình và dòng họ được xem là nguồn lực quan trọng nhất giúp người lao động phi chính thức duy trì cuộc sống khi sinh kế bị gián đoạn. Có 41,4% người lao động cho biết họ đã vay tiền từ người thân, bạn bè hoặc đồng nghiệp để vượt qua khó khăn trong thời gian đại dịch, trong khi 11,4% cho biết họ phải xin giãn hạn các khoản vay.

Một người lao động chia sẻ: *“Khi đại dịch bùng phát bí quá tôi phải đi vay, nhưng vay cũng rất khó vì mọi người cũng khó khăn như mình...”* [PVS nữ, 48 tuổi, bán rau ở chợ]. Một trường hợp khác cho biết: *“Tôi còn may mắn chán vì vẫn có người thân cho vay tiền trong thời gian dịch bệnh... may mà vay mượn được nên cũng cầm cự được qua thời gian ấy.”* [PVS nữ, 37 tuổi, bán hàng rong].

Ngoài gia đình, các mạng lưới đồng hương và những người cùng cảnh ngộ cũng đóng vai trò quan trọng. Nhiều lao động di cư sống trong các khu nhà trọ, đồng hương đã chia sẻ thực phẩm, hỗ trợ tiền phòng hoặc truyền thông tin cho nhau về các điểm phát nhu yếu phẩm, “ATM gạo” hoặc các chương trình cứu trợ.

Bên cạnh đó, mối quan hệ với chủ nhà trọ cũng góp phần giúp người lao động chấp nhận sự gián đoạn sinh kế. Trong nhiều trường hợp, chủ nhà trọ đã miễn, giảm hoặc cho nợ tiền thuê phòng và tiền điện nước, giúp người lao động duy trì chỗ ở ngay cả khi không có thu nhập.

Ngoài ra, mối quan hệ với cộng đồng và các tổ chức xã hội cũng đóng vai trò quan trọng. Trước đại dịch, 50,8% người lao động phi chính thức có tham gia các tổ chức xã hội. Sự kết nối này giúp họ tiếp cận các hỗ trợ từ chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, chẳng hạn như nhu yếu phẩm hoặc chương trình tiêm vaccine.

Những hỗ trợ từ mạng lưới xã hội không chỉ mang ý nghĩa vật chất mà còn có giá trị tinh thần rất lớn đối với người lao động phi chính thức. Một người lao động chia sẻ: *“May có sự hỗ trợ của người thân, bạn bè và các tổ chức thiện nguyện... nếu không thì tôi không biết làm thế nào để vượt qua giai đoạn khó khăn ấy.”* [PVS, nữ, 39 tuổi, bán hàng rong]. Một trường hợp khác cho biết: *“Chủ nhà trọ của tôi đã giảm và giãn tiền thuê nhà cho chúng tôi... chúng tôi cảm thấy đỡ cô độc hơn.”* [PVS, nữ, 48 tuổi, bán rau ở chợ].

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy khi các nguồn vốn khác như vốn tài chính hoặc vốn vật chất bị suy giảm mạnh trong khủng hoảng, vốn xã hội trở thành nguồn lực quan trọng giúp duy trì khả năng chống chịu của sinh kế. Đồng thời, theo lý thuyết mạng lưới xã hội, các quan hệ gia đình, cộng đồng và các tổ chức xã hội đã tạo ra những cơ chế hỗ trợ phi chính thức giúp người lao động vượt qua cú sốc kinh tế - xã hội do đại dịch gây ra.

Bên cạnh đó, từ góc độ lý thuyết thích ứng, việc người lao động chấp nhận tạm thời gián đoạn sinh kế và dựa vào mạng lưới xã hội để duy trì cuộc sống có thể được xem như một chiến lược thích ứng linh hoạt. Trong bối cảnh khủng hoảng, họ không chỉ dựa vào các mối quan hệ truyền thống như gia đình và bạn bè, mà còn mở rộng mạng lưới hỗ trợ sang các tổ chức cộng đồng, chủ nhà trọ, các nhóm thiện nguyện và thậm chí các nhóm hỗ trợ trực tuyến.

Nhìn chung, dữ liệu khảo sát cho thấy trong thời gian đại dịch Covid-19, một bộ phận đáng kể người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã phải chấp nhận sự gián đoạn sinh kế. Tuy nhiên, nhờ vào sự hỗ trợ từ các mạng lưới xã hội, bao gồm gia đình, bạn bè, cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội, họ vẫn có thể duy trì những nhu cầu sinh hoạt cơ bản và vượt qua giai đoạn khó khăn. Điều này phản ánh sự linh hoạt trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức khi đối mặt với đại dịch Covid-19.

4.3. Thực trạng việc phát huy các loại vốn của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức để chuyển đổi việc làm nhằm thích ứng với đại dịch Covid-19

Trong nghiên cứu này, việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được phân chia thành năm nhóm chính dựa trên cách phân loại của Tổng cục Thống kê, bao gồm: bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, xe máy và các phương tiện cơ giới khác; vận tải và kho bãi (như lái xe ô tô, taxi, trông coi kho bãi); dịch vụ lưu trú và ăn uống; làm thuê trong các hộ gia đình; và các loại công việc dịch vụ khác. Kết quả khảo sát đối với 360 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy cơ cấu việc làm của nhóm lao động này đã có những thay đổi đáng kể trong và sau thời kỳ đại dịch Covid-19.

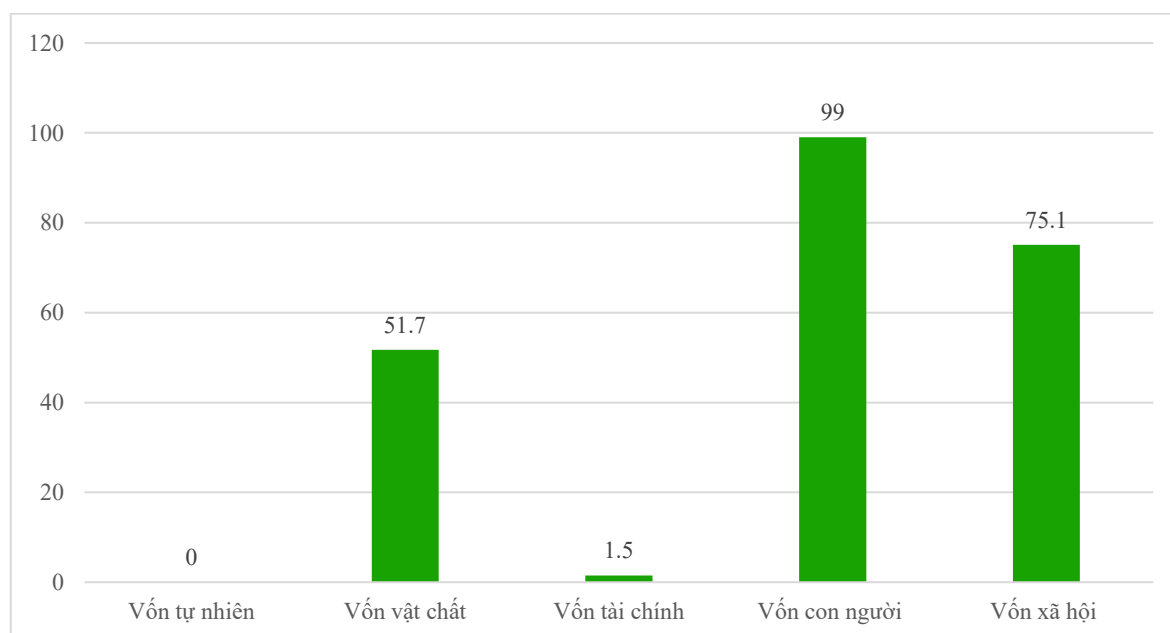
Trước khi đại dịch bùng phát, toàn bộ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong mẫu nghiên cứu đều có việc làm. Trong đó, hai lĩnh vực thu hút nhiều lao động nhất là vận tải và kho bãi, chiếm 51,9%, và làm thuê trong các hộ gia đình, chiếm 34,9%. Các nhóm công việc khác như bán buôn, bán lẻ, sửa chữa phương tiện giao thông, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ở giai đoạn này, thu nhập bình quân của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đạt 8,3 triệu đồng/người/tháng, phản ánh mức thu nhập tương đối ổn định trước khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, nhiều hoạt động kinh tế bị đình trệ, khiến phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt với tình trạng giảm giờ làm hoặc nghỉ việc luân phiên. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người lao động rơi vào tình trạng này lên tới 97,8%. Trong bối cảnh đó, có 55,8% người lao động buộc phải chuyển đổi việc làm nhằm duy trì sinh kế.

Việc chuyển đổi nghề nghiệp diễn ra trong bối cảnh các hộ gia đình phải thắt chặt chi tiêu, nhiều dịch vụ bị tạm dừng hoạt động và sự tiếp xúc trực tiếp bị hạn chế do nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh. Những điều kiện này khiến các công việc phi chính thức truyền thống như bán hàng rong, giúp việc theo giờ hoặc các dịch vụ cá nhân gặp nhiều khó khăn. Để tránh rơi vào tình trạng mất việc hoặc mất thu nhập hoàn toàn, người lao động buộc phải tìm kiếm những hình thức việc làm mới. Quá trình này đòi hỏi họ phải huy động và kết hợp nhiều nguồn lực sinh kế khác nhau.

Kết quả khảo sát đối với những người lao động phải chuyển đổi việc làm cho thấy họ đã vận dụng khá linh hoạt các loại vốn sinh kế khác nhau để thích ứng với bối cảnh đại dịch. Thông tin chi tiết được thể hiện trong Biểu 4.9 dưới đây.

Biểu 4.9. Các loại tài sản (vốn) sinh kế được người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sử dụng để chuyển đổi việc làm trong đại dịch Covid-19 (%)



Kết quả từ Biểu 4.9 cho thấy vốn con người là nguồn lực được huy động nhiều nhất trong quá trình chuyển đổi việc làm, với 99,0% người lao động cho biết họ dựa vào sức khỏe thể chất, kinh nghiệm và kỹ năng cá nhân để tìm kiếm công việc mới. Đứng thứ hai là vốn xã hội, với 75,1% người lao động cho biết họ sử dụng các mối quan hệ gia đình, bạn bè hoặc cộng đồng để tiếp cận thông tin việc làm hoặc nhận được sự hỗ trợ trong quá trình tìm kiếm công việc. Bên cạnh đó, 51,7% người lao

động cho biết họ sử dụng vốn vật chất, trong đó phổ biến nhất là phương tiện xe máy, để chuyển đổi sang các công việc mới như giao hàng hoặc vận chuyển hàng hóa. Ngược lại, vốn tài chính chỉ được một tỷ lệ rất nhỏ người lao động sử dụng, với 1,5%, trong khi vốn tự nhiên không được huy động trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp. Điều này một phần do số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức sở hữu loại vốn này rất ít, đồng thời quy mô đất đai của họ cũng không đủ lớn để tạo ra những cơ hội sinh kế thay thế.

Những kết quả này cho thấy trong bối cảnh khủng hoảng, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có xu hướng dựa nhiều hơn vào những nguồn lực sẵn có và dễ huy động, đặc biệt là vốn con người và vốn xã hội. Dữ liệu phản ánh đặc điểm phổ biến của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức, nơi các nguồn lực vật chất và tài chính thường hạn chế, trong khi các mối quan hệ xã hội và năng lực cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì việc làm.

Thực tế khảo sát cũng cho thấy nhiều trường hợp người lao động buộc phải chấp nhận những công việc mới nằm ngoài mong muốn ban đầu của họ. Một người lao động từng làm việc tại cửa hàng bán lẻ phụ tùng xe máy cho biết: *“Thôi thì mình còn có sức khỏe nên trước chạy xe sống qua ngày đã. Tôi cũng tính đi xin việc khác nhưng chưa xin được vì ở đâu giờ cũng khó khăn lắm.”* [PVS, nam, 35 tuổi, xe ôm]. Một trường hợp khác chia sẻ: *“Thời kỳ Covid-19, em phải quay về quê, không có việc làm, do không còn ai thuê quét dọn nữa. Giờ hết dịch em lên Hà Nội nhưng vẫn rất ít việc, chủ yếu em đi lấy hoa quả rồi đi bán dạo.”* [PVS, nữ, 47 tuổi, giúp việc theo giờ].

Bên cạnh đó, một số người lao động nhờ các mối quan hệ quen biết đã tìm được công việc tạm thời trong thời gian dịch bệnh: *“Em quen mấy chị có làm thêm vàng mã vào buổi tối, các chị bảo giờ giãn cách thì nhận hàng về làm kiếm đồng ra đồng vào.”* [PVS, nữ, 39 tuổi, bán hàng rong]. Một trường hợp khác cho biết: *“Em bị thất nghiệp, may có anh chị họ bảo đi giao hàng... những hàng này là thiết yếu nên không bị cấm trong thời gian dịch bệnh nên em vẫn có thu nhập.”* [PVS, nam, 34 tuổi, shipper].

Tuy nhiên, không phải tất cả người lao động đều có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp một cách thuận lợi. Những lao động di cư lớn tuổi, có trình độ học vấn thấp

hoặc ít mối quan hệ xã hội thường gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm kiếm việc làm mới. Một người lao động chia sẻ: *“Chị cũng cố gắng tìm việc nào đó phù hợp để kiếm thêm, nhưng khó quá... học vẫn thấp, chẳng biết làm gì.”* [PVS, nữ, 50 tuổi, bán hàng rong]. Một trường hợp khác cũng cho biết: *“Cố gắng tìm việc gì đó để kiếm sống trong mùa dịch nhưng không được, cứ loay hoay trong phòng trọ.”* [PVS, nam, 30 tuổi, phụ xe khách].

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 gắn liền với việc huy động và tái cấu trúc các nguồn vốn sinh kế. Trong đó, vốn con người và vốn xã hội đóng vai trò trung tâm, còn vốn vật chất - đặc biệt là phương tiện xe máy - đóng vai trò hỗ trợ quan trọng cho các chiến lược sinh kế mới. Đồng thời, theo lý thuyết thích ứng xã hội, việc thay đổi nghề nghiệp hoặc chấp nhận những công việc tạm thời với thu nhập thấp hơn có thể được xem như một phản ứng thích ứng của người lao động trước cú sốc kinh tế - xã hội do đại dịch gây ra. Thông qua quá trình này, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã thể hiện khả năng linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược sinh kế nhằm duy trì thu nhập và ổn định cuộc sống trong bối cảnh nhiều biến động.

4.4. Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở vận dụng khung sinh kế bền vững và lý thuyết thích ứng, chương 4 đã làm rõ cách người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội huy động, tái cấu trúc và kết hợp các nguồn vốn sinh kế để ứng phó với những cú sốc do đại dịch Covid-19 gây ra. Nếu chương 3 tập trung nhận diện thực trạng biến động của các nguồn vốn sinh kế, thì chương 4 cho thấy rõ hơn phương thức người lao động sử dụng chính những nguồn lực đó để duy trì sinh kế, chuyển đổi việc làm và chấp nhận những giai đoạn gián đoạn sinh kế trong điều kiện thị trường lao động bị xáo trộn mạnh. Nhìn tổng thể, đại dịch Covid-19 không chỉ làm suy giảm nhiều loại vốn sinh kế, mà còn buộc người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải điều chỉnh chiến lược sinh kế theo hướng linh hoạt hơn, thực dụng hơn và dựa nhiều hơn vào các nguồn lực sẵn có của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có những cách thức vận dụng khác nhau đối với từng loại vốn sinh kế. Đối với vốn tự nhiên, tuy số người sở hữu loại vốn này không nhiều và quy mô sử dụng còn hạn chế, song đối với những người có đất đai, đây vẫn là một nguồn lực giúp bổ trợ hoặc duy trì sinh kế trong bối cảnh thu nhập từ các công việc phi chính thức tại đô thị bị gián đoạn. Đối với vốn vật chất, nhà ở, xe máy, xưởng sản xuất, máy móc và công cụ lao động đã được người lao động huy động theo những cách thức linh hoạt hơn trước đây. Nhà ở không còn chỉ là nơi cư trú mà trong nhiều trường hợp đã trở thành không gian sản xuất, gia công hoặc buôn bán nhỏ. Xe máy tiếp tục khẳng định vai trò là công cụ lao động quan trọng, đặc biệt trong các hoạt động giao nhận hàng hóa, vận chuyển và các công việc gắn với nền kinh tế nền tảng. Trong khi đó, xưởng sản xuất, máy móc và công cụ lao động tuy vẫn là nguồn lực quan trọng với một bộ phận nhỏ người lao động, nhưng khả năng duy trì và khai thác các tài sản này đã suy giảm đáng kể do người lao động thiếu vốn để tiếp tục sản xuất. Những biến động đó cho thấy vốn vật chất vừa là nền tảng của sinh kế, vừa có thể trở thành gánh nặng nếu người lao động không còn đủ nguồn lực để duy trì nó trong khủng hoảng.

Về vốn tài chính, kết quả nghiên cứu cho thấy đây là loại vốn bị tác động mạnh nhất trong đại dịch. Khả năng đầu tư vốn để tạo lập sinh kế giảm rõ rệt trong thời gian dịch bệnh và chỉ phục hồi một phần ở giai đoạn bình thường mới. Người lao động không chỉ thiếu tiền để đầu tư mà còn trở nên dè dặt hơn trước các quyết định kinh doanh do lo ngại rủi ro và khó tiếp cận nguồn vốn vay. Trong bối cảnh đó, một bộ phận người lao động đã phải thu hẹp quy mô hoạt động sinh kế, tận dụng tiền tiết kiệm ít ỏi hoặc trông cậy vào các chính sách hỗ trợ để duy trì cuộc sống và xoay vòng vốn kinh doanh nhỏ. Điều này phản ánh rõ tính chất mong manh của vốn tài chính trong khu vực kinh tế phi chính thức, đồng thời cho thấy khi vốn tài chính suy giảm, các loại vốn khác như vốn vật chất và vốn con người cũng bị ảnh hưởng dây chuyền.

Một phát hiện quan trọng của chương này là trong bối cảnh các nguồn lực vật chất và tài chính bị thu hẹp, vốn con người và vốn xã hội nổi lên như hai nguồn lực giữ vai trò trung tâm trong chiến lược thích ứng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Về vốn con người, mặc dù sức khỏe thể chất và tinh thần của người

lao động suy giảm so với trước đại dịch, song chính sức lao động, kinh nghiệm sống, khả năng học hỏi và thích ứng nghề nghiệp lại trở thành nền tảng quan trọng nhất giúp họ chuyển sang những công việc mới. Đại dịch không chỉ làm lộ rõ giới hạn của các công việc dựa trên thói quen và lao động giản đơn, mà còn thúc đẩy một bộ phận người lao động chủ động học thêm kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh, giao dịch trực tuyến, bán hàng online hoặc tiếp cận thông tin việc làm qua môi trường số. Theo nghĩa đó, quá trình thích ứng không chỉ là phản ứng mang tính sinh tồn mà còn là quá trình điều chỉnh năng lực cá nhân để phù hợp hơn với những đòi hỏi mới của thị trường lao động.

Đồng thời, chương 4 cũng cho thấy vốn xã hội là “điểm tựa” đặc biệt quan trọng trong bối cảnh sinh kế bị gián đoạn. Khi việc làm và thu nhập trở nên bấp bênh, người lao động đã dựa vào gia đình, họ hàng, đồng hương, bạn bè, chủ nhà trọ, cộng đồng cư trú và các mạng lưới trực tuyến để tìm việc, vay mượn, xin giãn nợ, tiếp cận thông tin hỗ trợ và duy trì những nhu cầu sống tối thiểu. Vốn xã hội trong trường hợp này không chỉ giúp kết nối cơ hội việc làm mà còn đóng vai trò như một “phao cứu sinh” trong những giai đoạn người lao động không còn khả năng tự duy trì sinh kế bằng thu nhập lao động. Sự vận hành của các mạng lưới xã hội cho thấy khả năng chống chịu sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn lực cá nhân, mà còn gắn chặt với mức độ gắn kết của họ trong các quan hệ xã hội gần gũi và cộng đồng rộng hơn.

Từ góc nhìn của lý thuyết thích ứng, các kết quả trên cho thấy người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không thụ động trước cú sốc của đại dịch mà đã có những điều chỉnh chiến lược tương đối linh hoạt. Sự thích ứng đó biểu hiện qua việc chuyển đổi nghề nghiệp, kết hợp nhiều nguồn lực sinh kế cùng lúc, mở rộng cách thức sử dụng vốn vật chất, tăng cường vận dụng kỹ năng cá nhân và dựa nhiều hơn vào vốn xã hội để vượt qua giai đoạn gián đoạn sinh kế. Tuy nhiên, chương 4 cũng đồng thời cho thấy sự thích ứng này diễn ra trong điều kiện nguồn lực hạn chế, nên phần lớn mang tính ngắn hạn, ứng phó và chưa tạo ra được sự bền vững lâu dài. Nói cách khác, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có khả năng thích ứng, nhưng khả năng đó vẫn bị giới hạn bởi vị thế dễ tổn thương của họ trong cấu trúc thị trường lao động và hệ thống an sinh xã hội.

Tóm lại, chương 4 cho thấy chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 là kết quả của quá trình huy động, tái cấu trúc và kết hợp linh hoạt các loại vốn sinh kế trong điều kiện khủng hoảng. Trong đó, vốn con người, vốn xã hội và một số dạng vốn vật chất đóng vai trò nổi bật nhất. Những kết quả này không chỉ góp phần làm rõ tính linh hoạt và khả năng chống chịu của sinh kế phi chính thức, mà còn tạo cơ sở quan trọng để bàn luận sâu hơn về kết quả sinh kế ở chương tiếp theo.

Chương 5: KẾT QUẢ SINH KẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

5.1. Dẫn nhập

Trong khung phân tích sinh kế bền vững, kết quả sinh kế (livelihood outcomes) được xem là hệ quả trực tiếp của quá trình người lao động huy động và kết hợp các nguồn vốn sinh kế để triển khai những chiến lược thích ứng trước các biến động của môi trường kinh tế - xã hội. Ở các chương trước, luận án đã tập trung làm rõ hai khía cạnh quan trọng của tiến trình này. Cụ thể, chương 3 phân tích thực trạng các nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, bao gồm vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội, đồng thời chỉ ra những biến động của các loại vốn này trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Tiếp đó, chương 4 làm rõ cách thức người lao động vận dụng và kết hợp các nguồn lực sinh kế để triển khai các chiến lược thích ứng, thể hiện qua việc duy trì sinh kế, chuyển đổi việc làm, mở rộng hoặc thu hẹp các hoạt động kinh tế, cũng như chấp nhận những giai đoạn gián đoạn sinh kế khi điều kiện thị trường lao động trở nên bất ổn.

Tuy nhiên, việc người lao động huy động và vận dụng các nguồn vốn sinh kế không chỉ phản ánh khả năng thích ứng của họ trước khủng hoảng, mà còn dẫn tới những kết quả cụ thể đối với đời sống kinh tế và nghề nghiệp của họ. Do đó, một câu hỏi quan trọng cần được làm rõ là: Quá trình sử dụng và tái cấu trúc các nguồn vốn sinh kế trong đại dịch Covid-19 đã mang lại những kết quả gì đối với sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức? Nói cách khác, những chiến lược sinh kế mà họ lựa chọn đã tác động như thế nào đến mức thu nhập, khả năng tích lũy, sự ổn định việc làm và cảm nhận chủ quan của họ về công việc?

Xuất phát từ những vấn đề trên, chương 5 tập trung phân tích kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Các kết quả này được xem xét trên một số phương diện cơ bản, bao gồm: mức thu nhập và những biến động về thu nhập của người lao động; khả năng tích lũy và dự phòng tài chính của hộ gia đình; mức độ ổn định của việc làm trong đại dịch và ở giai đoạn bình thường mới cũng như mức độ hài lòng của người lao động đối với công việc hiện tại. Việc phân tích các khía cạnh này không chỉ giúp nhận diện những hệ

quả kinh tế - xã hội của đại dịch đối với sinh kế phi chính thức, mà còn góp phần đánh giá hiệu quả của các chiến lược thích ứng mà người lao động đã triển khai trong điều kiện khủng hoảng.

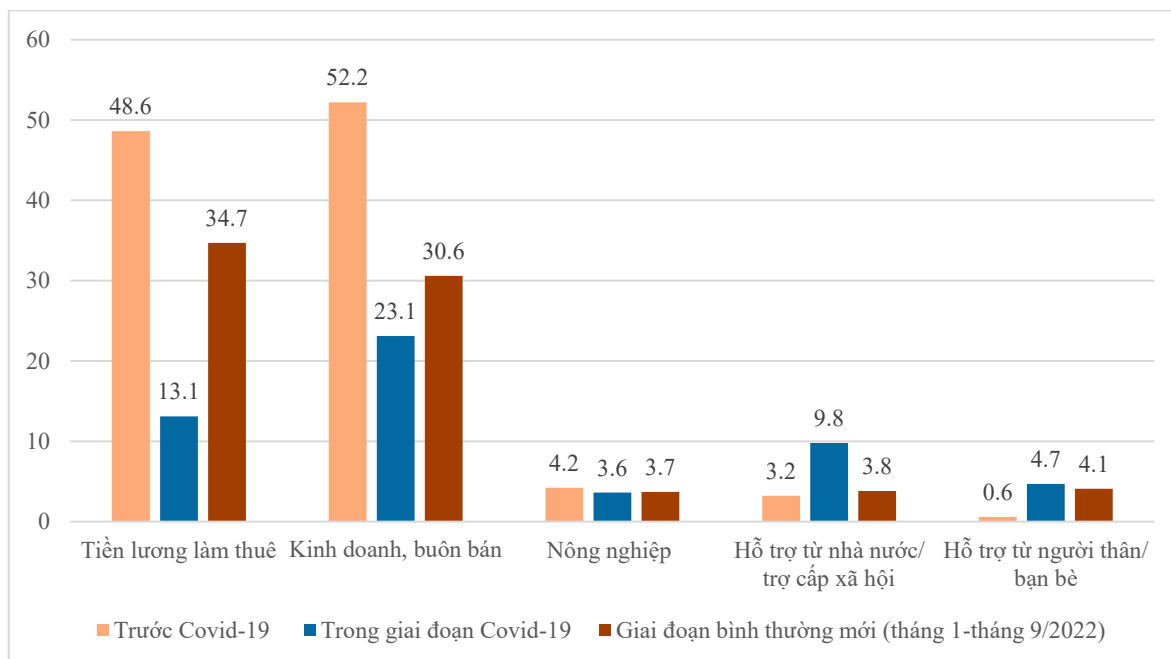
Thông qua việc xem xét các kết quả sinh kế này, chương 5 đồng thời cung cấp cơ sở thực nghiệm để đánh giá khả năng chống chịu của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước những cú sốc lớn như đại dịch Covid-19. Từ đó, luận án hướng tới làm rõ mức độ bền vững của các chiến lược sinh kế mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã lựa chọn, cũng như những giới hạn và thách thức mà họ vẫn phải đối mặt trong quá trình phục hồi giai đoạn bình thường mới. Những nội dung cụ thể của vấn đề này sẽ được trình bày và phân tích trong các mục tiếp theo của chương.

5.2. Kết quả sinh kế trên phương diện thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

5.2.1. Thực trạng và sự thay đổi về thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Việc xem xét nguồn thu nhập và những biến động thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 cho thấy sinh kế của nhóm lao động này phụ thuộc chủ yếu vào hai nguồn chính là tiền lương từ làm thuê và thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ. Bên cạnh đó, một số ít người lao động còn có thêm các nguồn thu khác như từ sản xuất nông nghiệp, trợ cấp xã hội hoặc hỗ trợ từ gia đình và bạn bè. Tuy nhiên, các nguồn thu này chỉ đóng vai trò bổ trợ và chiếm tỷ lệ khá thấp trong tổng cơ cấu thu nhập của họ.

Biểu 5.1. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có nguồn thu từ các chiến lược sinh kế trước, trong giai đoạn Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) (%)



Kết quả từ Biểu 5.1 cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh, buôn bán (chiếm 52,2%) và tiền lương từ làm thuê (chiếm 48,6%). Một số nguồn thu nhập khác như từ nông nghiệp (4,2%), trợ cấp xã hội (3,2%) hoặc hỗ trợ từ người thân, bạn bè (0,6%) chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Trong bối cảnh này, một bộ phận người lao động có thể kết hợp từ hai nguồn thu nhập trở lên để duy trì sinh kế. Tính theo giá trị trung bình, thu nhập bình quân của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước đại dịch đạt 8,3 triệu đồng/người/tháng, phản ánh mức sinh kế tương đối ổn định trong điều kiện thị trường lao động chưa chịu tác động của khủng hoảng.

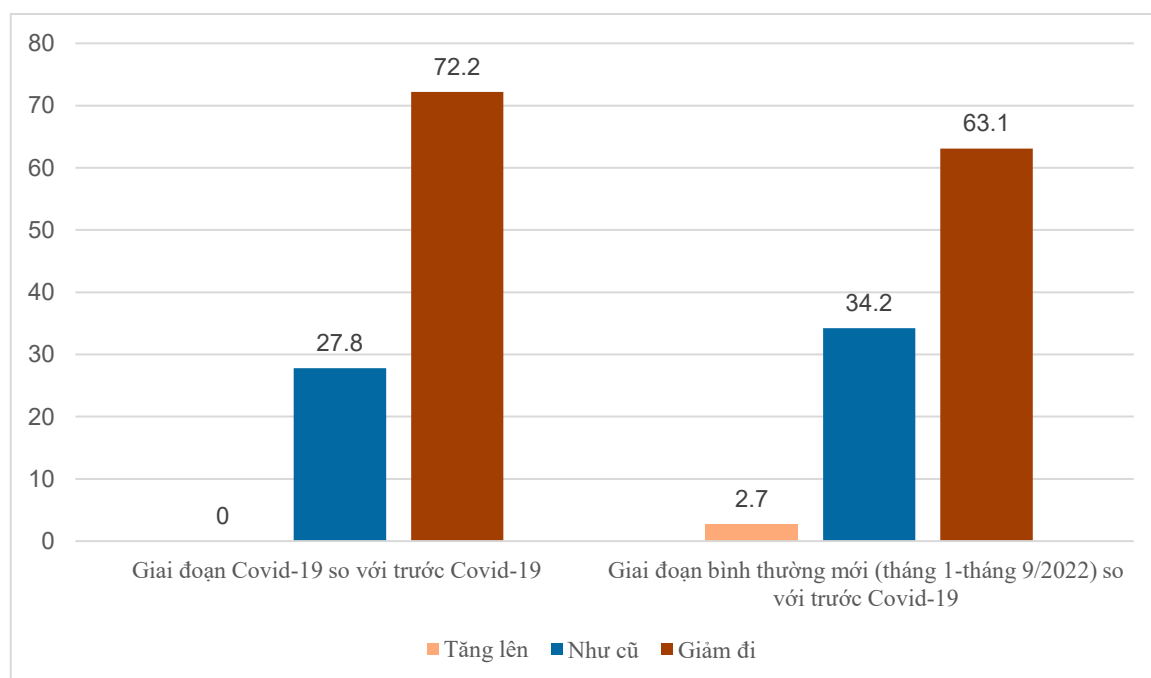
Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp giãn cách xã hội được triển khai, các nguồn thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã bị suy giảm mạnh. Tỷ lệ người lao động có thu nhập từ tiền lương giảm đáng kể, từ 48,6% xuống còn 13,1%. Tương tự, tỷ lệ người lao động có thu nhập từ kinh doanh, buôn bán cũng giảm mạnh từ 52,2% xuống 23,1%. Trong khi đó, thu nhập từ nông nghiệp chỉ giảm nhẹ từ 4,2% xuống 3,6%, một phần do quy mô tham gia vào hoạt động này vốn không lớn ngay từ đầu. Trái lại, tỷ lệ người lao động nhận trợ cấp

xã hội tăng từ 3,2% lên 9,8%, và tỷ lệ nhận hỗ trợ từ người thân hoặc bạn bè cũng tăng từ 0,6% lên 4,7%. Sự gia tăng của các nguồn thu nhập mang tính hỗ trợ này phản ánh rõ thực tế rằng khi các nguồn thu nhập từ lao động bị suy giảm hoặc gián đoạn, người lao động buộc phải dựa vào các mạng lưới hỗ trợ xã hội để duy trì cuộc sống.

Khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có dấu hiệu phục hồi nhất định. Tỷ lệ người lao động có thu nhập từ tiền lương tăng lên 34,7%, trong khi tỷ lệ có thu nhập từ kinh doanh, buôn bán đạt 30,6%. Tuy nhiên, nếu so sánh với giai đoạn trước đại dịch, các mức này vẫn thấp hơn đáng kể. Trong khi đó, tỷ lệ người lao động nhận trợ cấp xã hội giảm xuống 3,8% và tỷ lệ nhận hỗ trợ từ người thân, bạn bè giảm nhẹ xuống 4,1%, cho thấy khi các hoạt động kinh tế dần được khôi phục, vai trò của các nguồn hỗ trợ này cũng giảm bớt.

Những biến động về cơ cấu nguồn thu nhập được phản ánh rõ hơn khi xem xét mức độ thay đổi thu nhập của người lao động so với giai đoạn trước đại dịch.

Biểu 5.2. Biến đổi về thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%)

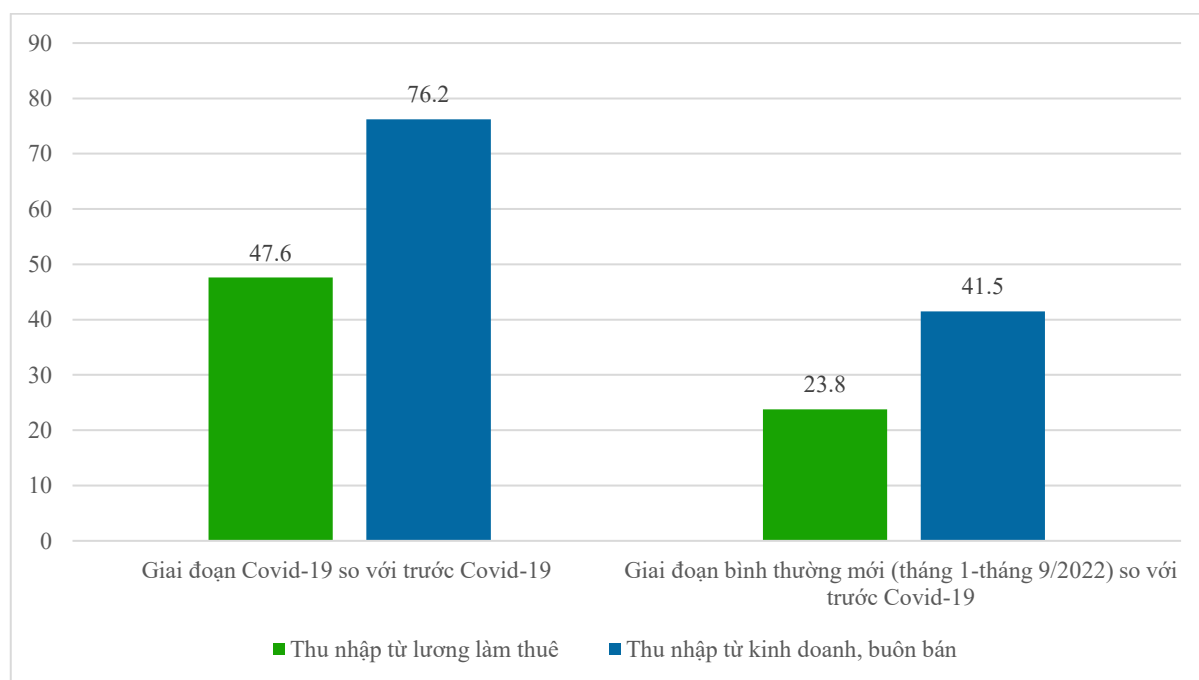


Dữ liệu từ Biểu 5.2 cho thấy trong thời gian đại dịch Covid-19 bùng phát, không có người lao động nào cho biết thu nhập của họ tăng so với trước đại dịch. Chỉ

27,8% người lao động có thể duy trì mức thu nhập như trước, trong khi 72,2% cho biết thu nhập của họ bị giảm. Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, mặc dù đã xuất hiện một tỷ lệ nhỏ (2,7%) người lao động có thu nhập cao hơn trước đại dịch, song vẫn còn 63,1% cho biết thu nhập của họ thấp hơn so với trước khi dịch bệnh xảy ra. Điều này cho thấy ngay cả khi các hoạt động kinh tế đã dần phục hồi, sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn chịu những tác động kéo dài của đại dịch.

Để hiểu rõ hơn mức độ suy giảm thu nhập, nghiên cứu tiếp tục xem xét hai nhóm nghề nghiệp có tỷ lệ tham gia cao nhất trong khu vực kinh tế phi chính thức, đó là nhóm lao động làm thuê nhận lương và nhóm kinh doanh, buôn bán nhỏ.

Biểu 5.3. Tỷ lệ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thu nhập giảm sút so với trước đại dịch Covid-19 (%)



Kết quả từ Biểu 5.3 cho thấy trong giai đoạn giãn cách xã hội, có 47,6% người lao động làm thuê cho biết thu nhập của họ bị giảm so với trước đại dịch. Trong khi đó, mức độ suy giảm thu nhập ở nhóm kinh doanh, buôn bán còn nghiêm trọng hơn, với 76,2% người lao động cho biết thu nhập của họ giảm. Điều này phản ánh tác động trực tiếp của các biện pháp hạn chế đi lại và giảm tiêu dùng đối với các hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ.

Khi bước sang giai đoạn bình thường mới, mức độ suy giảm thu nhập ở hai nhóm nghề nghiệp này đã giảm bớt, song vẫn ở mức khá cao. Cụ thể, 23,8% người lao động làm thuê và 41,5% người kinh doanh, buôn bán cho biết thu nhập của họ vẫn thấp hơn so với trước đại dịch.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những kết quả trên cho thấy thu nhập - một trong những kết quả sinh kế quan trọng nhất - chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự suy giảm của các nguồn vốn sinh kế và sự gián đoạn của các chiến lược sinh kế trong đại dịch. Khi các nguồn vốn vật chất, tài chính và cơ hội việc làm bị thu hẹp, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải điều chỉnh chiến lược sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp hoặc dựa vào các nguồn hỗ trợ xã hội để duy trì cuộc sống.

Đồng thời, từ góc độ lý thuyết thích ứng, những biến động về thu nhập phản ánh quá trình người lao động điều chỉnh hành vi kinh tế nhằm thích nghi với những thay đổi của môi trường xã hội và thị trường lao động. Tuy nhiên, khả năng thích ứng này diễn ra trong điều kiện nguồn lực hạn chế, nên kết quả sinh kế đạt được vẫn còn khá mong manh. Mặc dù thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có dấu hiệu phục hồi sau khi đại dịch được kiểm soát, song phần lớn vẫn chưa thể quay trở lại mức thu nhập như trước đại dịch, cho thấy những tác động kéo dài của khủng hoảng đối với sinh kế của nhóm lao động dễ bị tổn thương này.

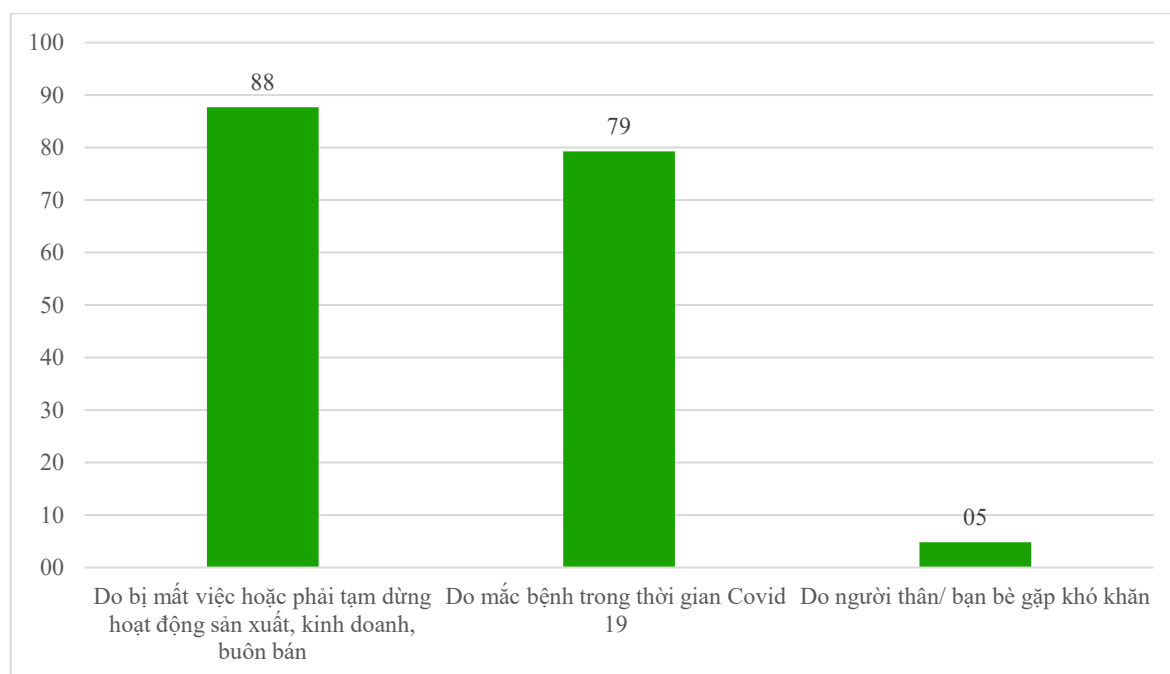
5.2.2. Nguyên nhân của sự biến đổi về thu nhập của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã phân tích ở mục trên, thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức chủ yếu đến từ hai nguồn chính là tiền lương từ làm thuê và thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát và các hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn, nguồn thu nhập của nhóm lao động này đã suy giảm đáng kể. Kết quả khảo sát cho thấy trong giai đoạn dịch bệnh diễn ra, có tới 72,2% người lao động cho biết thu nhập của họ giảm so với trước đại dịch. Ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ người lao động cho biết thu nhập của họ vẫn thấp hơn so với trước đại dịch, ở mức 63,1%. Điều này cho thấy những tác động của đại dịch đối với sinh kế của người lao động khu vực

kinh tế phi chính thức không chỉ mang tính tức thời mà còn kéo dài sang giai đoạn hậu khủng hoảng.

Để tìm hiểu rõ hơn các yếu tố dẫn đến sự suy giảm thu nhập, nghiên cứu tiến hành khảo sát đối với những người lao động cho biết thu nhập của họ bị giảm so với trước đại dịch. Kết quả cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng này, trong đó có những nguyên nhân mang tính trực tiếp liên quan đến việc làm và hoạt động kinh tế của người lao động.

Biểu 5.4. Nguyên nhân của sự biến đổi thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%)



Kết quả từ Biểu 5.4 cho thấy nguyên nhân phổ biến nhất dẫn đến sự suy giảm thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức là tình trạng mất việc hoặc phải tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh, với tỷ lệ xác nhận lên tới 87,7%. Điều này phản ánh tác động trực tiếp của các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại đối với các hoạt động kinh tế phi chính thức, vốn phụ thuộc nhiều vào giao dịch trực tiếp và sự lưu thông của thị trường. Bên cạnh đó, một nguyên nhân quan trọng khác là việc người lao động bị mắc bệnh trong thời gian đại dịch, với 79,3% người lao động cho biết yếu tố sức khỏe đã ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng lao động và nguồn thu nhập của họ.

Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ người lao động cho biết sự suy giảm thu nhập còn liên quan đến những khó khăn kinh tế của người thân hoặc bạn bè, chiếm 4,8%. Trong những trường hợp này, các mạng lưới hỗ trợ xã hội mà người lao động thường dựa vào để duy trì sinh kế cũng bị suy yếu do những người trong mạng lưới đó cũng gặp khó khăn tương tự. Một người lao động chia sẻ: *“Suốt thời gian Covid-19 do cha mẹ tôi gặp khó khăn, không có thu nhập nên chúng tôi hầu như phải hỗ trợ thêm cho cha mẹ, trong khi trước đây cha mẹ hoàn toàn có thể chủ động chi tiêu với nghề bán hàng của họ.”* [PVS nam, 41 tuổi, bán sạp hoa quả].

Những thông tin từ phỏng vấn sâu cũng cho thấy trong nhiều trường hợp, sự suy giảm thu nhập không xuất phát từ một nguyên nhân duy nhất mà là kết quả của nhiều yếu tố kết hợp với nhau. Một người lao động cho biết: *“Tôi làm giúp việc theo giờ, dịch Covid-19 đến, mọi người đều phải giãn cách nghiêm ngặt, tôi không có việc làm, không còn thu nhập, lại bị mắc bệnh nên phải thuốc thang... thực sự rất khó khăn, không còn nguồn thu nào hết.”* [PVS nữ, 47 tuổi, giúp việc theo giờ].

Trường hợp này cho thấy tác động của đại dịch đối với sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức thường mang tính đa chiều, vừa liên quan đến sự gián đoạn của thị trường lao động, vừa liên quan đến những vấn đề sức khỏe và chi phí sinh hoạt gia tăng trong thời gian khủng hoảng.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những biến động về thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được lý giải như hệ quả của cú sốc từ môi trường bên ngoài - ở đây là đại dịch Covid-19 - đối với các nguồn vốn sinh kế và các chiến lược sinh kế của họ. Khi các hoạt động kinh tế bị gián đoạn, cơ hội việc làm giảm sút và sức khỏe bị ảnh hưởng, khả năng huy động và chuyển hóa các nguồn vốn sinh kế thành thu nhập cũng bị hạn chế đáng kể. Điều này dẫn đến sự suy giảm kết quả sinh kế, đặc biệt là trên phương diện thu nhập.

Đồng thời, từ góc độ lý thuyết thích ứng, những biến động thu nhập này phản ánh quá trình người lao động buộc phải điều chỉnh hành vi kinh tế để thích nghi với những thay đổi của môi trường xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn lực hạn chế và khả năng tiếp cận các cơ hội việc làm còn nhiều rào cản, khả năng thích ứng của

họ vẫn mang tính tạm thời và chưa đủ để khôi phục hoàn toàn mức thu nhập như trước đại dịch.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 bị suy giảm mạnh, đặc biệt đối với những người làm thuê và những người hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, buôn bán nhỏ. Ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, phần lớn người lao động vẫn chưa thể phục hồi hoàn toàn mức thu nhập như trước đại dịch. Những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bao gồm việc mất việc hoặc tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh và các vấn đề sức khỏe phát sinh trong thời gian dịch bệnh. Điều này cho thấy sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn còn khá dễ tổn thương trước những cú sốc kinh tế - xã hội lớn như đại dịch Covid-19.

5.3. Kết quả sinh kế trên phương diện tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

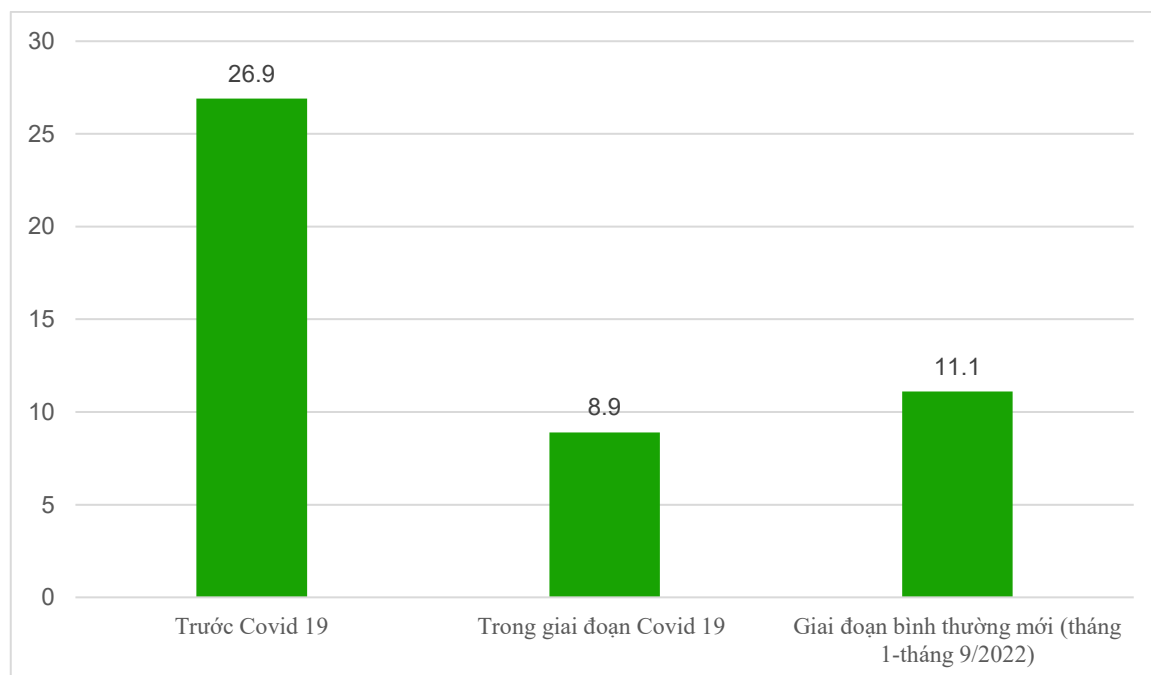
5.3.1. Thực trạng và sự biến đổi về tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Bên cạnh thu nhập, khả năng tích lũy tài sản là một chỉ báo quan trọng phản ánh kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong khung sinh kế bền vững, tích lũy không chỉ thể hiện mức độ ổn định của sinh kế mà còn phản ánh năng lực chống chịu của hộ gia đình trước các cú sốc. Đối với nhóm lao động phi chính thức, vốn tích lũy thường đóng vai trò như một nguồn dự phòng giúp họ duy trì cuộc sống khi thu nhập bị gián đoạn hoặc giảm sút.

Kết quả khảo sát cho thấy trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, chỉ một bộ phận tương đối nhỏ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có khả năng tích lũy tài chính. Cụ thể, 26,9% người lao động được hỏi cho biết họ có tiền tích lũy trước đại dịch. Khoản tiền tích lũy mà người lao động đề cập thường dao động trong khoảng từ vài chục đến hơn một trăm triệu đồng, tùy thuộc vào loại hình công việc và quy mô hoạt động sinh kế của họ. Tuy nhiên, ngay cả trong số những người được xem là có tích lũy, mức tích lũy này cũng không lớn và chủ yếu được hình thành từ quá trình tiết kiệm lâu dài trong điều kiện thu nhập không ổn định.

Trong một số trường hợp, những người lao động có quy mô sản xuất hoặc kinh doanh lớn hơn, chẳng hạn như chủ xưởng may hoặc chủ cơ sở vận tải nhỏ, cho biết họ sở hữu nhiều tài sản hơn so với những lao động phi chính thức khác. Tuy nhiên, phần lớn tài sản của họ tồn tại dưới dạng vốn vật chất như nhà xưởng, máy móc hoặc phương tiện sản xuất. Sau khi trừ đi các khoản vay ngân hàng phục vụ hoạt động kinh doanh, lượng tiền tích lũy thực tế của họ không nhiều. Điều này cho thấy trong khu vực kinh tế phi chính thức, tích lũy tài chính thường gắn chặt với các tài sản phục vụ sinh kế và khó tách rời khỏi quá trình sản xuất kinh doanh.

Biểu 5.5. Số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tài sản tích lũy trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1 – tháng 9/2022) (%)



Dữ liệu từ Biểu 5.5 cho thấy khả năng tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã suy giảm đáng kể trong thời gian đại dịch Covid-19. Tỷ lệ người lao động có tiền tích lũy giảm mạnh từ 26,9% trước đại dịch xuống còn 8,9% trong thời gian dịch bệnh. Điều này có nghĩa là một bộ phận đáng kể người lao động vốn có tiền tích lũy đã phải sử dụng khoản tiền này để trang trải chi phí sinh hoạt, chi phí y tế hoặc duy trì hoạt động kinh tế trong giai đoạn thu nhập bị gián đoạn.

Khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ người lao động có tích lũy đã tăng nhẹ lên 11,1%, song mức tăng này khá khiêm tốn và vẫn thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước đại dịch. Điều này cho thấy quá trình phục hồi tích lũy diễn ra khá chậm, phản ánh những khó khăn kéo dài trong quá trình phục hồi sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được xem là hệ quả của việc các nguồn vốn sinh kế khác bị tổn thương trong đại dịch. Khi thu nhập từ lao động và kinh doanh bị giảm mạnh, người lao động buộc phải sử dụng các khoản tiết kiệm để bù đắp chi phí sinh hoạt hàng ngày. Điều này khiến vốn tài chính dự phòng bị thu hẹp nhanh chóng, làm giảm khả năng chống chịu của sinh kế trước những cú sốc tiếp theo.

Đồng thời, theo lý thuyết thích ứng, việc sử dụng tiền tích lũy để duy trì cuộc sống trong giai đoạn khủng hoảng có thể được xem như một chiến lược thích ứng mang tính ngắn hạn của người lao động. Trong bối cảnh thu nhập bị gián đoạn và cơ hội việc làm hạn chế, họ buộc phải tiêu dùng các nguồn lực dự phòng để duy trì mức sống tối thiểu cho bản thân và gia đình. Tuy nhiên, chiến lược thích ứng này cũng đặt ra những rủi ro nhất định, bởi khi các khoản tích lũy cạn kiệt, khả năng phục hồi sinh kế của người lao động sau khủng hoảng sẽ trở nên khó khăn hơn.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy khả năng tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã khá hạn chế trước đại dịch Covid-19, và tình trạng này càng trở nên rõ rệt hơn trong thời gian dịch bệnh. Ngay cả khi xã hội bước vào giai đoạn bình thường mới, mức độ tích lũy của nhóm lao động này vẫn chưa thể phục hồi. Điều này phản ánh tính dễ tổn thương của sinh kế phi chính thức trước những cú sốc kinh tế - xã hội lớn, đồng thời cho thấy việc củng cố các nguồn vốn sinh kế và nâng cao khả năng dự phòng tài chính là một vấn đề quan trọng đối với sự bền vững của sinh kế trong khu vực kinh tế phi chính thức.

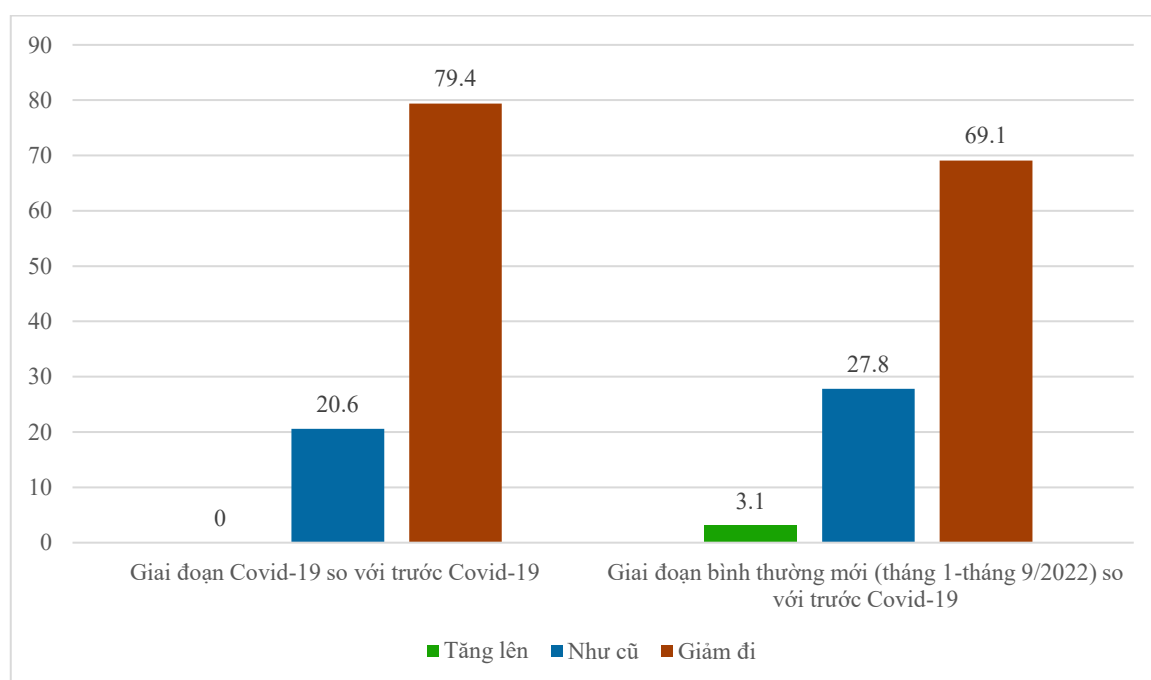
5.3.2. Nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi về tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã phân tích ở mục trước, khả năng tích lũy tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã khá hạn chế ngay cả trước khi đại dịch Covid-

19 xảy ra. Trước đại dịch, chỉ 26,9% người lao động cho biết họ có tiền tích lũy. Khi đại dịch bùng phát và các hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn, tỷ lệ này giảm mạnh xuống còn 8,9%. Đến giai đoạn bình thường mới, mặc dù tỷ lệ người lao động có tích lũy đã tăng nhẹ lên 11,1%, song mức phục hồi này vẫn còn khá khiêm tốn so với giai đoạn trước đại dịch. Điều này cho thấy đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động sâu sắc và kéo dài đối với khả năng tích lũy tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Để làm rõ hơn sự biến động của tiền tích lũy, nghiên cứu tiến hành so sánh mức tích lũy của người lao động trong các giai đoạn khác nhau so với thời điểm trước đại dịch.

Biểu 5.6. Biến động về tiền tích lũy của lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn Covid-19 và giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) so với trước đại dịch Covid-19 (%)



Kết quả từ Biểu 5.6 cho thấy khi so sánh với thời điểm trước đại dịch, trong giai đoạn dịch Covid-19 diễn ra, phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức bị suy giảm tích lũy. Cụ thể, 79,4% những người từng có tiền tích lũy cho biết khoản tích lũy của họ đã giảm đi, trong khi chỉ 20,6% có thể duy trì mức tích lũy như trước. Điều này phản ánh thực tế rằng trong bối cảnh thu nhập bị suy giảm hoặc gián

đoạn, nhiều người lao động buộc phải sử dụng các khoản tiết kiệm để trang trải chi phí sinh hoạt và duy trì cuộc sống.

Khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, tình hình tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có những dấu hiệu cải thiện nhất định nhưng vẫn chưa thể phục hồi hoàn toàn. Chỉ 3,1% người lao động cho biết mức tích lũy của họ tăng lên so với trước đại dịch, trong khi 27,8% duy trì được mức tích lũy như trước. Tuy nhiên, tỷ lệ người lao động có tích lũy bị giảm so với trước đại dịch vẫn chiếm tới 69,1%. Những con số này cho thấy tác động của đại dịch đối với khả năng tích lũy tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tiếp tục kéo dài ngay cả khi các hoạt động kinh tế đã dần phục hồi.

Để hiểu rõ hơn các yếu tố dẫn đến sự suy giảm tích lũy, nghiên cứu tiếp tục khảo sát những người lao động cho biết khoản tiền tích lũy của họ giảm so với trước đại dịch. Kết quả cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng này, phản ánh những khó khăn đa chiều mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt trong thời gian đại dịch.

Nguyên nhân phổ biến nhất là việc phải sử dụng tiền tích lũy để trang trải chi phí sinh hoạt trong thời gian đại dịch, với 88,1% người lao động xác nhận. Điều này phản ánh thực tế rằng khi thu nhập từ lao động bị suy giảm, tiền tiết kiệm trở thành nguồn tài chính quan trọng giúp các hộ gia đình duy trì các nhu cầu thiết yếu như ăn uống, nhà ở và các chi phí sinh hoạt hàng ngày.

Nguyên nhân quan trọng thứ hai là việc phải sử dụng tiền tích lũy để chữa bệnh trong thời gian đại dịch, với 56,7% người lao động cho biết họ gặp phải tình huống này. Đại dịch không chỉ làm gián đoạn sinh kế mà còn kéo theo những chi phí y tế phát sinh, khiến nhiều gia đình phải sử dụng các khoản tiết kiệm để chi trả cho việc điều trị và chăm sóc sức khỏe.

Ngoài ra, 44,8% người lao động cho biết họ phải sử dụng tiền tích lũy để tìm kiếm việc làm mới hoặc đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc chuyển đổi sinh kế sau khi bị mất việc do tác động của đại dịch. Điều này cho thấy trong bối cảnh thị trường lao động thay đổi mạnh, nhiều người lao động buộc phải đầu tư lại cho hoạt động sinh kế của mình để thích nghi với điều kiện kinh tế mới.

Bên cạnh đó, một số trường hợp cho biết họ phải sử dụng tiền tích lũy để hỗ trợ người thân gặp khó khăn trong thời gian đại dịch, với tỷ lệ 17,9%. Mặc dù tỷ lệ này không cao so với các nguyên nhân khác, nhưng nó phản ánh vai trò của các mạng lưới gia đình và cộng đồng trong việc chia sẻ khó khăn trong bối cảnh khủng hoảng.

Cũng cần lưu ý rằng trong nhiều trường hợp, sự suy giảm tích lũy không phải do một nguyên nhân đơn lẻ mà là kết quả của nhiều yếu tố kết hợp. Người lao động vừa phải đối mặt với tình trạng giảm thu nhập, vừa phải chi trả cho các chi phí y tế, sinh hoạt hoặc đầu tư lại cho sinh kế mới. Điều này khiến các khoản tích lũy vốn đã khiêm tốn của họ nhanh chóng bị suy giảm.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm tích lũy tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phản ánh sự tổn thương của vốn tài chính trước các cú sốc kinh tế - xã hội. Khi thu nhập giảm và các nguồn vốn sinh kế khác bị gián đoạn, tiền tiết kiệm trở thành nguồn lực quan trọng để duy trì cuộc sống. Tuy nhiên, việc phải sử dụng các khoản tích lũy trong thời gian khủng hoảng cũng làm suy yếu khả năng chống chịu của sinh kế trong dài hạn.

Đồng thời, theo lý thuyết thích ứng, việc sử dụng tiền tích lũy để trang trải chi phí sinh hoạt, chữa bệnh hoặc đầu tư cho hoạt động sinh kế mới có thể được xem như một chiến lược thích ứng của người lao động trước những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, chiến lược thích ứng này chủ yếu mang tính ngắn hạn, bởi khi nguồn lực tích lũy bị cạn kiệt, khả năng phục hồi và tái tạo sinh kế của người lao động sẽ trở nên khó khăn hơn.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy tích lũy tài chính của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã khá hạn chế trước đại dịch Covid-19 và tiếp tục suy giảm mạnh trong thời gian dịch bệnh. Ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, phần lớn người lao động vẫn chưa thể phục hồi mức tích lũy như trước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là việc phải sử dụng tiền tích lũy để trang trải chi phí sinh hoạt, chi phí y tế, đầu tư cho hoạt động sinh kế mới hoặc hỗ trợ người thân trong thời gian đại dịch. Điều này phản ánh tính dễ tổn thương của sinh kế phi chính thức trước những cú sốc như đại dịch Covid-19 và cho thấy nhu cầu tăng cường các cơ chế bảo vệ sinh kế cho nhóm lao động này trong tương lai.

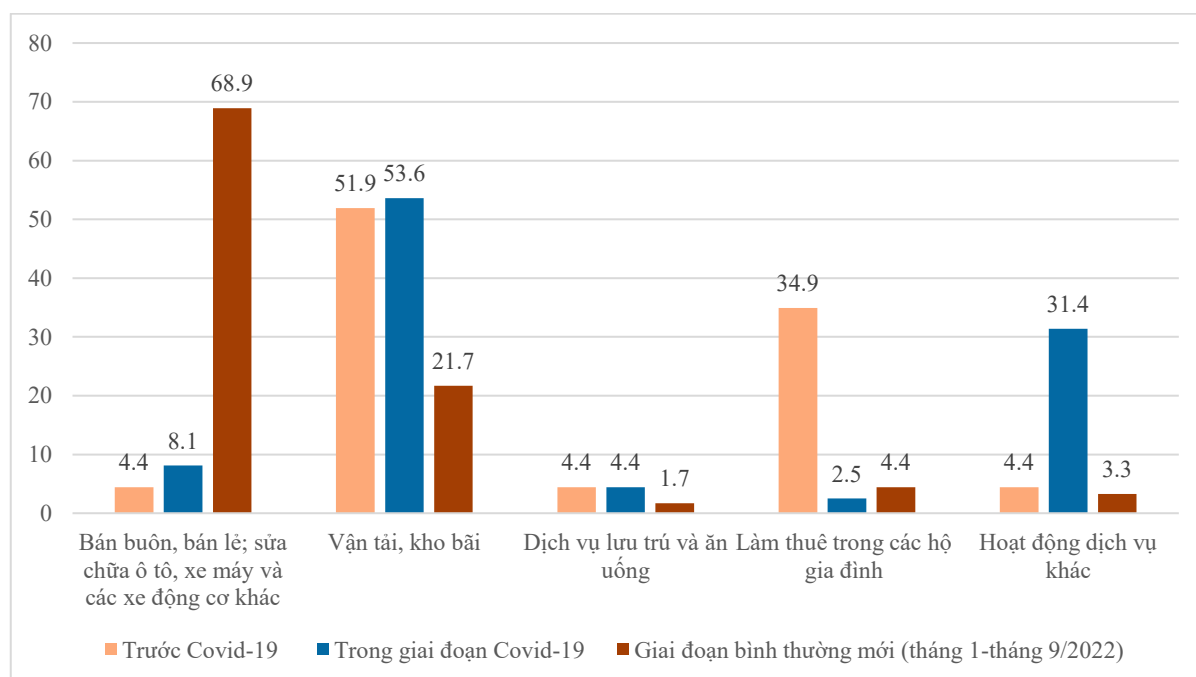
5.4. Kết quả sinh kế trên phương diện ổn định việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

5.4.1. Thực trạng và sự thay đổi về việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, toàn bộ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tham gia khảo sát đều có việc làm, mặc dù tính chất việc làm của khu vực này vốn dĩ không hoàn toàn ổn định và đôi khi có thể bị gián đoạn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, sự xuất hiện của đại dịch đã làm thay đổi đáng kể cấu trúc việc làm của nhóm lao động này. Kết quả khảo sát cho thấy trong giai đoạn đại dịch bùng phát có 55,8% người lao động phải thay đổi việc làm. Khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, tỷ lệ này vẫn còn ở mức 51,9%. Những con số này phản ánh rằng hơn một nửa số người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã không thể duy trì sự ổn định nghề nghiệp trong bối cảnh khủng hoảng y tế và kinh tế do đại dịch gây ra.

Sự thay đổi về cơ cấu việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức được thể hiện rõ hơn qua Biểu 5.7.

Biểu 5.7. Việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước, trong đại dịch Covid-19 và ở giai đoạn bình thường mới (tháng 1- tháng 9/2022) (%)



Phân tích dữ liệu cho thấy trong thời gian đại dịch Covid-19, cơ cấu nghề nghiệp của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có sự dịch chuyển đáng kể. Tỷ lệ người lao động tham gia các hoạt động vận tải và kho bãi tăng lên 53,6%, phản ánh xu hướng gia tăng các công việc liên quan đến giao hàng, vận chuyển và dịch vụ hậu cần trong bối cảnh nhu cầu mua sắm trực tuyến và giao hàng tại nhà tăng mạnh. Nhóm bán buôn, bán lẻ và sửa chữa phương tiện cơ giới chiếm 8,1%, trong khi nhóm dịch vụ lưu trú và ăn uống duy trì ở mức 4,4%. Ngược lại, tỷ lệ lao động làm thuê trong các hộ gia đình giảm mạnh xuống còn 2,5%, cho thấy các hoạt động dịch vụ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề bởi các biện pháp giãn cách xã hội và tâm lý hạn chế tiếp xúc trực tiếp trong thời gian dịch bệnh. Đáng chú ý, trong giai đoạn này xuất hiện một nhóm đáng kể người lao động chuyển sang các công việc khác, chiếm 31,4%, phản ánh xu hướng đa dạng hóa sinh kế và tìm kiếm những nguồn thu nhập thay thế trong bối cảnh thị trường lao động biến động.

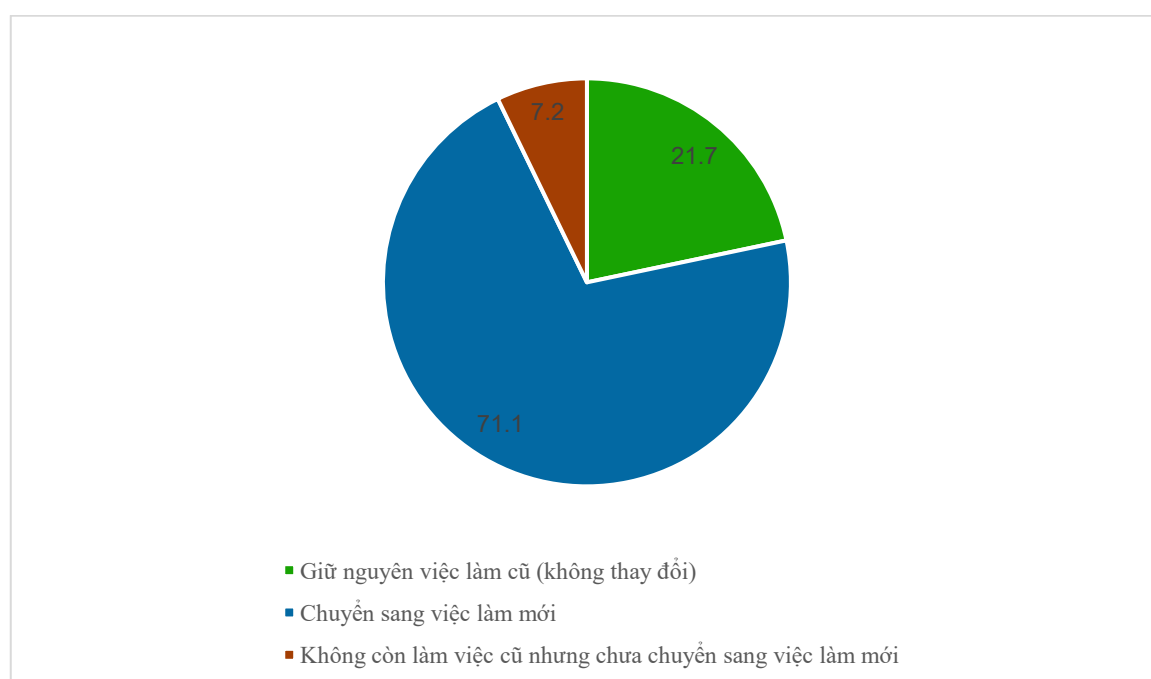
Sự chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp tiếp tục diễn ra khi xã hội bước vào giai đoạn bình thường mới. Trong giai đoạn này, các hoạt động bán buôn, bán lẻ và sửa chữa phương tiện cơ giới phục hồi mạnh mẽ, thu hút 68,9% số lao động tham gia. Hoạt động làm thuê trong các hộ gia đình tăng nhẹ lên 4,4%, trong khi tỷ lệ lao động tham gia vận tải và kho bãi giảm xuống còn 21,7%. Đối với dịch vụ lưu trú và ăn uống, tỷ lệ lao động tham gia tiếp tục giảm xuống 1,7%, cho thấy lĩnh vực này vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi ở giai đoạn bình thường mới. Bên cạnh đó, tỷ lệ người lao động thực hiện các công việc khác cũng giảm đáng kể xuống còn 3,3%, phản ánh sự ổn định dần của thị trường lao động sau khi các hoạt động kinh tế - xã hội được khôi phục.

Những thay đổi này cho thấy sự phục hồi việc làm giữa các ngành nghề không diễn ra đồng đều. Trong khi lĩnh vực bán buôn, bán lẻ và sửa chữa phương tiện cơ giới phục hồi mạnh mẽ giai đoạn bình thường mới, một số lĩnh vực khác như dịch vụ lưu trú, ăn uống hoặc lao động giúp việc gia đình vẫn phục hồi chậm hơn. Sự dịch chuyển lao động từ các ngành bị ảnh hưởng nặng sang các ngành có khả năng phục hồi nhanh hơn phản ánh tính linh hoạt trong chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự chuyển dịch nghề nghiệp này thể hiện cách thức người lao động huy động và tái cấu trúc các nguồn vốn sinh kế, đặc biệt là vốn con người và vốn vật chất, để thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Khi các nguồn sinh kế truyền thống bị gián đoạn, người lao động buộc phải điều chỉnh chiến lược sinh kế nhằm tìm kiếm các cơ hội việc làm mới, qua đó duy trì thu nhập và ổn định đời sống.

Kết quả khảo sát về mức độ ổn định việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới so với trước khi dịch bệnh bùng phát được thể hiện trong Biểu 5.8.

Biểu 5.8. Tình trạng việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với trước khi xuất hiện đại dịch Covid-19 (%)



Dữ liệu cho thấy 71,1% người lao động đã chuyển sang công việc mới giai đoạn bình thường mới, trong khi 7,2% không còn làm công việc cũ nhưng cũng chưa tìm được việc làm mới, dẫn đến tình trạng gián đoạn sinh kế. Như vậy, tổng cộng 78,3% người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không thể duy trì sự ổn định nghề nghiệp so với giai đoạn trước đại dịch. Điều này phản ánh mức độ tổn thương cao của sinh kế phi chính thức trước các cú sốc quy mô lớn như đại dịch Covid-19.

Đối với nhóm lao động không duy trì được sự ổn định nghề nghiệp này, mức độ hài lòng đối với sự thay đổi nghề nghiệp cũng có sự khác biệt đáng kể. Có 44,3% người lao động cho biết họ không thích hoặc không hài lòng với công việc mới, 30,5% có thái độ trung lập, trong khi 25,2% bày tỏ sự hài lòng với sự thay đổi nghề nghiệp của mình. Điều này cho thấy việc chuyển đổi nghề nghiệp trong bối cảnh khủng hoảng chủ yếu mang tính bắt buộc hơn là sự lựa chọn tự nguyện.

Khi được hỏi về mức độ dễ dàng của quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, chỉ 22,7% người lao động cho biết việc chuyển việc diễn ra tương đối thuận lợi, 45,0% đánh giá ở mức bình thường, trong khi 32,3% cho rằng việc chuyển đổi nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn. Những khó khăn này thường liên quan đến hạn chế về kỹ năng nghề nghiệp, sự suy giảm của các mạng lưới việc làm và những rào cản trong việc tiếp cận các cơ hội sinh kế mới.

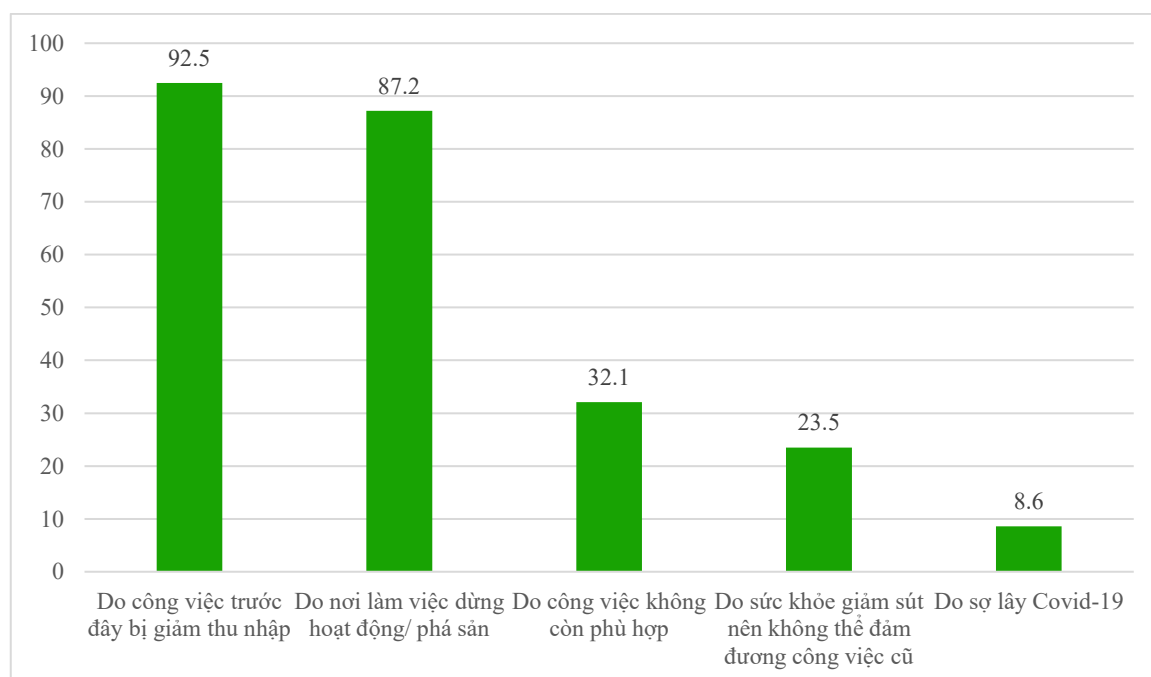
Dưới góc độ lý thuyết thích ứng, quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được xem như một chiến lược thích ứng trước các cú sốc từ môi trường bên ngoài. Khi những điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi đột ngột, người lao động buộc phải điều chỉnh hoạt động sinh kế nhằm tìm kiếm các cơ hội việc làm mới để duy trì thu nhập và đảm bảo cuộc sống. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy khả năng thích ứng này không diễn ra đồng đều giữa các nhóm lao động, bởi những người có trình độ học vấn thấp, ít kỹ năng nghề nghiệp hoặc hạn chế về mạng lưới quan hệ xã hội thường gặp nhiều khó khăn hơn trong quá trình chuyển đổi việc làm.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến mức độ ổn định việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Phần lớn người lao động phải thay đổi nghề nghiệp hoặc đối mặt với sự gián đoạn sinh kế trong thời gian đại dịch và ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới. Những thay đổi này không chỉ phản ánh tính dễ tổn thương của sinh kế phi chính thức trước các cú sốc kinh tế - xã hội, mà còn cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt của người lao động trong việc điều chỉnh chiến lược sinh kế để vượt qua khủng hoảng.

5.4.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về việc làm của lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã trình bày ở mục trước, đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến mức độ ổn định việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Hơn một nửa số người tham gia khảo sát cho biết họ đã phải thay đổi công việc so với giai đoạn trước khi đại dịch bùng phát. Để làm rõ nguyên nhân của hiện tượng này, nghiên cứu tiến hành khảo sát nhóm người lao động cho biết họ phải thay đổi việc làm trong giai đoạn bình thường mới, chiếm 51,9% tổng số người tham gia khảo sát. Kết quả phân tích được thể hiện trong Biểu 5.9.

Biểu 5.9. Nguyên nhân khiến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức thay đổi việc làm so với trước đại dịch Covid-19 (%)



Kết quả khảo sát cho thấy nguyên nhân phổ biến nhất dẫn đến sự thay đổi việc làm là thu nhập từ công việc trước đây bị giảm sút, với 92,5% người lao động xác nhận. Tiếp theo là nguyên nhân nơi làm việc phải dừng hoạt động hoặc phá sản, chiếm 87,2%. Hai yếu tố này phản ánh tác động trực tiếp của đại dịch đối với các hoạt động kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng trong thời gian dài tại các đô thị lớn như Hà Nội. Việc hạn chế đi lại, đóng cửa các cơ sở kinh doanh và gián đoạn các dịch vụ vận tải đã khiến nhiều hoạt động kinh tế phi

chính thức bị đình trệ, kéo theo sự suy giảm thu nhập và buộc người lao động phải tìm kiếm những công việc khác để duy trì sinh kế.

Những tác động này được phản ánh rõ trong các câu chuyện thực địa. Một người lao động chia sẻ: *“Trước khi đại dịch bùng phát, công việc của tôi khá ổn định. Mỗi ngày tôi làm việc từ sáng sớm đến khuya, chở khách và giao hàng khắp thành phố. Thu nhập tuy không cao nhưng đủ để trang trải chi phí sinh hoạt, nuôi hai con nhỏ và phụ giúp bố mẹ già ở quê. Khi Covid-19 xuất hiện, thành phố liên tục ra lệnh hạn chế di chuyển, cấm xe ôm chở khách và thậm chí các dịch vụ giao hàng cũng bị giới hạn trong thời gian dài. Điều này khiến công việc của tôi gần như bị gián đoạn hoàn toàn.”* (PVS, nam, 45 tuổi, lái xe ôm công nghệ).

Trích dẫn này cho thấy sự gián đoạn sinh kế của người lao động phi chính thức không chỉ xuất phát từ sự suy giảm nhu cầu thị trường mà còn từ các quy định quản lý nhằm kiểm soát dịch bệnh. Điều này làm cho nhiều công việc vốn dựa vào sự di chuyển và tương tác trực tiếp với khách hàng gần như không thể tiếp tục trong thời gian giãn cách.

Bên cạnh các nguyên nhân kinh tế, một số yếu tố cá nhân và xã hội cũng góp phần dẫn đến sự thay đổi việc làm của người lao động. Có 32,1% người lao động cho biết công việc trước đây không còn phù hợp với điều kiện mới, trong khi 25,3% cho rằng sự suy giảm sức khỏe khiến họ không thể tiếp tục đảm đương công việc cũ. Ngoài ra, 8,6% người lao động cho biết họ chủ động thay đổi công việc do lo ngại nguy cơ lây nhiễm Covid-19 trong quá trình làm việc. Một trường hợp phỏng vấn sâu cho biết: *“Gia đình tôi có mẹ già gần 80 tuổi mắc tiểu đường và huyết áp cao, bình thường tôi là người chăm sóc bà trực tiếp và đưa bà đi viện thăm khám. Đến thời gian dịch bệnh Covid-19, tôi không đưa bà đi khám được nữa do giãn cách xã hội, đã vậy công việc bán hàng của tôi lại phải tiếp xúc với nhiều người nên tôi rất lo sợ nhờ mình mắc bệnh rồi lây cho bà thì rất khổ. Vì thế tôi quyết định nghỉ ở nhà và bán online để có thu nhập, nhưng thu nhập cũng không được bằng lúc đi chợ.”* (PVS, nữ, 41 tuổi, bán hàng online).

Trường hợp này cho thấy sự thay đổi việc làm không chỉ là phản ứng trước các biến động kinh tế mà còn là kết quả của những cân nhắc liên quan đến sức khỏe

và an toàn gia đình. Người lao động buộc phải điều chỉnh chiến lược sinh kế nhằm giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng.

Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, những thay đổi việc làm trong đại dịch phản ánh sự suy giảm của các nguồn vốn sinh kế, đặc biệt là vốn tài chính và vốn vật chất gắn với các hoạt động kinh tế trước đó. Khi thu nhập từ công việc cũ bị giảm hoặc nơi làm việc phải ngừng hoạt động, người lao động buộc phải tái cấu trúc chiến lược sinh kế bằng cách tìm kiếm các nguồn thu nhập mới hoặc chuyển sang những ngành nghề khác có khả năng thích ứng tốt hơn với điều kiện kinh tế - xã hội trong thời kỳ khủng hoảng.

Đồng thời, theo lý thuyết thích ứng, quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được xem là một phản ứng thích nghi trước những cú sốc từ môi trường bên ngoài. Khi các điều kiện kinh tế và xã hội thay đổi một cách bất ngờ, người lao động phải điều chỉnh hành vi kinh tế của mình nhằm duy trì thu nhập và đảm bảo cuộc sống. Tuy nhiên, khả năng thích ứng này không diễn ra đồng đều giữa các nhóm lao động. Những người có ít kỹ năng nghề nghiệp, hạn chế về sức khỏe hoặc thiếu mạng lưới quan hệ xã hội thường gặp nhiều khó khăn hơn trong quá trình chuyển đổi việc làm.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy sự thay đổi việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 chủ yếu bắt nguồn từ sự suy giảm thu nhập của công việc cũ và việc nhiều cơ sở kinh doanh phải dừng hoạt động hoặc phá sản. Bên cạnh đó, các yếu tố liên quan đến sức khỏe, sự phù hợp của công việc và nỗi lo lây nhiễm dịch bệnh cũng góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi nghề nghiệp. Những kết quả này phản ánh rõ tính dễ tổn thương của sinh kế phi chính thức trước các cú sốc, đồng thời cho thấy nỗ lực thích ứng của người lao động trong việc điều chỉnh chiến lược sinh kế để duy trì nguồn thu nhập trong bối cảnh khủng hoảng.

5.5. Kết quả sinh kế qua mức độ hài lòng đối với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

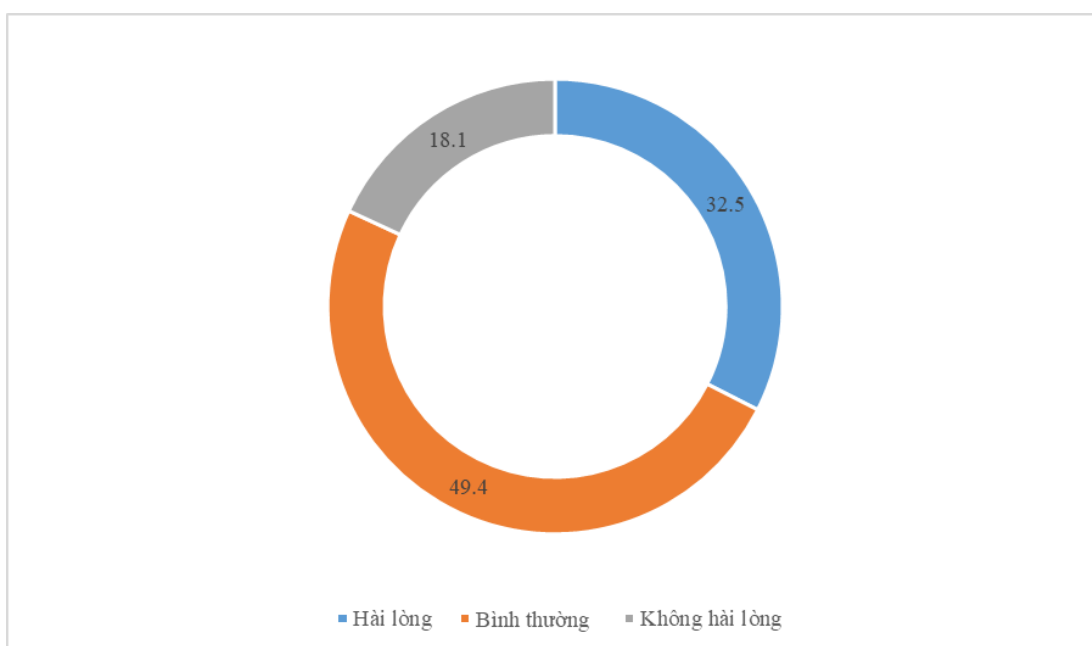
5.5.1. Thực trạng và sự thay đổi về mức độ hài lòng với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Bên cạnh các chỉ báo kinh tế như thu nhập, tích lũy hay mức độ ổn định việc làm, mức độ hài lòng đối với công việc cũng là một chỉ báo quan trọng phản ánh chất lượng sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Trong bối cảnh đại

dịch Covid-19, khi nhiều hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn và cơ cấu việc làm thay đổi đáng kể, mức độ hài lòng với công việc của người lao động cũng có những biến động đáng chú ý. Việc phân tích sự thay đổi trong cảm nhận chủ quan của người lao động đối với công việc không chỉ giúp hiểu rõ hơn về kết quả sinh kế của họ mà còn phản ánh mức độ ổn định và bền vững của các chiến lược sinh kế mà họ đã triển khai trong thời gian đại dịch.

Trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, toàn bộ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tham gia khảo sát đều có việc làm, trong đó phần lớn làm việc trong lĩnh vực vận tải và kho bãi (chiếm 51,9%) hoặc làm thuê trong các hộ gia đình (chiếm 34,9%). Các lĩnh vực khác như dịch vụ lưu trú, ăn uống hoặc bán buôn, bán lẻ chiếm tỷ lệ thấp hơn, với trên 10%. Khi được hỏi về mức độ hài lòng với công việc, kết quả khảo sát được thể hiện trong Biểu 5.10.

Biểu 5.10. Mức độ hài lòng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước Covid-19 (%)



Kết quả cho thấy chỉ 32,5% người lao động cho biết họ hài lòng với công việc của mình, trong khi 49,4% đánh giá mức độ hài lòng ở mức trung bình và 18,1% cho biết họ không hài lòng với công việc hiện tại. Điều này cho thấy ngay cả trong bối cảnh trước đại dịch, khi thị trường lao động vẫn vận hành tương đối ổn định, mức độ hài lòng với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cũng chưa thực sự cao. Thực tế này phản ánh đặc điểm phổ biến của khu vực kinh tế phi chính

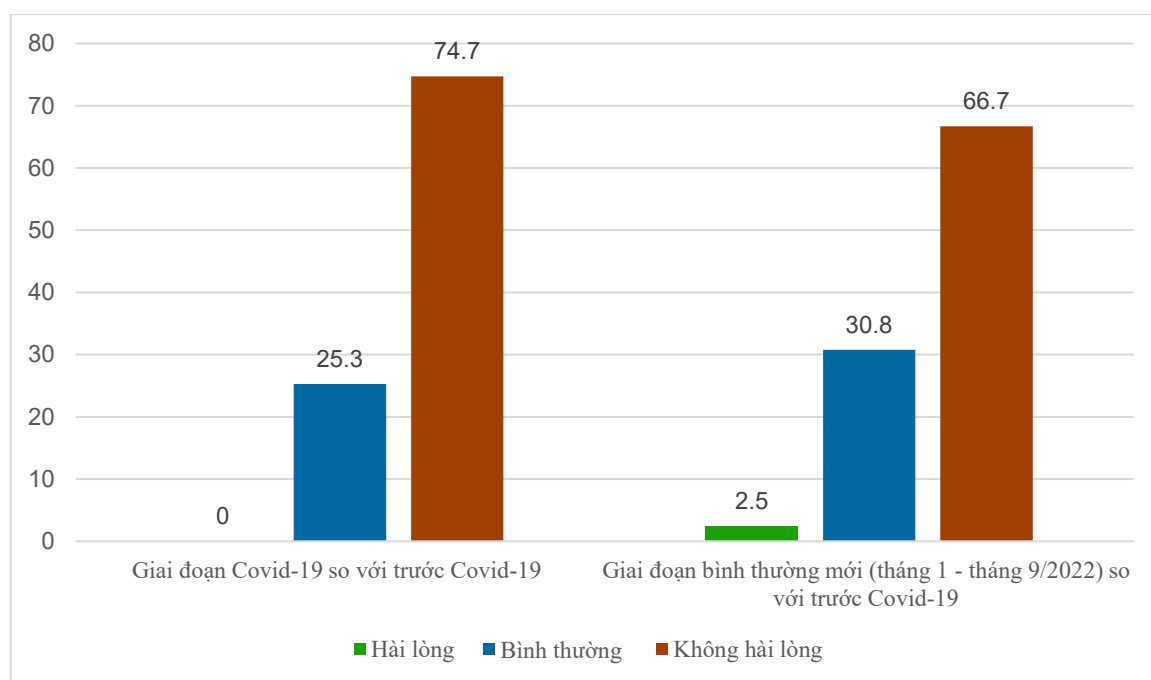
thức, nơi các công việc thường thiếu ổn định, thu nhập bấp bênh và điều kiện lao động chưa đảm bảo.

Một ý kiến phỏng vấn sâu cho biết: “*Nói chung có việc làm là vui, vì có thu nhập, cảm thấy không bị phụ thuộc vào chồng, vào con cái.*” [Trích phỏng vấn sâu, nữ, 49 tuổi, giúp việc theo giờ].

Trích dẫn này cho thấy đối với nhiều lao động phi chính thức, sự hài lòng với công việc không chỉ gắn với thu nhập mà còn liên quan đến cảm giác tự chủ kinh tế và khả năng duy trì vai trò của bản thân trong gia đình. Điều này phản ánh một khía cạnh quan trọng của sinh kế bền vững, trong đó việc làm không chỉ mang lại nguồn lực tài chính mà còn góp phần củng cố vị thế xã hội và tâm lý của người lao động.

Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, mức độ hài lòng với công việc của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã giảm sút đáng kể. Sự thay đổi này được thể hiện rõ trong Biểu 5.11.

Biểu 5.11. Mức độ hài lòng đối với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức (%)



Dữ liệu cho thấy nếu như trước đại dịch có 32,5% người lao động bày tỏ sự hài lòng với công việc thì trong giai đoạn đại dịch bùng phát, tỷ lệ này giảm xuống 0%. Khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, mức độ hài lòng với công việc

chỉ phục hồi rất nhẹ, đạt 2,5%. Trong khi đó, tỷ lệ người lao động không hài lòng với công việc tăng mạnh từ 18,1% trước đại dịch lên 74,7% trong thời gian đại dịch diễn ra và vẫn duy trì ở mức cao 66,7% trong giai đoạn bình thường mới. Những con số này cho thấy đại dịch Covid-19 không chỉ làm suy giảm các chỉ số kinh tế của sinh kế mà còn tác động mạnh đến cảm nhận chủ quan của người lao động đối với công việc của mình.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm mức độ hài lòng với việc làm phản ánh sự suy yếu của nhiều nguồn vốn sinh kế. Khi thu nhập giảm, việc làm trở nên thiếu ổn định và các cơ hội nghề nghiệp bị thu hẹp, người lao động khó có thể duy trì cảm giác an toàn và ổn định trong công việc. Điều này dẫn đến sự suy giảm về chất lượng sinh kế, không chỉ trên phương diện vật chất mà còn ở khía cạnh tâm lý - xã hội.

Đồng thời, theo lý thuyết thích ứng, sự thay đổi mức độ hài lòng với công việc cũng phản ánh quá trình điều chỉnh kỳ vọng của người lao động trước những biến động của môi trường kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh khủng hoảng, nhiều người lao động buộc phải chấp nhận những công việc tạm thời hoặc kém hấp dẫn hơn so với trước đây để duy trì thu nhập và đảm bảo cuộc sống. Mặc dù những chiến lược thích ứng này giúp họ vượt qua giai đoạn khó khăn, nhưng chúng không phải lúc nào cũng mang lại sự thỏa mãn nghề nghiệp như trước.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy đại dịch Covid-19 đã làm suy giảm đáng kể mức độ hài lòng với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Nếu trước đại dịch vẫn còn một bộ phận người lao động cảm thấy hài lòng với công việc của mình, thì trong thời gian đại dịch và ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới, phần lớn người lao động đều bày tỏ sự không hài lòng với công việc hiện tại. Điều này phản ánh những tác động sâu sắc và kéo dài của đại dịch đối với chất lượng sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

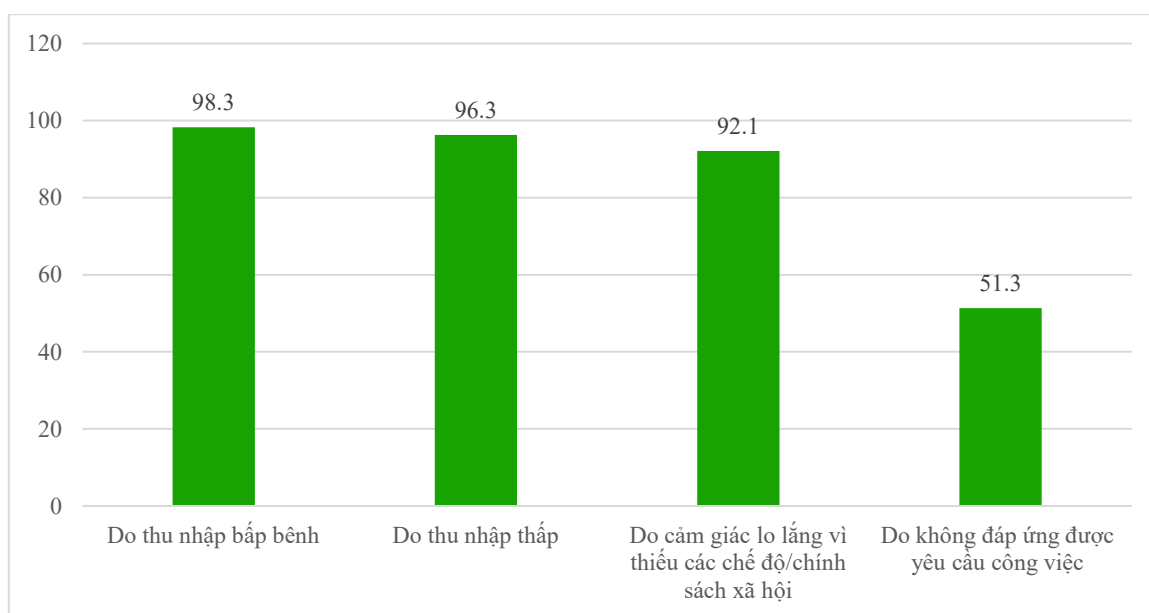
5.5.2. Nguyên nhân của sự thay đổi về mức độ hài lòng về việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19

Như đã phân tích ở mục trước, đại dịch Covid-19 đã làm suy giảm đáng kể mức độ hài lòng đối với việc làm của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Nếu trước khi đại dịch xảy ra có 32,5% người lao động cho biết họ hài lòng với công việc, thì giai đoạn bình thường mới tỷ lệ này giảm mạnh xuống chỉ còn 2,5%. Ngược lại, tỷ lệ người lao động bày tỏ sự không hài lòng với việc làm tăng từ 18,1% trước đại dịch lên 66,7% giai đoạn bình thường mới. Đồng thời, tỷ lệ người đánh giá mức độ hài lòng ở mức trung bình cũng giảm từ 49,4% xuống còn 30,8%. Những con số này cho thấy đại dịch không chỉ làm biến động các chỉ báo kinh tế của sinh kế như thu nhập hay việc làm, mà còn tác động sâu sắc đến cảm nhận chủ quan của người lao động đối với công việc của mình.

Để tìm hiểu rõ hơn những yếu tố dẫn đến sự suy giảm mức độ hài lòng với việc làm, nghiên cứu tiến hành khảo sát nhóm người lao động cho biết họ không hài lòng với công việc giai đoạn bình thường mới, chiếm 66,7% tổng số người tham gia khảo sát. Kết quả phân tích được thể hiện trong Biểu 5.12.

Biểu 5.12. Nguyên nhân khiến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không hài lòng với việc làm của họ giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) (%)



Dữ liệu khảo sát cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau khiến người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không hài lòng với công việc của mình giai đoạn bình thường mới. Trong đó, những nguyên nhân có tỷ lệ lựa chọn cao nhất liên quan trực tiếp đến các điều kiện kinh tế của việc làm. Cụ thể, phần lớn người lao động cho

rằng họ không hài lòng với công việc do thu nhập thấp, thu nhập bấp bênh và thiếu các chế độ an sinh xã hội, bao gồm bảo hiểm, phúc lợi xã hội hoặc hợp đồng lao động. Tỷ lệ người lao động xác nhận các nguyên nhân này đều vượt 92,0%, cho thấy đây là mối lo ngại chung của phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Ngoài các yếu tố kinh tế trực tiếp, một số nguyên nhân khác cũng góp phần làm giảm mức độ hài lòng với công việc của người lao động, bao gồm cảm giác thiếu an toàn trong công việc, sự bất ổn về sinh kế và nỗi lo về tương lai kinh tế của bản thân cũng như gia đình. Những yếu tố này phản ánh những áp lực tâm lý - xã hội mà người lao động khu vực kinh tế phi chính thức phải đối mặt khi đại dịch đi qua.

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững, sự suy giảm mức độ hài lòng với việc làm phản ánh sự suy yếu của nhiều nguồn vốn sinh kế, đặc biệt là vốn tài chính và vốn thể chế. Khi thu nhập giảm và việc làm trở nên bấp bênh, khả năng đảm bảo sinh kế của người lao động bị suy giảm đáng kể. Đồng thời, việc thiếu các cơ chế bảo vệ xã hội như bảo hiểm hoặc hợp đồng lao động khiến người lao động cảm thấy thiếu an toàn trước các rủi ro kinh tế - xã hội. Điều này làm cho sinh kế của họ trở nên kém bền vững và dễ bị tổn thương hơn trước những cú sốc như đại dịch Covid-19.

Bên cạnh đó, từ góc độ lý thuyết thích ứng, sự thay đổi trong mức độ hài lòng với công việc cũng phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động trong bối cảnh môi trường kinh tế - xã hội biến động mạnh. Trong thời gian đại dịch và giai đoạn phục hồi sau đó, nhiều người lao động buộc phải chấp nhận những công việc tạm thời, thu nhập thấp hoặc ít ổn định hơn so với trước đây để duy trì nguồn sống. Mặc dù những chiến lược thích ứng này giúp họ vượt qua giai đoạn khủng hoảng, nhưng chúng không nhất thiết mang lại sự thỏa mãn nghề nghiệp như trước, từ đó dẫn đến sự suy giảm đáng kể trong mức độ hài lòng với công việc.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn đại dịch Covid-19 và cả khi xã hội bước sang trạng thái bình thường mới, phần lớn người lao động khu vực kinh tế phi chính thức không hài lòng với việc làm của mình. Các nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tính chất bấp bênh và thu nhập thấp của công việc, cũng như sự thiếu hụt các cơ chế bảo vệ xã hội dành cho nhóm lao động này. Điều này cho thấy rằng mặc dù người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã có những chiến lược

thích ứng linh hoạt để duy trì sinh kế trong bối cảnh khủng hoảng, nhưng chất lượng việc làm của họ vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được kỳ vọng về sự ổn định và an toàn nghề nghiệp.

5.6. Tiểu kết chương 5

Chương 5 của luận án đã phân tích kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trên bốn phương diện chính: thu nhập, tích lũy, mức độ ổn định việc làm và mức độ hài lòng đối với việc làm. Những kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 đã tạo ra những tác động sâu sắc và đa chiều đối với sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Trước hết, trên phương diện thu nhập, kết quả khảo sát cho thấy nguồn thu nhập của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức bị suy giảm đáng kể trong thời gian đại dịch và chưa thể phục hồi hoàn toàn ngay cả khi xã hội bước sang giai đoạn bình thường mới. Trước khi đại dịch xảy ra, thu nhập của người lao động phi chính thức chủ yếu đến từ hai nguồn chính là tiền lương từ việc làm thuê và thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán. Tuy nhiên, các biện pháp giãn cách xã hội và sự gián đoạn của các hoạt động kinh tế đã khiến nhiều người lao động mất việc hoặc bị giảm giờ làm, dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng về thu nhập. Mặc dù giai đoạn bình thường mới một số nguồn thu nhập đã được khôi phục, nhưng phần lớn người lao động vẫn chưa thể đạt được mức thu nhập như trước đây. Điều này cho thấy tính dễ tổn thương của sinh kế phi chính thức trước đại dịch Covid-19.

Trên phương diện tích lũy tài chính, kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng tích lũy của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vốn đã khá hạn chế trước đại dịch và tiếp tục suy giảm mạnh trong thời gian dịch bệnh. Trong bối cảnh thu nhập giảm sút hoặc bị gián đoạn, nhiều người lao động buộc phải sử dụng các khoản tích lũy để trang trải chi phí sinh hoạt, chi phí y tế hoặc đầu tư cho việc tìm kiếm sinh kế mới. Ngay cả khi đại dịch đã qua đi, phần lớn người lao động vẫn chưa thể khôi phục mức tích lũy như trước. Điều này phản ánh một thực tế rằng sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức thiếu các cơ chế bảo vệ tài chính trước những cú sốc bất ngờ, khiến họ dễ rơi vào tình trạng suy giảm nguồn lực sinh kế trong dài hạn.

Đối với mức độ ổn định việc làm, kết quả nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi đáng kể cơ cấu và tính ổn định của việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức. Hơn một nửa số người lao động tham gia khảo sát cho biết họ phải thay đổi việc làm so với trước khi đại dịch bùng phát. Sự chuyển dịch nghề nghiệp diễn ra khá rõ nét giữa các lĩnh vực, trong đó một số ngành nghề như vận tải, giao hàng hoặc bán buôn, bán lẻ thu hút nhiều lao động hơn trong khi các lĩnh vực như dịch vụ lưu trú, ăn uống hoặc làm thuê trong các hộ gia đình bị suy giảm. Sự thay đổi này phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược sinh kế của người lao động nhằm thích nghi với những biến động của thị trường lao động trong bối cảnh khủng hoảng.

Trên phương diện mức độ hài lòng với việc làm, kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức giảm sút đáng kể trong và sau thời gian đại dịch. Nếu trước đại dịch vẫn còn một bộ phận người lao động cảm thấy hài lòng với công việc của mình, thì giai đoạn bình thường mới tỷ lệ này giảm xuống rất thấp, trong khi tỷ lệ người lao động không hài lòng với công việc tăng lên đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này xuất phát từ thu nhập thấp, tính chất bấp bênh của việc làm và sự thiếu hụt các chế độ an sinh xã hội. Điều này cho thấy chất lượng việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là trước các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19.

Nhìn dưới góc độ khung sinh kế bền vững, những kết quả nghiên cứu của chương này cho thấy đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến nhiều nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt là vốn tài chính và vốn con người. Sự suy giảm thu nhập, tích lũy và tính ổn định việc làm đã làm suy yếu khả năng chống chịu của sinh kế, đồng thời làm gia tăng mức độ dễ tổn thương của người lao động trước các rủi ro kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vẫn thể hiện những nỗ lực đáng kể trong việc duy trì sinh kế thông qua việc điều chỉnh các chiến lược việc làm và tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế.

Dưới góc nhìn của lý thuyết thích ứng, những thay đổi trong việc làm, thu nhập và chiến lược sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có thể được xem là những phản ứng thích nghi trước các cú sốc lớn như đại dịch Covid-19. Khi

các điều kiện kinh tế thay đổi, người lao động buộc phải điều chỉnh hành vi kinh tế của mình để duy trì sinh kế và đảm bảo cuộc sống. Mặc dù các chiến lược thích ứng này giúp họ vượt qua giai đoạn khó khăn, nhưng trong nhiều trường hợp chúng chỉ mang tính tạm thời và chưa đủ để khôi phục hoàn toàn chất lượng sinh kế như trước khi đại dịch xảy ra.

Những phân tích từ kết quả sinh kế của lao động khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy có nhiều vấn đề đặt ra khi nghiên cứu về nhóm đối tượng rất dễ bị tổn thương này. Đó là sự thiếu thốn trong khả năng tích lũy tài sản, dẫn đến khả năng ứng phó với rủi ro như đại dịch Covid-19 càng trở nên khó khăn hơn. Đó là tính chất công việc với mức thu nhập thấp và thiếu ổn định, hầu như đứng ngoài lưới an sinh xã hội khiến họ trở thành những đối tượng bị tác động đầu tiên và nặng nề nhất trong bối cảnh đại dịch. Những thực trạng trên về kết quả sinh kế khiến họ hầu như thiếu hoặc không hài lòng với công việc của họ ngay cả ở giai đoạn trước đại dịch Covid-19 bùng phát. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa trong việc rút ra bài học ứng phó với đại dịch Covid-19 mà còn mang giá trị thực tiễn trong việc hỗ trợ người lao động khu vực kinh tế phi chính thức ứng phó với những trường hợp tương tự như đại dịch Covid-19 có thể xuất hiện trong tương lai.

Tóm lại, các kết quả nghiên cứu của chương này cho thấy đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động sâu sắc đối với sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trên nhiều phương diện. Những tác động này không chỉ thể hiện ở sự suy giảm thu nhập và tích lũy mà còn ở sự bất ổn của việc làm và sự giảm sút mức độ hài lòng đối với công việc của họ. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao tính bền vững của sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong bối cảnh những biến động kinh tế - xã hội ngày càng phức tạp.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án này được thực hiện với mục tiêu phân tích thực trạng các nguồn vốn sinh kế, cách thức người lao động khu vực kinh tế phi chính thức vận dụng các nguồn vốn sinh kế để ứng phó với cú sốc kinh tế - xã hội do đại dịch Covid-19 gây ra, cũng như đánh giá các kết quả sinh kế của họ trong bối cảnh khủng hoảng và giai đoạn phục hồi giai đoạn bình thường mới. Trên cơ sở vận dụng khung sinh kế bền vững kết hợp với lý thuyết thích ứng, nghiên cứu đã tiếp cận sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức như một quá trình động, trong đó các cá nhân và hộ gia đình liên tục huy động, tái cấu trúc và điều chỉnh các nguồn lực sinh kế để đối phó với những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm đối với 360 người lao động khu vực kinh tế phi chính thức tại Hà Nội, luận án rút ra một số kết luận chính sau đây:

Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn vốn sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước đại dịch Covid-19 nhìn chung khá hạn chế và thiếu tính ổn định. Trong năm loại vốn sinh kế theo khung sinh kế bền vững, vốn con người và vốn xã hội là những nguồn lực quan trọng nhất mà người lao động có thể dựa vào để duy trì hoạt động sinh kế. Trong khi đó, các loại vốn khác như vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn vật chất thường ở mức thấp và phân bố không đồng đều giữa các nhóm lao động. Phần lớn người lao động phi chính thức có trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp không cao, ít tích lũy tài chính và thiếu các tài sản sản xuất có giá trị. Điều này khiến sinh kế của họ dễ bị tổn thương ngay cả trước khi đại dịch xảy ra.

Thứ hai, đại dịch Covid-19 đã tạo ra những cú sốc mạnh đối với hệ thống sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, làm suy giảm đáng kể nhiều nguồn vốn sinh kế quan trọng. Các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế di chuyển và đóng cửa các hoạt động kinh doanh trong thời gian dịch bệnh đã khiến nhiều người lao động mất việc, giảm giờ làm hoặc phải tạm dừng hoạt động kinh tế. Điều này dẫn đến sự suy giảm đáng kể về thu nhập, tích lũy tài chính và tính ổn định của việc làm. Nhiều người lao động buộc phải sử dụng các khoản tiết kiệm vốn đã hạn chế để trang

trải chi phí sinh hoạt, chi phí y tế hoặc đầu tư cho các hoạt động sinh kế mới. Hệ quả là khả năng chống chịu của sinh kế bị suy yếu đáng kể, khiến nhiều người lao động rơi vào tình trạng bất ổn kinh tế và tâm lý kéo dài ngay cả sau khi đại dịch đã qua đi.

Thứ ba, trong bối cảnh đó, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đã vận dụng khá linh hoạt các nguồn vốn sinh kế để xây dựng các chiến lược thích ứng với đại dịch Covid-19. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba chiến lược sinh kế chính được người lao động áp dụng bao gồm: duy trì và điều chỉnh các hoạt động sinh kế hiện có, chuyển đổi việc làm và chấp nhận gián đoạn sinh kế trong một số thời điểm nhất định. Trong quá trình này, vốn con người, vốn xã hội và vốn vật chất đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Vốn con người thể hiện qua sức khỏe, kinh nghiệm lao động và khả năng học hỏi giúp người lao động thích nghi với các công việc mới. Vốn xã hội, bao gồm các mạng lưới quan hệ gia đình, bạn bè, đồng hương và cộng đồng, trở thành nguồn lực quan trọng giúp người lao động tìm kiếm cơ hội việc làm, vay mượn tiền hoặc nhận được sự hỗ trợ trong những thời điểm khó khăn. Bên cạnh đó, một số loại vốn vật chất như nhà ở hoặc phương tiện đi lại cũng được tận dụng để tạo ra các hình thức sinh kế mới trong bối cảnh giãn cách xã hội.

Thứ tư, các kết quả sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19 nhìn chung cho thấy sự suy giảm đáng kể về chất lượng sinh kế. Thu nhập của phần lớn người lao động bị giảm sút nghiêm trọng trong thời gian đại dịch và chưa thể phục hồi hoàn toàn trong giai đoạn bình thường mới. Khả năng tích lũy tài chính của người lao động cũng suy giảm mạnh do họ phải sử dụng các khoản tiết kiệm để duy trì cuộc sống. Bên cạnh đó, tính ổn định của việc làm bị ảnh hưởng rõ rệt khi hơn một nửa số người lao động phải thay đổi nghề nghiệp hoặc chuyển sang các công việc tạm thời và kém ổn định hơn. Những biến động này cũng kéo theo sự suy giảm đáng kể về mức độ hài lòng với việc làm của người lao động, phản ánh những áp lực kinh tế và tâm lý mà họ phải đối mặt trong và giai đoạn bình thường mới.

Thứ năm, từ góc nhìn của lý thuyết thích ứng, các phản ứng của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trước đại dịch Covid-19 cho thấy khả năng thích ứng tương đối linh hoạt của nhóm lao động này, mặc dù nguồn lực sinh kế của họ

còn hạn chế. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi đột ngột, người lao động đã chủ động điều chỉnh chiến lược sinh kế thông qua việc chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm các hình thức việc làm mới hoặc tận dụng các mạng lưới xã hội để duy trì sinh kế. Tuy nhiên, các chiến lược thích ứng này chủ yếu mang tính ngắn hạn và phụ thuộc nhiều vào nguồn lực cá nhân và mạng lưới xã hội của người lao động. Trong nhiều trường hợp, chúng chưa đủ để đảm bảo sự phục hồi bền vững của sinh kế sau khủng hoảng.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, luận án cho thấy sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có tính dễ tổn thương cao trước các cú sốc kinh tế - xã hội quy mô lớn như đại dịch Covid-19. Mặc dù người lao động đã thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt thông qua việc điều chỉnh các chiến lược sinh kế, nhưng những hạn chế về nguồn vốn sinh kế và sự thiếu hụt các cơ chế bảo vệ xã hội khiến quá trình phục hồi sinh kế của họ gặp nhiều khó khăn.

Tóm lại, nghiên cứu khẳng định rằng việc tăng cường khả năng chống chịu và tính bền vững của sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức cần được xem như một nội dung quan trọng trong các chính sách phát triển xã hội. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa việc nâng cao năng lực của người lao động, mở rộng các cơ hội việc làm bền vững và xây dựng các cơ chế bảo vệ xã hội phù hợp cho khu vực kinh tế phi chính thức, nhằm giúp nhóm lao động này có thể ứng phó hiệu quả hơn với những biến động kinh tế - xã hội trong tương lai.

2. Khuyến nghị

Từ các kết quả nghiên cứu của luận án, có thể rút ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao tính bền vững của sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức.

Trước hết, cần tăng cường các cơ chế bảo vệ xã hội đối với người lao động khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt trong bối cảnh các cú sốc kinh tế - xã hội như đại dịch Covid-19. Cần mở rộng phạm vi bao phủ của các chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế và các chương trình trợ giúp xã hội để bảo đảm rằng người lao động khu vực phi chính thức có thể tiếp cận các cơ chế bảo vệ cơ bản khi gặp rủi ro.

Thứ hai, cần tăng cường các chính sách hỗ trợ sinh kế và tạo việc làm bền vững cho khu vực kinh tế phi chính thức. Điều này có thể được thực hiện thông qua

việc phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận các nguồn vốn tín dụng nhỏ. Việc nâng cao trình độ kỹ năng và năng lực nghề nghiệp sẽ giúp người lao động có khả năng thích ứng tốt hơn với những biến động của thị trường lao động.

Thứ ba, cần phát huy vai trò của các mạng lưới xã hội và cộng đồng trong việc hỗ trợ sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp người lao động tìm kiếm việc làm, tiếp cận nguồn lực và vượt qua những giai đoạn khó khăn. Do đó, các chính sách phát triển cộng đồng, hỗ trợ các tổ chức xã hội và các nhóm tự trợ trong khu dân cư có thể góp phần tăng cường khả năng chống chịu của sinh kế phi chính thức.

Thứ tư, cần lồng ghép các chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế phi chính thức vào các chiến lược phát triển đô thị và phát triển xã hội bền vững. Khu vực kinh tế phi chính thức không chỉ là nguồn sinh kế quan trọng của một bộ phận lớn dân cư đô thị mà còn đóng góp đáng kể vào hoạt động kinh tế của thành phố. Vì vậy, các chính sách phát triển cần hướng tới việc tạo ra môi trường thuận lợi để khu vực này có thể phát triển ổn định và bền vững hơn.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy việc nâng cao khả năng chống chịu và tính bền vững của sinh kế cho người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đòi hỏi sự kết hợp giữa các chính sách kinh tế, xã hội và thể chế. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tác động của các cú sốc kinh tế - xã hội trong thời gian tới mà còn góp phần thúc đẩy phát triển xã hội bền vững.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Linh (2022), “Employment, livelihood in Vietnam during the Covid-19 pandemic”, *Криминологический журнал* (4), pp. 215 -219.
2. Nguyễn Thị Linh (2023), “Employment and income of workers in the informal economy in Vietnam”, *Eurasian Law Journal* (180), pp. 487- 489.
3. Nguyễn Thị Linh (2024), “Giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (<https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/12/24/giai-phap-hoan-thien-chinh-sach-phap-luat-ve-an-sinh-xa-hoi/>).
4. Nguyễn Thị Linh (2024), “Employment problems of Vietnamese workers in the current context”, *ISRG Journal of Arts, Humanities and Social Sciences II* (VI), pp. 77-82.
5. Nguyễn Thị Linh (2025), “Bảo đảm an sinh xã hội cho người dân Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/12/23/bao-dam-an-sinh-xa-hoi-cho-nguoi-dan-viet-nam-trong-boi-can-phat-trien-moi/>).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hải Anh (2020), “Thu nhập lao động phi chính thức giảm 8,4% so với cùng kỳ năm ngoái”, *Báo Lao động*, <https://laodong.vn/cong-doan/thu-nhap-lao-dong-phi-chinh-thuc-giam-84-so-voi-cung-ky-nam-ngoai-819015.ldo>, [truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2022].
2. Nguyễn Tuấn Anh (chủ biên, 2021), *Giáo trình chính sách xã hội*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành TW Đảng (2012), “Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”, *Hệ thống Tư liệu-Văn kiện Đảng*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/ngphi-quyet-so-15-nqtw-ngay-1062012-hoi-nghi-lan-thu-5-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-mot-so-van-de-ve-557>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2024].
4. Ban Chấp hành TW Đảng (2018), “Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”, *Hệ thống Tư liệu-Văn kiện Đảng*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-28-nqtw-ngay-2352018-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-cai-cach-chinh-sach-bao-4301>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2024].
5. Bộ Y tế (2023), “8 dấu mốc không thể nào quên suốt 3 năm Việt Nam chống dịch Covid-19”, *Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế*, https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-dia-phuong/-/asset_publisher/gHbla8vOQDuS/content/-infographic-8-dau-moc-khong-the-nao-quen-suot-3-nam-viet-nam-chong-dich-covid-19, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2025].
6. Lê Thị Thanh Bình (2021), “Tác động của đại dịch Covid-19 tới lao động, việc làm ở một số nhóm dễ bị tổn thương”, *Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam*, <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hocxa-hoi-va-nhan-van/>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].

7. Trần Văn Bình (2015), *Biến đổi sinh kế của cộng đồng người Dao vùng lòng hồ Thủy Điện Tuyên Quang sau tái định cư*, Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2012), “Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020”, *Thư viện Pháp luật*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Nghi-quyet-21-NQ-TW-nam-2012-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-Dang-cong-tac-bao-hiem-151981.aspx>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2024].
9. Quỳnh Chi (2025), “Năm 2024 Hà Nội có 51,6% lao động trong khu vực phi chính thức”. *Báo Lao động*, <https://laodong.vn/cong-doan/nam-2024-ha-noi-co-516-lao-dong-trong-khu-vuc-phi-chinh-thuc-1600298.lido>, [truy cập ngày 1 tháng 11 năm 2025].
10. Cơ quan Thống kê Quốc gia - Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2022), “Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư 2022”, *Cục Thống kê*, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-2022/#>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2024].
11. Nguyễn Văn Công (2016), *Đề tài nghiên cứu khoa học: Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn sinh kế của hộ nông dân ở tỉnh Bắc Kạn*, Trường Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
12. Nguyễn Tấn Dũng, Phan Thuận (2021), “Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của cư dân vùng hạn mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ* 57 (1C), tr. 210-216.
13. Nhật Dương (2024), “Thu nhập của lao động phi chính thức thấp hơn đáng kể so với nhóm chính thức”, *Việt Nam Economy*, <https://vneconomy.vn/thu-nhap-cua-lao-dong-phi-chinh-thuc-thap-hon-dang-ke-so-voi-nhom-chinh-thuc.htm>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2025].
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

15. Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ (2016), “Sử dụng khung sinh kế bền vững để phân tích sinh kế của cộng đồng dân tộc xã Vân Lăng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Thái Nguyên* 62 (13), tr. 145-150.
16. Vũ Quang Hà (2001), *Các lý thuyết xã hội học* Tập 1, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
17. Lê Phương Hòa (2021), “Tác động của dịch Covid-19 tới lao động nữ di cư tại khu vực kinh tế phi chính thức (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh)”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Covid-19, đại dịch và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững*, tr. 208-218.
18. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí (2008), “Giới thiệu các khái niệm chuẩn quốc tế liên quan đến việc làm phi chính thức”, *Tạp chí Lao động và Xã hội* (334), tr. 41-43.
19. ILO (2020), “Đại dịch Covid-19 với thị trường lao động Việt Nam”, Hà Nội.
20. ILO (2020), “Covid-19 và việc làm: Tác động và ứng phó”, Hà Nội.
21. ILO (2021), “Lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động”, Hà Nội
22. IPSARD/MARD (2020), *Đánh giá nhanh về tác động của Covid-19 đối với sinh kế nông thôn ở Việt Nam*, VCCI, Hà Nội.
23. Jean-Pierre Cling, Mireille Razafindrakoto, & François Roubaud (2011), *Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
24. Ngô Phương Lan (2014), *Từ Lúa sang Tôm, hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Nhạc Phan Linh (2022), “Người lao động đối diện tình trạng bấp bênh về sinh kế”, *Báo Lao động*, <https://laodong.vn/cong-doan/nguoi-lao-dong-doi-dien-tinh-trang-bap-benh-ve-sinh-ke-1019840.lido>, [truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2023].
26. Phan Xuân Lĩnh (2015), *Sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

27. Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Huy Thắng (2011), “Sinh kế bền vững cho cư dân ven bờ vịnh Bắc bộ - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Xã hội học* (4), tr. 54-66
28. Hồng Minh, Việt Anh và các cộng sự (2023), “Dấu mốc quan trọng 2 năm đại dịch Covid-19 tấn công Việt Nam”, *Báo Nhân dân điện tử*, <https://special.nhandan.vn/daumoc-Covid-19/index.html>, [truy cập ngày 1 tháng 5 năm 2025].
29. Ngân hàng Phát triển châu Á (2007), *Sổ tay đánh giá nghèo đói và thị trường có sự tham gia*, Dự án nâng cao hiệu quả thị trường cho người nghèo, Ngân hàng Thế giới, Hà Nội.
30. Trần Oanh (2024), “Chênh lệch lớn thu nhập lao động chính thức và phi chính thức”, *Kinh tế và đô thị*, <https://kinhtedothi.vn/chenh-lech-lon-thu-nhap-lao-dong-chinh-thuc-va-phi-chinh-thuc.html>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2025].
31. Nguyễn Đăng Hiệp Phô (2016), “Tiếp cận lý thuyết khung sinh kế bền vững của DFID trong nghiên cứu sinh kế của người Mạ ở Vườn quốc gia Cát Tiên”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai* (02), tr. 101-112.
32. Quốc hội (2019), *Luật Lao động*, Thư viện Pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2025].
33. Nguyễn Văn Sửu (2010), “Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo”, *Tạp chí Dân tộc học* (2), tr. 3-12.
34. Minh Sơn (2020), “Gần 31 triệu người mất việc, giảm thu nhập vì Covid-19”, *Báo VN Express*, <https://vnexpress.net/gan-31-trieu-nguoi-mat-viec-giam-thu-nhap-vi-covid-19-4128450.html>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
35. Vũ Trường Sơn (2021), “Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và hàm ý chính sách”, *Tạp chí Ngân hàng*, <https://tapchinganhang.gov.vn/kinh-te-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-va-ham-y-chinh-sach-11143.html>, [truy cập ngày 1 tháng 4 năm 2023].
36. Đào Thanh Thái (2015), *Biến đổi sinh kế của người Dao di cư tự do tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

37. Nguyễn Thảo (2013), “Nghiên cứu, trao đổi: Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất”, *Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương*, <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/201310/chinh-sach-boi-thuong-ho-tro-tai-dinh-cu-cho-nguoi-bi-thu-hoi-dat-292631/> [truy cập ngày 10 tháng 10 năm 2013].
38. Nguyễn Duy Thắng (2007), “Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hóa”, *Tạp chí Xã hội học* (4), tr. 37-47.
39. Đỗ Thị Thu (2022), “Lao động phi chính thức ở Việt Nam trước tác động của CPTPP”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo online*, <https://kinhtevadubao.vn/lao-dong-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-truoc-tac-dong-cua-cptpp-23232.html>, [truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2023].
40. Thủ tướng Chính phủ (2019), “Quyết định số 146/QĐ-TTg Phê duyệt đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát”, *Thư viện Pháp luật*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-146-QĐ-TTg-2019-De-an-Thong-ke-khu-vuc-kinh-te-chua-duoc-quan-sat-406574.aspx>, [truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2024].
41. Tổng cục Thống kê và ILO (2016), *Báo cáo lao động phi chính thức 2016*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
42. Tổng cục Thống kê (2019), *Công văn số 1127/TCTK-TKQG, ngày 13-9-2019 “Về hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình”*, Hà Nội.
43. Tổng cục Thống kê (2021a), *Lao động việc làm, tác động của Covid-19*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
44. Tổng cục Thống kê (2021b), *Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
45. Tổng cục Thống kê (2021c), “Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm Quý IV năm 2021 và chỉ số phát triển con người Việt Nam 2016-2020”, *Cơ quan thống kê quốc gia – Cục Thống kê - Bộ Tài chính*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao->

- chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020/, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
46. Tổng cục Thống kê (2021d), *Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
 47. Tổng cục Thống kê (2021e), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
 48. Tổng cục Thống kê (2022a), *Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
 49. Tổng cục Thống kê (2022b), “Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý I năm 2022”, *Cơ quan thống kê quốc gia – Cục Thống kê - Bộ Tài chính*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/04/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-i-nam-2022/>, [truy cập ngày 1 tháng 3 năm 2023].
 50. Nguyễn Trang (2021), “Người dân ô ạt về quê dự báo sẽ thiếu lao động trầm trọng”, *VOV*, <https://vov.vn/xa-hoi/viec-lam/nguoi-dan-o-at-ve-que-du-bao-se-thieu-lao-dong-tram-trong-896590.vov>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
 51. Bùi Trinh (2021), “Tiết kiệm của dân cư không còn bao nhiêu”, *Kinh tế Sài Gòn Online*, <https://thesaigontimes.vn/tiet-kiem-cua-dan-cu-khong-con-bao-nhieu/>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2025].
 52. Đào Thanh Trường, Hoàng Thu Hương và Nguyễn Thị Kim Nhung (2021), “Tổng quan về chính sách xã hội ứng phó với đại dịch Covid-19 trên thế giới và Việt Nam”, *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies* 37 (40), tr. 1-13.
 53. Bùi Văn Tuấn (2015), “Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa”, *Tạp chí Khoa học* (5), tr. 96-108.
 54. UN Women (2020), “Đánh giá tác động kinh tế xã hội của đại dịch Covid-19 đối với hộ gia đình và doanh nghiệp dễ bị tổn thương ở Việt Nam - Phân tích có tính tới yếu tố giới”, *Open Development Vietnam*, <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/announcements/summary-report-covid-19-socio-economic-impact-on-vulnerable-households-and->

- enterprises-in-viet-nam-a-gender-sensitive-assessment/, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
55. UN Women (2021), “Tác động của đại dịch Covid-19 đến các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, tiếp cận các chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt, từ góc độ bình đẳng giới”, *Liên hợp quốc Việt Nam*, <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/75626>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
 56. UNICEF (2020), *Đánh giá nhanh tác động kinh tế và xã hội của đại dịch Covid-19 đối với trẻ em và gia đình tại Việt Nam*, Unicef Vietnam, Hà Nội.
 57. UNICEF (2020), *Covid-19 đang thay đổi thế giới như thế nào: Góc nhìn từ thống kê*, Unicef Vietnam, Hà Nội.
 58. UNICEF (2022), *Tác động kinh tế - xã hội của dịch Covid-19 lên trẻ em và các hộ gia đình tại Việt Nam (Nghiên cứu sâu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bắc Giang)*, Unicef Việt Nam, Hà Nội.
 59. Văn phòng Điều phối viên thường trú của Liên Hợp quốc (2020), *Tóm tắt về tác động kinh tế của Covid-19 tại Việt Nam*, UNDP, Hà Nội.
 60. Viện Dinh dưỡng (2020), *Đánh giá nhanh về tác động của đại dịch Covid-19 đối với dinh dưỡng*, Bộ Y tế, Hà Nội.
 61. Nguyễn Đức Vinh, Vũ Mạnh Lợi, Nguyễn Đức Chiên (2021), “Tổng quan về tác động xã hội của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam”, *Tạp chí Xã hội học* 1 (153), tr. 9-26.
 62. Anh Vũ (2020), “5 triệu lao động tạm nghỉ, mất việc làm vì dịch Covid-19”, *Thanh niên*, <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/5-trieu-lao-dong-tam-nghi-mat-viec-lam-vi-dich-covid-19-1215306.html>, [truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2022].
 63. World Bank (2021), “*Những bài học và kinh nghiệm ban đầu từ đại dịch Covid-19 tại Việt Nam: Tổng quan và những cân nhắc chính sách*”, Hà Nội.

Tiếng Anh

64. Akter.S., Rahman. S. (2012), *Investigating Livelihood Security in Poor Settlements in Bangladesh*, Conference of the Agricultural Economics Society, University of Warwick, United Kingdom.

65. Ali, M., Bhuiyan, M. (2020), “Around 1.7m youths may lose jobs in 2020 for pandemic”, *The Business Standard* (<https://tbsnews.net/bangladesh/around-17m-youths-may-lose-jobs-2020-pandemic-121351>).
66. Alon, Titan, Matthias Doepke, Jane Olmstead-Rumsey and Michèle Tertilt (2020), “This Time It’s Different: The Role of Women’s Employment in a Pandemic Recession”, *NBER Working paper* (27660), pp. 1-64.
67. Angus Stevenson (2010), *Oxford Dictionary of English* , Oxford University Press, Oxford.
68. Anisul Haque, M. Shah Alam Khan et al. (2016), *Development of a sustainable livelihood security model for storm-surge hazard in the coastal areas of Bangladesh*, Stochastic Environmental Research and Risk Assessment.
69. Ashley, C., Carney, D. (1999), *Sustainable Livelihoods: Lessons from Early Experience*, DFID.
70. Asian Development Bank (2012), *The informal sector and informal employment in Bangladesh*, ADB.
71. Baker, S. R., Bloom, N., Davis, S. J., Kost, K., Sammon, M., & Viratyosin, T. (2020), “The unprecedented stock market reaction to Covid-19”, *The Review of Asset Pricing Studies* 10 (4), pp. 742-758.
72. Barkat, A (2020), “Covid -19: The curious case of the dog that did not bark”, *Medical Journal of Dr.D.Y.Patil Vidyapeeth* (3), pp. 37-48.
73. Banerjee (2020), “Skill, informality, and work in pandemic times: Insights from India”, A. Eckert, F. Hentschke (Eds.), *Corona and work around the Globe*, De Gruyter, Berlin, Boston (2020), pp. III-IX.
74. Bear et al A. Eckert, F. Hentschke (2020), “Corona and work around the Globe”, *De Gruyter, Berlin, Boston* (2020), pp. VVIII-VVX.
75. Binder, C (2020), “Coronavirus fears and macroeconomic expectations”, *Review of Economics and Statistics* 102 (4), pp. 721-730.
76. Blaikie P., Cannon T., Davis I., Wisner B. At Risk (2004), *Natural Hazards, People’s Vulnerability, and Disasters*, New York, NY: Routledge.

77. Blundell, J., Machin, S., & Ventura, M. (2020), *Covid-19 and the self-employed: Six months into the crisis*, Centre for Economic Performance, London School of Economics and Political Science.
78. Boneva, T., Golin, M., Adams-Prassl, A., & Rauh, C (2020), “Inequality in the impact of the coronavirus shock: evidence from real time surveys”, *Journal of Public Economics* 189, ID.104245.
79. BRAC (2020), “Bangladesh Rural Advancement Committee. Rapid food and income security assessment: How are BRAC International volunteers and programme participants coping with Covid-19”,
(https://covid19.bracinternational.nl/wp-content/uploads/2020/04/Covid-FS-Rapid-Assessment-BI_20200404.pdf.)
80. Campello, M., Kankanhalli, G., & Muthukrishnan, P. (2024), “Corporate Hiring under Covid-19: Financial Constraints and the Nature of New Jobs”, *Journal of Financial and Quantitative Analysis* 59 (4), pp. 1541-1585.
81. Carswell, G (1997), “Agricultrural intensification and rural sustainable livelihoods: a ‘think piece’”, *IDS Working* (64), pp. 1-74
82. Chambers, R. & Conway (1991), “Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century”, *IDS Discussion Paper* (296), pp .1-29.
83. Charmes, Jacques (2019), *The Unpaid Care Work and the Labour Market. An analysis of time use data based on the latest World Compilation of Time-use Surveys*, Geneva: International Labour Office.
84. Coibion, O., Gorodnichenko, Y., & Weber, M. (2020), “Labor markets during the Covid-19 crisis : A preliminary view”, *National Bureau of Economic Research* (27017), pp. 1-15.
85. Collins, Caitlyn, Liana Christin Landivar, Leah Ruppanner, and William J Scarborough (2021), “Covid-19 and the Gender Gap in Work Hours”, *Gender, Work, and Organization* 28, (S1), pp. 101-112.
86. Costa Dias, M., Joyce, R., Postel Vinay, F., & Xu, X. (2020), “Job vacancies during the Covid-19 pandemic”, *Fiscal Studies* 41 (2), pp. 371-382.

87. Dang Thi Kim Phung (2007), *Rural livelihoods in the buffer zone of LoGo-Xa Mat National Park and their impacts on local forest biodiversity*, International Master Programme at the Swedish Biodiversity Centre.
88. David Adam (2022), “15 million people have died in the pandemic, Who says”, *Nature* 605 (7909), p. 206.
89. DFID (1999), *Sustainable livelihoods guidance sheets*, London.
90. DFID (2001), *Sustainable livelihoods guidance sheets*, London.
91. DFID (1999), “Sustainable Livelihoods Guidance Sheets”, London.
92. Doreen S. Nakiyimba (2014), “Poverty reduction and sustainability of rural livelihoods through microfinance institutions”, A case of BRAC Microfinance, Kakondo sub-county Rakai district Uganda, Bachelor’s thesis, School of social studies.
93. Ellis F (2000), *Rural livelihoods and Diversity in Developing countries*, Oxford University Press, Oxford.
94. FAO (2020), “*Gendered impacts of Covid-19 and equitable policy responses in agriculture, food security and nutrition*”, Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United States.
95. Farayibi, A., & Asongu, S (2020), “The economic consequences of the Covid-19 pandemic in Nigeria”, *European Xtramile Centre of African Studies*, WP/20/042.
96. Fernandes, N (2020), *Economic Effects of Coronavirus Outbreak (Covid-19) on the World Economy*, Working Paper, SSRN Electronic Journal, IESE Business School.
97. Fichter, J.H (1957), *Sociology of Religion*, Commonweal 66.
98. General Statistics Office (2020), *Report on the Impact of Covid-19 Epidemic on Labor and Employment in Vietnam*, GSO, Ha Noi.
99. General Statistics Office of Vietnam (2020), *Press Release Labor and Employment Situation in Quarter II and the First 6 Months of 2020*, GSO, Ha Noi.

100. Genoni, M. E., Khan, A. I., Nandini, K., Nethra, P., & Wameq, R. (2020), *Losing livelihoods: The labour market impacts of Covid-19 in Bangladesh*, The World Bank, Washington, DC.
101. Guo F., Huang Y., Wang J., & Wang X (2022), “The informal economy at times of Covid-19 pandemic”, *China Economic Review* (71), ID.101722.
102. Hanif MA, Roy RM, Bari MS, Ray PC, Rahman MS, Hasan MF (2018), “Livelihood Improvements Through Agroforestry: Evidence from Northern Bangladesh”, *Small-scale Forestry* 17 (4), pp. 505-522.
103. Hahn M B, Riederer A M & Foster S O (2009), “The livelihood Vulnerability Index: A pragmatic approach to assessing risks from climate variability and change - A case study in Mozambique”, *Global Environmental Change* 19 (1), pp. 74-88.
104. Hao S. (2020), “Risk Reduction for Informal Workers: Must Start With Labor Policy”, *Opinion article* 8, <https://baodantoc.vn/giam-rui-ro-cho-lao-dong-phi-chinh-thuc-phai-bat-dau-tu-chinh-sach-ve-lao-dong-1586875740402.htm>.
105. Haque M.R., Khan M.M.A., Rahman M.M., Rahman M.S., & Begum S.A (2022), “Mental health status of informal waste workers during the Covid-19 pandemic in Bangladesh”, *PLoS ONE* 17(1): e0262141, pp. 1-18.
106. Harvey J. (2022), “Covid-19’s Toll on the World’s Informal Workers”, *New Labor Forum* 31 (1), pp. 60-68.
107. Heyuan You and Xiaoling Zhang (2017), “Sustainable livelihoods and rural sustainability in China: Ecologically secure, economically efficient or socially equitable”, *Resources, Conservation and Recycling* (120), pp. 1-13.
108. ILO (2020), *The impact of the Covid-19 pandemic on jobs and incomes in G20 economies*, Joint report, International Labour Organization, Switzerland.
109. ILO (2020a), *International Labour Organization. As Job Losses Escalate, Nearly Half of Global Workforce at Risk of Losing Livelihoods*, Joint report, International Labour Organization, Switzerland.
110. ILO (2020b), *Covid-19 Crisis and the Informal Economy*, Policy Brief , International Labour Organization, Switzerland.

111. ILO (2021b), *Covid-19 and the world of work*, Joint report, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
112. ILO (2021), *Monitor: Covid-19 and the world of work. Seventh edition Updated estimates and analysis*, Joint report, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
113. International Labour Office (2018a), *Women and Men in the Informal Economy: A Statistical Picture (Third Edition)*, Policy Brief, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
114. International Labour Office (2018b), *Care work and care jobs for the future of decent work*, Policy Brief, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
115. International Labour Office (2020a), *Covid-19 and the world of work: Updated analysis and estimates*, Policy Brief, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
116. International Labour Office (2020b), *Covid-19 and the world of work: Impact and policy responses*, Policy Brief, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
117. International Labour Office (2020c), *Covid-19 and the world of work: Updated analysis and estimates*, Policy Brief, International Labour Organization, Geneva, Switzerland.
118. International Labour Organization (2020), “The Time Has Come to Prove that Vietnam Excels in Dealing With Economic Challenges as Well”, (https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/comments-and-analysis/WCMS_741637/lang-vi/index.htm).
119. Islam R. (2020), *The Impact of Covid-19 on Employment in Bangladesh: Pathway to an Inclusive and Sustainable Recovery*, Working PaperD, Bangladesh Institute of Labour Studies.
120. J Clin Epidemiol (1988), “Rationale and design of a randomized clinical trial on prevention of stroke in isolated systolic hypertension”, *Journal of Clinical Epidemiology* 41 (12), pp. 1197-1208.

121. Johns Hopkins Medicine (2020). What Is Coronavirus?, (<https://www.hopkinsmedicine.org/health/conditions-and-diseases/coronavirus>).
122. Kamruzzaman, M. (2020), “Coronavirus: Poor income drops 80% in Bangladesh”, *Anadolu Agency*, (<https://www.aa.com.tr/en/asia-pacific/coronavirus-poor-income-drops-80-in-bangladesh/1808837>).
123. Kansiime M. K., Tambo J. A., Mugambi I., Bundi M., Kara A., & Owuor C. (2021), “Covid-19 implications on household income and food security in Kenya and Uganda: Findings from a rapid assessment”, *World Development* 137, DOI: 10.1016/j.worlddev.2020.105199.
124. Kartseva, M. A., & Kuznetsova, P. O. (2020), “The economic consequences of the coronavirus pandemic: which groups will suffer more in terms of loss of employment and income?”, *Population and Economics* (4), pp. 26.
125. Khondaker Golam Moazzem., Taslima Taznur (2021), *Impact of the COVID-19 on the Labour Market: Policy Proposal for Trade Union on Employment, Gender and Social Security for Sustainable Recovery*, Policy report, Centre for Policy Dialogue, Bangladesh Institute of Labour Studies, Bangladesh.
126. Kollmair M, Gamper St. (2002), *The Sustainable Livelihoods Approach*, Input Paper for the Integrated Training Course of NCCR North-South Aeschiried, Development Study Group, University of Zurich (IP6).
127. Komin W., Thepparp R., Subsing B., & Engstrom D. (2020), “Covid-19 and its impact on informal sector workers: A case study of Thailand”, *Asia Pacific Journal of Social Work and Development*, 31 (1), pp. 1-9.
128. Lamichhane. K. (2010), *Sustainable livelihoods approach in assessment of vulnerability to the impacts of climate change: A study of Chhekampar VCD, Gorkha District of Nepal*, Mukesh Kumar Chhetri.
129. Lazarus, R.S., and S. Folkman (1984), *Stress, Appraisal, and Coping*: Springer Publishing Company.
130. Leka, B. (2020), “An overview of the pandemic impact in the economy of Albania”, *Romanian Economic Journal*, 23 (78), pp. 2-12.

131. Leyva, G., & Urrutia, C. (2020), *Informal Labor Markets in Times of Pandemic: Evidence for Latin America and Policy Options*, Unpublished Manuscript, ITAM.
132. Linh H (2022), "The Covid-19 pandemic caused the income of many Vietnamese households to decrease by 70%", *Tạp chí Tài chính* (<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/dich-covid19-khien-thu-nhap-cua-nhieu-ho-gia-dinh-viet-nam-giam-toi-70-325853.html>).
133. Lindenbergh, M. (2002), "Measuring Household Livelihood Security at the family and Community Level in the Developing World", *World Development* 30 (2), pp. 301-318.
134. Madgavkar, Anu, Olivia White, Mekala Krishnan, Deepa Mahajan, and Xavier Azcue (2020), *Covid-19 and gender equality: Countering the regressive effects*, McKinsey Global Institute, USA.
135. Mahmud M., & Riley E. (2020), "Household response to an extreme shock: Evidence on the immediate impact of the Covid-19 lockdown on economic outcomes and well-being in rural Uganda", *World Development* (140), pp. 1-7.
136. Merton, Robert K. (1938) "Social Structure and Anomie." *American Sociological Review* 3 (5), pp. 672-682.
137. Merton, R.K. (1968), *Social Theory and Social Structure*, The Free Press, New York.
138. Mohammad Imran Hossain (2021), "Covid-19 Impacts on Employment and Livelihood of Marginal People in Bangladesh: Lessons Learned and Way Forward", *South Asian Survey* 28 (1), pp. 57-71.
139. Gordon Marshall (1998), *A Dictionary of Sociology*, Oxford University Press, New York, p. 329.
140. Mujeri, M. K. (2020), "Informal economy and economic inclusion", *The Daily Star* (<https://www.thedailystar.net/supplements/29th-anniversary-supplements/digitisation-and-inclusivity-taking-everyone-long/news/informal-economy-and-economic-inclusion-1869601>)
141. Narula R. (2020), "Policy opportunities and challenges from the Covid-19 pandemic for economies with large informal sectors", *Journal of International Business Policy* (3), pp. 302-310.

142. Nguyen D (2020), “Vietnam experiences highest unemployment for a decade due to Covid-19”, *Vietnam Insider* (<https://vietnaminsider.vn/vietnam-experiences-highest-unemployment-for-a-decade-due-to-covid-19/>).
- OAS (2020), *Organization of American States. Covid-19: The suffering and Resilience of LGBT Persons Must Be Visible and Inform The Actions of States*, Press release. OAS, USA.
143. Onyekwena, C., & Ekeruche, M. A. (2020), *Understanding the impact of the Covid-19 outbreak on the Nigerian economy*, The Brookings Institution, Nigeria (<https://www.brookings.edu/blog/africa-in-focus/2020/04/08/understanding-the-impact-of-the-covid-19-outbreak-on-the-nigerian-economy/>).
144. Philipp Korom (2015), “Network Analysis, History”, *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences* (16), pp. 524-531.
145. Pramod K. Singh*, B.N. Hiremath. (2010), “Sustainable livelihood security index in a developing country: A tool for development planning”, *Ecological Indicators* (10), pp. 44-2-451.
146. Rabindran, and Darshini Madanagopal (2020), "Piaget's Theory and Stages of Cognitive Development- An Overview." *Scholars Journal of Applied Medical Sciences* 8 (9), pp. 2152-2157.
147. Rahman, H. Z., & Matin, I. (2020), *Livelihoods, coping, and support during Covid-19 crisis*, Dhaka, BRAC Institute of Governance and Development, Bangladesh.
148. Rodríguez-Caballero, C. V., & Vera-Valdés, J. E (2020), “Long-lasting economic effects of pandemics: Evidence on growth and unemployment”, *Econometrics*, 8 (3), pp. 37, DOI: 10.3390/econometrics8030037.
149. Saijad, H., Nasreen, I. (2016), “Assessing farm-level agricultural sustainability using site-specific indicators and sustainable livelihood security index: Evidence from Vaishali district”, *Community Development* 47 (5), pp. 602-619.
150. Sakamoto, M., Begum, S., Ahmed, T. (2020), “Vulnerabilities to Covid-19 in Bangladesh and a reconsideration of sustainable development goals”, *Sustainability* 12 (13), pp. 1-15, DOI: 10.3390/su12135296.

151. Scoones, I. (1998), *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*, Working Paper 72, Institute of Development Studies, Brighton, UK.
152. S., Huda, A., Mahmud, P., Reza, M., & Imran, M (2020), *Impact of Covid-19 on Low-income Professions*, Innovision Consulting, Bangladesh.
153. Shanta Paudel Khatiwada, Wei Deng, Bikash Paudel, Janak Raj Khatiwada, Jifei Zhang and Yi Su (2017), “Household Livelihood Strategies and Implication for Poverty Reduction in Rural Areas of Central Nepal”, *Sustainability* 9 (4), pp. 1-20, DOI: 10.3390/su9040612.
154. Stoop N., Desbureaux S., Kaota A., Lunanga E., & Verpoorten M (2020), “Covid-19 vs. Ebola: Impact on households and small businesses in North Kivu, Democratic Republic of Congo”, *World Development* (140), pp. 1-11, DOI: 10.1016/j.worlddev.2020.105352.
155. Sue Enfield (2021), *Covid-19 impact on employment and skills for the labour market*, Helpdesk Report, Institute of Development Studies, Brighton, UK.
156. Suresh Kumar, A Raizada & H. Bismas (2014), “Prioritising development planning in the Indian semi-arid Deccan using sustainable livelihood security index approach”, *International Journal of Sustainable Development & World Ecology* 21 (4), pp. 332-345.
157. UN Human Rights (2020), *Covid-19 and the Human Rights of LGBTI People*, Office of the High Commissioner for Human Rights.
158. Wedgwood, Hensleigh (1955), “On False Etymologies”, *Transactions of the Philological Society* (6), p. 68.
159. World Bank (2020a), *Bangladesh Must Ramp Up Covid-19 Action to Protect its People, Revive Economy*, World Bank, Washington, D.C.
160. World Bank (2020b), *Losing livelihoods: The labour market impacts of COVID-19 in Bangladesh*, World Bank, Washington, D.C.
161. Wren-Lewis, S. (2020), “The economic effects of a pandemic”, *Economics in the Time of Covid-19*, CEPR, pp. 109-112.
162. Zambrano, A., Montoya, D., Alvarez, A., & Zuleta, H. (2021), *The Role of the Informal Sector in the COVID Crisis: A Cushion or an Amplifier?*, Universidad de los Andes, Colombia.

163. Zhang, D., Hu, M., & Ji, Q. (2020), "Financial markets under the global pandemic of Covid-19", *Finance Research Letters* (36), DOI: 10.1016/j.frl.2020.101528.
164. Zollmann J., Ng'weno A., Gachoka A., & Wanjai C. (2020), *When Hustling Fails: The Impact of Coronavirus Mitigation Efforts on Ordinary People's Livelihoods*, BFA Global Financial Diaries, Kenya.
165. Lazarus, R.S., and S. Folkman (1984), *Stress, Appraisal, and Coping*, Springer Publishing Company, New York.
166. Rabindran, and Darshini Madanagopal (2020), "Piaget's Theory and Stages of Cognitive Development- An Overview." *Scholars Journal of Applied Medical Sciences* 8 (9), pp. 2152-2157.

PHỤ LỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN - ĐHQGHN
KHOA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Chào ông/bà!

Tôi đang thực hiện khảo sát nhằm thực hiện Luận án Tiến sĩ với đề tài: ***“Sinh kế của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức trong đại dịch Covid-19”***. Xin ông/bà vui lòng trả lời khách quan, trung thực vào các câu hỏi dưới đây. Những thông tin mà ông/bà cung cấp chỉ nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu (ông/bà không phải điền tên vào phiếu này). Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!

Hướng dẫn trả lời: Ông/bà vui lòng ***khoanh tròn*** vào phương án trả lời phù hợp với ý kiến của ông/bà.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Ông/bà sinh năm bao nhiêu?

2. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

3. Tình trạng hôn nhân của ông/bà hiện nay?

1. Độc thân

4. Goá

2. Đã kết hôn

5. Khác (xin ghi rõ)

3. Ly thân/ly hôn

4. Trình độ học vấn của ông/bà?

1. Chưa bao giờ đi học

5. Sơ, trung cấp

2. Tiểu học

6. Cao đẳng, đại học

3. Trung học cơ sở

7. Sau đại học

4. THPT

5. Loại hình cư trú của ông/bà hiện nay?

1. KT 1

4. KT4

2. KT 2

5. Không đăng ký tạm trú (không có giấy tờ)

3. KT 3

6. Số thành viên phụ thuộc trong gia đình ông/bà? người

7. Nơi ông/bà đang ở thuộc khu vực nào?

1. Nội thành

2. Ngoại thành

8. Mức sống của gia đình ông/bà theo các mốc thời gian dưới đây như thế nào?

Mức sống	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 1/2022 đến 9/2022
1. Nghèo			
2. Cận nghèo			
3. Trung bình			
4. Khá giả			
5. Giàu			

II. NỘI DUNG

A. NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN

Câu 1: Gia đình ông/bà có ruộng đất canh tác không?

1. Có (Chuyển câu 2)
2. Không (chuyển câu 4)

Câu 2: Gia đình ông/bà sở hữu loại hình đất đai nào? (Vui lòng ghi rõ diện tích theo m²)

Loại hình đất đai	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 1/2022 đến 9/2022
1. Đất vườn			
2. Đất ruộng			
3. Đất bãi			
4. Đất đấu thầu địa phương			

Câu 3: So với trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện, diện tích các loại đất trên của gia đình ông/bà có giảm sút không?

Giai đoạn Covid-19 so với trước Covid-19:	Giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với trước Covid-19:
1. Có giảm 2. Không giảm	1. Có giảm 2. Không giảm

Câu 4: Lý do đất canh tác của gia đình ông/bà bị giảm sút so với trước khi có dịch Covid-19 là gì?

1. Do không có thu nhập trong giai đoạn Covid-19 nên bán đi lấy tiền sinh hoạt phí
2. Do mắc bệnh trong giai đoạn Covid-19 nên bán đi để lấy tiền chữa bệnh
3. Bán để trả nợ do vay mượn trong giai đoạn Covid-19
4. Do được giá thì bán
5. Do cần tiền mua sắm tài sản trong nhà
6. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 5: Ông/bà có sử dụng vốn tự nhiên này để tạo dựng sinh kế trong các mốc thời gian dưới đây không?

Sử dụng vốn tự nhiên để tạo dựng sinh kế	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tạo dựng hoàn toàn sinh kế			
2.Tạo dựng một phần sinh kế			
3.Không tạo dựng sinh kế từ vốn này			

B. NGUỒN LỰC VẬT CHẤT

Câu 6: Ông/bà sinh sống trong loại nhà ở nào theo các mốc thời gian dưới đây?

	Loại hình nhà ở	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1	Nhà tầng			
2	Nhà cấp bốn			
3	Nhà tạm			
4	Nhà chung cư			
5	Khác (ghi rõ)			

Câu 7: Loại hình sở hữu nhà ở của ông/bà biến đổi như thế nào theo các mốc thời gian dưới đây?

	Loại hình sở hữu nhà ở	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1	Nhà riêng			
2	Nhà đi thuê			
3	Ở nhờ nhà người thân			
6	Khác (ghi rõ)			

Câu 8: Ông/bà có sử dụng nhà ở để sản xuất tạo sinh kế không?

Sử dụng nhà ở để tạo dụng sinh kế	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1. Có (cụ thể nghề gì)			
2. Không			

Câu 9: Diện tích nhà ở của ông/bà là bao nhiêu theo các mốc thời gian dưới đây?

Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
.....m2	m2	m2

Câu 10: Sau thời gian dịch bệnh Covid-19, diện tích nhà ở của gia đình ông/bà:

1. Tăng lên
2. Như cũ
3. Giảm đi

Câu 11: Nếu diện tích nhà ở của ông/bà giảm đi trong thời gian Covid-19 thì vì sao?

1. Do không có thu nhập/thu nhập giảm sút trong thời gian dịch bệnh nên phải bán nhà để trả nợ
2. Do không có thu nhập/thu nhập giảm sút trong thời gian dịch bệnh nên phải bán nhà để chữa bệnh
3. Do không có thu nhập/thu nhập giảm sút trong thời gian dịch bệnh nên phải bán nhà để đầu tư
4. Do không có thu nhập/thu nhập giảm sút trong thời gian dịch bệnh nên phải giảm diện tích nhà ở
5. Do không có thu nhập/thu nhập giảm sút trong thời gian dịch bệnh nên phải thuê nhà rẻ hơn
6. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 12: Ông/bà có các tài sản nào dưới đây (để phục vụ hoạt động sinh kế của ông/bà) theo các mốc thời gian?

Tài sản	Thời gian		
	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Xe máy			
2.Xe đạp			
3.Ô tô			
4.Xưởng sản xuất			
5.Máy móc, công cụ phục vụ sản xuất			
6.Khác (xin ghi rõ)			

Câu 13: Trong thời gian Covid-19, các tài sản dưới đây của gia đình ông/bà có bị giảm sút không?

1. Xe máy (giảm chiếc)
2. Xe đạp (giảm chiếc)
3. Ô tô (giảm chiếc)
4. Xưởng sản xuất (vui lòng ghi rõ giảm như thế nào?).....
.....
.....
5. Máy móc, công cụ phục vụ sản xuất (vui lòng ghi rõ giảm như thế nào?)
.....

Dành cho những trường hợp có tài sản GIẢM SÚT

Câu 14: Tại sao số xe máy trong gia đình ông/bà giảm sút?

1. Do không có thu nhập trong giai đoạn Covid-19 nên bán đi lấy tiền sinh hoạt phí
2. Do mắc bệnh trong giai đoạn Covid-19 nên bán đi để lấy tiền chữa bệnh
3. Do giảm sút thu nhập trong giai đoạn Covid-19 nên phải bán đi để trả nợ các khoản vay trước đó
4. Chuyển đổi công việc do ảnh hưởng của Covid-19 nên bán
5. Do cần tiền mua sắm tài sản trong nhà
6. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 15: Lý do xưởng sản xuất của gia đình ông/bà giảm sút?

1. Do không còn tiền để tiếp tục sản xuất
2. Do gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ
3. Do đứt gãy nguồn nguyên liệu đầu vào
4. Do vay mượn trong giai đoạn Covid-19 nên phải bán đi để trả nợ các khoản vay trước đó
5. Do ông/bà chuyển đổi công việc trong đại dịch Covid-19 nên không tiếp tục duy trì xưởng sản xuất nữa
6. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 16: Lý do máy móc, công cụ phục vụ sản xuất của ông/bà giảm sút?

1. Do không có thu nhập trong giai đoạn Covid-19 nên bán máy móc, công cụ phục vụ sản xuất để lấy tiền sinh hoạt
2. Do chuyển đổi công việc do ảnh hưởng của Covid-19 nên bán máy móc, công cụ phục vụ sản xuất
3. Do mắc bệnh trong giai đoạn Covid-19 nên bán đi để lấy tiền chữa bệnh
4. Do giảm sút thu nhập trong giai đoạn Covid-19 nên phải bán máy móc, công cụ phục vụ sản xuất để trả nợ các khoản vay trước đó
5. Do cần tiền mua sắm tài sản trong nhà nên bán máy móc, công cụ phục vụ sản xuất
6. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 17: Lý do các tài sản khác của gia đình ông/bà bị giảm sút?

.....

C. NGUỒN VỐN TÀI CHÍNH

Câu 18: Ông/bà có đầu tư tài chính để tạo dựng sinh kế trong các giai đoạn dưới đây không?

Đầu tư vốn tài chính để tạo dựng sinh kế	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1. Có			
2. Không			

Câu 19: So với trước đại dịch Covid-19, đầu tư tài chính để tạo lập sinh kế của ông/bà biến đổi như thế nào?

Giai đoạn Covid-19 so với trước Covid-19:	Giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với trước Covid-19:
1. Giảm đi	1. Giảm đi
2. Như cũ	2. Như cũ
3. Tăng thêm	3. Tăng thêm

Câu 20: Nếu đầu tư tài chính để tạo lập sinh kế của ông/bà có giảm sút trong đại dịch Covid-19 thì nguyên nhân vì sao?

1. Do không còn tiền
2. Do làm ăn khó khăn (không dám đầu tư)
3. Do khó vay vốn
4. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 21: Ông/bà có vay vốn để tạo lập sinh kế từ các nguồn dưới đây không? (vui lòng đánh dấu X vào các hàng ngang nếu ông/bà có vay vốn)

	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Vay ngân hàng			
2.Vay bạn bè, người thân			
3.Vay từ nguồn khác (ghi rõ)			

Nếu ông/bà CÓ VAY TIỀN từ 3 nguồn trên, vui lòng trả lời các câu dưới đây:

Câu 22: Ông/bà vui lòng so sánh mức độ dễ dàng/ khó khăn của việc vay vốn từ các nguồn so với trước đại dịch Covid-19?

	Dễ hơn	Như cũ	Khó hơn
1.Vay ngân hàng	1	2	3
2.Vay bạn bè, người thân	1	2	3
3.Vay từ nguồn khác (ghi rõ)	1	2	3

Câu 23: Tại sao ông/bà thấy khả năng vay vốn khó khăn hơn so với trước Covid-19?

1. Do không đủ điều kiện vay tiền (không đáp ứng được yêu cầu của bên cho vay)
2. Do không dám vay tiền
3. Khác (xin ghi rõ)

D. NGUỒN VỐN CON NGƯỜI

Câu 24: Ông/bà cho biết tình trạng sức khỏe thể chất của bản thân theo các mốc thời gian dưới đây?

Tình trạng sức khỏe thể chất	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tốt			
2.Bình thường			
3.Yếu			
4.Khác (ghi rõ)			

Câu 25: So với trước Covid-19, sức khỏe thể chất của ông/bà là:

1. Tốt hơn
2. Không thay đổi
3. Kém hơn

Câu 26: Nếu sức khỏe của ông/bà giảm sút hơn so với trước đại dịch Covid-19 thì nguyên nhân vì sao?

1. Do chế độ dinh dưỡng không đảm bảo (xuất phát từ điều kiện kinh tế eo hẹp do trong thời gian đại dịch thu nhập giảm sút)
2. Do việc chăm sóc sức khỏe không tốt (vì phải gắng sức để làm việc sau giai đoạn Covid-19)
3. Do lo lắng, bất an vì tác động của dịch bệnh Covid-19
4. Lý do khác (xin ghi rõ)

Câu 27: Sức khỏe tinh thần của ông/bà theo các mốc thời gian như thế nào?

Tình trạng sức khỏe thể chất	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tốt			
2.Bình thường			
3.Yếu			
4.Khác (ghi rõ)			

Câu 28: So với trước Covid-19, sức khỏe tinh thần của ông/bà là:

1. Tốt hơn
2. Không thay đổi
3. Kém hơn

Câu 29: Nếu sức khỏe tinh thần của ông/bà giảm sút hơn so với trước đại dịch Covid-19 thì nguyên nhân vì sao?

1. Do mất việc làm hoặc công việc không được như mong đợi
2. Do cảm thấy lo lắng vì thu nhập không được như giai đoạn trước dịch bệnh
3. Do sợ hãi trước tác động của dịch bệnh
4. Lý do khác (xin ghi rõ)

Câu 30: Công việc của ông/bà trước đại dịch Covid-19 có cần đến kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng không?

Công việc cần đến kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
Có			
Không			

Câu 31: Những thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng ở các mốc thời gian dưới đây so với trước đại dịch Covid-19?

Giai đoạn Covid-19 so với trước Covid-19:	Giai đoạn bình thường mới (tháng 1 - tháng 9/2022) so với trước Covid-19:
1. Tốt hơn 2. Không thay đổi 3. Kém hơn	1. Tốt hơn 2. Không thay đổi 3. Kém hơn

Câu 32: Nếu có sự thay đổi về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của ông/bà thì vì sao?

1. Do mong muốn nâng cao năng lực ứng phó trước đại dịch
2. Do thay đổi việc làm
3. Do áp lực từ giảm thu nhập/ nghỉ việc luân phiên
4. Lý do khác (xin ghi rõ)

Câu 33: Ông/bà có sử dụng vốn con người để tạo lập sinh kế trong các giai đoạn dưới đây không?

Sử dụng vốn con người để tạo dựng sinh kế	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1. Sức khỏe thể chất			
2. Sức khỏe tinh thần			
3. Kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng			

E. NGUỒN VỐN XÃ HỘI

Câu 34: Mỗi quan hệ gia đình của ông/bà ở các mốc thời gian dưới đây như thế nào?

Mối quan hệ	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tốt			
2.Bình thường			
3.Không tốt			

Câu 35: Mỗi quan hệ với vợ/chồng của ông/bà ở các mốc thời gian dưới đây như thế nào?

Mối quan hệ	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tốt			
2.Bình thường			
3.Kém			

Câu 36: Ông/bà có tham gia các tổ chức đoàn thể tại nơi sinh sống không?

1. Có
2. Không

Câu 37: Nếu có, ông/bà tham gia những tổ chức nào? (vui lòng ghi rõ)

.....

Câu 38: Trong thời gian đại dịch Covid-19, ông/bà nhận được hỗ trợ nào dưới đây?

1. Hỗ trợ điều trị
2. Hỗ trợ cách ly
3. Động viên tinh thần
4. Hỗ trợ thực phẩm
5. Hỗ trợ tiền
6. Hỗ trợ thực phẩm
7. Hỗ trợ tìm việc làm
8. Hỗ trợ khác (ghi rõ):.....

Câu 39: Những hỗ trợ đó theo ông/bà là:

1. Kịp thời
2. Bình thường
3. Không kịp thời
4. Khác: xin ghi rõ:.....

F. HOẠT ĐỘNG SINH KẾ

Câu 40: Ông/bà cho biết việc làm của bản thân theo các mốc thời gian dưới đây?

Việc làm	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe động cơ khác			
2.Vận tải, kho bãi			
3.Dịch vụ lưu trú và ăn uống			
4.Làm thuê trong các hộ gia đình			
5.Khác (ghi rõ)			

Câu 41: Việc làm của ông/bà có sự thay đổi như thế nào theo các mốc thời gian dưới đây so với trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện?

Công việc	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Không thay đổi		
2.Giảm giờ làm/ngủ việc luân phiên		
3.Làm thêm giờ		
4.Mất việc		
5.Chuyển đổi công việc mới		
6.Mở rộng sản xuất/kinh doanh		
7.Khác (ghi rõ)		

Câu 42: Nếu có thay đổi công việc so với trước khi Covid-19 xuất hiện xin ông/bà cho biết lý do vì sao?

1. Do sợ lây bệnh Covid-19
2. Do công việc trước đây bị giảm thu nhập
3. Do nơi làm việc dừng hoạt động/ phá sản

4. Do công việc đó không còn phù hợp
5. Do sức khỏe giảm sút nên không thể đảm đương công việc
6. Khác (ghi rõ)

Câu 43: Ông/bà vui lòng cho biết mức độ hài lòng của ông/bà đối với công việc trong các mốc thời gian dưới đây?

Mức độ hài lòng đối với công việc	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Hài lòng			
2.Bình thường			
3.Không hài lòng			

Câu 44: Nếu mức độ hài lòng đối với công việc của ông/bà giảm đi sau giai đoạn Covid-19 thì vì sao?

1. Do thu nhập bấp bênh
2. Do thu nhập thấp
3. Do cảm giác lo lắng vì thiếu các chế độ/chính sách xã hội
4. Do không đáp ứng được yêu cầu công việc
5. Khác (xin ghi rõ)

Câu 45: Khi bị mất việc làm, ông/bà dựa vào đâu để vượt qua giai đoạn này?

1. Dựa vào tiền tiết kiệm
2. Dựa vào sự trợ giúp của gia đình
3. Dựa vào sự trợ giúp của các mối quan hệ xã hội
4. Khác (xin ghi rõ)

Câu 46: Ông/bà cho biết nguồn thu nhập chính của gia đình theo các mốc thời gian dưới đây?

Các nguồn thu nhập	Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tiền lương làm thuê			
2.Cho thuê nhà/đất			
3.Chăn nuôi/trồng trọt/đánh bắt			
4.Được hỗ trợ từ nhà nước/trợ cấp XH			
5.Nguồn hỗ trợ từ người thân/bạn bè			

6.Kinh doanh, buôn bán			
7.Khác (ghi rõ)			

Câu 47: Thu nhập trung bình hàng tháng của ông/bà theo các mốc thời gian dưới đây như thế nào? (Tính theo triệu đồng)

Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
.....triệu	triệu	triệu

Câu 48: Thu nhập của ông/bà so với trước khi xuất hiện Covid-19 là như thế nào?

Thu nhập	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tăng lên		
2.Như cũ		
3.Giảm đi		

Câu 49: Nếu có giảm sút về thu nhập trong giai đoạn Covid-19, ông/bà cho biết lý do tại sao?

1. Do bị mất việc hoặc phải tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán
2. Do mắc bệnh trong giai đoạn c19
3. Do người thân/bạn bè gặp khó khăn
4. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 50: Gia đình ông/bà có khoản tiền tích lũy nào không?

1. Có
2. Không

Câu 51: Nếu CÓ khoản tích lũy, ông/bà có bao nhiêu tiền tích lũy theo các mốc thời gian dưới đây? (Tính theo triệu đồng)

Trước Covid-19	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
.....triệu	triệu	triệu

Câu 52: Tiền tích lũy của ông/bà so với trước khi xuất hiện Covid-19 là như thế nào?

Tích lũy	Giai đoạn Covid-19	Từ 01/2022 đến 9/2022
1.Tăng lên		
2.Như cũ		
3.Giảm đi		

Câu 53: Nếu tiền tích lũy của ông/bà bị giảm đi thì vì sao?

1. Do phải sử dụng tiền tích lũy đến sử dụng cho sinh hoạt phí trong thời gian đại dịch Covid-19
2. Do sử dụng tiền tích lũy để chữa bệnh trong thời gian Covid-19
3. Do phải sử dụng tiền tích lũy để tìm việc làm mới/ mua trang thiết bị phục vụ chuyển đổi sinh kế vì tác động của đại dịch Covid-19 khiến bị mất việc
4. Lý do khác (ghi rõ):.....

Câu 54: Trong thời điểm Covid-19, ông/bà phải thực hiện biện pháp nào sau đây để duy trì cuộc sống?

1. Vay tiền người thân/bạn bè/đồng nghiệp
2. Vay tiền ngân hàng
3. Vay các tổ chức tín dụng đen
4. Giãn hạn các khoản vay
5. Rút tiền tích lũy
6. Bán đồ trang sức, đồ dùng gia đình, phương tiện đi lại
7. Bán đất, nhà, đất nông nghiệp
8. Cắt giảm chi tiêu
9. Khác (ghi rõ):.....

Xin cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà!